

CỎ THƠM



TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
NĂM THỨ 24 - SỐ 85

TẠP CHÍ VĂN HỌC CỎ THƠM

SỐ 85 - THÁNG 7, 2019

BAN ĐIỀU HÀNH

CHỦ NHIỆM:

PHAN ANH DŨNG

dathphan1@gmail.com

PHÓ CHỦ NHIỆM:

PHAN KHÂM

phanvyle@yahoo.com

TỔNG THỦ KÝ:

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH

hanhbang@hotmail.com

CỐ VẤN DANH DỰ:

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

dsenser@yahoo.com

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BẢ

<http://cothommagazine.com>

TÒA SOẠN

9020 CARDIFF RD

RICHMOND, VIRGINIA 23236 USA

TEL. (804) - 387- 8773

dathphan1@gmail.com

BAN BIÊN TẬP

Ý ANH. ĐỖ BÌNH. DIỄM CHÂU.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.

NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỒI.

PHAN KHÂM. HUY LÃM.

NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.

NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.

.PHẠM THỊ NHUNG. TRẦN BÍCH SAN.

NGUYỄN VĂN THÀNH23.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

PHONG THU. TIỂU THU.

HỒNG THỦY. TRƯƠNG ANH THỤY.

PHẠM VĂN TUẤN

ĐẠI DIỆN

DIỄM CHÂU: Spring Valley, CA

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



TẠP CHÍ CỎ THƠM SỐ 85 – THÁNG 7, 2019

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO

- 59- U TÌNH LỤC của HỒ BIỂU CHÁNH - NGUYỄN VĂN SÂM
93- CHÂN DUNG TS TRẦN BÍCH SAN – NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
99- ĐỌC SÁCH “VĂN HỌC VIỆT NAM” CỦA TRẦN BÍCH SAN - TRƯƠNG ANH THỤY
120- ALEXANDRE DUMAS - PHẠM VĂN TUẤN
141- VÀI CẢM NGHĨ VỀ THI PHẨM “NGÀY VỢ” của LÊ MỸ HOÀN – NGÔ TĂNG GIAO
147- JOHN DONNE, NHÀ THƠ ANH THẾ KỶ 17 – PHẠM TRỌNG LỆ
168- CỘNG HÒA RWANDA XÉT XỬ TỘI “DIỆT CHỦNG” - NGUYỄN VĂN THÀNH23

VĂN

- 4- VÀI LỜI CHÂN TÌNH - PHAN ANH DŨNG
12- DĨ VẮNG TÀN PHAI – TIỂU THU Canada
27- NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM TẠI HOA KỲ – Ý NGUYỄN
30- EL PERFECTO ADIÓS – PATRICIO PRON
- LỜI CHIA TAY ÊM ÁI – chuyển ngữ: TRẦN C. TRÍ
40- BALI VÀO HẠ - NGUYỄN QUÝ ĐẠI
55- NHẠC YÊU CẦU - Ý ANH
70- TÔI DẠY TIẾNG VIỆT – VÕ PHÚ
76- HOA THỊNH ĐÓN VÀ BỨC TƯỜNG ĐÁ ĐEN - NGỌC HẠNH
88- CHUYỆN TÌNH LÚC 12 GIỜ – TRỊNH BÌNH AN

- 111- PARIS NGÀY TRỞ LẠI – HỒNG THÙY
115- HOA TI-GÔN TRẮNG – CUNG THỊ LAN
129- MÁ TÔI – VUU VĂN TÂM
133- ĐỘNG ĐẤT Ở VIRGINIA – PHẠM THÀNH CHÂU
159- YÊU ĐẾN CHẾT THÌ THÔI – TT THÁI AN
178- CÙNG MỘT KIẾP NGƯỜI – DIỄM CHÂU (CÁT ĐƠN SA)

THƠ

- 10- ĐÊM DÀI - ĐĂNG NGUYỄN
11- LÂU ĐÀI THẾ KỶ - CAO NGUYỄN
26- DƯỚI GIÀN HOA GIẤY TÍM – NGÔ BÍCH LAN / UNDER THE PURPLE FLOWERS – chuyển ngữ: THANH THANH
29- MỘNG NGOÀI CỬA LỚP – KIM OANH Melbourne
39- SỚM MAI LÊN PHỐ MÂY HỒNG – TUỆ NGA
48- CƯỜI VUI ĐỂ SỐNG - THÁI HƯNG PGH
58- MÂY VỀ / SÔNG XA – Ý ANH
74- MỘT SÁNG XUÂN – VƯƠNG ĐỨC LỆ
75- CHIỀU TRÊN BẾN CŨ / CÁ CẦN – NGUYỄN VÔ CÙNG
75- NHẬT NHÒA DẤU XƯA – Đ T MINH GIANG
92- CHỈ ĐỂ YÊU NGƯỜI – TRƯỜNG ĐÌNH
110- DUYÊN BÚT TÌNH THƠ / CHÚT TÌNH TRẮNG RƠI – HOA VẪN

113- THỜI GIAN – MỊCH LA PHONG / ĐỌC
THƠ MỊCH LA PHONG NHỚ KHUẤT NGUYỄN
- NGUYỄN KINH BẮC

114- VỌNG PHU THẠCH - VƯƠNG KIẾN -
Bản dịch: HÒN VỌNG PHU - TRẦN QUỐC
BẢO Richmond VA

114- KHI CUỘC TÌNH LÊN NGÔI – PHAN
KHÂM

128- LUNG LINH - VƯƠNG THANH

130- QUÊ HƯƠNG NGÀY HÈ - LÝ HIẾU

131- MÂY VẪN CÒN BAY - HẠ THÁI TRẦN
QUỐC PHIỆT

132- SÁNG MƯA – ĐINH CƯỜNG

140 - THÍNH VŨ – NGUYỄN TRÃI ỨC TRAI /
Bản dịch: NGHE MƯA – TRẦN QUỐC BẢO

158 – THE VIOLET – JANE TAYLOR /
Chuyển ngữ : CÂY HOA TÍM – TM NGÔ
TĂNG GIAO

177- MIỀN TRÀM HƯƠNG – TUỆ NGÀ

177- ĐÁ BUỒN DALAT – BÙI THANH TIÊN

186- TƠ TÌNH VƯƠNG VẤN – QUỲNH ANH

NHẠC

11 - SEA OF BLACK – TRÚC HỒ

82- MƯA ĐÊM VÀ DÒNG NHẠC CỦA HUYỀN
LINH – PHAN ANH DŨNG

HỘI HỌA, NHIEP ẢNH

BÌA TRƯỚC/SAU: BÌNH HOA / NGÀY ẤY –
THANH TRÍ Sacramento

146- TẶNG NHAU - Thư họa: VŨ HỐI
Thơ: NT NGỌC DUNG

167- TƠ ĐÀN - thư họa: VĂN TẤN PHƯỚC –
thơ: VƯƠNG THANH

129- THIẾU NỮ & HOA QUỲNH – NGUYỄN
SƠN Germany

SINH HOẠT

49- CỎ THƠM HỌP MẶT KỶ NIỆM 24 NĂM
SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT – 23
THÁNG 6, 2019 – HARVEST MOON
RESTAURANT, FALLS CHURCH VIRGINIA

TƯỞNG NIỆM

BIÊN KHẢO GIA NGUYỄN VĂN NIỆM (1943-
2019):

* 187 – PHÂN ƯU CỦA CỎ THƠM

* 188 – KIẾP MỘNG ĐỜI - TRƯỜNG ĐÌNH

* 189 – SỬ MỆNH VIỆT QUA CA DAO –
NGUYỄN VĂN NIỆM

GIỚI THIỆU SÁCH

146- NHỮNG KỶ NIỆM ĐẸP – Tuyển tập bút
ký của NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

199- AUTUMN WOODS / RỪNG THU – Tập
thơ song ngữ: NGÔ TĂNG GIAO

199- MAI RỤNG TƠI BỜ 1975 – Tuyển tập
truyện ngắn của TT THÁI AN

199- ĐUÔI BÓNG HOÀNG HÔN – Tập tiểu
luyện của TRƯƠNG VŨ

199- PASSAGE OF LIGHT – Tập ảnh nghệ
thuật của LÊ ĐỨC TẾ, TRẦN QUANG HƯNG
và VŨ CÔNG HIỂN



VÀI LỜI CHÂN TÌNH

Thưa quý mạnh thường quân, độc giả
và quý văn, thi, họa, nhạc sĩ, biên khảo gia, nhiếp ảnh gia của Cỏ Thơm,

- Cỏ Thơm đã tổ chức một buổi họp mặt vui vẻ, đáng nhớ vào trưa ngày 23 tháng 6 2019 ở nhà hàng Harvest Moon, Falls Church Virginia để mừng Cothom Foundation hoạt động vô vụ lợi liên tục được 24 năm. Chân thành cảm tạ 200 quan khách đã bỏ thì giờ quý báu đến chia sẻ niềm vui với chúng tôi (trang 49).
- Hôm nay, thể theo lời yêu cầu của nhà biên khảo Trần Bích San, chúng tôi xin thông báo đến quý vị là anh không thể tiếp tục với chức vụ Chủ Bút và Đại diện Cỏ Thơm ở Louisiana. Lý do là vì sức khỏe của anh không được khả quan từ nửa năm nay! Ban Điều Hành rất buồn nhưng không biết nói sao hơn là mong anh Trần Bích San sớm phục hồi sức khỏe. **CẢM ƠN ANH ĐÃ GẮN BÓ CỘNG TÁC VÀ LUÔN GIÚP Ý KIẾN QUÝ BÁU CHO CỎ THƠM 24 NĂM QUA.**
- Tạp chí Cỏ Thơm số **85** hân hạnh gửi đến quý vị khá nhiều bài vở từ khắp nơi. Thành thật xin lỗi một số bài vở phải dời lại đến số sau. Chúc mừng 2 nhà văn Ngọc Hạnh và Võ Phú ở Virginia được vào chung kết giải “Viết Về Nước Mỹ” năm 2019 của Việt Báo Daily News, California. Mời xem 2 bài viết được chọn: “Hoa Thịnh Đốn và Bức Tường Đá Đen - Ngọc Hạnh”, trang 76 và “Tôi Dạy Tiếng Việt – Võ Phú”, trang 70.
- Xin giới thiệu đến quý vị một số sách vừa mới xuất bản:
“Những Kỷ Niệm Đẹp” - tập bút ký của Nguyễn Thị Ngọc Dung do Cỏ Thơm phổ biến online (trang 146) / “Rừng Thu - Autumn Woods”, tập thơ song ngữ của nhà thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao; “Mai Rụng Tơi Bời”, tập truyện ngắn của nhà văn TT Thái An; “Đuổi Bóng Hoàng Hôn”, tập tiểu luận của nhà văn/họa sĩ Trương Vũ; “Passage of Light”, tập ảnh nghệ thuật của 3 nhiếp ảnh gia: Lê Đức Tế, Trần Quang Hưng và Vũ Công Hiến (trang 199).
- Cỏ Thơm thành thật chia buồn với tang quyến của nhà biên khảo Nguyễn Văn Nhiệm - vừa qua đời ngày 4 tháng 7 năm 2019 tại thành phố Spaichingen, Cộng Hòa Liên Bang Đức, hưởng thọ 77 tuổi (trang 187). Ông là một thành viên trong Ban Biên Tập của Cỏ Thơm và là tác giả của tập sách giá trị “Ca Dao, Con Đường Văn Hóa Việt”, xuất bản năm 2013.

Thân chúc quý vị mùa Hè vui tươi, nhiều sức khỏe và hạnh phúc.

PHAN ANH DŨNG - Richmond, Virginia USA

TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC

*** NGUYỄN THÙY ***

Đôi ý kiến ‘khi viết về truyền thống văn hóa dân tộc’

Rất nhiều người đã và đang viết về ‘Truyền thống Văn hóa Dân tộc’. Tại hải ngoại cũng đông người âm thầm làm công việc đó dù biết rằng tác phẩm được in ra khó bán được nhiều. Đây là việc làm ‘trí thức’ khó khăn, đòi hỏi nhiều tài liệu, công phu và suy tư rất ráo. Một việc làm cần thiết không chỉ để soi sáng lại quá khứ mà còn để ‘chỉ hướng’ cho tương lai. Bao nhiêu tác phẩm đã ra đời: ‘Tình tự Dân tộc qua Ca dao, Dân ca’ của Võ Thủ Tịnh, ‘Luận cương về Văn hóa Việt Nam’ của Vũ Kỳ, ‘Đạo Sống Việt’ của Tử sách Việt Thường (do nhiều tác giả, xuất bản tại Houston-Texas năm 2000), ‘Vấn đề Văn hóa Việt Nam’ của Hoài Nguyên và Đinh Khang Hoạt (Hoa Kỳ 1994) và bao bao nữa, tiếc rằng chúng tôi không nhớ hết. Bao nhiêu tên tuổi đã từng được quen biết hay mới xuất hiện gần đây như ‘Thái Văn Kiểm, Võ Thủ Tịnh, Vũ Kỳ, Duy Khang Đinh Khang Hoạt, Đào Văn Dương, Huệ Tâm, Vĩnh Như (Lữ Tấn Hồng), Lý Đại Nguyên,... Không chỉ riêng tác phẩm được in ấn mà còn báo chí, tập san như tạp chí ‘Tư Tưởng’ tại Úc,... cùng nhiều bài trên Internet. Qua những tác phẩm và tác giả đó, ta thấy ‘Truyền

SỐ 85

thống Văn hóa Dân tộc’ luôn luôn sống động nơi lòng người dù đang lận đận tha hương, dù đang tuổi đời chông chênh, dù phải long đong cho mưu sinh thường nhật. Thật đáng quý hóa, đáng ca ngợi, đáng khâm phục và cần ủng hộ, tiếp sức cho những công trình ‘vì nước, vì dân’ cao quý đó.

Nơi đây, chúng tôi, đứng vào vị trí người bình dân và lớp trẻ hiện nay, xin góp đôi ý kiến để việc ‘biên khảo về Truyền thống Văn hóa Dân tộc’ đáp ứng được tâm lý của giới trẻ cùng yêu cầu của cuộc sống lớp trẻ này nơi hải ngoại.

Viết về ‘Truyền thống Văn hóa Dân tộc’, không chỉ để ‘nhắc’ lại những gì xưa cũ với ít nhiều tán tụng mà còn phải ‘mở rộng’ những tinh hoa trong Truyền thống đó. Truyền thống không thể chỉ được xem là những gì ta đã tiếp thu và có nhiệm vụ truyền đạt lại. Như thế cũng tốt nhưng nếu chỉ chừng đó thì lớp trẻ, nếu có đọc, chỉ biết ‘quá khứ’ chứ không thấy truyền thống đó ứng dụng được gì vào hiện tại và tương lai. Những tác phẩm ca tụng, đề cao tinh hoa của truyền thống thì lớp trẻ có ‘tự hào’ về truyền thống cũng sẽ bảo rằng ‘Vâng, thật đáng quý nhưng

cũng là quá khứ rồi'. Cái cần thiết của lớp trẻ là cuộc sống của chúng bây giờ và trong những ngày tới. Vì thế, ta cần 'đổi chiều suy nghĩ'. Nêu lại Truyền thống không chỉ để 'biết' mà còn để 'dùng', có nghĩa phải 'tái tạo' lại ý nghĩa của Truyền thống để vừa thoát ra tâm lý 'thủ cựu, bảo thủ' vừa 'mở rộng, phát huy' Truyền thống thích hợp với diễn tiến lịch sử trong dòng tiến hóa chung của nhân loại. Có thể, giới trẻ mới thấy Truyền thống có tác dụng đến tâm tư và cuộc sống của chúng, đồng thời tin tưởng vào hướng tiến của dân tộc và ta sẽ không phải đau buồn 'lên án' giới trẻ hiện nay là 'quên gốc, quên nguồn'. Truyền thống Văn hóa một Dân tộc là những 'tiếng lời' không chỉ 'đã nói' (parole parlée) mà 'đang nói' (parole parlante), mãi mãi 'đang nói' qua từng thế hệ. Gạn lọc trong Truyền thống những gì được xem là 'muôn đời' ứng hợp với cuộc sống, cuộc đời và loại bỏ những gì chỉ thích hợp với từng giai đoạn đã qua. Trong chiều hướng đó, mỗi khi viết về Văn hóa Việt Nam, ta nên luôn luôn mở rộng để đưa người đọc trầm tư về truyền thống trong những giai đoạn đã qua không chỉ để 'biết' mà để thấy rằng 'phát huy truyền' đó là điều cần thiết không chỉ để ứng xử trong cuộc sống bây giờ mà còn là hướng đi, hướng tiến của cả dân tộc ta bây giờ và mai này phù hợp với hướng tiến tất yếu của nhân loại'. Chúng tôi quan niệm 'Truyền thống là những

thảm cỏ xanh trên nền mộ cổ'. Những 'thảm cỏ xanh' từ những nắm mồ vươn lên, xanh mãi với thời gian, biểu hiện sức sống tiềm tàng cho những lớp người kế tiếp. Viết về Truyền thống không chỉ đơn thuần làm công việc 'khảo cổ' mà còn là 'cải tân' (renouveler) truyền thống, 'tái tạo' (recréer) ý nghĩa của truyền thống phù hợp với vận hành lịch sử bây giờ và ngày tới. Tóm lại, 'phải tìm ra nơi Truyền thống những 'mật hiệu', những 'Tín hiệu di truyền' (code génétique) của dân tộc trong cái 'Tín hiệu di truyền' căn bản, căn cơ của chủng loại người. Nói thế, sẽ có thể bảo là những 'xác quyết vô bằng', thiếu luận chứng. Xin nêu minh chứng.

Khi nói 'Hướng vọng về Nguồn' nơi tâm lý người Việt và nơi thi ca Việt Nam, ta không chỉ giới hạn cái 'Nguồn' đó là 'Quốc Tổ Hùng Vương', là 'buổi đầu dựng nước' hay là Tổ Quốc, Quê Hương mà mở rộng cái 'Nguồn' đó là 'Cội Nguồn' (Origine) của cả con người và vũ trụ. Và chỉ riêng Dân tộc Việt Nam mới tiềm tàng cái ý hướng Về Nguồn đó sâu sắc và thường hằng hơn một số dân tộc khác bởi lẽ Lịch sử Nó, bởi dòng Sử mệnh của Nó. 'Trở về với Cội Nguồn' chính là 'hướng đến Tương lai' vì 'Cội Nguồn luôn dịch chuyển về Tương lai', cái 'Khởi nguyên trở về trong cái Chung cục'. Có như thế ta mới dung hợp được quan điểm 'Ta là

Alpha và Oméga, là đầu và là rốt' của Thánh Kinh Ky-Tô-giáo cùng với lời Phật 'Hồi đầu thị ngạn'. Ta cũng dung hợp được với quan điểm của Khoa học ngày nay đang truy tầm 'Cội Nguồn' vũ trụ và nhân sinh, đang đi tìm một 'Lý thuyết nhất thống toàn triệť' (Théorie complète unifiée, Théorie du Tout) hầu giải thích được toàn diện mọi diễn biến của vũ trụ và nhân sinh. Mở rộng như thế, giới trẻ sẽ thấy rằng dân tộc ta đã mang sẵn những gì mà hai Tôn giáo lớn trên thế giới đã đề cập và Khoa học cũng đang trên đường đó vì 'khuyňh hướng chung của Toán học, Khoa học là phá vỡ dần mọi qui ước để tiến tới khám phá cho kỳ được cái không còn có thể qui ước, cái thoát ra khỏi mọi qui ước, cái không còn cần đến qui ước tức Cội Nguồn, cái Thể thống nhất ban sơ, nền tảng, nguồn gốc của cõi sắc giới, cõi hiện tượng qui ước'.

Khi đề cao 'Tình Nghĩa' nơi Văn hóa Việt Nam, nói về sự sống chung của cha mẹ già với con cái, ta cần mở rộng để thấy rằng điều đó không chỉ để biểu hiện sự 'đoàn kết gia tộc' mà còn là điều cần thiết, tiết kiệm được bao nhiêu tiền nong cho gia đình, cho con cái. Người Tây phương không phải vì thiếu tình người, thiếu lòng hiếu thảo nhưng vì tính cách 'hợp lý hóa trong tổ chức xã hội' (société rationalisée, standardisée) nên dự phòng những bất

trắc xảy ra về sức khỏe, về tai nạn cho người già. Xã hội Tây phương ngại rằng để cha mẹ già yếu ở nhà một mình (vì con cái đều đi học, đi làm), rủi ro cha mẹ bệnh bất ngờ phải chết hoặc có kẻ lậ vào cướp của, giết người, lấy ai giúp đỡ, chở che. Trong trường hợp đó con cái phải chịu trách nhiệm trước luật pháp. Nếu con cái muốn 'nuôi' cha mẹ già tại nhà thì phải mướn người thường xuyên chăm sóc. Do đó, tiện lợi nhất là gởi cha mẹ vào nhà Dưỡng lão và hàng tháng con cái gởi ít tiền vào Nhà Dưỡng lão hay một cơ sở Nhà nước hay tư nhân nào đó, hoặc chẳng cần phải gởi vì cha mẹ già đã có tiền hưu trí hoặc tiền trợ cấp già nua của An sinh xã hội. Con cái không còn phải lo lắng nữa vì đã có nhà Dưỡng lão chăm sóc cha mẹ mình rồi nên dành thì giờ cho vui chơi, hưởng lạc theo Tự do cá nhân của mình. Lòng hiếu thảo dần dần phai nhạt. Cha mẹ già nơi nhà Dưỡng lão chẳng mấy vui, hiu hắt buồn vì cô đơn, có thể phải mắc bao chứng bệnh tâm thần. Tiện lợi lắm nhưng 'tình người' mất biến vì không còn trực tiếp giữa 'người và người' mà thông qua tổ chức, nhiều khi lạnh lùng vì người làm tại Viện dưỡng lão cũng theo 'giờ công, ngày công' như những công chức trong các cơ quan khác. 'Cha mẹ già sống chung với con cái', điều này không riêng để tình thương và đạo đức được duy trì mà còn có lợi vì con cái khỏi

phải mượn người chăm nom, khỏi phải gởi tiền vào Viện Dưỡng lão và căn nhà được ấm cúng, không phải lạnh vắng, hoang liêu trong những ngày cuối tuần, con cái du ngoạn hay tìm vui theo sở thích nơi xa. Tuy có thể có nhiều bức bối vì cha mẹ già lắm cảm, khó tính nhưng biết ‘chịu đựng cho nhau’ là biểu hiện cao quý của tình yêu thương. Gia đình Việt Nam bao giờ cũng có người ở nhà, do đó xã hội Việt Nam ít có những trường hợp kẻ cướp xông vào nhà cướp của, giết người một khi mọi quý kim hay tiền bạc được gởi vào nhà băng hay đầu tư vào các cơ sở kỹ nghệ, doanh thương. Xã hội Việt Nam trước nay cũng rất ít trường hợp ‘bắt cóc người để tống tiền’ như xã hội Tây phương ngày nay do sa đọa của đạo đức vì nhiều lý do. Mở rộng như thế sẽ giúp giới trẻ ngày nay thấy được phần tốt đẹp của Văn hóa Việt Nam để luôn luôn gần gũi cha mẹ, chăm sóc, tôn trọng và yêu thương cha mẹ, bớt vì ‘tiện lợi’, vì ham vui mà bỏ bê cha mẹ già, phó mặc cho nhà Dưỡng lão hay cơ quan từ thiện, đồng thời vừa tạo không khí ấm cúng cho gia đình, không làm hao tổn ngân sách xã hội vừa ngăn ngừa được bao chứng bệnh cho tuổi già. Trong tác phẩm ‘Con đường cầu tre’, hai tác giả Huy Phong và Yến Anh đã bao ân hận, dằn vò vì đã phải đưa cha già của mình vào ‘nhà già Skyline Health Care Center’ để cha phải chết trong cô đơn, hiu hắt, lạnh buồn (nhưng

biết sao hơn, nơi xứ người và trong guồng máy tổ chức của xã hội Âu Mỹ, con cái vì nghèo nàn phải nai lưng kiếm cơm từng bữa). Cần nhận xét và phân tích chi ly xã hội Âu Mỹ để nhìn ra những cái hay, cái dở, từ đó nhận định được một số tinh hoa trong Truyền thống dân tộc chúng ta. Vấn đề cần thiết là phải ‘nâng cao dân trí’ không chỉ riêng ‘dân trí về mặt trí tuệ’ mà cả ‘dân trí về mặt tình cảm’.

Do sự ‘mở rộng’ đó nên, chúng tôi nghĩ mọi biên khảo về Truyền thống Văn hóa Dân tộc không chỉ là ‘biên khảo thuần túy giáo khoa’ mà nên là những ‘biên khảo có tính cách sáng tạo’ vì cần thiết phải ‘tái tạo’ cùng ‘cải tân’ ý nghĩa của Truyền thống. Mỗi tác phẩm biên khảo, dù về mặt nào, cũng hàm chứa phần tư tưởng vì rằng ‘mọi con đường tư tưởng đều đã luôn luôn dịch chuyển bên trong mối quan hệ giữa Hằng Thể với con người, nếu không như thế thì không là tư tưởng’ (tout chemin de pensée va toujours déjà à l’intérieur de la relation de l’Être et de l’être humain - sinon ce n’est pas une pensée - M. Heidegger). Không nêu bật để giúp người đọc thấy rằng ‘sự cần thiết của Văn hóa Dân tộc Việt Nam vừa đáp ứng được yêu cầu của lịch sử dân tộc trong hiện nay và ngày tới, vừa phù hợp với hướng tiến của nhân loại’ thì mọi công trình biên khảo thường có giá trị ‘khảo cổ’, ‘giáo khoa’ để rồi than van giới trẻ ngày nay ‘suy

đòi, mất gốc' và giới trẻ lại cho rằng chúng ta là những kẻ 'thủ cựu', hoài vọng quá khứ, chẳng thiết gì tương lai của những thế hệ đàn em. Dĩ nhiên công việc này đòi hỏi rất nhiều suy tư để nhận ra những gì là 'tín hiệu muôn đời' nơi truyền thống và những gì chỉ phù hợp với từng giai đoạn lịch sử đã qua. Như thế, có nghĩa phải 'đãi lọc' để cách tân' cái cũ và làm 'sáng hiện' những gì gọi là 'tinh hoa' chứa đựng nơi truyền thống hầu ứng dụng vào thực tại hiện nay và ngày tới. Thêm nữa, cần 'nhận diện' rõ Văn hóa và xã hội các nước tiền tiến văn minh hiện nay để nhận ra những gì là 'tín hiệu muôn đời' và những gì chỉ là 'tín hiệu giai đoạn, nhất thời' do cuốn hút của thời trang. Từ đó, ta thêm dữ kiện để 'dung hợp' những tinh hoa của họ với tinh hoa của ta, đưa đến một 'nền tảng', một 'căn bản' xây dựng con người và xã hội mỗi ngày một 'nhân bản' hơn lên.

Trong tác phẩm 'Buồn xưa bây giờ', qua bài thơ 'Kontum bỗng nhớ', Thụy Khanh (tín đồ Tin Lành, tỵ nạn Cộng sản, hiện sinh sống tại Pháp) đã viết:

*...Có màu xanh thảo mộc
Trên sỏi đá hôm qua
Có bầy chim tấu khúc
Trên cỏ thụ gầy khô
.....*

*Mùa Xuân rồi sẽ tới
Nụ đời sẽ dâng hoa
Bài hành ca sông núi
Khởi từ câu hát ru.*

Tìm ra được 'màu xanh' trên 'sỏi đá hôm qua', nhìn ra được khúc vui của bầy chim trên cánh cỏ thụ gầy khô, ta mới thấy Truyền thống không là cái gì của một thời đã qua, nay chỉ còn là dư vang, là 'vang bóng một thời' mà, ngược lại, luôn luôn là nền tảng tạo nên 'sức sống', 'hy vọng', 'khí lực' để gìn giữ, nuôi dưỡng và 'tạo dựng' cho các thế hệ tiếp nối tiếp tục tạo nên những 'bài hành ca sông núi' mới giữa lúc Văn hóa dân tộc và Văn hóa thế giới nói chung đang bị tàn phá, hủy hoại bởi chế độ Cộng sản tàn ác, phi nhân.

Chúng tôi nghĩ, mỗi một tác phẩm hay viết lách gì có tính cách Văn hóa phải được xem như là một 'thông điệp' trao gởi đến mọi người, một thông điệp đầy động lòng người hướng đến một cái gì cao diệu, lung linh chứ không chỉ dừng lại ở hiện thực tâm lý, ở sở thích, ở thân phận và cuộc sống đương tại của tác giả cũng như của bạn đọc. Viết 'cho mình' là để viết cho người, cho đời; nói về 'con người mình' là để nói về 'con người chung' của tập thể dân tộc, của nhân loại. 'Con người Việt Nam cá thể nơi mình' phải hòa hợp với 'con người tổng thể Việt Nam của Dân

tộc'; cặp phạm trù 'Cá thể - Tập thể' hay rộng hơn 'Cá thể - Chung loại' (Individu - Espèce) không nên tách rời trong mọi viết lách về Văn hóa vì 'Tự tại với chính mình là tự tại một-trong-hai' (Être soi, c'est être un-en-deux - Karl Jaspers). Đây có thể là cái 'Tín hiệu di truyền' muôn đời về mặt tình cảm, tâm linh.

*Trao gởi cùng nhau tín hiệu vui
Người dù sao nữa vẫn yêu người
Bài ca truyền thống thiên niên kỷ
Sóng nhịp theo ta mỗi bước đời.*

NGUYỄN THÙY (France)



ĐÊM DÀI

*Đêm nay dài lắm đêm dài ơi!
Cái thuở bon chen đã hết rồi
Xứ lạ thời gian như cũng lạ
Bao nhiêu bè bạn đã xa khơi.*

*Nghe đêm xào xạc từng cây lá
Một tiếng chuông ngân chuyển vạn lời
Màu mắt em đen từ dạo ấy
Thời gian chiếc lá vẫn rơi rơi.*

*Ngước mắt nhìn trời, trời chẳng đổi
Gió mưa trần thế mãi trôi xuôi
Ngồi trong tĩnh lặng theo hơi thở
Quá khứ qua mau chẳng mấy hồi.*

*Ly cà phê đắng còn dang dở
Nhắm nháp cho qua những sự đời
Đêm vẫn còn khuya chưa vội sáng
Chờ nhau chờ mãi mãi dài lâu.*

Đăng Nguyên

Texas 2019

LÂU ĐÀI THỂ KỶ

(gởi những người bạn trẻ Hong Kong
đang xây dựng lâu đài dân chủ)

Tuổi trẻ xây lâu đài thể kỷ
Bằng niềm tin khát vọng tự do
Mỗi khát vọng đo bằng nhịp đập
Từ trái tim truyền đến trái tim

Lịch sử không đợi chờ đánh thức
Tự đứng lên đi tới ngày mai
Hành trình mở triệu người tiếp bước
Trên hành trình kết ước dân quyền

Hãy đến với lâu đài thể kỷ
Hòa mình vào chân lý tự do
Làm sáng đẹp ý lời tuyệt mỹ
Trong tuyên ngôn độc lập mong chờ

Hãy đi từ lâu đài thể kỷ
Với hành trang yêu quý tình người
Truyền tiếp lửa con đường dân chủ
Hạnh phúc ngời vũ trụ ngày mai

Cảm ơn nhé những người bạn trẻ
Xây lâu đài thể kỷ tuyệt vời
Bằng tâm huyết niềm tin khát vọng
Vì tự do dân chủ loài người!



CAO NGUYỄN



Mời nghe “SEA OF BLACK”
Nhạc: **Trúc Hồ** - Lời: **Hung Truong, Lala Truong, Ly Bach Truong**
<https://www.youtube.com/watch?v=gh8-kT-9uL4>

DĨ VẰNG TÀN PHAI

**** tiểu thu ****

Sáng Chúa nhật, Thư còn đang nằm nướng trên giường thì Vy, cô em họ con người chú của Thư ở Houston, gọi phone. Nàng vừa allo thì nghe giọng Vy đầy nước mắt:

- Anh Nhân mất rồi chi Thư ơi...

Nghe tin bất ngờ, Thư cũng chói vói:

- Ủa! Anh ấy mất bao giờ? Mà bệnh gì hờ Vy?

- Anh Nhân mất chiều hôm qua. Anh ấy bị nhồi máu cơ tim chị ạ. Anh Nhân bị bệnh tim lâu rồi. Chị biết không, cách đây một tháng anh ấy có phone cho em. Nói chuyện lang bang một hồi anh ấy bỗng hỏi em tin tức về chị. Em đã hỏi đùa: "Bộ anh còn yêu chị Thư phải không?". Anh Nhân chỉ im lặng không trả lời. Thôi, em cúp nhé. Em còn gọi cho vợ chồng anh Hưng em bên Denver.

Vy cúp phon rồi mà Thư vẫn còn bần thần chưa chịu gác máy. Dĩ vãng ủa về. Nhân của thuở học trò còn đông đầy mộng mị. Ngày đó Nhân đã yêu nàng thiết tha, đắm đuối. Nhân dịu dàng, tế nhị, đôn hậu. Nhưng sao trái tim Thư vẫn đập những nhịp bình thường mỗi khi gặp chàng. Không may rung động trước tấm chân tình của Nhân. Và cho tới tận giờ, mỗi lần nhớ

đến Nhân, Thư vẫn còn áy náy.

Ngày đó...

Sau khi đậu tú tài phần một, Thư cùng Ái Châu, cô bạn thân nhất lớp, khăn gói về Sài Gòn tiếp tục học thi tú tài toàn phần. Ái Châu ở nhà bà dì ruột trong cư xá Chí Hòa và Thư ở nội trú trường Thánh Tâm. Tuy có ông chú ở Sài Gòn, nhưng chú thím đông con nên Thư chọn ở nội trú tiện hơn. Thư còn nhớ như in cái hôm nàng và Ái Châu xuống tới phi trường Tân Sơn Nhất. Xe bus chờ hành khách về trạm Hàng Không trên đường Phạm Ngũ Lão. Sau khi lấy hành lý, Ái Châu được bà dì ra tận nơi đón về nhà. Hưng, con trai chú Kiên lãnh nhiệm vụ ra đón Thư. Hưng hơn Thư một tuổi, năm nay sẽ lên Đại Học. Nó chọn Văn Khoa vì yêu văn chương thi phú. Mới hai năm không gặp mà anh chàng trông cao hơn và đẹp trai hẳn ra. Nhưng Thư càng ngạc nhiên hơn khi Hưng xách hành lý ra chỗ đậu xe. Người thanh niên đang đứng cạnh chiếc Coccinelle màu vàng nhạt thấy hai chị em, vội vàng đi tới xách bớt dùm hành lý. Hưng giới thiệu:

- Anh Nhân là con dì Hai em. Bữa nay em phải nhờ xe anh ấy để ra đón chị Thư đó. Anh Nhân em quản lý một hãng nước ngọt trong Chợ Lớn.

- Chào cô Thư. Tôi nghe các em nhắc cô hoài, hôm nay mới gặp.

Thư không biết nói gì, chỉ lí nhí :

- Chào anh Nhân. Thư làm phiền anh quá.

- Được gặp Thư tôi vui lắm. Không phiền tí nào. Nói xong Nhân cười, lộ hàm răng trắng đều. Nụ cười hiền. Cặp mắt một mí nhưng to và ăm ắp. Yên vị xong, Nhân đề nghị:

- Thư đói bụng không? Hay ta đưa Thư đi ăn cái gì trước khi về nhà nhé. Hưng nghĩ sao?

Hưng chưa trả lời, Thư vội từ chối:

- Cám ơn anh. Lúc nãy trên máy bay có cho ăn nhẹ nên Thư không đói. Anh cho về nhà kéo chú thím mong.

Trên đường đi, chỉ có Nhân và Hưng nói chuyện. Thỉnh thoảng Nhân hỏi Thư mới trả lời. Cô bé thấy anh chàng dễ mến. Chỉ tội chiều cao hơi khiêm tốn. Chắc chưa đến một thước sáu. Thua thằng Hưng cả nửa cái đầu.

Nhà chú thím Thư ở đường Trần Xuân Soạn, bên kia cầu Chữ Y. Tới nhà, Hưng mở cổng cho xe chạy vào sân. Nhà thụt sâu vào trong, có cả một sân rộng trảng xi măng. Chung quanh sân trồng nhiều khóm hoa và sau nhà thấp thoáng vài cây dừa. Tàn lá phát phơ vì sau nữa là cánh đồng chạy dài ra xa, lờ mờ một hàng cây xanh thẳm. Gặp lại Thư chú thím rất mừng. Nhà có ba gái ba trai. Cô gái đầu lấy chồng Không quân. Thứ nhì là Hưng và cô

thứ ba tên Vy nhỏ hơn Thư một tuổi. Thư thân với con bé này nên những ngày tạm ở đây nàng sẽ ngủ chung phòng với Vy. Còn hai đứa nhỏ đang học Trung học Đệ nhất cấp.

Xách hành lý vào phòng, Thư lấy cái túi nhỏ xúi ra tặng cho cô em họ. Vy thích lắm, cầm ngắm nghía mãi. Đột nhiên con bé cười:

- Chị Thư biết tại sao bữa nay anh Nhân đi đón chị không?

Thư ngạc nhiên:

- Thì tại Hưng nhờ anh ấy.

- Cũng có một phần. Nhưng em tiết lộ chuyện này cho chị nghe nha. Cách đây hai tháng anh Nhân qua đây chơi. Anh ấy lật album ở phòng khách ra xem. Thấy tấm hình chị chụp đứng trên cầu Dakbla, mắt mơ màng nhìn về rặng núi xa xa, tóc thề bay theo gió... chị gửi tặng em năm ngoái đó. Thế là chàng bị coup de foudre!

Nói xong Vy cười khoái chí. Thư cốc đầu con bé:

- Xạo đi. Anh ấy đâu biết gì về chị mà bị ...

- Chậc! Chậc! Thì anh ấy hỏi tụi em là biết liền chứ khó gì. Anh Nhân còn hỏi em chị đã có người yêu chưa? Em nói chưa!

- Con nhỏ xíu xon này! Thư cười trù, lắc đầu chào thua.

Tiếng bà Kiên gọi ra ăn cơm nên cả hai vội vàng đi ra. Chú thím Thư mời Nhân ở lại ăn cơm chiều với gia đình.

Bữa cơm ấm cúng và vui. Nhân tỏ ra rất lịch lãm. Nói chuyện khôi hài ý nhị khiến Thư không cảm thấy lúng túng khi ngồi trước mặt chàng. Nhưng những câu trêu chọc bóng gió của Vy đôi khi làm Thư đỏ mặt, không dám nhìn Nhân. Trước khi từ giã, Nhân nói với Thư khi nàng đưa Nhân ra cửa để nói lời cảm ơn:

- Khi cần giúp bất cứ chuyện gì, Thư cứ cho anh biết. Nhớ nhé.

Thư cố nhin cười khi nhận thấy khoảng cách giữa hai người đã rút ngắn lại với tiếng "anh" thân mật, nhưng chỉ dụi dằm đáp lại như một con mèo nhỏ ngoan hiền:

- Dạ. Thư sẽ nhớ.

Đêm đó hai con bé rủ rỉ rù rì tới khuya. Vy kể chuyện Vân, chị lớn của Vy, mới đi đánh ghen ông chồng không quân hào hoa phong nhã. Có vợ đẹp như tiên mà vẫn còn đeo bông bồ bịch khắp bốn vùng chiến thuật. Vân đẹp nảo nùng, nhưng hiền ít ai bì kịp. Anh chàng không quân theo đuổi Vân từ năm con bé mới lên mười sáu. Chàng gặp nàng ở trước cổng trường và trồng cây si bất kể nắng mưa. Dù gia đình phản đối vì Vân còn quá trẻ, con bé vẫn cứ nhất định lấy chàng không quân. Về sau khổ quá nhưng không dám thối lộ với gia đình. Chỉ thỉnh thoảng tâm sự chút chút với em gái cho vui bớt niềm đau. Vy nói:

- Thấy chị Vân khổ vậy em đâm sợ đàn ông chị Thư ạ. Ngày nào còn thề

non hẹn biển. Nếu lấy nhau không được thì quyết nắm tay nhau cùng chết...chùm. Thế mà khi bướm chán ong chê thì trở mặt như người ta trở bánh phồng!

Đang ngậm ngùi trước sự bất hạnh của cô em họ, Thư bật cười:

- Trời! Hôm nay Vy nói chuyện giống bà cụ non.

- Thì mẹ em nói vậy mà. Đàn ông đáng sợ thật phải không chị?

- Chị đâu có biết. Chị chưa yêu, chưa gặp người để yêu nên chưa có kinh nghiệm. Nói vậy anh Nhân của Vy cũng đáng sợ hả? Thư trêu.

- Không. Không. Anh Nhân em đang hoàng lắm. Vy chống chế.

- Chị đùa thôi. Bây giờ ngủ nhé. Hai mắt chị mở hết nổi rồi đây.

...Sau khi an vị nội trú Thánh Tâm, Thư và Ái Châu ghi danh học trường Nguyễn Bá Tòng. Cuối tuần Thư về nhà chú thím chơi với các em và ăn những bữa cơm gia đình vừa ấm cúng vừa ngon miệng.

Sáng thứ bảy như thường lệ, Thư lấy taxis qua nhà chú thím Kiên. Chú là em ruột của bố Thư. Nhà chú tận bên Tân Quy Đông, phải qua cầu chữ Y, đi thêm một đoạn khá xa mới tới. Bữa nay Vy đi chơi với mấy cô bạn từ trưa, nên sau khi phụ chị người làm chuẩn bị bữa cơm tối xong, Thư ra sau hè đứng tựa vào cây dừa ngó mông ra cánh đồng. Vài cánh cò trắng uể oải bay la đà trên

ruộng lúa xanh rập rờn theo gió. Rặng cây xa xa mờ mịt trong sương chiều. Cảnh vật thật êm ả nhưng buồn man mác. Nàng thả hồn bay tận đâu đâu nên không nghe thấy bước chân khẽ khàng đến gần. Một bàn tay đặt thật nhẹ lên vai khiến Thư giật mình quay lại:

- Ô, anh Nhân!

Nhân cười nhẹ:

- Xin lỗi làm Thư giật mình. Anh đến này giờ. Không dám gọi vì anh nghĩ Thư đang tìm cảm hứng để làm thơ.

Thật vậy, Nhân rời sở sớm hơn thường lệ một chút. Không về nhà mà ghé tiệm mua một ký thịt quay rồi đi luôn qua đây. Ba ngày không được gặp Thư, Nhân thấy lòng xốn xang, bứt rứt. Nhớ, nhớ và nhớ cô bé tên Thư. Hình như lần đầu tiên Nhân biết thế nào là tình yêu. Chàng chưa bao giờ nhớ quay nhớ quắt một người con gái nào như đang nhớ Thư. Thế không phải là tình yêu thì là gì? Hôm nay Nhân nhất định qua gặp cho đỡ nhớ. Sau khi đưa thịt quay cho chị người làm, biết Thư ở sau hè, Nhân vội vàng đi ra. Nhìn dáng dấp mảnh mai của cô gái đứng tựa thân cây dừa. Mái tóc lả lơi theo gió, cặp mắt đắm chiều hướng về phía xa xa. Nhìn nửa khuôn mặt của Thư với sống mũi cao, vầng trán phẳng, Nhân thấy nàng đúng là người trong mộng của chàng. Nhân nhìn cô gái không chán mắt. Giá mà có máy hình chàng

sẽ ghi cái hình ảnh đẹp và thơ mộng này để làm kỷ niệm. Không lẽ đứng nhìn mãi như thế nên Nhân bước lại gần và không kềm được, đã đặt bàn tay thật nhẹ lên vai Thư, khiến nàng giật mình.

Thư then thùng:

- Thư đâu phải thi sĩ mà ngắm cảnh là ra thơ hử anh. Nhưng mà anh Nhân xem kìa, cảnh đồng quê đẹp như một bức tranh phải không?

- Thư có vẻ yêu sự tĩnh lặng hơn ồn ào? Nhân tò mò hỏi.

- Dạ. Em thích sống ở tỉnh nhỏ hơn là thành phố lớn. Kontum không có Đệ Nhất nên em phải về đây học. Tiếc thật đó.

Nhân hỏi dò:

- Nếu mai một lập gia đình, không lẽ Thư lại về Kontum?

- Ô! Anh Nhân không thấy Thư còn quá trẻ để nghĩ đến chuyện này hay sao?

- Cũng có lúc phải nghĩ đến chứ cô bé.

Thư lắc đầu, cười:

- Chắc là còn lâu lắm anh ạ. Chính anh còn gọi Thư là cô bé nữa kìa. Thời này đâu còn sợ ế ở tuổi hai mươi như thời mẹ em. Hơn nữa em chưa có người yêu thì làm sao nghĩ đến hôn nhân.

Nhân đổi đề tài:

- Người yêu của Thư chắc phải có điều kiện cao lắm nhỉ?

Nàng ngượng ngùng:

- Em có gì đâu mà dám đòi hỏi người yêu phải có điều kiện cao!

- Đối với anh, Thư đáng yêu nhất trong những người con gái mà anh quen.

Nhìn thấy nét mặt hơi thảng thốt của con bé Nhân vội vàng tiếp:

- anh xin lỗi nếu những lời chân thật của anh làm em sợ. Nhưng mà Thư này, anh chỉ nói ra những gì anh cảm thấy trong trái tim. Tại sao anh không được nói lên sự thật? Anh nói Thư đáng yêu là vì em thật sự đáng yêu. Mà nếu anh có yêu Thư đi chăng nữa thì có gì không chính đáng?

Cặp mắt chàng nhìn Thư thật thiết tha:

- Dĩ nhiên anh không thể bắt buộc Thư yêu anh, vì đó là quyền của Thư. Nhưng anh cũng có quyền bày tỏ tình cảm chân thật của mình. Anh biết những lời tỏ tình của anh hơi vội vàng, nhưng anh mong rằng không vì thế mà em tránh né anh nhé. Chúng ta cứ cư xử bình thường. Nếu Thư chưa có tình cảm gì với anh thì cũng không sao. Anh chờ. Anh nhất định chờ. Đồng ý không... cô bé?

Nãy giờ Thư đứng như bị trời trồng, mặc cho Nhân nói. Những lời tỏ tình của Nhân làm nàng choáng váng, tự hỏi sao chàng có thể yêu cô một cách chớp nhoáng như thế? Tất cả đàn ông đều như vậy sao? Thư nhớ lại Thái gặp Ái Châu cũng yêu ngay lập tức. À, thì

ra đây là coup de foudre mà nàng thường đọc trong tiểu thuyết! Nhưng sao lạ quá, những lời tỏ tình tha thiết của Nhân không làm nàng xao xuyến, rung động tí nào. Tuy nhiên Thư cũng từ tốn trả lời:

- Thư cảm ơn tình cảm của anh dành cho Thư. Nhưng hiện tại Thư phải chuyên tâm cho việc học. Chuyện tình cảm Thư chưa dám nghĩ tới...

Nhân nhẹ nhàng cầm bàn tay Thư, giọng dịu dàng:

- Anh đã nói rồi. Em cứ yên tâm lo học. Yêu Thư là chuyện của anh. Anh không đòi hỏi Thư phải đáp lại. Hãy để cho thời gian làm việc. Biết đâu một ngày kia...

Thư còn đang ngần ngừ chưa dám rút tay lại thì có tiếng Vy léo nhéo:

- Ui chao, anh chị trốn ra sau hè tâm sự lòng thông hờ? Làm em đi kiếm khắp nơi.

Thư vội vàng rút tay lại, thoáng đỏ mặt trước cặp mắt tinh quái của cô em họ:

- Tâm sự gì đâu. Chị ra đây ngắm cảnh trời chiều. Đẹp quá phải không anh Nhân?

- Ừ đẹp lắm. Nhân vừa trả lời vừa nhìn Thư cười tủm tỉm.

Thư mắc cỡ nói vội vàng:

- Thôi mình vào nhà đi. Chắc là sắp ăn cơm rồi phải không?

- Đúng rồi. Em tìm anh chị vào ăn cơm. À, em ở đây bao nhiêu năm rồi nhưng chưa bao giờ ra sau hè ngắm

cảnh. Mà đẹp thật đó. Anh chị quả là có tâm hồn lãng mạn! Vy vừa nói vừa nheo mắt với Nhân. Thư mắng "nhỏ này lắm chuyện quá!" khiến con bé cười khanh khách.

Trong bữa ăn thấy Thư có vẻ trầm ngâm Nhân hơi hồi hận là đã tỏ tình sớm quá. Thật ra chàng không hề có ý định đó, nhưng lỡ buột miệng nói ra. Phóng lao thì phải ... theo luôn chứ biết sao. Bây giờ tới đâu hay tới đó. Đành phó thác đời chàng vào tay Ông Tơ bà Nguyệt!

Bà thím có lẽ nhìn ra được tình cảm thẳng chầu dành cho Thư nên cũng vun vào. Bà kể toàn tính tốt khiến Nhân phải kêu lên:

- Dì ơi, nghe dì kể chắc Thư dám tưởng chầu là ông Thánh hay ông thầy tu! Anh không "hoàn hảo" như lời dì đâu Thư nhé.

Thư cười:

- Dạ, nếu anh hoàn hảo quá Thư không dám đứng gần, sẽ mặc cảm!

Nhân rên rĩ:

- Thế thì dì hại chầu rồi! Dì ơi, nói lại hộ chầu đi.

Bà Kiên cười hiền lành:

- Dì đâu có nói ngoa. Anh Nhân tốt thật đó Thư. Cô nào lấy anh ấy sẽ sướng cả đời. Anh ấy thương và lo cho các em chu đáo cứ như là em ruột không bằng. Phải thế không các con?

Mấy cái miệng đồng thanh phụ họa, nhưng cốt để trêu ông anh họ:

- Đúng thế! Anh Nhân tốt nhất trên đời! Là người chồng lý tưởng. Vy thêm vào.

Mọi người phá lên cười. Nhân gãi đầu cười theo. Không khí thật vui vẻ khiến Thư cũng vui lây. Nàng không còn e dè như trước nên nói chuyện thoải mái. Lúc ra về, Nhân dặn:

- Sáng mai mười một giờ rưỡi anh sẽ tới đón Hưng, Thư và Vy. Mình ăn xong sẽ đi ciné. Anh phải lấy vé trước sợ không có chỗ. Anh nghe nói thiên hạ đi xem đông như kiến.

Hưng rụt rè nói:

- Mai em dẫn bồ em đi luôn có được không anh? Ái Lan cũng muốn xem phim này.

- Chuyện nhỏ! Anh mời bồ em đi ăn luôn.

Hưng nhảy còn:

- Hoan hô anh Nhân! Anh Nhân là số một La Mã!

- Khiếp! Chỉ một bữa ăn và một chầu ciné mà tôi được phong số một La Mã rồi đấy!

Hưng câu cổ ông anh họ, mi cái chọt vào má:

- Em nói thật mà. Anh Nhân em đáng yêu nhất!

- Thôi cậu ơi. Đừng có nịnh. Cái hôn này tôi xin trả lại để cậu mi em Ái Lan. Nhân đùa.

Nhìn cảnh tượng thân mật giữa anh em họ, Thư thấy lòng se thắt. Mẹ con nàng ở Kontum không có bà con ruột

thịt. Tối lửa tắt đèn gì cũng chỉ có ba mẹ con. Cùng lắm mới nhờ đến bạn bè thân như vợ chồng bác Minh hàng xóm. Cả năm mới về Sài Gòn một đôi lần, vì thế dù họ hàng đông, tình cảm vẫn có phần nhạt nhẽo. May mà còn có gia đình chú Kiên. Có lẽ nhờ chú thím hiền lành và các em dễ thương.

Thấy Thư đang vui bỗng chợt buồn, Nhân lo lắng hỏi:

- Thư sao vậy? Thấy trong người không khỏe à?

Thư gượng cười:

- Không sao đâu anh. Thấy anh và các em vui quá làm em chạnh nhớ tới mẹ em đang một mình ở Kontum. Tội nghiệp, chắc bà buồn và nhớ em lắm. Đây là lần đầu em xa mẹ .

Thư nói mà rơm rớm nước mắt. Vy và Hưng chưa kịp nói gì thì Nhân đã nắm tay Thư bóp nhẹ, giọng tha thiết:

- Em đừng quá lo lắng. Bác gái từ từ sẽ quen mà. Ở đây đã có anh và em Vy, em Hưng sẵn sóc Thư đang hoang. Nhớ viết thư báo tin với bác như thế cho bà yên tâm.

Thư mím môi cố nuốt vào lòng những giọt lệ sắp trào ra khỏi mắt, gật gật đầu. Nhân buông tay Thư, nháy mắt với Vy rồi ra xe. Thật tình nhìn đôi mắt long lanh lệ của Thư, lòng Nhân thật xốn xang. Vy choàng tay ôm vai Thư kéo vào phòng. An vị rồi con bé bắt đầu điều tra:

- Hồi chiều em thấy hai anh chị mùi quá trời!

- Mùi đầu mà mùi. Cứ tưởng tượng không à!

-Trời! Anh chị nắm tay nhau mà còn cho là không mùi?

Hiểu ra, Thư chống chế:

- Đó là anh Nhân tự ý nắm tay chị chứ bộ!

- Chỉ nắm tay suông thôi sao?

- Thì anh Nhân nói yêu chị. Thư trả lời yếu ớt, mặt hơi ửng đỏ.

Vy thích chí vỗ tay:

- Thế mới là anh hùng. Dám yêu, dám nói! Em phục anh Nhân chỗ đó. Yêu ai là nói huých toẹt ra liền. Không thêm dấu!

Thư đưa mắt nhìn lên trời, rên rĩ:

- Vy ơi là Vy! Tại sao có thể nói về tình yêu một cách... trần trụi không một tí rồ-măng-tíc nào hết vậy hờ trời!? Bộ chưa có ai tỏ tình với Vy sao?

Vy cười dòn:

- Cũng có vài "thằng". Nhưng toàn là con nít ranh cỡ em nên em cho de tuốt! Em thích người yêu phải hơn em ít nhất là năm tuổi. Hơn càng tốt, họ sẽ chiều mình hơn. Như anh Nhân với chị đó. Thấy Thư lừ mắt, Vy vội hỏi tiếp:

- Rồi chị trả lời sao hờ chị?

- Chị nói chị mắc lo học, chưa nghĩ đến chuyện yêu đương.

"Đường vào tình yêu có trăm lần vui có vạn lần buồn..." Vy hát nho nhỏ rồi nói: "không biết anh Nhân em sẽ lạc vào con đường nào đây?" Không biết khi yêu, mình sẽ cảm thấy sao hờ chị Vy?

- Hồi vớ vẩn! Chị đã yêu đâu mà biết. Nhưng một ông thi sĩ gì đó chị quên mất, hình như là Huy Cận, đã viết:

*Làm sao cắt nghĩa được tình yêu
Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt
Bằng mây nhè nhẹ gió hiu hiu!*

Đó, từ xưa đến giờ có ai cắt nghĩa được hai chữ Tình Yêu đâu mà hỏi chị?

- Vậy lúc nào chị yêu ai thì nhớ cho em biết nhé. Mà hình như người ta khổ vì yêu hơn là sung sướng phải không chị? Vy hỏi, ánh mắt mơ màng.

- Người ta chỉ khổ vì yêu không phải chỗ thôi nhỏ ời!

Giọng Vy bỗng ngậm ngùi:

- Nhưng yêu là yêu. Biết thế nào là đúng chỗ? Như chị Vân em yêu đắm yêu đuối ông phi công của chị ấy, rồi bây giờ khổ quá trời. Trước kia cả họ tưởng đẹp như chị ấy sẽ sướng một đời. Không ngờ trái lại. Tối ngày ghen tương, khóc lóc phờ phạc cả người!

- Hồng nhan đa truân. Thôi thì cứ nhàng nhàng như hai chị em mình chắc khỏe!

- Thôi đi. Chị đẹp thua gì chị Vân em mà cứ khiêm nhường. Nếu không sao anh Nhân em gặp chị là yêu liền tù tì. Chị còn hơn chị Vân là tính chị không quá hiền lành nhu nhược...

- A! Muốn nói chị là bà chẳng hả? Thư vừa nói vừa vớ cái gối ném vào Vy. Hai chị em cười khanh khách.

*

Sáng Chúa nhật, khi xe Nhân đậu trước cửa thì Vy và Thư đã sẵn sàng. Vy mặc jupe plissée xanh dương, áo thun ngắn tay màu hồng trông thật trẻ trung. Thư mặc quần tây pattes d'éléphant màu kem, áo trắng, cài băng đô tím giữ cho tóc khỏi bay, trông thật thanh nhã. Tuy không trang điểm nhưng vẻ tươi mát, xinh xắn khiến Nhân nhìn không chớp mắt:

-Hôm nay Thư xinh quá!

Thư ngượng ngùng nói cảm ơn. Vy dẫu môi:

- Còn em?

- Vy thì lúc nào cũng xinh rồi. Đẹp "bẩm sinh" là lì! Nhân trêu em.

- Tha cho anh. Vy cười dòn.

- À quên, anh Hưng đi trước đón Ái Lan. Hai người sẽ đến thẳng tiệm Thanh Bạch. Hôm nay nhất định em phải ăn nửa con gà quay!

Thư tròn mắt:

- Bộ gà quay ở đó ngon lắm sao mà Vy đòi ăn tới nửa con?

- Em nói đùa thôi. Gà quay ở đó ngon tuyệt. Nhưng có món sông cũng trứ danh lắm.

Lần này Thư đòi ngồi dưới với Vy nhưng con bé láu lỉnh:

- Nếu chị ngồi dưới này thì hóa ra anh Nhân là tài xế của chị em mình à? Chị phải ngồi trên vì chị là ...chị. Vai lớn phải ngồi trên mà. Kính...lão đắc thọ. hìhìhì!

Thư cốc lên đầu Vy mắng:

- Con nhỏ lẻo mép!

Cuối cùng đành chịu thua phải lên ngồi cạnh Nhân. Trên đường đi Vy tiếp tục mục ăn uống:

- Chị Thư đã đi ăn bún chả hẻm Casino chưa? Thấy Thư lắc đầu Vy tiếp, em sẽ đưa chị đi ăn. Bảo đảm chị mê toi. Còn bánh cuốn Tây Hồ? Chắc là chưa chứ gì. Chị ơi, chợ Vườn Chuối có bún ốc ngon tuyệt vời. Cô bé quay sang Nhân:

- Anh Nhân có dám đi vô chợ Vườn Chuối ngồi xếp dưới đất ăn bún ốc với tụi em không?

- Sợ gì không đi. Có đồ ăn ngon dù chân trời góc biển anh cũng đi.

- Thức ăn ngon mà còn phải đúng "đối tượng" đi ăn chung thì ăn mới ngon phải không? Anh hứa rồi nhé. Em còn một lô địa chỉ khác nữa đó.

- Tha hồ cho các cô chọn. Anh tình nguyện làm tài xế đưa đi.

Vừa nói Nhân vừa đưa mắt nhìn sang Thư khiến nàng thấy nhột nhột nên vội vàng lên tiếng:

- Trời ơi, bộ Vy muốn chị em mình biến thành con heo mập hay sao mà tính ăn nhiều thế?

Vy cười dòn tan:

- Em không lo. Bố em nói trong bụng em có con sán lải Ténia nên em ăn bao nhiêu cũng không mập nổi. Vì thế em cứ soi thoải mái!

- Khiếp quá! Thư kêu lên. Nếu có con đó trong bụng chắc chị chết vì sợ!

- Thư tin con bé này thì có nước bán thóc giống. Vy đùa thôi. Nếu có con đó thì dựng cũng bắt nó xổ ra từ đời nào rồi. Xạo hết chỗ nói!

Vy ôm bụng cười trước sự ngây thơ, dễ tin của bà chị họ. Nhưng Nhân thì thấy Thư càng ngày càng đáng yêu hơn. Chàng nghĩ mình sẽ hạnh phúc biết bao nếu lấy được Thư làm vợ. Thư vừa xinh đẹp, vừa ngây thơ duyên dáng. Chàng tin rằng chắc chắn mình sẽ đem hạnh phúc lại cho Thư. Nhân mỉm cười trước cái viễn ảnh chàng và Thư nên duyên cầm sắc. Và những đứa con xinh như mẹ nó nữa chứ...

Lúc ba người tới tiệm ăn thì thấy Hưng và Ái Lan chờ sẵn ở đó. Ái Lan rất xinh, đang học Đệ tam trường Nguyễn Bá Tông. Cô bé mặc đầm rất chic. Hỏi ra thì Cô của Ái Lan có tiệm chuyên may áo đầm trước trường Marie Curie. Bữa ăn rất vui nhờ Hưng và Vy. Thư ăn uống nhỏ nhẻ khiến Nhân phải tiếp thức ăn:

- Thư ơi, em nhìn con bé Vy kìa. Nó ăn như hổ, còn em ăn còn thua con mèo. Năm nay học cực lắm. Ráng ăn nhiều mới có sức học nhé.

- Trời! Nhìn anh Nhân săn sóc chị Thư mà em tủi thân quá! huhuhu! Em phải kiếm ngay một người yêu để được săn sóc.

Thư mắc cỡ, ngượng cô em:

- Vy này! Nói nhảm không à. Anh Nhân đâu phải là người yêu của chị!

- Quên. Chị là người yêu của anh Nhân em.

Thấy Ái Lan tròn mắt hết nhìn người nọ đến người kia ra vẻ không hiểu, Thư cúi Vy một cái đầu nghiêng, miệng nói "cho chừa!". Hưng thấy vậy cũng đá nhẹ chân Ái Lan dưới gầm bàn. Cô bé hiểu ý lảng sang chuyện khác:

- Em nghe nói phim Angélique hay lắm. Tình yêu giữa hai nhân vật chính rất lãng mạn. Bạn em đi xem khen quá trời luôn. Nghe nói nhân vật chính là một ông Bá Tước lớn tuổi còn quê một chân, trên mặt có một vết sẹo dài, vậy mà cô Angelique trẻ và đẹp như tiên yêu say đắm.

Hưng cười hì hì:

- Anh nghe nói thì ông ta có "bùa phép" linh nghiệm lắm.

Ái Lan ngây thơ:

- Bộ ông là phù thủy sao?

- Phù thủy trong tình yêu em ạ! Ông ta biết cách chinh phục trái tim của đàn bà. Anh thấy anh Nhân cần đi xem phim này để học hỏi.

Nhân chỉ cười nhẹ, mắt nhìn Thư đắm đuối:

- Anh tin ở tình yêu chân thành và con tim ngay thẳng. Anh sẽ không dùng "đòn phép" để có được tình yêu. Bất cứ sự gian dối nào cũng sẽ không có kết quả tốt về sau. Phải không Thư?

- Dạ, Thư cũng nghĩ vậy. Trong tình yêu mà tính toán quá, giống như một

cuộc trao đổi mua bán, sẽ không có hạnh phúc.

Hưng chép miệng, lắc đầu:

- Chị Thư hơn con bé Vy có một tuổi mà có vẻ chín chắn hơn nhiều nha.

Nhân nhìn đồng hồ, gọi tính tiền trước khi Vy mở miệng phản đối:

- Thôi thôi! Hai cô mỗi người mỗi về mỗi về mười phân vẹn mười. Một cô là Thúy Kiều, một cô là Thúy Vân. Được chưa? Bây giờ chúng ta đi đến rạp Eden là vừa.

Nhìn giòng người xếp hàng dài để mua vé, Vy lè lưỡi:

- Trời ơi, nếu bây giờ mới xếp hàng mua vé thì đời nào mới vào rạp được! Anh Nhân em giỏi thật. Lúc nào cũng tính toán chu đáo!

Vào ghế ngồi, Vy đùn cho Thư ngồi cạnh Nhân, đến Vy và cuối cùng là Ái Lan và Hùng. Thư không muốn ngồi gần Nhân, nhưng không lẽ đùn tới đùn lui cũng kỳ nên đành phải ngồi xuống. Nhưng không thoải mái tí nào. Khi đùi Nhân vô tình chạm vào đùi nàng, Thư vội vàng khép chân lại, mắt nhìn thẳng lên màn ảnh. Nhân biết Thư sợ nên cũng ráng giữ ý, không dám chạm vào nàng. Thấy Hưng và Ái Lan cầm tay nhau một cách tự nhiên Nhân thèm lắm. Ước gì được giữ bàn tay "năm ngón kiêu sa" của nàng trong tay mình nhỉ? Nhân nhìn xuống bàn tay trắng nõn nà đang đặt rất ngoan hiền trên đùi của nàng mà ước thắm. Người ta nói

"trong mắt người yêu có Tây Thi" không ngoa chút nào. Trong mắt Nhân, chàng yêu Thư từ đôi mắt màu hạt dẻ trong sáng, ngây thơ nhưng không kém phần tinh nghịch. Chiếc miệng xinh với đôi môi đỏ hồng tự nhiên. Và nụ cười. Ôi, nụ cười mới có duyên làm sao! Nghĩ đến đôi môi, lòng chàng tự nhiên có cảm giác nôn nao một cách kỳ lạ. Một cảm giác chàng chưa hề cảm thấy khi gần bất cứ cô gái nào trước đây. Nhân hít vào một hơi dài và ngồi thẳng người lên. Như muốn tránh xa một cảm giác đang thôi thúc. Đúng lúc đó trên màn ảnh bắt đầu chiếu phim quảng cáo. Nhân như vừa thoát khỏi một cơn mê. Chàng chăm chú nhìn lên màn ảnh.

Phải công nhận là cuốn phim quá hay. Quá hấp dẫn. Nữ tài tử xinh đẹp Michèle Mercier xuất sắc trong vai Angélique và tài tử gạo cội Robert Hussein trong vai Bá Tước Joffrei đã khiến bao trái tim phải thổn thức, ước mơ. Nhưng trên đời này có chuyện gì hoàn hảo? Khi người ta có quá nhiều sẽ khơi động lòng ganh tị của tha nhân. Nàng Angélique quá đẹp khiến vị vua đa tình sinh lòng muốn chiếm hữu. Chẳng những sở hữu một mỹ nhân đẹp nhất vương quốc, chàng Bá Tước hào hoa lại còn có một gia sản khổng lồ khiến nhà vua phải ganh tị. Và khi người có quyền uy nhất nước muốn là trời muốn. Thế là cuộc tình đang đẹp như mơ bỗng chốc tan như bọt nước!

Cửa nát, nhà tan. Thân tàn ma dại. Ôi cuộc đời sao lắm bất ngờ!

Khi cuốn phim chấm dứt, mọi người ra về trong niềm luyến tiếc. Trên mặt phụ nữ, người nào cũng phảng phất vẻ bàng hoàng, thương cảm. Thư và Vy cũng không ngoại lệ. Ra khỏi rạp Vy nói:

- Nếu ngoài đời có ông Bá Tước này thật em dám lấy liền đó. Chị Thư dám không?

- Thôi đừng mơ mộng nhỏ ời. Chị chỉ muốn một cuộc sống bình thường. Trầy vi tróc vảy như vậy chị sợ lắm. Thư rụt cổ.

- À, một túp lều tranh với hai quả tim vàng chứ gì?

- Cũng không luôn. Nếu hai quả tim vàng với một căn.. nhà lầu thì tốt hơn. Thư tinh nghịch trả lời.

Nhân chen vào, vừa nói vừa cười nửa miệng:

-Nếu mộng ước bình thường như thế thì quá dễ. Anh cũng có ý tưởng... giống như thế!

- Thế này thì chí lớn gặp nhau rồi. Anh chị biết người ta gọi là gì không? là "đồng chí" đấy.

Nói xong con bé cười dòn tan làm mọi người cũng bắt cười theo. Thấy còn sớm, Nhân đề nghị cả bọn thả bộ tới kem Mai Hương. Ăn xong rồi về. Đề nghị được hưởng ứng nồng nhiệt. Bỗng qua công viên trước Tòa Đô Chính Vy nói:

- Rạp Rex lớn, sang trọng, nhưng em thích rạp Eden hơn. Trông nó ảm cúng, thân mật hơn nhiều. Các anh chị còn nhớ lúc Rex mới khánh thành, ở đây chiếu phim Ben Hur không? Khán giả đông ỏi là đông. Lần đầu được đi thang cuốn vui ghê!

- Anh còn nhớ Vy lên tới trên lầu, chưa kịp bước ra bị "nó" hất té lăn cù, lỗ mũi ăn trầu!

Vy chu mỏ:

- Anh Nhân kỳ quá. Nhớ gì không nhớ, lại nhớ em bị té!

- Tại lúc đó Vy khóc quá trời nên anh nhớ hoài!

- Anh cũng nhớ nữa. Hưng chen vào. Lúc đó bé Vy khóc hu hu buồn cười lắm!

- Chị Thư xem, em bị té lỗ mũi ăn trầu mà hai ông anh em cười, có ác không chứ? Thù này em quyết trả!

- Ấy! Ấy! Cho anh xin. Từ nay không dám nhắc nữa. Nhân vội vàng tiếp lời. Tí nữa đãi Vy ăn hai ly kem!

- Như vậy em mới tha. Vy nói sau khi ném cho ông anh một cái nhìn sắc lẹm.

Tới tiệm Mai Hương, may quá còn một bàn trống bên ngoài, mọi người ngồi xuống, thở ra thoải mái. Ngồi ở đây có thể vừa ăn kem, vừa ngắm ông đi qua bà đi lại. Tất cả tài tử giai nhân Sài Thành đều "diễn hành" qua đây. Tha hồ cho các cô ngắm nghía thời trang!

Thư chọn kem dâu. Nàng khoan thai múc từ muỗng kem đưa lên miệng. Trời nóng, chất kem vừa ngọt ngào vừa thơm tho, mát rượi trôi xuống cổ như nước cam lồ. Thư không dấu được vẻ khoan khoái. Nhìn muỗng kem màu hồng giữa đôi môi Thư, Nhân chỉ muốn... chỉ muốn là ... muỗng kem! Đúng, là muỗng kem để được đôi môi hồng kia ngậm một cách thích thú.

Thấy Nhân nhìn Thư say đắm lộ liễu quá, Vy đá vào chân Nhân nhắc khéo:

- Ly kem chocolat của anh chảy hết rồi kìa!

Lúc đó chàng mới trở về thực tại, cười ngượng ngập, đánh trống lảng:

- Tại anh thấy kem dâu của Thư hấp dẫn quá nên...thèm!

Vy nheo mắt trêu ông anh:

- Vậy sao anh chọn kem chocolat? Chọn nhằm làm sao ăn ngon cho được. Con bé ý nhì. Chị Thư ời, ly kem anh Nhân chảy hết rồi, chị làm ơn chia bớt kem cho anh ấy nhé.

- Con bé lí lắc này! Đừng chọc ghẹo để chị Thư ăn cho ngon. Nhân rầy em.

Nhưng Thư tưởng thật, vội đưa ly kem của mình sang phía Nhân:

- Anh Nhân có muốn không. Thư chia bớt cho anh một nửa. Nhiều quá em ăn không hết đâu.

Nhân nhìn Thư âu yếm:

- Thật không? Anh chỉ cần xin một muỗng thôi là đủ.

Nói rồi Nhân múc một muỗng kem dâu trong ly của Thư đưa lên miệng. Chàng nhắm mắt, ngậm muỗng kem mà sung sướng như được ngậm ... môi hồng của người trong mộng. Tình yêu thật là màu nhiệm. Người ta có thể cảm thấy hạnh phúc tràn trề chỉ với một chuyện nhỏ nhặt không đâu! Một muỗng kem nhỏ bé có thể khiến Nhân cảm thấy vui vẻ suốt cả buổi chiều. Đột nhiên chàng không muốn xa Thư vội nên đề nghị:

- Hay bây giờ mình đi ăn bún chả Casino. Anh đi.

Mọi người tròn mắt nhìn nhau. Vy kêu lên:

- Ủa, sao Anh Nhân nổi lòng "từ bi bất ngờ" thế này! Anh vừa bao tụi em một châu ciné và một châu kem.

- Chuyện nhỏ! Anh mới lãnh lương mà. Ngày mai Thư trở vô nội trú rồi. Vô đó ăn uống chắc là khổ lắm hờ Thư. Hôm nay đãi Thư một châu ăn cho đã. Có ai phản đối không?

Bao nhiêu cái miệng đều nhao nhao:

- Không bao giờ từ chối! Vy còn thêm, đi ngay kéo anh Nhân đổi ý!

Nhân gọi tính tiền rồi cả bọn tà tà tới đường Pasteur, quẹo vô hẻm Casino. Đây là một con hẻm tương đối hẹp. Đi sâu vào trong còn vài tiệm bán phở, bánh cuốn... Nhưng nơi đây nổi tiếng nhất là bún chả. Vì thế mà con hẻm có "thương hiệu" chính là Bún Chả Casino mà bàn dân thiên hạ, đặc biệt là cánh tóc dài, ai cũng biết. Giống như phở Gà

Hiền Vương, Bánh Cuốn Tây Hồ, Phở Bò Pasteur....

Vừa vào tới đầu hẻm, mùi thịt nướng đã bay ra thơm lừng. Đi vào trong, Thư ngạc nhiên khi thấy bà nướng chả ngồi ngoài hành lang, quạt liên tục vào lò than hồng. Trên đó từng vỉ thịt nướng đang rỏ những giọt mỡ cháy xèo xèo, bay mùi thơm điếc mũi. Thịt nướng vừa chín, bà ta gỡ ra bỏ vào tô nước mắm pha hành hoa xắt nhuyễn và thật nhiều tiêu bên cạnh.

Năm người ngồi vào bàn, gọi bún chả. Nhìn mẹt rau là thấy thèm. Những cọng rau muống chẻ xanh non quần tít dính chùm vào nhau, rau tía tô, rau mùi, rau kinh giới... Từng lọn bún trắng phau phau, nõn nà. Thư phải công nhận bún chả nơi đây danh bất hư truyền. Ở nhà, thỉnh thoảng mẹ cũng làm, nhưng không ngon bằng. Giống như đi ăn nhà hàng Tàu, có những món mình bắt chước cách nào cũng không giống. Cái đó là bí quyết. Nhiều người dù trả tiền để học, nếu Thầy nhất định giữ lại một, hai bí quyết cũng thúc thủ!

Cứ thế, một năm học trôi qua thật êm đềm. Ái Châu và Thư đều trở thành cô tú kép. Nhân vẫn sẵn đón và yêu Thư với tất cả chân tình, nhưng Thư vẫn xem chàng như một người anh cả. Như anh Tiến của nàng. Mẹ từ Kontum xuống chơi ít hôm và luôn thể đón Thư về Kontum. Mẹ mời cả nhà chú Kiên đi ăn tiệm. Dĩ nhiên có Nhân tháp tùng. Có cả anh Tiến của Thư từ căn cứ

không quân Biên Hòa xuống tham dự. Có điều nàng không ngờ là anh Tiến lại dẫn theo một người bạn thân. Du ở cùng Không đoàn với anh Tiến. Du cao lớn, đẹp trai một cách rần rở. Đặc biệt là cặp mắt sáng và nụ cười nửa miệng. Chính nụ cười này khiến con tim của Thư đập lổ nhịp lia chia. Du cũng ngạc nhiên, không ngờ cô em gái của bạn mình lại xinh xắn đáng yêu đến thế. Vì vậy cặp mắt của Du ít khi rời khuôn mặt yêu kiều của Thư. Mỗi lần chạm phải ánh mắt này, tự nhiên Thư đâm luống cuống, hai má đỏ hồng. Thái độ mất tự nhiên của nàng không thoát khỏi cặp mắt dò xét kín đáo của Nhân. Vy ngồi bên cạnh, thấy ông anh họ mặt mày bỗng dưng đầy nét tư lự, bèn huých cùi chỏ, hỏi nhỏ:

- Sao anh Nhân ngồi im thín thít vậy? Có chuyện gì hở?

Nhân cười gượng, chống chế:

- Không có gì cả. Anh mắc ăn mà. Thức ăn hôm nay ngon quá Vy cũng ăn đi.

Con bé hồn nhiên tiếp tục ăn uống. Nhưng sau này Thư nghe Vy kể qua những bức thư rằng "Hôm đi ăn nhà hàng, nhìn thái độ của anh Du và chị, anh Nhân có cảm giác rất lạ. Anh ấy có dự cảm mãi mãi không bao giờ chiếm được trái tim của chị. Nếu so sánh hai người thì anh Du hơn anh ấy quá xa. Lúc đó em còn cười và cho rằng anh ấy giàu tưởng tượng!" Thư nghe vậy cũng buồn, nhưng cuộc đời lắm cảnh éo le. Có mấy ai điều khiển được con tim của chính mình? Nếu không, trần gian này đã là một thiên đường đầy hoan lạc. Rồi bất hạnh xảy ra với Nhân khi nghe tin Du và Thư làm đám hỏi. Trong cơn

SỐ 85

đau khổ, thất vọng tột cùng, Nhân đã bằng lòng làm đám cưới với Kim, cô bạn học theo đuổi Nhân từ thời Trung học. Về sau, những cơn ghen điên cuồng của Kim đã khiến Nhân hối hận không nguôi. Vy kể, có lần Nhân đã ôm đầu kêu lên "trời ơi, lúc đó tôi điên. Đã mất hết lý trí. Tại sao không ai làm ơn ngăn lại đừng cho tôi lấy Kim. Bây giờ tính sao đây hở trời!?". Vy cũng buồn lắm, nhưng đành bó tay, cô tự nhủ cũng là số trời. Là định mệnh thì không sao tránh khỏi!

Sau 75, Nhân, Hưng, Vy và Thư đều may mắn rời khỏi đất nước Việt Nam thống khổ. Tất cả định cư ở Hoa Kỳ, trừ gia đình Thư ở Canada. Nghe kể về những cơn ghen bệnh hoạn của Kim, Thư luôn tránh né những cơ hội gặp lại Nhân. Tuy rằng giữa Nhân và nàng chẳng có gì. Mục đích là để gia đình Nhân yên ả. Tình yêu của Nhân và cuộc hôn nhân bất hạnh của chàng vẫn khiến Thư áy náy. Nàng thấy mình cũng có một phần trách nhiệm dù nhỏ nhoi cách nào đi chăng nữa! Hôm nay Nhân đã ra đi. Đã rời khỏi chốn trần gian đầy bất trắc và trùng trùng phong ba bão táp. Một phần dĩ vãng êm đềm của Thư cũng sẽ phai tàn theo anh. Thư xin cầu nguyện cho anh chấp cánh bay xa. Bay thật xa về chốn vĩnh hằng. An nhiên tự tại. Không còn khổ đau, bệnh tật. Không còn yêu ghét, oán hờn. Thư vẫn nhớ mãi nụ cười của anh. Một nụ cười thật tươi và đôn hậu. Vĩnh biệt anh!

tiểu thu (Canada) / 4-2019

DƯỚI GIÀN HOA GIẤY TÍM

UNDER THE PURPLE FLOWERS

*"Hôm nay chợt nhớ thương người
chợt nhớ mỗi người
tiếng ve ngày cũ rưng rờ môi em..."
(trong nhạc-phẩm "Nụ Hôn Đầu")*

*"I suddenly remember and miss
I suddenly reminisce about his kiss
My lips bewitched with the old cicadas' carol..."
(from the song "The First Kiss")*

Dưới giàn hoa giấy tím
Lần đầu anh hôn em
Lũ ve sầu lên tiếng
Mảnh trăng khuya bên thềm

In the purple flowers' shade
You kissed me the first kiss.
The moon lit its light of jade;
The cicadas sang their song of bliss.

Rồi thời gian qua mau
Anh theo học lên cao
Bỏ giàn hoa giấy tím
Với cuộc tình trắng sao

Then, time passed fast and blind;
You went to your studies above
Leaving the purple flowers behind
With such a dreamlike love.

Tùng lá thư viết về
Anh vẫn nhớ thôn quê
Nhớ giàn hoa giấy tím
Có em nghiêng tóc thề

In each letter sent to the old place
You said you still missed this start
With the purple flowers of grace
And this young and true heart.

Mỗi ngày một lần đến
Bên giàn hoa giấy xưa
Tiếng ve sầu nức nở
Nghe nổi buồn vu vơ

I have come back each day alone
To see the old flowers obsess
And hear the cicadas groan;
I feel such a vague distress.

Bây giờ mùa hạ về
Ôm một mảnh tình quê
Dưới giàn hoa giấy tím
Em hóa thành cây si

I have nurtured my pastoral love
Now that summer is back to see
With the purple flowers above
I've become an amorous banian tree.

NGÔ BÍCH LAN
(France)

Translation by **THANH-THANH**



NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM TẠI HOA KỲ

**** Ý Nguyên ****

Sau ngày Sài Gòn thất thủ - 30 tháng Tư năm 1975, và sau nhiều năm nổi tiếp, người phụ nữ Việt Nam và gia đình của họ đã tới định cư tại Hoa Kỳ.

Người phụ nữ Việt Nam vốn đã bị ảnh hưởng rất sâu xa của Khổng Giáo và hầu hết họ được nuôi dưỡng trong niềm kiêu hãnh về văn hóa và phong tục của họ. Khi còn ở nhà, người phụ nữ phải vâng lời cha mẹ. Đến khi lập gia đình, người phụ nữ lệ thuộc về người chồng. Khác với phong tục của một số người Mỹ, người phụ nữ Việt Nam khi đã có chồng phải lệ thuộc vào gia đình nhà chồng. Họ không có quyền trở về ở bên nhà bố mẹ mình dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Ngay dù khi người chồng qua đời, người vợ thường ở giá suốt đời và hy sinh cả đời mình để nuôi nấng con cái. Đã có nhiều người phụ nữ ở Việt Nam lúc xưa đã được vinh danh, lãnh bằng khen vì sự chung thủy và đức tính hy sinh cao cả của họ để dạy dỗ con cái nên người. Đó là những tấm gương xán lạn mà người phụ nữ Việt Nam luôn luôn hãnh diện.

Trong một gia đình Việt Nam thuần túy, người chồng quyết định mọi vấn đề. Người vợ và con cái không có quyền bày tỏ quan điểm của họ. Người phụ nữ Việt Nam luôn luôn trông nom, giữ gìn nhà cửa, dạy dỗ con cái và hoà thuận với mọi người trong gia đình bên chồng. Hơn thế nữa, người phụ nữ có gia đình phải tự bỏ những sở thích riêng tư của mình và phục tùng người chồng và gia đình bên chồng. Họ chịu đựng âm thầm những ưu tư và phiền muộn.

Khi người Việt Nam di cư tới Hoa Kỳ, đời sống kinh tế và xã hội nơi đây đã làm thay đổi cuộc sống của nhiều phụ nữ Việt Nam. Cũng vì mức sống cao ở nước Mỹ mà người vợ phải làm việc bán thời gian hoặc suốt cả ngày để phụ giúp gia đình. Trong vài trường hợp người vợ tỏ ra có khả năng Anh Ngữ khá hơn người chồng khiến ông chồng cảm thấy bị đe dọa vì thua kém vợ.

Đã có những khó khăn cho người phụ nữ Việt Nam phải thích nghi trên mảnh đất xa lạ, với ngôn ngữ khác biệt và với văn hoá mới. Tuy nhiên giải pháp tốt nhất là họ phải từ từ, kiên tâm và cởi mở để học hỏi.

Sau nhiều năm định cư tại Hoa Kỳ, người phụ nữ Việt Nam bây giờ đã thực sự hoà mình vào đời sống mới nơi đây và họ có lối sống như người Hoa Kỳ. Họ cần phải đi làm để chung góp lợi tức với người chồng. Có nhiều người làm tới hai việc. Người phụ nữ Việt Nam rất thông minh và học hỏi nhanh chóng. Họ đã thích nghi với cái xã hội mới này. Họ đã hội nhập với đời sống mới và một số bắt đầu hời hợt với nền văn hóa cũ của mình. Tại nhiều tiểu bang trên nước Mỹ, những người phụ nữ Việt Nam có học vấn cao và có khả năng Anh ngữ thì họ trở lại đại học để tiếp tục học lấy bằng cấp. Có người là bác sĩ, luật sư, dược sĩ, nha sĩ, y tá, kỹ sư, chủ sự, chuyên viên xã hội, giáo sư, giáo viên ... và gần đây nhất có người là khoa học gia, chánh án, dân biểu trong Quốc Hội Hoa Kỳ, phi công trong Không Lực Hoa Kỳ v.v. Còn những người khác làm việc bằng sức lao động của mình cho các xưởng kim hoàn, hăng điện tử hoặc làm việc cho các nhà hàng ăn. Một số người có kinh nghiệm buôn bán và có nghề chuyên môn: mở nhà hàng, tiệm thực phẩm, tiệm may, tiệm hoa hoặc tiệm uốn tóc v.v...

Cũng do bàn tay khéo léo và óc sáng tạo của người phụ nữ Việt Nam nên sau một thời gian ngắn, người ta thấy

đã có nhiều tiệm nails của người Việt Nam hiện diện tại các thành phố trên khắp mọi tiểu bang của nước Mỹ cũng như trên nhiều quốc gia khác mà họ tới định cư.

Dù rằng người phụ nữ Việt Nam đang bị lôi cuốn vào cuộc sống mới lạ tại Hoa Kỳ, nhưng họ vẫn có thể duy trì nền văn hóa cổ truyền của họ. Nước Mỹ đã trở nên một quốc gia lớn mạnh là do sự đóng góp của nhiều nhóm người thiểu số và của nhiều quốc gia đa dạng. Chúng ta nên khen ngợi và đón nhận những đóng góp tốt đẹp mà người phụ nữ Việt Nam có thể thực hiện để tạo dựng một quốc gia Hoa Kỳ đã mạnh càng mạnh thêm. Chúng ta phải học hỏi lẫn nhau rất nhiều. Chúng ta cần sự giúp đỡ của nhau.

Người phụ nữ Việt Nam luôn luôn là người ăn quả nhớ đến kẻ trồng cây.



Y Nguyễn

Maryland, June 2019



Mộng Ngào Cửa Lớp

Bâng khuâng mỗi độ hè sang
Mộng ngào cửa lớp phượng vàng đơm cây
Đồn bay bóng giữa tầng mây
Tương tư áo trắng đông đầy ngày qua...

Ngọt ngào ai tặng khúc ca
Tiếng đàn dịu dặt thiết tha trao tình
Chen thừng ánh mắt lung linh
Tình cảm một thuở học sinh nhớ đời...

Reo vui nắng cũng hé cười
Mực tím tím chép đôi lời thần thơ
Cô bé mười sáu dệt mơ
Mong làm người lớn đợi chờ sánh đôi

Bỗng dưng lửa hạ ực trời
Nỗi đau chia cắt biết lời nào phân
Chôn vùi tuổi ngọc bâng khuâng
Đai phượng trời biệt trùng trùng xa xăm

Cánh hoa thời loạn bao năm
Xỉ xa hoài vọng âm thầm nhói tim
Đông thơ nhoe nhoet im lìm
Người gieo con chữ giờ tìm sao ra!

Kim Dung

Design by Kim Dung

LỜI CHIA TAY ÊM ÁI

Patricio Pron

**** Trần C. Trí** chuyển ngữ từ tiếng Tây Ban Nha **



Patricio Pron (1975-) là nhà văn và nhà phê bình văn học người Á Căn Đình. Vào năm 2010, ông được tạp chí Granta của Anh Quốc (ấn bản tiếng Tây Ban Nha) chọn là một trong 22 nhà văn trẻ xuất sắc viết bằng tiếng Tây Ban Nha. Ông đoạt giải thưởng văn chương Alfaguara của Tây Ban Nha lần thứ 22 vào năm 2019 với tác phẩm *Mañana tendremos otros nombres* (tạm dịch: *Ngày mai chúng ta sẽ mang tên khác*). Truyện ngắn *El perfecto adiós* được chuyển ngữ dưới đây nằm trong tuyển tập

Trayéndolo todo de regreso a casa, do nhà xuất bản *El Cuervo* ấn hành tại La Paz, Bolivia, vào năm 2011.

Nắng xuyên vào trong xe, làm óng ánh mái tóc đỏ của người đàn bà ngồi ở băng ghế trước. Những sợi tóc mịn màng của bà tung bay theo gió. Thằng bé đang mãi mê nhìn phong cảnh hoang dã và bí hiểm trong ánh nắng rực rỡ của buổi trưa, trông như trong một cơn hoả hoạn, như thể làn không khí trong suốt đã bốc cháy, bị xé toang thành những vết sẹo và mở toác ra từng mảnh da thịt của cảnh vật, rồi thiêu đốt đi tất cả: những đám ruộng lúa mạch đập chùng, những ngôi nhà quét vôi trắng, những cái cối xay gió, những đứa nhỏ đang đi dọc theo con lộ, những con chó...

Thằng bé khẽ chớp mắt vì tóc của người đàn bà ngồi ở băng ghế trước

bay vào mắt nó, nhưng nó không lấy tay gạt ra mà cũng không ngừng nhìn với vẻ buồn bã - tất cả cảnh vật như đang bùng cháy bên ngoài. Người đàn bà tóc đỏ quay lại và cười với thằng bé, nhưng nó lại ngả người ra băng ghế sau và trốn dưới cánh tay rắn chắc của người đàn bà tên Ethel.

Tóc của Ethel không đỏ cũng không đen, mà có màu tối tối như những đêm khuya bà trải qua trong những chuyến viễn du; lúc nào bà cũng nói với khoe miệng trẻ qua một bên. Khi thằng bé hỏi sao bà lại như vậy, bà kể rằng bà đã bị liệt nửa khuôn mặt. Thằng bé không hiểu được câu chuyện bà kể, nhưng nó rất thích cách bà nói, một nửa của bà trò chuyện, còn nửa kia thì im lìm, vì Ethel giống như là hai con

người trong một người, và từ đó trở đi lúc nào nó cũng quán quýt lấy bà.

Hai người đàn bà nói chuyện với nhau rất ít. Thỉnh thoảng, trên đường đi, họ buông ra vài lời rồi bỏ lửng, và dường như cũng không nhắm tới riêng ai. Những lúc không ngủ, thằng bé lắng nghe những lời họ nói, để rồi sau đó gặng ghi nhớ những lời đó. Ethel bảo: “Ở chỗ này trước đây có lần...” rồi không nói gì nữa. “Ừ”, người đàn bà kia đáp lại, rồi nhìn lại lần nữa nơi mà họ vừa bỏ lại đằng sau. Thế là thằng bé bắt đầu lặp lại những lời như vậy: “Ở chỗ này trước đây có lần, ừ... Ở chỗ này trước đây có lần, ừ...”, nhưng thậm chí những lời đó nó cũng chẳng thấy có ý nghĩa gì; trái lại chúng còn làm nó rối trí hơn và biến thành những âm thanh kỳ cục và khó hiểu mà nó cứ nghe đi nghe lại trong đầu cho đến khi thiếp ngủ trở lại. Đối với nó, chữ nghĩa lúc nào cũng làm nó rối trí; ít nhất là từ khi bố nói với nó rằng chữ nghĩa chỉ là những điều lừa dối không nên tin tưởng, là thứ mà Quỷ sứ thường dùng lúc hiện hình. Có lần người bố bảo: “Chỉ có một chữ duy nhất, đó là chữ “Chữ”, và cũng như mọi lần khi người bố nói chuyện với nó, thằng bé co rúm lại trong cơn sợ hãi sâu xa lẫn kính phục, và nó hiểu rằng bất cứ điều gì bố nói, bất cứ chữ gì bố dùng để giải thích điều gì đang xảy ra, nỗi sợ hãi mà nó canh cánh trong lòng từ ngày mẹ mất

đi, hẳn đã là chứng cứ cho thấy Quỷ sứ đã bủa vây nó bằng những tấm lưới của chữ nghĩa.

Người bố cũng chẳng nói năng gì nhiều; suốt cuộc hành trình, ông cứ im lặng lái xe, giờ này qua giờ nọ, chờn vờn hai bàn tay quanh vô-lăng như một con rối. Thằng bé chỉ dám lâu lâu nhìn trộm bố, trong khi ông không hề nhìn lại nó; trong những lần hiếm hoi mà ông nói chuyện với nó, lúc nào ông cũng nhìn vào một chỗ xa xa phía sau, bên trên cái đầu của thằng bé, như thể là nó bé đến nỗi ông không tài nào tập trung ánh mắt bao quát của mình vào cái thân hình nhỏ bé của nó, một con kiến dưới cái chân của một con voi đang sẵn sàng bước tới một bước, hay cũng có thể là người bố không nhìn thẳng vào con để khỏi làm nó tổn thương, không làm nó đau đớn bằng ánh mắt, mà như có lần nó đã thấy, dữ dội như ánh sáng của những cơn nhật thực mà người ta chỉ dám nhìn qua một cặp kính bảo vệ, còn nếu không thế nào cũng đánh hư thị giác.

Tuy thế, nếu người bố không nhìn con, nếu ông tránh ánh mắt nó vì bối rối hay vì sợ làm nó tổn thương, thằng bé lúc nào cũng nhìn ông. Hiếm khi nó hướng đôi mắt nhỏ bé của mình để ngắm cảnh vật đang bốc cháy trên mái tóc của người đàn bà ngồi ở băng ghế trước, hay nhìn hai người đàn bà cùng hiện diện nơi Ethel, hầu như lúc nào nó

cũng dăm dăm nhìn bố, kiểu như một nhà côn trùng học hay kẻ đi săn kho báu. Đối với nó, bố là một người đàn ông cao to, mặc dù thực tế có lẽ không phải ông ta cao to mà là vì nó quá nhỏ bé. Người bố, trong một ý nghĩa nào đó, dường như có tầm thước một cách ngoại lệ, tựa hồ ông có thể vươn người ra mà che phủ hoàn toàn được mọi thứ; đối với thằng bé, ông là một ngoại lệ, một sinh vật kỳ lạ nhưng đồng thời cũng rất đối thân quen trong cuộc sống nhỏ bé thời thơ ấu của nó. Thằng bé tôn thờ bố như thể nó đã biết từ lâu rằng tất cả những người đàn ông mà nó sẽ quen biết trong suốt cuộc đời còn lại của mình, tất cả những người đàn ông sẽ đến và đi trong suốt những năm tháng về sau, không ai có thể so sánh được ngay cả với ngón chân út của bố nó. Mỗi khi nghĩ về bố, thằng bé nghĩ đến những điều ấm áp như chăn nệm, đầu điều thuốc rục rỏ, ánh mặt trời, những tấm ảnh đang bốc cháy, hay một đám lửa trại cao vút đầu trong một đêm thăm thẳm.

Hai người đàn bà trở nên sống động vào ngày thứ ba của cuộc hành trình, trong khi người bố vẫn tiếp tục giữ im lặng, nhìn thẳng vào con đường mở rộng ra trước mặt, chẳng nói chẳng rằng, còn đưa con thì đã bắt đầu thắc mắc họ đang đi đâu. Thằng bé hoàn toàn bị cuốn hút vào cuộc hành trình mà dường như chẳng đưa về đâu cả, trong khi cả bọn vẫn chạy qua những

cánh đồng, chỗ thì xanh tươi, chỗ thì trơ trọi, những cánh đồng tràn ngập lũ chim chân khăng khiu và đám bò thản nhiên gặm cỏ, nó đã bắt đầu nhớ đi nhớ lại giây phút người bố đã đem nó ra khỏi nhà để bắt đầu cuộc hành trình.

Hai đêm trước, người bố từ xưởng đóng tàu trở về nhà với hai mắt đỏ hoe, đỏ như màu sơn người ta vẫn dùng để sơn tàu thuyền. Trước đây, thằng bé đã từng thấy những con tàu mà bố đã sơn phết. Một buổi chiều nọ, thằng bé cùng mẹ ra xưởng đóng tàu, và mặc dù ký ức đó đã bắt đầu nhạt nhòa trong đầu mình, nó vẫn còn nhớ được nụ cười của bố, ông cười khi thấy đôi mắt của con trai hồng lên vì màu sơn đỏ bồng bênh trong không khí, làm tất cả như hoà nhập thành một. Chuyện gì đã xảy ra đêm hôm đó, thằng bé không thể nào biết được. Người bố về nhà và làm bếp cho hai bố con ăn, ông khéo léo bày bát đĩa ra trên tấm khăn bàn bản thiêu; hồi trước tấm khăn này còn trắng tinh, giờ đã ngả vàng, dính đầy những vết màu vàng của món xúp mà đêm nào người bố cũng nấu, và thằng bé nghĩ rằng nó cũng không khác gì tấm thực đơn trong một nhà hàng có ghi tất cả những món ăn, mặc dù món độc nhất của nhà hàng tưởng tượng do người bố làm chủ đó chỉ là món xúp màu vàng nấu với mì sợi. Vì thế tấm khăn trải bàn màu vàng dường như báo cho thực khách—không ai khác hơn là hai bố con, những người đã

thuộc nằm lòng tám thực đơn—về sự nghèo nàn, ít ỏi của nó. Thế rồi, đêm ấy, thằng bé đặt hai cái đĩa, hai cái thìa và hai ly nước lên bàn. Nó để thêm một miếng bánh mì còn lại ngày hôm trước; được xếp đặt xong xuôi, bàn ăn trông thiếu thốn một cách buồn bã. Chắc là vì như thế, thằng bé nghĩ thầm, mà bố chỉ múc nước xúp vào đĩa của mình và cứ ngồi dán mắt vào mặt bàn, chờ con ăn cho xong, và suy nghĩ mông lung. Sau khi rửa chén bát sạch sẽ, người bố vào phòng mình và đi đi lại lại một hồi lâu. Thằng bé vẫn nằm thao thức trên giường, im lặng quan sát những thanh xà ngang trên trần nhà, và nghe tiếng bước chân của bố ở phòng bên, tựa như một con thú bị giam cầm; người bố dường như đang thì thầm với chính mình, trần trở một cách thô bạo, làm căn phòng vang rền lên với tất cả sự giận dữ hay nỗi buồn của mình. Hơi ấm từ cái máy sưởi mà người bố đã tắt khi đi ngang qua căn phòng của con lần cuối đã bắt đầu tan loãng vào không khí nên thằng bé đành phải nhắm mắt cố ngủ cho khỏi thấy lạnh.

Người bố bước vào phòng của con khi trời chưa hửng sáng. Thằng bé hấp háy mắt, cơn buồn ngủ vẫn còn đè nặng, và chỉ thấy đôi mắt đỏ ngầu của bố sáng rực lên trong bóng tối như thể ông là một con ác quỷ. Người bố bảo con: “Mình sẽ đi chơi xa, con ạ”, đoạn ông vắt lên giường bộ quần áo mà

thằng bé đã thay ra ngày hôm trước. Thằng bé hấp tấp, vụng về mặc quần áo vào; nó thầm nghĩ, nếu mình không vội vã thì chắc bố sẽ bỏ mình ở lại. Vừa mặc quần áo xong xuôi, nó đã nghe bố nói: “Đi thôi, con!”; thằng bé ra khỏi nhà và ngồi vào xe.

Bên trong xe lạnh ngắt, thằng bé Chuỗi người vào giữa những chỗ ngồi nhấp nháp và lạnh lẽo như bụng của một con cá. Người bố đóng cửa xe lại. Lúc bấy giờ thằng bé mới nhớ ra rằng mình đã bỏ quên ở nhà sách vở đi học mà lúc nào nó cũng mang theo mình, vì trong cái túi của một tấm bìa nó có cất một tấm ảnh của mẹ mà bố đã đưa cho. Đó là một tấm ảnh cũ đã nhiều năm về trước, chụp lấy liền bằng máy Polaroid. Màu sắc đã bắt đầu phai nhòa, khiến phong cảnh trong ảnh mang một vẻ mờ ảo, nhưng trên cái nền màu xanh tái tái của nó, người ta vẫn còn nhận ra được nét mặt tươi cười của hai mẹ con. Thằng bé phụng phịu muốn vùng ra khỏi xe để vào lấy tấm ảnh trước khi bố biết được, nhưng người bố đã vội vã lên xe và cho xe chạy đi. Giọng nói yếu ớt của thằng bé van lơn bố hãy khoan nổ máy vì nó còn để quên vật gì ở trong nhà chợt tan loãng trong không khí lạnh lẽo của buổi sáng sớm. Chiếc xe nổ máy, bỏ lại phía sau căn nhà, khuôn mặt nhợt nhòa của người mẹ trong tấm ảnh và giọng nói trẻ con của thằng bé.

Sau đó thì hai người đàn bà mới xuất hiện, vừa khi thằng bé bắt đầu hiểu ra mọi người sẽ đi đâu. Vào một lúc nào đó trong đêm đầu tiên của cuộc hành trình, người bố dừng xe lại và ngồi lặng im nhìn màn đêm phủ xuống miền thôn dã; đoạn ông lấy từ băng ghế sau trong xe một cuốn sách có bìa màu đậm và đọc lớn giọng, cho thằng bé và cho chính mình nghe, những chữ, những lời buồn bã đầy trách móc. Lẩn khuất trong những lời ấy là một niềm hy vọng được làm lành với nhau. Trong lúc ngấm màn đêm và nghe những lời bố đọc, thằng bé tự hỏi những lời lẽ ấy, cũng như bao nhiêu lời lẽ khác, phải chăng cũng là những thứ mà Quỷ sứ dùng để lừa dối nó, nhưng liền khi đó nó nghĩ chắc không phải vậy, bởi vì những lời mà người bố cứ lập đi lập lại, “Tôi đã chịu đựng những điều kinh khủng từ nơi anh, và bây giờ tôi không còn chịu nổi nữa”, có vẻ như từ ông và câu chuyện của chính ông mà ra chứ không phải là của Quỷ sứ.

Ngày hôm sau, khi thằng bé bắt đầu lơ mơ hiểu chuyện, đang lo lắng lẫn tò mò ngó đến cuốn sách mà người bố đã đọc trong đêm qua, hai người đàn bà đã xuất hiện vào thời điểm đó. Người bố dừng xe lại trước một cái quán nằm bên vệ đường vào giữa trưa. Trong quán thật vắng vẻ. Người bố chọn một chỗ khuất trong quán, cách cửa ra vào vài mét; thằng bé ngồi xuống bên cạnh bố. Nhìn qua khung cửa sổ tối tăm của

cái quán, chiếc xe trông như một vật gì lạ lẫm, một sản phẩm từ một thời nào khác, từ một nơi nào khác, đã lén vào tác phẩm của một họa sĩ lơ đãng. Rồi mắt khỏi chiếc xe, thằng bé nhìn tấm khăn bàn lộ chỗ những vết tròn màu xám. Nó sắp sửa hỏi bố những vết tròn đó là gì, ở quán này người ta bán món ăn nào mà đã để lại những vết màu xám trên khăn bàn, chứ không phải là màu vàng như ở nhà, thì người bồi bàn đã bước đến. Người bố gọi món ăn cho hai bố con và khoát tay khi người bồi bàn chìa ra tấm thực đơn. Khi anh ta vừa đi khỏi, với vẻ mặt chán chường rán làm ra như tôn trọng khách, thằng bé nghe giọng nói của hai người đàn bà.

Lúc quay lại, người bồi bàn mang một bình nước và hai cái ly. Thằng bé cầm lấy một cái và tự rót nước cho mình, nhưng người bố ra hiệu cho nó khoan uống nước đã. Nó quay ra nhìn bốn bức tường trong quán có dán đầy những bìa tạp chí túc cầu cũ kỹ đã bắt đầu phai màu như tấm ảnh của người mẹ: những người đàn ông đội mũ, mang giày nâu và mặc quần đen rộng thùng thình trông khá khôi hài và khó chịu. Xa hơn nữa là một tấm bảng hiệu nhấp nháy đèn và phát ra một thứ âm thanh đều đều, gấp gáp. Vài bóng đèn trên bảng hiệu đã bị cháy nên thằng bé không thấy rõ hai chữ đầu, một chữ “o” và một chữ “l” lồng vào nhau ngay trên

đầu của hai người đàn bà mà nó đang nghe nói chuyện.

Thằng bé định chỉ cho bố thấy hai người đàn bà thì nó biết ra ông đã để ý đến họ và đưa mắt nhìn một cách dò xét mà từ trước tới giờ nó chưa bao giờ nhận thấy. Lúc này, người bồi bàn đã trở lại với hai đĩa thức ăn. Thằng bé thôi không nhìn hai người đàn bà nữa: nó mê mẩn nhìn đĩa thức ăn đầy tú ụ và sững sờ khi ném qua vị béo ngậy của món thịt. Mùi vị đó đối với nó thật lạ lẫm. Nó ngẫm nghĩ, trong lúc ăn những miếng khoai xếp vòng quanh mép đĩa, đến món mà nó thực sự muốn ăn hơn, món mà nó thèm muốn hơn ngay trong lúc này, chính là món xúp của người bố, với những sợi mì trắng trắng nổi lều bều trên mặt nước dùng vàng vàng mà đã thường để lại những dấu lấm lem nho nhỏ trên khăn bàn và quần áo.

Trong khi thằng bé vẫn đang ăn, người bố nói mà không nhìn nó: “Con ngồi đây chờ bố quay lại nhé”. Thằng bé định phản đối, nhưng ánh mắt lạnh lẽo như thể được làm bằng giấy của bố xuyên suốt người nó, đã làm nó nản lòng và đành phải làm thinh. Người bố đứng dậy, rời khỏi bàn và đi về phía gần cửa quán. Ông nói chuyện một lúc với một trong hai người đàn bà, người có mái tóc đỏ như lửa, rồi bà ta đứng lên đi cùng với ông về phía cửa ra vào. Bà ta quay lại và nói gì đó với người đàn bà đi cùng, đoạn bà ta đẩy cánh

cửa và đi ra ngoài cùng người bố. Thằng bé nhận thấy người đàn bà đó cao hơn là nó tưởng trong lúc nó quan sát bà ta. Nó thấy đôi chân của bà dài và linh hoạt như chân của một con chim mà có lần nó đã được xem ở sở thú. Lúc nó sắp sửa chạy theo hai người thì người đàn bà còn lại đã đến bên nó và ngồi xuống nói: “Chào cháu!” bằng nửa cái miệng. “Chào cô,” thằng bé đáp, thoáng sợ hãi. Người đàn bà hỏi nó tên gì và bảo: “Cô tên là Ethel, còn cô kia tên là Nai”. Thằng bé ngồi im. “Bố cháu sẽ trở lại ngay thôi”, bà ta nói thêm. Thằng bé khẽ gật đầu; nó nhìn như bị thôi miên hai nửa của khuôn mặt người đàn bà tên là Ethel: Một nửa đang mỉm cười với nó và hỏi han nó, còn nửa kia bất động, gần như đang ngủ, và mí mắt của nửa này rủ xuống trên con mắt đen của bà ta. Người đàn bà giải thích: “Trước đây có lần cô đã bị liệt khuôn mặt”. Thằng bé lại gật đầu nhưng cũng chưa hiểu hết sự việc. “Chuyện này xảy ra sau khi cô sống ở một vùng quê có rất nhiều bò. Ở vùng đó có một cái cối xay gió và một ngôi nhà nhỏ với giàn dây leo ở lối vào, lúc nào cũng đầy ong. Lũ bò ở bên ngoài, trông có vẻ như vô hại và chán chường, nhưng”, người đàn bà đưa mặt gần đến mặt thằng bé hơn, “thật ra lũ bò không vô hại đâu, chúng là những con vật dữ dằn, ở giữa cặp mắt của chúng có dấu hiệu rằng chúng là

những con thú của Quỷ sứ, chúng có tất cả những dấu hiệu của loài quỷ in hằn trên da. Cô biết được điều này vào ngày mà chúng lăn ra chết cả. Chuyện là như vậy: một đêm cô nằm mơ thấy lũ bò đi vào nhà cô và húc đổ mọi thứ trong nhà, bàn ghế, tranh ảnh của những người đã chết, kể cả những tấm gương; sáng hôm sau, cô ra khỏi nhà và thấy đâu đâu cũng đầy bò nằm chết la liệt. Cô lại gần để xem xét. Chúng không có một vết thương nào trên người cả, mà chỉ có một búng máu bầm đen phọt ra từ những cái mõm há hốc của chúng; với những cái mõm há hốc như thế, chúng như đang cười nhạo cô và báo cho cô biết cô sẽ là người kế tiếp, vì vậy cô mới trốn khỏi vùng quê để đi đây đi đó, làm những chuyện mà đã để lại dấu vết trên gương mặt của cô. Bác sĩ cho cô biết cô sẽ như thế này mãi mãi, bác sĩ nào thì cũng nói như thế, nhưng cô biết là Chúa sẽ chữa lành cho cô". Người đàn bà tên Ethel rút ra từ túi áo một tấm ảnh Chúa Giê-su, hôn lên nó đoạn bắt thằng bé làm theo. Thằng bé đặt môi trong giây lát lên mặt ảnh làm bằng giấy cứng và ngửi thấy một mùi tựa như mùi hoa héo. Elthel nói thêm: "Chúa sẽ cứu cô khỏi mọi điều xấu xa, bởi vì Người là đấng toàn năng, Người làm giảm đau khổ cho những ai tội lỗi như cô và che chở họ trước mặt Đức Chúa Cha Hằng Sống". Thằng bé vẫn ngồi im lặng, không hiểu gì cả. Chợt

người đàn bà bật khóc, gọi người bồi bàn đem lại hai cái kẹo caramel và cả hai cùng ngồi lặng lẽ nhai kẹo, vừa vuốt thẳng thơm tờ giấy bọc kẹo trên mặt bàn cho đến khi những hàng chữ trên đó biến mất cả, trong lúc vẫn nghĩ đến câu chuyện lũ bò mà Quỷ sứ đã viết ra. Một lúc sau, người bố trở lại cùng người đàn bà tóc đỏ. Bà ta lại gần thằng bé, vuốt tóc nó và hỏi nó tên gì. Thằng bé không trả lời vì nó nghĩ mình không nên nói tên hai lần trong cùng một ngày. Ethel nói tên thằng bé, và người đàn bà kia mỉm cười với nó với cặp mắt sắc cạnh và nghiêm nghị, cặp mắt của những người chết hay của một người không hề ngủ từ năm này qua tháng nọ, đoạn bà ta hỏi thằng bé: "Cháu có muốn hai cô đi cùng không? Cháu muốn mình cùng đi đến Buổi Lễ chứ? Thằng bé lắc đầu, hướng mắt về phía bố; ông trả tiền cho người bồi bàn và vẫn cùng hai người đàn bà đi ra; và thế là Ethel và Nai bắt đầu cuộc hành trình với hai bố con.

Trên đường đi, mọi người rất ít trò chuyện với nhau. Người bố kể cho hai người đàn bà nghe vì sao ông quyết định cuộc hành trình với con trai mình, và cả hai chỉ im lặng lắng nghe, nhìn thằng bé với vẻ vừa khâm phục, vừa sợ sệt. Dẫu sao thì người bố cũng không nói nhiều, nhưng chỉ một chốc lát đó thôi cũng đủ cho thằng bé vờ như đang ngủ để nhìn cảnh vật bốc cháy trên mái tóc của Nai. Rồi ông kể

rằng con trai ông có lần đã toan treo cổ, quần dây thừng quanh cổ trong khi ông đang ở xưởng đóng tàu, cột đầu dây kia vào cái xà ngang trên trần phòng ngủ của nó. Nhưng sợi dây thừng bị đứt ngang nên thằng bé ngã xuống đất, bất tỉnh nhưng thoát chết. Người bố bắt gặp con trong tình trạng đó đêm hôm ấy và vặn hỏi nguyên do nhưng thằng bé tuyệt nhiên không hé môi nói lời nào. Tuy vậy, theo người bố, chuyện đã rõ như ban ngày: “Ác quỷ đã chiếm ngự linh hồn của thằng bé”, ông nói vậy và từ đó trở đi lại im lặng trong suốt đoạn đường còn lại của cuộc hành trình. Hai người đàn bà xầm xì với nhau một lát, rồi người đàn bà tên Nai hỏi thằng bé: “Cháu có nhớ mẹ không?”. Thằng bé không trả lời, vẫn vờ ngủ. Người bố bảo nó, với đôi mắt đỏ ngầu mà nó từng thấy ở xưởng đóng tàu, rằng tốt nhất là nó nên ngủ thật sự, nhưng thằng bé không thấy buồn ngủ, vẫn thao thức trong suốt quãng đường còn lại, lắng nghe tiếng động cơ của chiếc xe và tưởng tượng, với đôi mắt nhắm nghiền, rằng tất cả mọi vật chung quanh đang bùng bùng bốc cháy.

Khi thằng bé mở mắt ra, nắng đã lên cao ở chân trời. Nó khẽ khàng ngồi dậy, cố thoát ra khỏi vòng tay của người đàn bà tên Ethel đang đè lên người nó, ngủ say. Thằng bé chồm ra chỗ trống giữa hàng băng ghế trước,

vừa tránh nhìn thẳng bố, vừa hỏi: “Mình đi đâu vậy hở bố?”. Trong lúc ngủ, người đàn bà tên Nai búi tóc lên cao ở đỉnh đầu; búi tóc làm dáng vẻ xa cách của bà ta nổi bật hẳn lên, như thể bà muốn tách biệt với một nơi chốn nào đó, ngay cả trong lúc đang nằm bất động. Người đàn bà liếc qua nhìn người bố trong một giây rồi trả lời: “Chúng ta đến dự một buổi lễ rửa tội”. “Rửa tội là cái gì?”, thằng bé hỏi. “Đó là một nghi lễ mà trong đó con người được gặp gỡ Chúa”, Nai đáp, “Cháu sẽ gặp Chúa và cháu sẽ không còn muốn chết nữa”, bà ta nói thêm, nhưng thằng bé hết nhìn bà rồi lại quay qua nhìn bố, chất vấn: “Tại sao cháu lại phải gặp Chúa? Tại sao lại là cháu chứ?”, nó vặn lại. Người đàn bà tên Nai không nói gì nữa. “Tại sao chúng ta phải đi xa mới gặp được Chúa?”, thằng bé lại thắc mắc.

Thình lình chiếc xe giật mạnh lên rồi dừng hẳn lại. Thằng bé lao vào dưới vòng tay che chở của Ethel, lúc này đã thức dậy vì cú giật mạnh, như thể là thằng bé là người gây ra chuyện đó. Người bố cố cho xe chạy trở lại nhưng chiếc xe nhất định không chịu nổ máy. Người đàn ông thử thêm một hai lần nữa rồi bước ra khỏi xe, mở cái ca-pốt lên. Bên trong xe tối sầm lại nên thằng bé không biết bố đang làm gì. Người

đàn bà tên Nai mở cửa xe ra và cũng bước xuống, trong lúc người đàn bà tên Ethel vẫn ngồi trong xe, nhìn qua cửa sổ. Thằng bé cũng nhìn ra bên ngoài và thấy rằng vùng quê không còn đang cháy nữa. Ở chính những chỗ mà trước đây đã bùng lên ngọn lửa đỏ trên mái tóc của người đàn bà tên Nai, giờ đây toàn những bò là bò. Đàn bò trắng đen lẫn lộn đang rống lên những tiếng nghe thật kinh sợ mà thằng bé tưởng chừng như chỉ dành riêng cho nó. Tiếng rống càng lúc càng vang rền hơn trong không gian và được những loài thú khác đồng thanh đáp trả, như thể tất cả những con bò của vùng quê cháy rụi đã mãi mãi tràn vào những cơn mơ treo cổ của thằng bé. Tiếng rống kinh hãi của lũ bò chết trong câu chuyện của người đàn bà tên Ethel, cảnh vật bất động mà trong đó thằng bé, người bố và người đàn bà tên Nai đang nhìn chiếc xe chết máy, những dấu ấn trên làn da cháy bỏng của cảnh vật như những lời của Quỷ sứ, in hằn trên

những con bò và những màu sắc nhạt nhòa trong tấm ảnh của người mẹ, tất cả là - mặc dù thằng bé vẫn chưa hiểu hết - một lời chia tay êm ái với những ảo tưởng của ấu thời.



Trần C. Trí

- **Viết cho Làng Văn, Canada (1987-1997), Da Màu và một số nhật báo tại Orange County, California.**
- **Dạy đại học (ngôn ngữ học, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt).**
- **Hoạt động văn hoá và giáo dục trong cộng đồng địa phương.**
- **Xuất bản sách giáo khoa và từ điển ngôn ngữ học và ngoại ngữ.**
- **Hiện cư ngụ tại Orange County, California.**



SỚM MAI LÊN PHỐ MÂY HỒNG

Còn tôi với khối sầu dài
Là tôi hệ lụy, là người đa đoan
Ốc trong hải đảo lặng câm
Tôi trong thao thức âm thầm nỗi tôi
Sáu mươi năm, giấc mơ đời !
Sáu mươi tuổi lẻ mây trôi hững hờ,

Chút gì tôi gửi trong Thơ
Phải Chùm Mây Nổi, bên bờ Hư Không
Chút gì tôi giữ trong lòng
Giọt Sương trên những cánh Hồng mùa xa
Tôi trong Cõi Nhớ nhạt nhòa !
Tôi trong Cõi Thức xót xa Thơ Đề
Một đời nghiệp chướng u mê
Gọi Thơ Tri Kỷ ! Bốn bề tịnh không ...

Sớm Mai Lên Phố Mây Hồng
Suối Nguồn Bát Nhã, Trăng Dòng Hoa Nghiêm
Chẳng còn hệ lụy ưu phiền
Lại nghe Chim hát một miền thanh phong
Nắng lung linh Hồ tịnh trong
Suối Hoa bát ngát, xanh dòng Huyền Vi ...

Tưởng như Trời, Biển thăm thì,
Kính Vô Ngôn, Đẹp lối về Giác Hoa
Không còn Thơ, Chẳng còn Ta !
Tịnh Không như huyền la đà khói sương ...

Bút Nào Viết Chữ Vô Thường
Bút Nào Gọi Gió Mùì Phương Góp Vần;
Chợt nghe Lắng Phím Đàn Tâm
Nửa Cung Tài Mệnh, Mấy Vần Thơ Hoa
Mệnh mang một Giải Ngân Hà ...

Tuệ Nga

(Thi Phẩm: Về Bên Suối Tịnh)



BALI VÀO HẠ

**** NGUYỄN QUÝ ĐẠI ****

Indonesia dân số khoảng 269.448.804 triệu người. Diện tích: 1.812.108 km², gồm 17.508 đảo lớn nhỏ và có 120 núi lửa. Thời tiết ở Bali chia thành hai mùa, mùa khô bắt đầu từ tháng 4 cho đến tháng 9, còn mùa mưa bắt đầu từ tháng 10 cho đến tháng 3 năm sau. Tháng tư vào hạ chúng tôi du lịch đến vùng cao nguyên Ubud Bali, cách xa phi trường Depansar (DPS) 45 km. Bali còn 3 núi lửa đang hoạt động là núi: Agung, Bromo, Merapi.

Đảo Bali có diện tích 5700 m², dân số hơn 3,8 triệu. Đời sống ở Bali theo truyền thống tôn giáo Hindu. Ubud là trung tâm văn hóa, phát triển hàng thủ công rất hưng thịnh, các làng xung quanh Ubud như: Campuhan, Penestanan, Peliatan và Batuan chuyên nghề thủ công, điêu khắc, bán trên khắp đảo.

Chợ Ubud (Art Market) nơi bày bán rất nhiều mặt hàng lưu niệm điêu khắc tinh xảo bằng: gỗ, tre, dừa và đá, giỏ xách, các sản phẩm từ vải lụa... với du khách họ thường nói giá cao, nếu thích nên trả giá từ 1/3. Trung tâm của Ubud, nhiều cây xanh mát mẻ, dọc theo đường phố nhiều đền thờ, tượng các vị thần lớn nhỏ, ngày đêm luôn nhộn nhịp du khách.

Bản sắc văn hóa ở Bali được thể hiện qua đời sống và các lễ hội. Đạo Hindu thờ đa thần, các vị thần khác nhau, trong đó ba vị thần quan trọng nhất là thần Shiva - đấng tạo hóa; thần Vishnu - đấng bảo vệ muôn loài và Brahma. Tín hữu đạo Hindu rất tin và sùng đạo, hàng ngày thờ cúng tại nhà và thường xuyên đến đền. Khi bình minh vừa ló dạng đã có từng nhóm đàn bà đội lễ vật đi cúng đền. Lễ vật là những cánh hoa vạn thọ, hoa sứ, cái bánh nhỏ hay cây kẹo, điều thuốc, cục xôi nhỏ như ngón tay trên lá chuối... và cây nhang để trong cái đĩa vuông làm bằng lá dừa tươi 4 cạnh đều nhau. Họ đến từ cổng này qua cửa khác, đặt các lễ vật đó lên thành đá hay ngưỡng cửa, có khi ngay cả trên vỉa hè, vệ đường để tạ ơn một thần linh nào hay để cầu khẩn ma quỷ đừng quấy nhiễu...

Người dân Bali ăn mặc khá kín đáo, do vậy khi vào đền, chùa du khách phải mặc áo che kín vai, dù mặc quần dài nhưng phải quấn khăn (selendang) hay xà-rông (kain kamben). Indonesia là quốc gia theo Hồi giáo đông nhất thế giới; tuy nhiên khác với Malaysia và Brunei, trong Hiến pháp Indonesia không chọn tôn giáo này là quốc giáo. Người dân cũng như chính quyền Indonesia hơn 3-4 thập niên trước đã

từng mở rộng vòng tay nhân ái đã đón nhận thuyền nhân Việt Nam. Người Việt đi định cư nước thứ 3 nhưng không bao giờ quên ơn. Những năm qua, Indonesia bị thiên tai Tsunami người Việt đã quyên góp tiền gọi cứu trợ nạn nhân.



Môi trường sống ở Bali trong sạch không bị ô nhiễm, nhiều rừng cây xanh, sông suối phong cảnh thiên nhiên đẹp không bị công nghiệp hóa. Nổi bật nhất ở Ubud là ruộng bậc thang, (Tegallalang Rice Terraces) được bao quanh bởi những hàng dừa xanh bát ngát. Ubud Palace (cung điện Ubud), từng là nơi sinh sống của các hoàng gia Ubud, cung điện kiến trúc theo đạo Hindu độc đáo nhiều cây cổ thụ xanh tươi sum xuê bóng mát. Show ở Ubud Palace, diễn tối thứ 5 hàng tuần, trình diễn các điệu múa truyền thống.

SỐ 85

Những khu nhà màu nâu sậm của mỗi gia đình kề nhau, đều có cửa ngõ hẹp riêng luôn xây bức bình phong ngăn chặn ma quỷ, quanh nhà và vườn được xây tường hay vách đất để bảo vệ sự ấm cúng gia đình. Mỗi khu nhà là một đại gia đình qua nhiều đời, ông bà nội, cha mẹ anh em ở chung với nhau. Anh tài xế kể, nhà anh ở trải qua 9 đời.



“Nhập gia tùy tục” đến Bali phải biết một phần phong tục tập quán. Người Bali không sử dụng giấy vệ sinh mà dùng nước để rửa và họ thường dùng tay trái để làm vệ sinh. Vì vậy, tay trái được coi như không sạch sẽ, du khách không nên dùng tay trái để chạm vào ai đó hoặc đưa thứ gì cho ai. Tuy nhiên khi mình dùng hai tay thì điều này lại rất được trân trọng. Trước khi bước vào lễ chùa thì cần bỏ giày dép ở ngoài. Khi bắt tay làm quen với người dân Indonesia cần dùng cả hai tay để bắt, không nên bắt một tay, đây là phép lịch sự tối thiểu. Không nên dùng ngón

trở để chỉ hoặc ra dấu cho người khác, không được chạm vào đầu người khác.

Thịt heo thường bị cấm ở các nước Hồi giáo, nhưng Bali phần đông theo đạo Hindu nên có món thịt heo quay đặc sản gọi là Babi guling (roasted pig) rất ngon. Heo sữa được ướp hương vị gồm hành củ, tỏi, gừng, củ riềng, nghệ, một loại hạt có vị giống như macadamia, ớt hiểm, rau thơm, tiêu đen, lá salam, muối và mắm tôm sệt trộn lẫn vào nhau. Trước đây, Babi guling thường chỉ dành cho những dịp trọng đại trong cuộc đời như đám cưới hoặc đám tang. Ngày nay, có lẽ do làn sóng du khách làm thay đổi, những nhà hàng bình dân phục vụ du khách món heo quay không còn giới hạn. Ngoài ra món vịt bebek Betuu gói trong lá chuối hay món tôm cay Sate Lilit, Ikan bakar (cá nướng), Be siap sambal matah (Gỏi gà sambal), món trộn thập cẩm Lawar ...

Du khách nên đổi tiền ở phi trường trước, ở ngoài đến quầy PT. Dirgahayu (kiosque sơn màu xanh lá cây) hoặc PT Kuta Central (màu xanh dương). Không nên đổi ở những cửa hàng tạp hóa hay ở chợ dễ bị lừa, đừng bao giờ đưa tiền trước cho họ cầm. Các nơi này thường để hối xuất cao nhưng đổi thì không trả đúng giá. Du khách sau khi qua cửa kiểm soát Passport, nhớ vào quầy lấy tờ Immigration card điền vào là mình không mang theo hàng lậu thuế để đưa

cho nhân viên quan thuế khi ra khỏi cửa.

Taxi cũng phải trả giá, từ phi trường DPS đi Ubud tối đa 250 ngàn IDR. Chúng tôi thuê xe có tài xế buổi sáng từ 9 đến 18 giờ chiều, trả 50\$. Tài xế nói tiếng Anh rất giỏi đón đưa đúng giờ, làm hướng dẫn viên luôn. Đi vào các đền, Rừng Khỉ (Monkey Forest) ruộng bậc thang, suối phải trả mỗi người từ 10 ngàn đến 40 ngàn IDR. Hối xuất thay đổi (1\$ = 14.109 IDR). Chúng tôi không thích đi theo tour, xem các danh lam thắng cảnh trước trên Internet (Sehenswürdigkeit in Bali) và lên chương trình đi chơi tự do không lệ thuộc người khác. Phải mua Sim card 4G, 200 ngàn IDR để sử dụng Internet, Google Maps.

Những danh lam thắng cảnh của Bali

Thác nước Nungnung phong cảnh thiên nhiên, nhiều bông hoa tuyệt đẹp đa dạng, hữu tình của rừng núi và đồn điền cà phê hoà quyện với mùi thơm cà phê giữa bầu không khí trong lành, phải đi xuống hơn 500 bậc thang có vài chòi để ngồi nghỉ, hít thở mùi hương tươi mát của rừng mưa nhiệt đới. Thác Nungnung là một trong những thác nước đẹp nhất ở Bali trên độ cao 900m so với mực nước biển, nếu người sức khỏe kém đau chân thì không nên xuống thác. Độ ẩm của rừng các bậc thang đá gần suối mọc rêu trơn trượt dễ té phải cẩn thận.

Thác Tegenung nhỏ có phong cảnh thơ mộng nhìn xuống thác đẹp, có nhiều tổ chim nhân tạo để du khách chụp hình, những bậc xuống thác không cao. Nếu mang theo quần áo tắm có thể tắm nước suối mát mẻ, có những dòng suối nhỏ chảy vào ống tre. Theo quảng cáo Bali có hơn 10 thác nước, nhưng nếu du khách đã đến Niagara Falls (Ontario Canada) thì thác ở đây không có gì hùng vĩ! Ở Việt Nam còn có nhiều thác đẹp hơn hấp dẫn cho du khách, nhưng phải để cảnh quang theo thiên nhiên tươi đẹp không nên Beton hóa.

Sacred Monkey Forest Sanctuary

Khu rừng nguyên sinh nhiều cây cổ thụ, rễ từ cành, thân cây rủ xuống như những tấm lưới. Trong rừng có đường, cầu qua suối nước chảy róc rách, từng đàn khỉ lông xám đùa giỡn với nhau. Trong bản chỉ dẫn khuyên du khách phải cẩn thận không nên chọc phá thì bị nó cắn hay mang theo thức ăn bị nó theo moi túi xách...Nhân viên bảo vệ trông coi đàn khỉ rất cẩn thận, du khách không bị nó giật kính hay máy hình.

Những ngôi mộ Gunung Kawi huyền bí

Những ngôi mộ hoàng gia (Königsgräber von Gunung Kawi) nằm trên vách đá dựng đứng trong hốc đá hình vòm cung, được coi là di sản văn hóa lâu đời của đảo Bali, đã tìm thấy

năm 1920, nằm trong thung lũng ruộng lúa màu mỡ của sông Pakerisan. Khoảng 300 bậc đường dẫn xuống sông đến những ngôi mộ. Hai bên đường bậc thang, có ghế dài để du khách ngồi nghỉ. Nhiều cửa hàng lưu niệm bán một sản phẩm: sarong và khăn templar, giỏ và bát dừa và gỗ, rỗng, điêu khắc nhỏ hàng may mặc và có thức ăn nước uống. Đi xuống đến cầu bằng đá sang bên kia sông, là lăng mộ hoàng gia Gunung Kawi, nơi này có nhiều huyền thoại được xây từ thế kỷ 11 dưới thời vua Anak Wungsu... Ở phía đối diện của dòng sông có những ngôi mộ đá khác, dành cho các nữ hoàng và phi tần nhỏ hơn. Gần đó là những ngôi đền đá có một ẩn thất tu viện cũ với những lối đi hẹp và những nhà nghỉ của các sư có từ thế kỷ thứ 9 và được coi là một bằng chứng của thời tiền sử của người Bali.

<https://bit.ly/2WVI005>



Ruộng bậc thang Tegallalang Rice Terrace

Khu ruộng bậc thang này chỉ là một khu ruộng nhỏ trên đảo nhưng được canh tác đẹp mắt, nằm trong khu vực du lịch nên được chú ý. Có lịch sử hơn 2000 năm, ruộng bậc thang ở Tegallalang mang một vẻ đẹp thiên nhiên với màu xanh của rừng dừa, chuối có những mái nhà tranh nhỏ.

Ruộng bậc thang Jatiluwih nằm ở phía Bắc làng Tegallalang tên gọi “Jatiluwih” có nghĩa là “thật đẹp”. Điểm đặc biệt và độc đáo của hệ thống ruộng bậc thang Jatiluwih là nó nằm trên sườn của ngọn núi lửa Batukaru, năm 2012 được UNESCO công nhận là di sản thế giới. Những thửa ruộng bậc thang là niềm tự hào của người dân địa phương. Ngày xưa, nông dân Bali sử dụng các công cụ thô sơ và canh tác truyền thống để phát triển nông nghiệp. Nhưng ngày nay với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, hệ thống ruộng bậc thang Jatiluwih hơn 600 ha, không chỉ là điểm đến nổi tiếng ở Bali mà còn là vựa lúa lớn nhất Indonesia, thu hoạch 3 vụ lúa hàng năm, họ áp dụng kết hợp kỹ thuật canh tác nông nghiệp hữu cơ và “Subak” theo truyền thống từ thế kỷ thứ 9! Những ruộng nước chảy từ núi về làm tươi tốt ruộng đồng không phải tát nước vất vả.

Đền Pura Ulun Danu Beratan

Ngôi đền độc đáo này nằm bên bờ phía tây của hồ Bratan ở độ cao 1.200m so với mực nước biển, ngôi đền linh thiêng này được xây dựng từ năm 1633. Vẻ đẹp của ngôi đền nhờ bên làn nước của hồ Bratan, không khí mát mẻ của vùng núi và cả làn mây trắng bay quanh. Những ngôi đền nước trên đảo Bali hầu hết dành riêng cho nữ thần nước Dewi Danu. Thần chịu trách nhiệm cung cấp nước cho ngành nông nghiệp.



Ăn trưa ở Kintamani ngắm núi lửa và hồ Batur

Địa điểm đẹp trên núi của cao nguyên Ubud là Kintamani, tại đây có các quán ăn mà từ đó có thể nhìn ra phong cảnh thoáng đãng mênh mông, yên tĩnh gió mát nhìn núi lửa Bratan và hồ Bratan. Thức ăn đơn giản là những món cá nướng ướp nhiều gia vị và ớt cay cay rất ngon.

Pura Lempuyang

Pura Lempuyang là ngôi đền xa nhất mà mình đã đi ở Ubud, cách trung tâm tầm hơn 80km và đường đi phần lớn lên dốc, ôm cua nhiều, đường được xây dựng khá tốt, hai bên đường đều là cây cối, ruộng bậc thang, không khí vô cùng thoáng đãng cho việc ngắm cảnh từ trên cao. Đây là một trong những ngôi đền cổ nhất và cũng là nơi có chiếc cổng đá được mệnh danh “Cổng trời / Heaven Gate”

Đền Pura Tirta Empul / die Heilige Quelle)

Tirta Empul là ngôi đền đẹp và độc đáo được xây từ thế kỷ thứ 10 trên núi thánh, nằm ở làng Manukau của trung tâm Bali, đền thờ để tôn vinh thần Shiva, Vishnu. Tirta Empul nghĩa là "suối nước thánh", hồ nước lớn hình chữ nhật chạm khắc đá, nơi 12 vòi phun nước từ mạch nước ngầm được xem như nước thánh chảy vào hồ. Tín đồ Hindu đến đền để cầu nguyện và xếp hàng xuống hồ thanh tẩy mình trong hồ nước. Họ đứng dưới vòi nước chảy trên đầu để thanh tẩy tội lỗi hồng trần. Nếu ai tin mà không thể xuống hồ có thể rửa tay dưới vòi nước, rửa mặt, hai bàn tay hứng nước đổ lên đầu và uống nước. Từ rửa tay đến uống nước tất cả đều phải làm 3 lần (3x4) thì sẽ sạch bớt tội lỗi.

Trong đền này có thờ Shiva linga (2) tượng sinh thực khí của thần Shiva (Thần Hủy Diệt và Tái Tạo) tượng trưng cho sức sáng tạo của thần Shiva, sức sáng tạo thiêng liêng, được phái Shaivite thờ khắp nơi. Tượng linga đi liền với tượng yoni (sinh thực khí nữ), tượng trưng cho sự hòa hợp của tự nhiên và năng lượng vũ trụ. Tượng này thường được làm bằng đá (giống như tượng thờ ở trong tháp Chăm ở miền Trung Việt Nam). Shiva linga có ba phần. Dưới cùng là một phiến đá phẳng hình vuông, ở giữa là bệ đỡ hình bát giác hoặc hình bầu dục (biểu tượng của yoni), trên cùng là một hình trụ đầu tròn - tức là linga. Linga (Sanskrit लिङ्ग linga) có thể cố định (achal) hoặc có thể di chuyển được (chal). Nhiều khi đền thờ chỉ cần có tượng linga mà không có tượng thần Shiva.

Pura Luhur in Uluwatu

Đền Uluwatu nằm ở vị trí đặc biệt trên vách đá cao 70 m. Ulu và watu ghép lại trong tiếng Indonesia cũng có nghĩa là “vách đá”. Vì thế Uluwatu còn được gọi là ngôi đền trên vách đá. Đến đây, ngoài ngôi đền thì cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ của núi và biển. Trên vách đá cao sừng sững nhìn xuống những con sóng to, trắng xóa đập vào bờ, nhiều đàn khỉ chạy quanh đền Pura Luhur Uluwatu nghịch ngợm, chúng giật mũ, kính, máy hình... tôi bị con khỉ trốn trên

bờ tường giật lấy cái nón rồi chạy lên cây, phải đi dưới trời nóng chang chang. Ban đêm show ở Uluwatu với các tiết mục đi trên than hồng, diễn lại các câu chuyện thần thoại của Indonesia khá thú vị.

Tanah Lot

Đến buổi sáng có thể ngắm trọn vẹn khung cảnh này, buổi chiều rất đông và thủy triều lên. Đền Tanah Lot còn được người dân địa phương gọi là Đền Thiêng, tại Tabanan cách Kuta 13km, ngôi đền được xây cách đây 600 năm, nằm ở 1 mỏm đá sát bờ biển, nối với đất liền bằng 1 dải san hô. Chỉ buổi chiều khi thủy triều rút thì mới có thể ra được đền để cầu nguyện thần linh ban phước lành. Nơi đây cũng là nơi lý tưởng đón hoàng hôn ở Bali.



Biển Sanur

Biển Sanur là một trong những khu vực phát triển du lịch tiên phong của Bali. Sanur yên bình nhẹ nhàng không ồn ào, náo nhiệt như Kuta. Sanur trải

dài khoảng 5 km dọc theo bờ biển phía Đông, với các khu vườn kiểng tươi tốt và nhiều cây xanh dọc bãi biển đầy cát trắng, nhiều hotel, restaurant, quán cà phê, quán có ghế massage, các cửa hàng bình dân bán áo quần, mũ dép. Bãi biển Sanur buổi sáng từ 9 giờ thủy triều dâng lên nước từ ngoài khơi chảy vào rất mạnh mang theo rong biển, buổi chiều từ 16 giờ thủy triều xuống từ bờ ra xa khoảng 1 vài km, có thể đi bộ trên rêu xanh. Nhìn chung các bãi biển ở Sanur - Kuta chỉ ngồi hưởng gió biển không thể tắm vì sóng cao chỉ dành cho giới surfing - lướt ván trên đầu sóng!

Bãi biển Kuta

Bãi biển Kuta nơi có nước biển trong xanh có thể nhìn thấy tận đáy, địa điểm du lịch thích hợp cho giới trẻ vui chơi lướt ván và lặn ngắm san hô. Kuta thu hút nhiều khách vì dọc theo biển là phố nhỏ, có nhiều trung tâm buôn bán lớn hàng hoá đa dạng. Nhiều restaurant của Nhật ăn ngon như bên Tokyo nhưng rẻ tiền hơn. Về chiều, các quán ăn dọc theo bãi biển người ta kê sát bàn ngoài biển, ăn nhậu vui vẻ, giá bình dân với các món hải sản, xiên gà satay, sườn nướng thơm ngon, Nasi Campur ...

Hai tuần lễ ở Bali ăn uống không bị đau bụng ra đường không sợ giật Iphone, môi trường sống không bị ô

nhiểm, mua bán không lời kéo chặt chém, không nhiều du khách từ Tàu lục địa ồ ạt... Đó cũng là lý do nhiều du khách Tây Phương thích tới Bali.

Xa xa núi lửa Agung đã phun trào, kéo theo cột tro bụi dày, cao tới 2 km, núi lửa này từng hoạt động mạnh tháng 6/2018, gây gián đoạn nhiều ngày tại sân bay Denpasar. Năm nay may mắn chúng tôi không bị ảnh hưởng, trở về Đức an toàn!

NGUYỄN QUÝ ĐẠI Germany

Tài liệu tóm lược đọc thêm:

(1) Đạo Hindu không có một Giáo chủ riêng, cũng không có một kinh thánh riêng mà dựa theo một số các bản kinh như Vedas, Upanishads, Puranas, Bhagavad Gita và các thiên sử thi Mahabharata và Ramayana đã đưa ra các hướng dẫn về tôn giáo và thực hành nghi lễ.

Đạo Hindu bắt nguồn từ khoảng 3.000 năm trước trong thời kỳ Văn minh Lưu vực sông Ấn của Ấn Độ cổ đại (2800-1900 tr.CN). Nó có nhiều giáo lý và nghi thức thực hành khác nhau nhưng xoay quanh Brahman, một đấng siêu nhiên được thờ cúng dưới nhiều hình thức. Brahman là một linh hồn bất tử hiện diện trong tất cả mọi thứ và được đại diện bởi một nhóm ba vị thần bao gồm Brahman-đấng Sáng tạo, Vishnu - người Bảo quản và Shiva- đấng Hủy diệt và Tái tạo. Lakshmi, vợ của Vishnu là nữ thần giàu sang, kiến thức, tinh khiết và là một vị thần được thờ cúng phổ biến trong các

đền thờ bách thần của đạo Hindu cùng với Rama, Hanuman và Krishna, mỗi một vị thần đều là hiện thân các mặt khác nhau của Brahman.

Người theo đạo Hindu tin vào việc thờ cúng thần linh. Nhiều tín đồ mộ đạo có bàn thờ tại nhà với hình ảnh của vị thần mà họ tôn thờ nhất để hàng ngày họ làm lễ cầu nguyện và dâng hương, hoa, trái cây ...Tín đồ Hindu đến đền thờ hàng tuần hoặc trong các dịp lễ hội đặc biệt, tại đó ngoài việc dâng đồ cúng cho các vị thần họ còn nghe các thầy tu tụng kinh. Sông (Hằng) Ganges được những tín đồ Hindu tôn sùng và thờ cúng như là nữ thần Ganga. Người ta tin rằng nếu được tắm ở dòng sông này sẽ rửa sạch hết tội lỗi, nghi thức tắm được cử hành mỗi 12 năm một lần tại Lễ hội Kumbh Mela ở thành phố miền bắc Allahabad, nơi hợp lưu của sông Ganges và sông Yamuna.

(2) Linga (tiếng Phạn: लिङ्ग linga, có nghĩa là "dấu hiệu") là một biểu tượng thờ phụng của vị thần Ấn Độ giáo Shiva. Tuy nguồn gốc của nó chưa được xác định, biểu tượng thờ phụng này ở Ấn Độ đã được sử dụng ít nhất là từ thời kỳ đầu của nền văn minh thung lũng sông Ấn. Đây là một trong hai vật thờ linh thiêng (cùng với yoni) của Ấn Độ giáo.

- Linga tượng trưng cho dương tính, có hình khối trụ đặt trên yoni (hình khối vuông, đại diện cho âm khí).

- Linga và yoni biểu thị cho tính âm-dương kết hợp, tạo ra sự hủy diệt và tái sinh của vũ trụ.

- Linga biểu hiện cho dương vật của thần shiva và còn yoni biểu thị cho âm hộ của nữ thần Shakti

CƯỜI VUI ĐỂ SỐNG

*Bạn bè đồng nghiệp, đồng môn,
Thời gian vui lấp sẽ chôn bạn mình.
Sáu mươi tuổi vẫn vô tình,
Ngày mai cuộc sống hành trình ra sao?*

*Bấy mười tham vọng ước ao,
Tham lam đủ thứ chưa bao giờ ngừng!
Khi mình vui khỏe không mừng.
Đợi khi đau yếu mới dùng Sơn Sĩ.*

*Tiền tài danh vọng giúp chi?
Tám mươi, chín chục bệnh thì nhiều thêm?
Quanh ta ai sẽ kể bên?
Bạn bè con cháu có nên cậy nhờ ?*

*Được vui, khỏe, trẻ mỗi giờ,
Hãy nên trân quý đừng chờ mai sau.
Niềm vui chia sẻ cho nhau,
Nụ cười xóa bớt khổ đau cuộc đời.*

*Thân quen thăm hỏi, chào mời.
Nhân duyên gặp được trao lời thương yêu.
Dù mình cũng chẳng cô liêu.
Sống vui, khỏe mạnh, phần nhiều do Tâm.*

*Nụ cười còn quý hơn Sâm.
Tham lam, đổ kỵ tự đâm Tim mình.
Gia đình, bè bạn, ân tình.
Là nguồn Hạnh Phúc An Bình, Bạn ơi!*



THÁI HƯNG PGH



Ngày 23 tháng 6 2019, vào một buổi trưa đầu mùa hè, một buổi họp mặt được tổ chức tại nhà hàng Harvest Moon, thành phố Falls Church, tiểu bang Virginia để mừng Cothom Foundation hoạt động vô vụ lợi liên tục được 24 năm.

Ban tổ chức rất vui mừng và chân thành cảm ơn 200 quan khách đã bỏ thì giờ quý báu đến chia sẻ niềm vui trong một cuối tuần rất nhiều sinh hoạt trong vùng. Một số quan khách phải “thân này ví xẻ làm đôi”, đến với Cỏ Thơm một chút rồi phải đến với picnic của Hội Y Nha Dược, tổ chức cùng thời điểm! Ngoài văn thi hữu còn có đông độc giả dài hạn lâu năm và thân hữu.

Ban điều hành cũng cảm kích khi thấy sự hiện diện, phản ánh lòng quý mến, của những thành viên hay đại diện các hội đoàn trong vùng như: Gia đình Trưng Vương, Gia đình Chu Văn An, Hội Ái Hữu Gia Long, Hội Ái Hữu Petrus Ký, Hội Người Việt Cao Niên, Hội Saigon-Gia Định, Liên Hội Cựu Chiến Sĩ, Văn Bút Miền Đông Hoa Kỳ, Hội Quốc Gia Hành

Chánh, Hội Cựu Cảnh Sát Quốc Gia, Hội Đồng Hương Huế, Hội Đồng Hương Quảng Trị, Hội Quảng Đà ...

Phan Anh Dũng, đại diện Ban Điều Hành Cỏ Thơm chào mừng và cảm ơn quan khách. Nhân dịp này anh cũng nhắc lại: *“Cỏ Thơm là một tổ chức văn học vô vụ lợi, phục vụ trong tinh thần Người Việt Quốc Gia chân chính và trong sáng, với một Ban Điều Hành và Ban Biên Tập tuy nhỏ nhưng đầy nhiệt tâm. Cỏ Thơm được tồn tại đến ngày hôm nay là nhờ sự cộng tác quý báu từ nhiều văn thi hữu trong vùng và các tiểu bang khác ở Hoa Kỳ, Canada, Pháp, Anh, Đức, Úc Châu. Nhưng quan trọng nhất vẫn là sự ủng hộ của độc giả, nhất là quý vị mua báo dài hạn. Chủ trương của Cỏ Thơm từ trước đến nay vẫn giản dị là: Duy trì và phát triển văn học nghệ thuật Việt Nam hải ngoại. Ngoài website Cỏ Thơm và Đặc San Cỏ Thơm online, chúng tôi vẫn cố gắng xuất bản “tờ báo in” tức là Tạp chí Cỏ Thơm, mỗi 3 tháng. Ngoài Ban Biên Tập chính thức, Cỏ Thơm vẫn nỗ lực tìm kiếm và khuyến khích những tay bút mới...”*

Trong không khí thân mật ấm áp tình nghệ sĩ và tình yêu văn học nghệ thuật, mọi người vui vẻ hàn huyên, thưởng thức những món ăn ngon và một chương trình văn nghệ chọn lọc, đa dạng do các ca nhạc sĩ trong vùng trình bày. Thi họa gia Vũ Hối, vừa qua cơn bạo bệnh, cũng cố gắng đến chung vui và tặng một đĩa thư họa đặc biệt cho Ban Điều Hành Cỏ Thơm...





VĂN, THI, HỌA, NHẠC SĨ, BIÊN KHẢO GIA, NHIẾP ẢNH GIA CỘNG TÁC VỚI CỎ THƠM

Hàng đầu từ trái: Đỗ Trang Mỹ Hạnh (NT Ý Anh), TT Thái An, Hồng Thủy, Ngọc Hạnh, Trương Anh Thủy, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Minh Châu, Phong Thu, Ý Nguyên, Cung Thị Lan, Hoàng Dung DC / Hàng giữa: Phạm Gia Hưng, Uyên Thao, Vũ Hối, Hoàng Song Liêm, Huy Lãm, Phan Anh Dũng, Cao Nguyên, Ngô Tăng Giao / Hàng trên cùng: Đinh Hùng Cường, Lý Hiểu, Phan Khâm, Nguyễn Tuấn, Võ Phú, Lê Trọng Lộc, Phạm Bá, Nguyễn Lân
(Không có trong hình: Phạm Trọng Lệ, Nguyễn Văn Bá, Diễm Hoa)

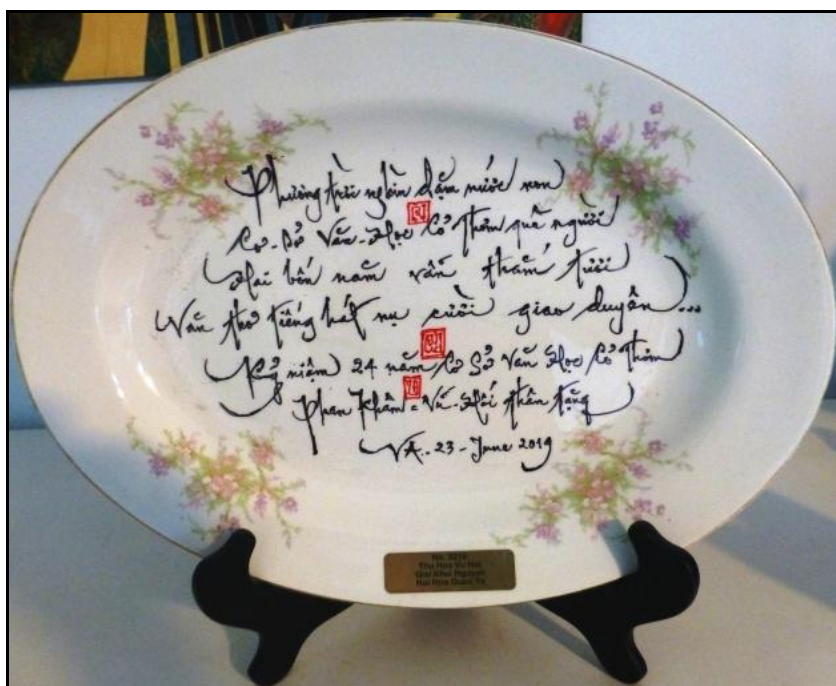


Mời xem nhiều hình ảnh và chi tiết ở website Cỏ Thơm:

http://www.cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1400&Itemid=36



Phan Anh Dũng đại diện Cỏ Thơm nhận quà của THG Vũ Hồi & NT Phan Khâm





NGHỆ SĨ CỘNG TÁC TRONG CHƯƠNG TRÌNH VĂN NGHỆ CỎ THƠM 2019

Hàng đầu từ trái: Bạch Mai, Tâm Hảo, Thái Phượng, Ý Nguyên, Như Hương, Loan Phượng, Hiếu Thuận, Mỹ Hạnh / Hàng sau: Hoàng Long, Phạm Dương Hiến, Vũ Phương, Nguyễn Xuân Thường, Nguyễn Minh Khải, Phan Anh Dũng, Đàm Xuân Linh, Nguyễn Cao Thăng, Hoàng Cung Fa (*Không có trong hình: Thái Ninh, Trần Thạnh, Tony*)







NHẠC YÊU CẦU

*** Ý Anh ***

Một năm một lần, và đã 24 năm như thế, tôi được gặp lại những khuôn mặt quen thuộc đến với buổi tiệc gia đình Cỏ Thơm. Có người mừng rỡ vì lâu lắm mới gặp lại. Có người mới đến cho thêm niềm vui. Và có người ra đi để lại nỗi buồn.

Nhìn mọi người rộn ràng lui tới đi lại trước khi vào tiệc, tôi nghĩ mình sẽ được gặp nhau như thế này trong bao nhiêu năm nữa nhỉ? Con số sẽ kéo dài hay nhỏ dần, nhỏ dần? Tự hỏi bi quan như thế, nhưng tôi không giảm niềm vui khi gặp được tất cả. Thực sự là tôi rất vui khi nhìn thấy nét rạng rỡ trên khuôn mặt mọi người. Gặp nhau, ân cần thân thiết hỏi han, bắt tay chào, vòng tay ôm, môi cười và mắt cũng cười. Vậy là đủ vui rồi, phải không?

Đến chào chú Vũ Hối, ông vừa khỏe lại sau một thời gian bệnh nặng. Chưa kịp hỏi thăm thì chú đã vồn vã hỏi trước:

- Con khỏe không, Hạnh?

Gặp thêm Vũ Quốc, con trai chú, cười toe:

- Còn ở chỗ cũ không? Làm lại một bữa gặp nhau đi chứ!

Tôi cũng phì cười. Tình cờ cách đây vài hôm, tôi nhìn thấy lại tấm hình cũ SỐ 85

Bằng chụp chú Hối, Quốc và tôi đứng trước lò sưởi ở nhà tôi cách đây vài năm.



Vài hàng vui nhắc lại thuở ngày-xưa-còn-trẻ! Vũ Quốc là thầy dạy vẽ “tài tử” của tôi thời còn ở Sài Gòn sau 75. Tôi nhớ lần đầu hân hạnh được gặp chú Vũ Hối lúc đó là ở tiệm vẽ, hình như trước khi chú bị bắt đi tù cải tạo thì phải. Cái thời rỗi rảnh đó của tôi là chỉ đi chơi, đi học đủ thứ, học làm bánh trái, học sinh ngữ, học đàn, học vẽ. Có hôm thầy Quốc chắc bỗng dưng nhớ “đào” nên đang giờ học mà cho đóng cửa tiệm, rủ cả nhóm học trò lớp vẽ đạp xe vòng vòng xuống phố Sài Gòn vì cô “đào” của thầy làm việc ở mãi đường Lê Lợi. Hôm đó xui sao cô ấy bận không nghỉ để đi chơi cùng được nên mặt thầy buồn xo, cụt hứng! Nhưng đi một hồi thầy cũng lại cười vui ào ào với học trò. Tôi còn nhớ một cô bé bị cầm học cùng giờ ở lớp vẽ, hay được bố đưa đón đi học. Cô bé vẽ rất

đẹp. Có tật có tài? Chị em trong lớp nói chuyện bằng cây bút chì viết qua viết lại đằng sau cuốn tập. Mới đây tôi tìm thấy lại cuốn tập vẽ đó, đã vàng ố theo thời gian. Lật lên từng trang, cảm xúc nhìn lại những chân dung họa lại bằng chì của mình. Ở góc trang bìa cuối, các câu viết nói chuyện với cô bé cầm đã mờ nhạt. Bây giờ cô bé này đang ở đâu nhỉ.

Thấy Diễm Hoa:

- Tí nữa Hoa nhớ nhắc nhé, chị có đem theo cây Tóc Tiên cho Hoa đây!

- Ô thích quá, cảm ơn chị!

Diễm Hoa cũng là một khuôn mặt ngày-xưa-còn-trẻ ở Sài Gòn trong chuyện của Bằng, ông xã tôi. Diễm Hoa là cô bé hàng xóm của Bằng. Bằng kể từng bị “ghen” nhằm vì có lần chở Hoa đi học! Bây giờ mỗi khi anh em hàng xóm có dịp gặp nhau là có khối chuyện ngày-xưa-còn-trẻ để kể.

Gặp anh Phạm Trọng Lệ vừa bước vào, tôi nói ngay:

- Anh Lệ ơi, lọ mứt anh cho hôm nọ sắp hết rồi!

- Mứt gì thế nhỉ?

- Dạ Peach, anh ạ.

- Ủ, thế hôm nào lại đưa cho loại khác nhé.

Anh Ngô Tăng Giao thì hầu như lần nào gặp nhau nói chuyện cũng nhắc:

- Hôm nào làm một cuộc họp mặt nhắc về thơ của ông già đi chứ.

Tôi cười trừ:

- Dạ thôi anh ạ. Em làm không được đâu.

Ông già đây là bố tôi. Bụt chùa nhà không thiêng!

Ngồi ở một góc bên sân khấu tôi lắng nghe âm nhạc của quá khứ đang đầy lên. Chương trình tuyển chọn những bài nhạc hay. Chiều trên Phá Tam Giang, lời thơ Tô Thùy Yên, nhạc Trần Thiện Thanh làm tôi rung động nhức nhối.*Giờ này có thể trời đang mưa, em đi dưới hàng hiên suốt mưa, nhìn bong bóng nước chạy trên hè, như cánh hoa nở vội...*

Nhìn xuống phòng tiệc, nhìn từng khuôn mặt người quen, tôi lan man nhớ lại nhiều chuyện ngày xưa, rồi nhìn lại mình. Mỗi năm gặp mọi người là thêm một tuổi! Nhưng tôi không thấy ai thay đổi gì nhiều. Tôi cũng thế, nghĩ hình như mình cũng chưa có gì thay đổi lắm. Chắc có lẽ vì cuộc sống của tôi vẫn vậy, vẫn đều đều trôi. Tôi vẫn ngắm con đường đi qua mỗi ngày, mong manh với mưa hoa nắng lá, miên man ý nghĩ quay quanh trong đầu. Cảm thấy an ủi khi biết mình, dù đã rất xa cái thời ngày-xưa-còn-trẻ, vẫn còn có những con đường bình an để đi, may mắn có ngôi nhà xinh để ở, có cây lá bốn mùa thay đổi hòa quyện vào

mình một cõi riêng hiền hòa êm ả. Và cảm thấy hạnh phúc khi có bạn, người đi cùng tôi trong suốt con đường này, bạn đường. Ngẫm nghĩ, tiếng bạn đường sao đầy ý nghĩa quá. Tôi muốn chúc lời hạnh phúc đến những người đang là bạn đường của nhau. Hãy sống bên nhau như thế.

Ngồi bên cạnh, cậu Linh bỗng nhắc hỏi đùa đến một nhân vật trong tập thơ của tôi, một người thời ngày-xưa-còn-trẻ ở Sài Gòn của tôi. Tôi quay lại cười: - M hở cậu? vẫn còn ở đâu đấy trên Canada. Có bạn là có hạnh phúc rồi, cậu nhỉ. Cậu thấy chữ bạn đường hay không, bạn trên đường đời ta bước... Cậu gật gù. Tôi dừng lời ở đó, không nói hết ý của mình: *hay là bạn trên... con đường tình ta đi...*

Cậu nhắc làm tôi nhớ M và không thể nào không nhớ đến bố, hôm đó. Buổi trưa Sài Gòn nóng. Nhà im lặng, không có ai ngoài bố mẹ và tôi, cậu em cũng đi chơi đâu đó rồi. Con chó michou thì nằm ngay bậc cửa hướng ra ngõ chói nắng. Bên cạnh là con mèo mimi ngồi hiu hiu nhìn hóng theo. Cuối ngõ, giàn hoa giấy hai màu tím đỏ nhà bà Doan nở rộ.

Bố tôi đang nằm nghỉ đọc báo ở divan trong phòng khách. Tôi lấy cây đàn guitar tới ngồi phía dưới chân bố,

đàn, hát hồng vài bài cho vui. Mở tập nhạc của Phạm Duy, tôi đệm đàn khe khẽ, ... *con đường tình ta đi, với bàn chân nhỏ bé, ...con đường thanh thoi nằm, nghe chuyện tình quanh năm...*

Tôi dứt bài, quay nhìn lên hỏi đùa với bố:

- Con hát hay không bố?

Chậm rãi gập tờ báo lại, rồi nhắm mắt, bố tôi bảo:

- Hát bài gì có ly chanh đường ấy!

Tôi phì cười:

- À, bài Trả Lại Em Yêu! Bố thích bài đó à?

- Ừ, hay chứ.

- Bài tình ca nào của Phạm Duy mà không hay hở bố!

Tôi đàn chuyển bài, dang hắng giọng, ... *trả lại em yêu, con đường học trò, những ngày thủ đô, tung bừng phố xá, chủ nhật yên ương hẹn hò đây đó, uống ly chanh đường, uống môi em ngọt... trả lại em yêu, mối tình vời vời,...*

Tôi bỗng ngưng hát, buông đàn.

Michou đứng lên vẫy đuôi. Chiếc xe đạp và M vừa trờ tới trước cửa nhà.

- Bố ơi, M đến chơi.

- Ừ, bảo nó vào.

- Thôi bố, bố nghỉ trưa đi, tụi con ngồi ngoài hiên.

Ông trở mình, quay nằm nghiêng vào vách. Chắc bố tôi đang... *đem nỗi thương yêu, vào niềm thương nhớ...* người đẹp một thời nào đó của ngày-xưa-còn-trẻ ở Hà Nội.

Còn tôi và M thì đang có nhau trên ... *con đường về ban trưa, tới nhà hay vào lớp, con đường của đôi mình, ôi chuyện tình thơ sinh...*

Tôi hớn hở cười ra mở cửa và xuống bếp pha mỗi đứa một ly chanh đá. M đón lấy lấy ly nước trên tay tôi:
- Lúc này vừa đến thấy H đàn, chơi bài gì thế?

Tôi nghiêng đầu nhìn M, hát trả lời:
- *uống ly chanh đường, uống môi em ngọt...* Nhạc yêu cầu của bố đấy!
Chúng tôi cười xòa.

Giàn hoa giấy lên màu rực hơn cuối ngõ.

Ý Anh (Đỗ Tràng Mỹ Hạnh)

June 28, 2019



MÂY VỀ

*Mây về thăm thông ngàn núi thăm
Loang nắng hoa sườn dốc mộng mang
Nhấn mưa đêm gói ngàn hạt nhỏ
Thành sương mai tặng sáng bình an.*

Ý Anh

SÔNG XA

*Sông xa trôi mãi chân trời
Vắng ai buồn bến nên vời vợi mơ
Hóa thân mây trắng lững lờ
Bay ngang núi đậu nằm chờ sông qua.*

Ý Anh

U Tình Lục, tác phẩm của Hồ Biểu Chánh thí nghiệm về đất trời phương Nam

**** NGUYỄN VĂN SÂM ****

1.

Đọc vài ba câu ca dao của miền Nam ta sẽ thích thú ngay với những hình ảnh được mô tả, cách nói, thái độ của nhân vật, ta cảm thấy gần gũi với họ biết bao nhiêu.

Chẳng hạn lời trách cứ của người trai:

Bậu nói với qua

bậu không bẻ mận hái đào.

Mận đâu bậu bọc

mà đào nào bậu cầm tay.

Lời trách nhẹ nhàng, cái lỗi cũng không nặng lắm. Có thể là cái cớ để trách thôi, giấu che không nhắc tới lỗi tày trời mà bậu đã làm. Mà cần gì nhắc, người con gái sẽ hiểu thôi.

Chẳng hạn như lời trách của người đàn bà:

Ngày nào anh bưng anh beo,

Tay bưng chén thuốc

lại đèo miếng chanh.

Bây giờ anh mạnh anh lành,

Anh đi theo con nhỏ đó

anh đành phụ tôi.

Trách phiền không gì bằng nhắc công lao xưa, anh ngon lành bây giờ là do tình tôi lo lắng cho anh ngày trước. Anh phụ tình còn có nghĩa là anh phụ ơn. Lời trách cũng nhẹ nhàng thôi. Và tôi dám chắc người bội bạc sẽ thấm mà không đi theo con nhỏ đó nữa.

Trong thơ Sáu Trọng, con Hai Đầu thấy thằng Sáu Trọng bảnh tợn thì thích lắm

bèn hỏi thằng chẳng cần vòng do cong queo xa gần:

- Đầu rằng: *‘Anh có vợ chưa, Nếu chưa có vợ em thì chỉ cho.’*

- Trọng rằng: *‘Buôn bán không lo, Nói chuyện đưa đồ chè cháo lạnh tanh’.*

- Đầu rằng: *‘Lòng khiến thương anh, Cháo chè nguội lạnh cũng đành dạ tôi’*

Hai đứa nói đùa đùa qua lại vậy mà nên duyên vợ chồng. Tuy rằng về sau mỗi duyên tình này không bền do Trọng thường vắng nhà đi làm bồi trên tàu viễn liên, nhưng trong hiện tại không có lời đối đáp nào giản dị mà mang tính cách địa phương bằng. Em chỉ cho. Em đây chớ ai. Thằng Sáu Trọng biết bắt thóp con Hai Đầu nên xì, mầy không lo buôn bán, nói chuyện bao đồng. Hai Đầu biết Trọng đã hiểu ý mình nên bồi thêm: Ờ, thì tui thương người ta nên cháo chè nguội lạnh tui cũng không màng...

Những thí dụ tương tự ta có thể trích cả ngàn, không phải một vài trang mà là cả chục cuốn sách. Hầu hết đều toát ra tính địa phương trong ngôn từ thường ngày của con người bình thường trong xã hội và thái độ sống thẳng thắn, nhẹ nhàng trong lời trách móc, không có những lời cay đắng khắt khe.

Tôi nhập đề dài dòng là có lý do, cái lý do **đất trời** phương Nam ẩn chứa trong các tác phẩm của vùng này mà không phải lúc nào ta cũng thấy được. Năm 1960, khi học năm Dự Bị trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, tôi có thói quen vô Thư Viện Quốc Gia, ở đường Gia Long – đối diện với bộ Kinh Tế – để đọc sách. Thường thì đọc bất cứ quyển nào trong tầm tay. Mượn theo phiếu tự điền sách mình thích hay lấy may rủi những tạp chí dày cộm đóng bìa cứng có từ thời Tây thực dân mới đến xứ Nam Kỳ, để trên những kệ dựa tường, cao ngất tới trần nhà. Trong sự đọc lan man đó tôi gặp quyển **U Tình Lục (UTL)** của Hồ Văn Trung, cái tên thiệt của nhà văn tiên phong Miền Nam có rất nhiều tác phẩm nổi tiếng: Hồ Biểu Chánh.

Đọc đi đọc lại nhiều lần tôi thấy ngôn từ tác giả sử dụng và con người được mô tả sao mà giống với ca dao hay những tác phẩm bình dân đã đi vào lòng người Nam Kỳ Lục Tỉnh làm vậy? Mà sao UTL không được ai nói tới kìa? Nó chìm khuất trong đồng truyện đồ sộ của tác giả ngay chính ông cũng chẳng có thời giờ ngó ngang tới để in lại lần thứ nhì.

Và tôi có ý tưởng so sánh quyển tiểu thuyết bằng thơ này với các truyện thơ khuyết danh viết bằng chữ Nôm xuất hiện chỉ trước nó chừng 5, 7 chục năm như Nhị Độ Mai, Phan Trần, Lục Vân Tiên, hay thậm chí sau nó chừng 2, 3 chục năm như nhiều tác phẩm ít danh tiếng hơn mà ồ ạt xuất hiện hơn cả trăm là những truyện thơ bình dân của ba nhà xuất bản *Phạm Văn Thịnh*,

Phạm Đình Khương và *Thuận Hòa* đều đóng đô lâu dài ở Chợ Lớn trôm trôm nửa thế kỷ cung cấp một thời gian dài món ăn tinh thần cho người bình dân thích văn chương, chữ nghĩa.

Tôi muốn khảo sát tác phẩm ít người nói đến này để giới thiệu đến nhiều người hơn. Vậy mà cuộc đời đưa đẩy, ước muốn nhỏ nhoi này cả năm chục năm sau cũng chưa có điều kiện thực hiện. May quá, gần đây hình như có phong trào giới thiệu lại các tác phẩm của Hồ Biểu Chánh. Ở Việt Nam, hết xuất bản Cà Mau, nếu tôi nhớ không lầm, in lại trên giấy đen, trình bày cầu thả, đánh máy quẹt quẹt, biên tập lung tung vô trách nhiệm, tới nhà xuất bản Trẻ in lại cẩn thận đẹp đẽ, với những mẫu bìa trình bày bắt mắt hầu hết tác phẩm của Hồ Biểu Chánh, kể cả những quyển thiệt là khó kiếm dầu đối với người chơi sách... Trên mạng còn có nhiều trang web về Hồ Biểu Chánh và cả những công trình nghiên cứu tương đối công phu, kể cả một tự vị những chữ mà ông thường dùng, hơi là lạ đối với người thời nay, càng lạ lùng đối với độc giả vùng Bắc, Trung của đất nước. Nhưng vẫn chưa có nhiều bài viết về quyển tiểu thuyết bằng thơ **U Tình Lục**. Cũng chưa có ai để ý mà chú giải những từ ngữ Hán Việt và những danh từ rất rùng Nam Kỳ mà Hồ Biểu Chánh sử dụng rất nhiều trong tác phẩm đầu tay của mình do ảnh hưởng nặng nề cựu học với những kiến thức kinh điển của một thứ văn chương phong phú điển tích và chữ nghĩa cô đọng, lời ít ý nhiều, chút nào đó hơi xa rời quần chúng bình dân ít học.

Thôi thì món nợ tự mình muốn chuốc thời trai trẻ, mang nặng bấy lâu nếu có thể trả được cũng nên trả. Năm ngoái, 2012, từ một thôi thúc vô hình bên trong lòng mình, tôi nghĩ đến việc ra công chú giải nó, bèn đề sang bên những quyển sách khác đương viết dang dở, đương phiên âm ba mớ.... Nhưng bê nguyên con ***U Tình Lục*** in lại như nó xuất hiện 100 năm trước thì người đọc sẽ rất khó hiểu hay hiểu lầm vì nguyên bản có hai vấn đề chánh làm trở ngại sự thưởng ngoạn:

a) Có quá nhiều chữ được viết theo giọng đọc Nam Kỳ thời đó, hiểu theo ngày nay thì là sai chánh tả và sai cả âm Hán Việt chuẩn. Trong trường hợp dầu chữ được viết đúng nhưng lắm khi người đọc sẽ không hiểu tác giả thiết sự muốn viết chữ gì, hay dùng theo nghĩa nào trong số rất nhiều nghĩa của một từ Hán Việt. Do vậy giữa đọc giả và tác giả có sự phân cách vô tình không cần thiết vì hiểu sai hay không thấu ý tác giả.

b) Tác giả viết theo lối văn vắn, loại bác học nên phải đi theo sự đòi hỏi của văn điệu, điển tích cũng như thành ngữ xưa mà ngày nay không phải ai cũng có điều kiện để biết, nhứt là sự giáo dục quốc văn sau đại nạn 1975 thiên về việc đề cao những tác phẩm tuyên truyền, thù hận chỉ có giá trị thực dụng nhứt thời cho giới cầm quyền hiện tại mà không chú ý đến văn phong, câu cú, nghĩa lý của tác phẩm vốn là những điều cần thiết của văn học có giá trị lâu dài cho cá nhân người học để làm hành

trang vào đời hay cho việc phát huy nền văn hóa thiết sự của dân tộc.

Tôi thấy mình nên chú giải khi nghĩ đến hai điều đó. Một sự giới thiệu về tác phẩm, giải thích tại sao tác giả bắt đầu đời viết văn của mình bằng *truyện thơ* rồi bỏ loại này đi vào văn xuôi, tạo nên một gia tài đồ sộ truyện dài... cũng cần nên có.

2.

U Tình Lục 幽情錄, kể lại mối tình buồn, mối tình không giải tỏa được. Thời đầu thế kỷ 20, tròn 100 năm trước, cái tựa này chẳng tạo nên vấn đề gì đối với người đọc thời nó xuất hiện, chẳng qua cũng giống như những cái tựa *Đoạn Trường Tân Thanh*, *Bích Câu Kỳ Ngộ*, *Nhị Độ Mai*, *Tự Tình Khúc*, *Chinh Phụ Ngâm*, *Giai Nhân Kỳ Ngộ*... mà thôi. Người đọc không ai thắc mắc. Nếu có thấy khó hiểu chút chút thì sẽ bỏ qua, sau này hoặc sẽ không hiểu luôn, hoặc bỗng nhiên đến ngày nào đó duyên may ngộ ra nhờ đọc sách tình cờ hay gặp được người giải thích. Ngày nay nói *U Tình Lục* thì người đọc phần nhiều ngắc ngờ với một cảm thức xa lạ, dễ dàng không thêm chú ý đến tác phẩm. Đó là sự thiệt thòi vô lý của tác phẩm, bị đọc giả ghê lạnh vì chính cái tên. Chúng tôi theo con đường đã vạch cho riêng mình từ lâu, đặt thêm tên mới kèm theo tên cũ của tác phẩm xưa, gán thêm cho *U Tình Lục* danh xưng phụ *Kể Chuyện Tình Buồn (KCTB)*.

Cái tên Hồ Văn Trung cũng vậy, đó là tên thiệt của nhà văn, chỉ là bút danh *ban đầu* khi ông mới vào đường văn

nghệ và ông đã đổi lại sau đó, không phải là bút danh mà tác giả dùng cho cuộc đời văn nghệ của mình – Thật ra ông dùng hai lần, lần sau là “*Hồ Văn Trung, tự Biểu Chánh*” khi in quyển truyện thơ phỏng theo vở kịch nổi tiếng Le Cid của Corneille. Từ đó về sau khi sáng tác ông dùng bút danh Hồ Biểu Chánh và viết nghiên cứu, biên khảo, ông dùng tên thật: Hồ Văn Trung – Tại sao ta không đổi cái bút danh chỉ dùng một hai lần cho tác phẩm văn nghệ để nhập với bút danh đã dùng nhiều lần của tác giả là Hồ Biểu Chánh cho tiện việc sổ sách?

Do đó chúng tôi xin vô phép với người xưa để đổi tên *U Tinh Lục* thành *Kể Chuyện Tình Buồn* và *Hồ Văn Trung* trở thành *Hồ Biểu Chánh* cho có nhiều người biết hơn, nhiều người để ý hơn và ai cũng có thể xếp quyển thơ đơn độc này vào trong nhóm tác phẩm của nhà văn Nam Bộ nổi tiếng Hồ Biểu Chánh. Khi đã biết **Kể Chuyện Tình Buồn** của Hồ Biểu Chánh thì đương nhiên họ biết đó là **U Tinh Lục** của Hồ Văn Trung.

Nếu hiểu một cách rộng rãi thì tất cả các truyện thơ Việt Nam đều là *tình buồn*, và tác giả viết lại câu chuyện thì cũng chỉ *làm người kể chuyện* tình buồn. **Đoạn Trường Tân Thanh** không những là chuyện tình buồn mà còn đứt ruột nữa, Nhị Độ Mai, Phan Trần, Hoa Tiên, Song Tinh Bất Dạ, Lưu Nữ Tướng... là lớp cao đến Phạm Công Cúc Hoa, Chàng Nhái Kiển Tiên, Tống Trân Cúc Hoa, Nàng Út, Tam Nương, Mỵ Đới... lớp dưới cũng vậy. Không có

đôi lứa thiếu niên gặp nhau rồi yêu nhau, hưởng cuộc tình đẹp đẽ, cưới nhau, sanh con đẻ cái, sống bên nhau tới răng long đầu bạc. Rồi chết. Người viết quan niệm rằng chuyện như vậy thì có gì phải kể. Và tác giả làm phù phép để họ gặp những chuyện buồn. Ngay cả truyện **Nam Kinh Bắc Kinh** của đôi lứa Hoàng Tử, Công Chúa đã hứa hôn với nhau trên trời mà còn trở thành chuyện tình buồn nữa là.... Các truyện của người học trò nghèo, cô gái nhà dân dã chắc chắn là chuyện tình buồn. Kết cuộc tốt đẹp chẳng qua là sự lòng thêm miễn cưỡng của tác giả, viết thêm để chiều lòng người đọc muốn thấy cái hậu, muốn tự an ủi mình rồi ra chính mình cũng như nhơn vật trong sách sẽ được thoát kiếp nghèo khổ... mà thôi. Và tác phẩm cũng chấm dứt ở đó. Độ dày của phần mô tả tình buồn chiếm gần hết độ dài của quyển sách, chỉ chừa cho tình vui nhiều nhất là một trang chót mà thôi, truyện nào cũng vậy.

Kể Chuyện Tình Buồn trước hết là ý hướng viết văn răn đời của tác giả.

Cũng như hầu hết các cây viết trước đó và sau Hồ Biểu Chánh mấy chục năm, có thể kể là năm 1954, khi kết thúc truyện thường đưa ra hai điều:

- Ý hướng văn dĩ tải đạo của mình.
- Lời chào khiêm cung trước khi từ giả người đọc sách

Xưa Nguyễn Du nói mình góp nhặt những lời quê, chỉ mong giúp người đọc mua vui lúc đêm về khó ngủ khi diễn tả chữ tâm kia mới bằng ba chữ

tài, trình bày cái thuyết hồng nhan đa truân, tài mệnh tương đố... thì gần trăm năm sau Hồ Biểu Chánh nói gần như tương tự:

*Trai anh hùng, gái thuyền quyền,
Đất trời dành để lương duyên lâu dài.
Ngàn thu sum hiệp trước mai,
Thơm tho rừng quế, đặc dài dây dưa.
Ơn trời nhuan gọi móc mưa,
Phong lưu tốt chúng, gia tư hơn người.
Quê mùa lượm lặt ít lời,
Canh khuya giải muộn
giúp người đồng vắng.*

Ông nói gái trai dang hoàng, chính chuyên thì kết hợp lâu dài và con cháu về sau sẽ nên cơ nghiệp... Ông diễn tả cái đạo lý mà bao nhiêu nhà tư tưởng, nhà văn thời đó chủ trương. Quá nhiều, không thể kể hết. Chúng tôi xin trích hai tác giả ít người biết để làm tư liệu mà thôi. Chẳng hạn như khi giới thiệu quyển **Tam Yên Di Hận** của nhà văn Nam Kỳ Nguyễn Văn Vinh (Bến Tre) – Ông Nguyễn Văn Vinh Bến Tre của những tác phẩm luận về cuộc sống xứng đáng khác với ông Nguyễn Văn Vĩnh ngoài Bắc của Đông Dương Tạp Chí – nhà giáo Nguyễn Bửu Tài có nói (1929), chẳng những đúng với ý hướng viết của tác giả **U Tinh Lục** mà còn đúng với hầu hết tác giả thời đó: ‘*Thế thì viết tiểu thuyết chẳng nên vì tình dục, tư lợi, mà phải vì nhân nghĩa đạo đức, Truyện Tam Yên Di Hận chép ra, là nhân vì thuật giả thấy: tình đời hay xem hơi ấm lạnh, mặt người luống theo vọi thấp cao làm cho nhân loại dường như mất hết lương tâm, xã hội tương tự không còn đạo đức. Truyện Tam Yên Di Hận là một truyện nên cho trẻ em*

SỐ 85

xem, đừng dữ (giữ) rắn trong gương trước, mà lánh dè cái thân sau.’ Một tác giả khuyết danh viết quyển **Sự Tích Thánh Đô Minh Gô**, sách bằng chữ Nôm, chừng độ vài ba chục năm trước quyển UTL, cũng không khác gì: *Cậy người quyền phép lạ đường, Trợ cho hồn xác mọi đường lành yên, Mấy lời quế kết ghi biên, Hễ ai xem sách thời xin nhớ cầu.*

Chúng ta có thể dẫn thêm nhiều nữa, trong hầu hết các truyện Nôm hay quốc ngữ để thấy điều này nhưng thiết nghĩ không cần thiết.

3.

Chú giải cũng như phiên âm chữ Nôm ra quốc ngữ vốn là công việc chi ly, bạc bẽo, mất thời giờ nhưng hấp dẫn vì đó là cơ hội tốt để mình thường thức một tác phẩm, mình học được những điều chưa biết, chưa có dịp suy nghĩ về tiếng Việt. Thế nhưng chắc chắn là có những chi tiết mà mình chưa biết, và chưa truy cứu được. Học giả Maurice Durand, chuyên viên về chữ Việt, chữ Nôm mà trong các công trình dang dở của ông vẫn còn để lại lỏng chỏng những chữ không đọc được vì chưa quyết đoán do nhiều yếu tố.

Chẳng hạn như trong **Bướm Hoa Tân Truyện** câu:

*Có duyên như quả đời mỗi,
Không duyên như cánh hoa rơi giữa đường.*

Ông không đọc được chữ *đôi mỗi* vì không hiểu nghĩa tiếng quả là cái khay, quả đời mỗi là khay chạn, cần sa cừ

hay cần bằng vô đòi mồi.
Một trường hợp khác, như câu: *Đã toan dụng chước Lưu hầu, Song le thước vắn bề sâu không dò.* (c.275-276)

Ông không đọc được hai chữ *thước* vắn vì bản Nôm viết đơn chữ *dược* 藥 (Nôm đọc là thước) thành chữ *quả* 菓, chữ *vắn* phần chữ *vắn* lại viết quá sai.

Những chuyện sai lầm như vậy trong phần chú thích của **Kể Chuyện Tình Buồn** có thể sẽ xảy ra, và có thể xảy ra nhiều. Chuyện cũng thường thôi, như cơm thình thoảng có hạt sạn, như một giọng ca réo rất người thưởng thức bâng hoàng hụt hẫng khi phát hiện một tiếng bị phát âm không đúng âm giai...

Thôi thì hoàn mỹ tất nhiên là quý, bất toàn một chút cũng chẳng sao, người sau có lý do thúc đẩy để bắt tay làm lại công việc của người đi trước, có dịp để bắt giở người đi trước, bắt giở không vì ghét, vì phách lối, tự cao tự đại, mà để cùng nhau hiểu hơn những ngõ ngách của lâu đài văn hóa kỳ bí của dân tộc...

Chú giải và in lại quyển **U Tình Lục** chúng tôi theo những nguyên tắc mình định là chỉ sửa chánh tả, không sửa những *âm khác biệt* với âm chúng ta dùng ngày nay vì chúng là những cứ liệu rất quý để biết âm Nam của một thế kỷ trước. Rất cẩn thận khi quyết định sửa một chữ và khi có trường hợp ngờ thì ghi chú liền ở phần chú giải để người sau có dịp kiểm chứng và suy nghĩ lại sự đoán định của người trước, tuyệt đối không cho những gì mình nói

là chơn lý và giấu đi hay phớt lờ những điều mình nghi ngờ.

4.

Cốt truyện của Kể Chuyện Tình Buồn có cái đặc sắc là tính chất Nam Kỳ Lục Tỉnh trong nhân vật, trong thời đại và trong tình tiết. Ở đây không có tuyết rơi, không có ngô đồng, không có mùa thu lá vàng rơi, ở đây trái lại có Sài Gòn, có bến Ngưu giang, có vàm tuần, có trường học ở Mỹ Tho, có thầy thông, thiếm thông, có xe cộ chạy như mắc cửi, có thơ ký nhà băng... Điều quan trọng nhứt là văn chương thuần Việt, đọc lên là thấy những chữ thuần Việt mà người ta thuở đó xài trong cuộc sống bình nhứt. Một gia tài ngôn ngữ hi hữu, đáng giá không dễ kiếm đâu được trong số quá nhiều truyện thơ – và kể cả tuồng hát bội – chịu ảnh hưởng của Tàu, kể cả Đoạn Trường Tân Thanh.

Nhân vật cũng là con người Việt, bình dân, không phải anh hùng hảo hớn, càng không phải là Hoàng Tử, Công Chúa sống trong cung điện với Quốc Vương, Hoàng Hậu, Thái Sư, Thừa Tướng, những tướng tá văn võ... với những trận đánh nhau long trời lở đất, máu chảy thành sông liên quan đến chuyện giành giật một vương quyền, hay nói khác hơn là tranh nhau một quyền lợi được che đậy bằng những danh từ trung quân, gian nịnh, chính thống, phản nghịch.... Con người ở đây di chuyển, hoạt động trên quê hương mình, gần thì từ Mỹ Tho lên Sài Gòn, xa thì từ Nam ra Bắc, từ Bắc vô Nam, tuyệt nhiên không có cảnh Sở, Tần, Liêu bang, Hồ quốc, Phiên, Man... xa mút tí tề, người đọc chỉ cảm nhận mà

không biết đích xác các xứ này ở đâu trên bản đồ châu Á... Họ sinh hoạt trong môi trường Việt đã đành, họ còn có đời sống Việt miền Nam: đi câu, đi may thuê vá mướn, đi học ở trường tỉnh Mỹ Tho, đi làm thợ ký ở nhà băng, làm chủ vườn ruộng... Nếu họ giàu thì không phải của cái tính bằng vàng ngàn lượng bạc trăm xe mà là *ruộng đo kê dậm, lúa đông kể vằn* (câu 46).

Ta trăm năm sau vẫn thấy thân thiết với nhân vật nữ quơ quào quần áo, dắt con lên đường mất hai ba ngày mới tới Sài Gòn mong lập nghiệp để tránh tiếng đời dị nghị vì sự lỡ lằm trong chuyện trai gái nhứt thời của mình. Ta thân thiết và thông cảm với cô vì cô ta giống như những thiếu nữ ngư ngác ngày nay từ các tỉnh quận xa lò mò lên thành phố mong tìm một công chuyện gì đó làm để kiếm chút tiền gởi về nuôi mẹ, nuôi em, hay những cô gặt nước mắt bước vô đời làm dâu xứ người mà không biết gì về cái xứ mình sắp đến, kể cả tiếng nói ở đó, cái gia đình mà mình sẽ là một thành phần, và cả ông chồng nhiều phần là già cỗi, bệnh tật, bản tánh, không biết trở chứng giết vợ lúc nào. Cái may mắn của cô gái trong *Kể Chuyện Tình Buồn* là luôn luôn gặp được quới nhơn, trước là ngư ông già đã cứu tử lại còn cứu mạng, sau là thím thông và chồng là Võ Bửu Thông tốt bụng, sau cùng là mẹ Liễu bên sông sẵn lòng chữa cháp. Cái may do thời thế lúc đó có *những người chịu thực hành nhơn nghĩa*, cái may của một đất nước có nhiều người không bị bệnh vô cảm, bệnh vấy máu ăn phần. Ta thông cảm cả với nhân vật phản

SỐ 85

diện. Cô ta không nhúng tay vô máu, chỉ mạo tuồng chữ, chỉ đặt điều vu oan, rồi là người bị hại đau buồn quá bỏ đi khỏi xứ, về sau nghe tin rằng đã chết, thế mà khi bị vạch tội cô ta còn biết tủi thẹn, biết ăn năn, biết tìm cái chết để đền bù tội lỗi, để được làm người biết hối cải, biết xấu hổ... Cái xấu của cô ta nhờ đó đã trở thành cái đẹp, dầu là muộn màng...

Trước Hồ Biểu Chánh trong sinh hoạt văn chương Việt từng có sự kiện tác phẩm có nhiều câu giống Kiều. Đó là trường hợp *Song Tinh Bất Dạ* của Nguyễn Hữu Hào, đó là *Hoa Tiên* của Nguyễn Thiện. Trường hợp thứ nhứt thì Phạm Thế Ngũ trong *Việt Nam Văn Học Giản Ước Tân Biên*, q2, trang 226 và Nguyễn Văn Sâm trong *Văn Học Nam Hà*, trang 166-7 có lược ra gần như đầy đủ. Trường hợp thứ hai thì những người nghiên cứu chuyên sâu về Hoa Tiên đều đã nói thường bao giờ cái tín chỉ cũng nằm trong tay Nguyễn Du. *Kể Chuyện Tình Buồn* cũng vậy, GS. Nguyễn Khuê và gần đây nhà văn Ngự Thuyết cũng đi đến nhận định rằng Hồ Biểu Chánh trong tác phẩm này mô phỏng nhiều câu của Nguyễn Du. Tôi không bào chữa, tôi cho đó là chuyện bình thường, chẳng có gì quá đáng. Ngay việc dùng cốt truyện Trung Quốc của những tác phẩm nổi tiếng trong văn học Việt Nam cũng là một sự mô phỏng đúng ra đúng nên có thì hơn. Xa hơn nữa, cách dùng điển cố, cách sử dụng những cụm từ được coi là khuôn vàng thước ngọc của văn chương cổ điển Việt cũng là một sự bắt chước chẳng có gì đáng vinh danh.

Vì vậy U Tình Lục có những câu giống với Đoạn Trường Tân Thanh thì ta coi đó như không có, coi đó chẳng phải là chuyện đạo văn ghê gớm như quan niệm ăn cắp văn ngày nay chịu ảnh hưởng từ tư duy thành thật trong văn chương của Tây phương mà ta để ý đến những ưu điểm khác của nó.

5.

A. Chữ dùng trong *Kể Chuyện Tình Buồn* có ba điểm đáng chú ý:

A1. Là quyển sách chứa đựng nhiều *âm của vùng đất cực Nam*.

A2. Phong phú những *từ của riêng Nam Kỳ Lục Tỉnh* mà vùng Bắc Trung có thể không có hay đã có nhưng bị mất, một hai trăm năm gần đây không sử dụng nữa.

A3. Chứa nhiều *từ xưa* khó thấy trong những tác phẩm sau này.

Âm của vùng đất cực Nam tôi định nghĩa là những âm khác với âm chuẩn đã có ở vùng khác, hay âm đã được sử dụng trong cả nước. Nó là *Luông* trong từ Tiết Ứng *Luông*, nó là *Vãng* trong từ *Vãng* Long, nó là *Huê* (huê) trong Huê Dung Đạo, nó là *Giáí* trong Trư Bát *Giáí*... Ở *U Tình Lục* ta có thể thấy: bôn chon, hoát lê, chê đề, toi bời, xông pha, lần lừa, trướng huê, bít bùng, chúc mằng, phưởng phát, nhơn duơn, phải duơn, căn duơn, nặng triu, thày lay ướm lòng, thân qua (bậu), chữ hiêm, oan ương, bùng khuâng, thấp thoảng, nhập tràng, vó cu, lòng dòng, xét lợi,

tiền đằng, canh tràng, bắt nhứt, héo liễu xủ đào, ghe khi, xơ rơ, thết vàng, đoạn tràng, lu lò, chỉ sắn, song đằng, công toại danh thiềng, rộn ràng, giần vào, nào nhấp, nhuốm nhen, quí hoát, ơ hờ, thiên các nhất phang, tận kế vô phang, thỉnh danh, lẳng xằng, tiu hiu, bức tình, nần nì, khúc kim, pha phuôi, quăng, lảnh (nhận), hoa bạ, bắt bường, bần thần, lá lay, lảnh trầu cau, rẽ ròi, ly tiết, bầy gan, kéo nhàu, rút thịt, lên đằng, ngạt ngào (nghen thờ), thần thi, lá lay, hằm hút, rút thịt chia xương, phong võ, lên đằng, ngạt ngào, ửng lòa, lơ đờ, một thoản không, ngoắc vô, héo don, xủ mản, phuôi pha, hôm mơi, thác phứt, gặt minh, con đòi, trở bướm, hột châu, nhen nhúm lửa hồng, lụm cụm, bội (chống lại), trôi trôi, lạc lải, xin vưng, nằng dọi, lần lừa, tưng tiu, nhúm bình, dần xây, nhúm bình, kiếm nơi quen thuộc, lạc lải, thím thông, chút nguyên, nhà băng, trộng, gian tuân, xây lưng, chẳng phen đài các, ngạt ngào, hôm mơi, vưng chịu, đồn bà, châu mảy, vện tuyền, thừa trong, đôi phang, tiệc huê, nhúm sương, tả một tờ huê, hún hín, bực nào, nghen ngừng... và còn biết bao nhiêu từ khác nữa trong tác phẩm mà tôi không cần kể hết.

B. Cách nói Nam Kỳ

Cách nói Nam Kỳ là những cách thể diễn tả mà chỉ có tác giả dùng hay những tác giả Nam dùng, ta không thấy người miền Bắc Trung sử dụng cách nói này, cách diễn tả này. Chúng là những gì đặc biệt của vùng đất, chúng được sản xuất ở địa phương và gắn bó với địa phương, quanh quẩn ở đó,

không đi ra vùng khác. Chúng có thể bị chê là quê kệch, miệt vườn, nhà quê, xến... nhưng chúng hiện diện như một sự đứng thẳng xác định thể đứng ngôn ngữ đặc biệt của vùng.

Tranh thế cạnh thì, hiếm kẻ, hiếm nơi, thói cải lương, lòng son nề, dạ mực băng, nề mặt, ruộng đo kể dặm, lúa đông kể vùn, non nhót, bảnh bai, trong ngoài khít khao, lân la qua lại, bậu bạn, dạ nọ lăm le, ăn Trời sao qua, không mòi gió trắng, lời nói thẳng băng, cạn lời chẳng lẽ, dùn thẳng, im lìm, phanh phui duyên mình, ướm coi, ít câu gạt nằng, sợ tiếng bán rao, hai ngã dang ra, chớ lo quanh, cổ bàn đơm dọt, ép dầu ép mỡ, còn đương xắn bấn, quanh co hải hồ, mang mệnh tình, du học xa miền, nực nồng tiếng khen, inh ỏi chài, nét ngang chưa biết chữ a chưa từng, quân hay chữ, nói phách, dốt nát, gả con luận của, hơi gió chen lòn, biển lưng không rùng, cậu cô lẽ nghĩa, rạng ngời ư ngoại, tối hù ư trung, làm phờng gái lạnh, kỳ trong nửa tháng, càng phẳng càng dài, lụy ứa thâm bầu, xăm xăm dò lẩn, lưng chừng cánh hồng, tiu hiu một mình, dướng dỏi, ngon giấc hòa hai, nhuốm nhen, nợ nần éo le, tay nào mà nỡ cắt tay, chỉ hồng lẩn phẳng, dễ hầu móc bưởi, đèn hạnh lem dem, quăng gánh tình chung, đã nư, quỉ báo, bại sản tán gia, tình tang mặc dầu, mặt đá mảy chàm, bận nổi đèn bồi chưa cam, nỉ nài nợ duyên, ngăn lại điếng điếng đòi ngăn, lưng túi sâu, lấp thẳm quạt sâu, vầy lửa hơ, phận voi đầy, quăng lưới vớt, chen dưng vách phen, khéo nắn, thiệt phận đơn cô, quần áo tóm thâu, dất con quảy gói, gà

SỐ 85

rừng gáy rân, góa bụa linh đình, hỏi (quê) quán nơi nào, rậm người rậm đám, lương tiền cũng trọng, mặc sức, dất này, đứng nép, om sòm, quá lạnh, bận áo, giá lẽ bao nhiêu, chẳng đă, then thua, bước trái vào rềm, cái thầy khi nầy nói chơi, một hai, lưng chừng giữa vời, phải bề, châu mày cần răng, việc lằng quằng, nhăng đạo nhà, cậ cô, ghen ngừng, lậm, mắng rân, quân bình bông, tránh tiếng tránh lời, lồi thôi, một ừ, dụ dự phân hai, giả quán ra đi, buồng lung bốn tánh, đành thừa phận qua, tiu hiu, triu triu, bầy gan, trái tai, vi chi, đón đưa bận bịu, xúp lê giục giã, bận lòng, ngứa nghề, rộn rực, khắp khởi, pháy bạc, rầu con, hôn sự bất hài, dập sầu, cườì mơn, giựt mình, đem thẩu đến nơi, sấn vào, ruột xàu như dưa, khóc òa, vắng oe trong túi, nào dè, bận bịu....

Nếu muốn thấy chữ dùng đặc biệt Nam, cách nói Nam, không gì bằng tìm trong tác phẩm của các ông Trương Vĩnh Ký, Trương Minh Ký, Huỳnh Tịnh Của, trong các quyển thơ bình dân đã nói ở trên và nhứt là trong các quyển truyện Tàu dịch đầu thế kỷ bởi các ông Trần Phong Sắc, Nguyễn Chánh Sắt, Nguyễn An Khương, Tô Chấn, Thanh Phong hay các bài viết thời báo Nông Cổ Mĩn Đàm, Lục Tỉnh Tân Văn...

Nhưng ngoài ba nhà văn quốc ngữ tiên phong cuối thế kỷ 19 – không còn hoạt động ở thế kỷ 20 – các nhà văn còn lại hay các tờ báo kể trên đều đi sau Hồ Biểu Chánh trong vấn đề này: sử dụng nhuần nhuyễn từ Nam.

Vấn đề đặt ra là có những từ nhìn vô có vẻ rất Nam như *thon von*, *thầy lay* nhưng cũng có khi dùng ở miền ngoài chẳng hạn như chữ *thầy lay* và *thon von*. Truyện *Hoa Tiên* chỉ dùng 1 lần chữ *thầy lay*:

Nguyệt rằm mơ mẩn xinh thay.

*Cười chẳng cười nổi **thầy lay** đại càn.*

hay chữ *thon von* thấy dùng trong thơ tuồng Chàng Lía.

Tôi tạm đi đến kết luận về vấn đề này: Một số chữ mà chúng ta gọi là chữ Nam Kỳ thiệt ra là chữ ở miền Bắc truyền vào trong Nam thời di dân Nam tiến, dần dần các chữ này thông dụng trong Nam trong khi ở miền ngoài lại mất đi khiến cho ta tưởng chúng thuộc về miền Nam, đặc sản của miền Nam. Số chữ này không nhiều, đa phần chữ Nam là do ảnh hưởng của sự trại âm, ký húy, ảnh hưởng của của các thứ tiếng của những dân tộc sống chung trong vùng như Tàu, như Miên như Chăm, như những người vùng đa đảo phía Nam...

Và *Kể Chuyện Tình Buồn* có khá nhiều tiếng Nam, tôi kêu là tiếng Nam khi chúng không được người miền Trung, Bắc xài. Chẳng hạn như các từ đã được lọc ra trong hai nhóm trên.

Kết luận về ngôn ngữ của U Tình Lục, tôi xin mượn một đoạn ở bài viết của Nguyễn Văn Nở và Huỳnh Thị Lan Phương:

Nhiều từ địa phương nếu không dựa vào văn cảnh hoặc nếu không có vốn từ địa phương Nam bộ thì sẽ rất khó

hiểu. Chúng ta thử so sánh một số từ địa phương trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh với những từ ngữ có nghĩa tương đương của tiếng Việt toàn dân sẽ thấy rõ điều đó.

- đụng: nam nữ lấy nhau, - để vợ, để chồng: li dị, - dòm, coi: xem, - bắt xén: nhen nhúm, bắt đầu, - ể mình: bệnh, - ám sát: bám theo, - trọng: khá lớn, - day mặt: quay mặt, - ráng: cố gắng, - dè: ngờ, - bận đi, bận về: chuyển đi, chuyển về, - riết: nhanh, - xằng xớm: (đi) mau, - xấp xải: bay qua bay lại, - trần: giữ lại, níu lại...

Lớp từ này thường được sử dụng trong ngôn ngữ đối thoại nhằm miêu tả tâm lý và khắc họa tính cách nhân vật. (hết trích)

Tuy đây là nhận xét trong tiểu thuyết nhưng dùng trong tập thơ U Tình Lục cũng không sai.

6.

Bằng vài lời kết tôi cho rằng tập truyện thơ **Kể Chuyện Tình Buồn** đáng trân trọng ngoài sự vừa phải trong cách mô tả tình cảm, tình cảm đau bi thương cách mấy của nhân vật cũng được diễn tả sượng sượng, nhẹ nhàng không bi thiết như *Ôi Kim Lang*, *hỡi Kim Lang/ Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây* nghe như lời trời chết của một người sắp tự tử. Về hình thức còn mang được cái không khí nhẹ nhàng lãng đãng trong từng câu thơ do phần tiếng Nôm hiện diện với đa số tuyệt đối, đã đánh bại phần chữ gốc Hán thiểu số. Đọc **Kể Chuyện Tình Buồn** ta hình dung ra lời than của chàng trai ở vào

cảnh nửa khóc nửa cười, nhưng **vẫn đứng thẳng**, kể chuyện tình tảo như cách thể của người rất ròng Nam Kỳ Lục Tỉnh trong ca dao, vợ bỏ nhà theo trai, thương lắm, nhưng anh ta nói tình queo:

*Đất Sóc Trăng quê mùa nước mặn,
Tôi ra Vàm Tấn (vàm Đại Ngãi) chớ
nước về xài.*

*Về nhà sau trước không ai,
Hỏi ra em đã theo trai mất rồi.*

Thế nhưng tại sao Hồ Biểu Chánh không đi theo con đường truyện thơ mà đổi sang viết tiểu thuyết bằng văn xuôi? Câu trả lời thật giản dị. Ông thấy rằng văn xuôi quốc ngữ những thập niên đầu thế kỷ 20 còn phôi thai, nên ông ra sức phát triển, đắp bồi nó. Văn xuôi có cái tự do của ngôn ngữ, có tính bình dân trong sự mô tả, khiến nhà văn vẫy vùng được ngòi bút của mình. Với văn xuôi Hồ Biểu Chánh có 64 quyển tiểu thuyết, chắc chắn rằng với văn vần con số này không thể nào đạt được đâu ông có tài múa bút thành thơ chớp nhoáng đến thế nào đi chăng nữa. Điều quan trọng là những tính cách tạo nên **đất** (ngôn ngữ, chữ dùng) **người** (tình cảm, cách đối xử) Nam Kỳ Lục Tỉnh mà ông đề ra trong U Tình Lục đều được giữ lại và phát huy trong những quyển tiểu thuyết của ông sau này.

Lời cuối của phần dẫn nhập này là lời xin lỗi đến hương hồn tác giả khi tôi thêm cái tên mới vào cái tên cũ cạnh tác phẩm của ông, đó *không là sự sửa đổi*, đó chỉ là một cách thể để **U Tình Lục** được nhiều người chú ý hơn thôi.

Về sự sửa lỗi chánh tả, xin được lập lại, chữ viết mang ý nghĩa qua hình thức của nó, dấu hỏi ngã, chữ viết tận cùng có *g* hay không, cuối chữ bằng *c* hay *t*, phụ âm đầu *d* hay *gi*, *x* hay *s*.... thời xa xưa có thể hiểu khi cầu cứu đến âm đọc nhưng ngày nay người ta *hiểu theo cách viết* vì âm đọc được chuẩn hóa theo từng chữ viết. Sửa lại theo chánh tả thông dụng vì sợ người đọc với não trạng đã quen với chánh tả ngày nay hiểu lầm khi theo dõi sát với cách viết xưa.... Chẳng có ý gì khác. Người đọc nếu chỉ cần lướt qua *Kể Chuyện Tình Buồn* mà cảm thấy trân quý *U Tình Lục* thì chúng tôi đã đạt được kỳ vọng trong việc làm của mình. chỉ có vậy thôi.

Mong lắm thay!



NGUYỄN VĂN SÂM

TÔI DẠY TIẾNG VIỆT

** Võ Phú **

Tôi không thể nào nghĩ đến mình có thể đứng trên bục giảng để dạy học, nhất là dạy tiếng Việt. Tôi rời khỏi Việt Nam khi tôi mới học hết lớp chín với vốn tiếng Việt rất ít ỏi và viết chính tả sai tùm lum nhất là dấu hỏi dấu ngã nên chẳng bao giờ nghĩ lại dám đứng trước lớp dạy cho người khác học. Ấy vậy mà tôi lại dạy học. Việc dạy tiếng Việt của tôi cũng rất tình cờ.

Chuyện là năm ngoái khi cậu con trai của tôi đã đến tuổi học tiếng Việt do trường Việt Ngữ Huệ Quang tại chùa Huệ Quang gần vùng tôi ở dạy. Một lần đưa con đi học tiếng Việt, thay vì chạy về nhà và trở lại đón con sau hai giờ đồng hồ, tôi vào lớp xem con mình học tiếng Việt ra sao. Hôm đó cô giáo dạy ở lớp con trai tôi học vắng mặt và không có thầy cô khác dạy thế. Nên tôi đã trở thành thầy giáo "bất đắc dĩ". Và, "sự nghiệp" đứng trên bục giảng không nhận lương của tôi cũng bắt đầu từ một chuyện tình cờ như vậy...

Sau vài tháng làm nghề "gỗ đầu trẻ", tôi dần làm quen và yêu thích công việc không nhận lương này. Vào dịp Tết Nguyên Đán, trường Việt Ngữ có tổ chức văn nghệ và mỗi lớp đều khuyến

khích cho các em tham gia sinh hoạt cộng đồng. Lớp nào cũng có một tiết mục văn nghệ mừng năm mới. Lớp nhỏ nhất thì gởi lời chúc đến thầy cô, gia đình và bạn bè. Lớn tí nữa thì múa trống cơm, múa nón, hát, múa võ hoặc đánh đàn. Tôi thì không biết hát lại mù về múa làm sao chỉ cho các em trong lớp mình dạy được? Nên, tôi đã giúp các em tham gia văn nghệ với màn sớ táo quân. Cả tháng trời ròng rã, tôi lo viết và dạy các em đọc bài sớ.

Sắp đến ngày trình diễn, tôi lại chạy tìm áo mao cho các em. Tôi lên mạng tìm kiểu mẫu và ra chợ Dollar Tree mua giấy, keo, và những dụng cụ làm mũ mao, áo quần cho các em. Sau khi có mũ mao rồi, tôi lại "dợt" cho các em trước khi lên sân khấu. Trong năm em học trong lớp tôi có em John là người có tướng mạo cao to nhất lớp nên tôi cho em làm Ngọc Hoàng còn lại là táo ông, táo bà và Thiên Lôi, lính lác... Mấy em khác rất thích với vai trò của mình, duy chỉ có "ông" Ngọc Hoàng là tôi lo nhất. Em ấy tuy to con vạm vỡ, nhưng lại nhút nhát nhất lớp. Chỉ có một vài câu thoại mà tôi phải chỉ đi chỉ lại bao nhiêu lần...

Rồi ngày văn nghệ Tết mừng năm mới cũng đến. Cả lớp chúng tôi cứ nháo nháo chờ đến lượt của mình. Lúc các em lên sân khấu, tôi ở dưới "cánh gà" cũng lo lắng không kém. Không biết các em có nhớ lời thoại không? Mặc dầu tôi đã cố gắng viết cho thật dễ hiểu, nhưng các em sinh ở Mỹ, nên tiếng Việt cứ đọc lơ lơ giọng tiếng Anh như Mỹ con học tiếng Việt.

Sau chương trình văn nghệ Tết, tôi nghe rất nhiều phụ huynh khen, nên vui và yêu thích công việc này hơn. Năm nay, ở lớp tiếng Việt tôi dạy có tất cả bảy em mà hết sáu là con trai rồi. Tôi gọi các em trai là những con ngỗng được dễ thương. Lớp chỉ có một đóa hoa duy nhất. Ngày đầu nhập học, nhìn qua nhìn lại cô bé như muốn khóc. Sáu con ngỗng được quây khùng khiếp, mỗi con mỗi vẻ, nhưng mà vui lắm. Hôm qua trả lại bài thi cuối năm, tôi nói với cả lớp:

- Tuần vừa rồi các con làm bài được điểm cao, nên hôm nay thầy cho các con chọn lựa. Một là học bài mới, hai là chơi trò chơi. Vậy các con thích học hay thích chơi?

Cả lớp nhón nháo lên và tất nhiên cả lớp đều trả lời rằng muốn chơi. Cô bé hỏi:

- Mình chơi trò đổ chữ như lần trước được không thầy?

Tôi trả lời cô bé:

- Mình sẽ chơi trò đổ chữ, nhưng trước khi chơi trò đổ chữ, thầy có một trò chơi này muốn cả lớp cùng chơi. Lớp mình chia làm hai đội nhé?

Một cậu bé ngỗng được nhỏ con nhất lớp nói:

- Mình chia theo boys vs. girls (trai thi với gái) nha thầy?

Nói rồi quay qua nhìn bạn nữ cười hà hà tiếp:

- Boys thắng là cái chắc vì lớp mình chỉ có một girl thôi...

Cô bé cự lại:

- Không công bằng.

- Thôi thì thế này: Thầy có một trò chơi cũng dễ lắm, trò chơi tìm tên con vật. Lớp mình sẽ chia ra hai đội. Đội nào ít thì được đi trước và mình chơi trong vòng nửa tiếng. Nếu đội nào viết được nhiều tên con vật mà mình biết thì đội đó sẽ thắng. Phần thưởng sẽ là được cộng thêm năm điểm cho bài thi lần sau và một món quà, được không nào?

Hai bên đều đồng ý và đặt tên đội cho đội của mình. Cô bé muốn đặt tên cho đội mình là trái chuối. Có thể cô bé thích ăn chuối hay là nghĩ đội mình sẽ trượt vỏ chuối chăng? Còn đội bên kia đặt tên là KKJL. KKJL là viết tắt tên của bốn ngỗng được.

Tôi chia tám bảng ra làm hai bên. Mỗi đội một bên. Sau khi xong, từng em một lên viết tên của mỗi con vật bằng

tiếng Việt mà mình biết. Lúc đầu thì các em nói:

- It's easy, a piece of cake. (Dễ ợt, như ăn một miếng bánh thôi).

Nhưng càng về sau càng gay cấn và nhộn nhịp hẳn lên...

Đội Chuối thật ra không chuối chút nào, cứ từ từ mà viết tên những con vật lên bảng: con chó, con cá, con rắn, con bò... Bên đội KKJL cũng không chịu thua: con rùa, con voi, con hà mã...

Mười lăm phút sau, bắt đầu hơi bí, một ngỗng đực bên KKJL ở dưới la lớn. Con chim đất bự, ghi xuống chứ bên kia ghi chữ...

Con chim đất bự!

Mới nghe hết hồn cứ tưởng là ổng nói gì bậy. Cô giáo dạy chung với mình tròn mắt, nhìn ổng hỏi:

- Bậy, con chim đất bự là con chim gì?

Ổng dang tay ra và làm điệu bộ. Cô cũng không hiểu nhìn qua mình, mình thăm thì bảo:

- Chắc là con đà điểu?

Ra dấu một hồi một quá, ổng nói luôn tiếng Anh:

- It's a peacock, cái tail của nó pretty, đất bự đó...

Hồi sau, ông anh của ông con chim đất bự lại la lên:

- Con bún, viết xuống nhanh lên...

Lần này, cô và thầy lại đoán tiếp, con giun phải không?

- Dạ không phải. Nhưng cũng viết xuống liền đi....con giun.

Bông hoa của lớp cũng gào lên:

- Jason, con trùn.

- How to spell it? (Đánh vần làm sao?)

- It's T.R.U.N.G. with dấu sắc. Không phải dấu huyền.

- Why don't you write it down? (Sao bạn không chạy lên viết đi nè?...)

Tôi nghe các em nói chuyện với nhau bằng tiếng Anh, tôi lặp lại câu mà tôi thường hay nhắc các em:

- Mình đang học lớp gì?

Cả lớp đồng thanh lặp lại:

- Dạ tiếng Việt. Phải nói tiếng Việt...

But, it's hard sometimes... (Nhưng, thỉnh thoảng nó khó quá thầy ạ)

Ông anh của ông "con chim đất bự" tiếp tục giải thích:

- It's an insect cô... (nó thuộc loại côn trùng)

- Con sâu?

- No, it's not con sâu cô. Con butterfly.

Hai cô thầy nghe xong mới "à" lên một tiếng và cả hai cùng nói:

- Con bướm bướm...

Mà nghĩ lại con bướm gọi con bún cũng đúng vì chữ "butter" trong "butterfly" cũng mềm như bún.

Một hồi sau ông thần "con chim đất bự" lại thêm một con mới nữa "con lửa bay". Sau mấy lần nghe cô giáo giúp cho các em, mình nói:

- Thôi kệ cô ời, cứ để các em viết rồi mình sửa lại sau. Vì đang lúc tranh đấu gay go mà...

Thế là hai đội cứ rần rần thay nhau chạy lên bảng viết. Đội bốn ông ngỗng được KKJL còn chơi ăn gian không chịu về chỗ. Mà đứng luôn hai ông trên bảng để nghe đồng đội đọc lên cho viết. Một ông ngỗng được viết thêm một con nữa đó là "con móng ngựa". Ông ngỗng được tên John đóng vai "Ngọc Hoàng" năm ngoái trong dịp văn nghệ mừng Xuân thường chỉ nói nhí nhí, hôm nay cũng la lớn hơn:

- No, không phải viết vậy. Có móc, có mũ, có râu... Có period ở under - dưới...

"Àh" "Ừm".... Đúng rồi.... Đúng rồi...

Cả lớp cứ nhao nháo như một cái chợ với đầy đủ các loại tên con vật...

Sau một hồi, chuông báo hết giờ, tôi mới lên bảng và khoanh tròn những con vật mà hai đội viết trùng nhau để loại bỏ. Xong, chỉnh sửa lại lỗi chính tả cũng như hỏi các em trong lớp nghĩa cũng từng con bằng tiếng Anh. Tới lúc thấy "con móng ngựa" tôi hỏi ông nhỏ quậy nhất lớp:

- Con cho cả lớp biết con móng ngựa là con gì?

Ông nhỏ trả lời:

- Là con của móng ngựa. Giống con của nhưng "big" hơn con của. Nó có cái tail. Con của móng ngựa đó.

Tôi tròn mắt quay qua cô giáo định hỏi thử cô biết con gì không, thì chàng ta bèn nói luôn là horseshoe crab. Cô giáo quay qua hỏi lại tôi:

- Nó là con gì vậy kia?

- Dạ, nó là con sam biển.

Ông cũng nói:

- Dạ đúng rồiđúng rồi là con sam biển....

Không biết chàng có biết con sam biển hay con ghẹ biển hay không, mà cũng nói đúng vậy gọn ơ.

Sau khi loại bỏ xong, tôi tính thì bên đội Chuối ghi được tên ba mươi lăm con còn bên đội bốn ông ngỗng được KKJL thì chỉ có 31 con. Thế là đội KKJL đành chịu thua. Chơi xong trò chơi thì chuông báo hết giờ, nên cả lớp ra chơi...

Trở lại lớp, đàn ngỗng được lại tiếp tục muốn chơi chứ không chịu học. Thế là chơi tiếp. Lần này, trong sách giáo khoa, tôi chọn ra những từ cho các ngỗng vẽ hoặc làm những động tác để các ngỗng khác đoán chữ. Bông hoa của lớp lên đầu tiên vì "lady first" mà. Cô bé vẽ củ hành. Mấy ông ngỗng bên dưới lao nhao...

- It's a bom, a basketball, a trái banh, trái chanh...

Cổ bức quá, vẽ tiếp tám thót và cái dao. Ông con chim dít bự la lên: củ hành...

Rồi cứ thế xoay vòng, mỗi người một lần. Lúc gần đến giờ ra về, bông hoa của lớp nói:

- Con muốn thầy vẽ cho các con đoán một lần vì không công bằng khi các con vẽ mà thầy không chịu vẽ.

Tôi nghĩ bụng: thôi chết! kiểu này què trước mặt đám nhóc này rồi, nhưng cũng ráng chọn một chữ để vẽ hình... Tôi vẽ những hàng lúa, mấy ngỗng ở dưới nhón nháo la lớn:

- Đám cỏ, máng cỏ, hành lá...

Tôi vẽ tiếp hạt lúa và bát cơm... Một ngỗng lại tiếp:

- Rice with soy sauce (ba trong bảy em trong gia đình Phật tử trước khi vào lớp học tiếng Việt tại chùa Huệ Quang, nên thấy cơm là nghĩ tới nước tương.)

Tôi tiếp tục vẽ thêm một người đang làm động tác cấy lúa. Ở dưới cả lớp cười rộ lên nói:

- Your drawing is horrible (thầy vẽ tệ quá. Mà tệ thật đó chứ vẽ quá chùng vậy mà không ai hiểu mình vẽ gì ... hic ...hic...)

Vừa may, cả ba ngỗng đực lên tiếng:

- Cấy lúa.

Tôi thở phào nhẹ nhõm.

Nhìn lại số điểm, ông "con chim dít bự" được bảy điểm, ông "Hoàng Thượng" được sáu điểm, ông "con bún" được

năm điểm cùng điểm với bông hoa của lớp. Sau đó là ông ngỗng "con cua móng ngựa" được ba điểm. Hai ông ngỗng còn lại được một và hai điểm.

Chơi xong các trò chơi vui quá, nên chúng tôi quên cả coi giờ ra về cho đến khi nghe tiếng chuông reng. Cả lớp lục đục dọn dẹp bàn ghế ra về mà tôi quên luôn việc chúc các ngỗng đực và bông hoa duy nhất của lớp một kỳ nghỉ mùa Xuân thật vui với gia đình.

Còn mình, tôi thầm nghĩ: Khoẻ quá, trường Việt Ngữ đóng cửa được nghỉ mùa Xuân hai tuần. Hẹn gặp lại các ngỗng đực và bông hoa duy nhất sau kỳ nghỉ nhé!

Võ Phú - 03.25.18



MỘT SÁNG XUÂN

Một sáng mùa Xuân, mai nở vàng

Bồi hồi mở cửa đón Xuân sang:

Nào ngờ Xuân đã phai trên tóc

Xuân cũ còn tươi chút bề bàng

VƯƠNG ĐỨC LỆ

CHIỀU TRÊN BẾN CŨ

Bến nước tơ lòng vướng ngồn ngang
Sóng chao từng gợn nắng rưng vàng
Sầu chôn đáy vực - sầu chưa lấp
Nhớ thả lưng trời - nhớ vãn mang
Bóng cũ như màn sương cuối bãi
Tình xưa tựa lớp khói sau làng
Chim về núi thẳm chiều qua vội
Gió lạnh từng hồi lại kéo sang

nguyễn vô cùng

CÁ CẦN

“tháng bảy nước nhẩy lên bờ”

cho đàn cá cần nhớn như ruộng đồng
tung tăng vui cảnh nhà nông
sắc màu óng ả mặn nồng tình quê
một cơn lũ đổ ề chề
giữa dòng nước xoáy tái tê phận mình
quê người từ buổi lênh đênh
có con cá cần lạc miền biển xa
khóc ai bọt biển trắng ngà... ?

nguyễn vô cùng



NHẬT NHÒA DẦU XƯA

Đường xưa lối cũ phai mờ
Dấu chân kỷ niệm
chờ vơ dậm trường
Thuở nào mỗi buổi tan trường
Anh theo sau "nhỏ",
vấn vương tâm hồn
Bây giờ ngắm bóng hoàng hôn
Vào ra ngõ ngẩn
bồn chồn nhớ nhung
Hẹn mai ta sẽ đi cùng
Dù rằng hai đứa
ngại ngừng chưa quen
Nhà em kín cổng cài then
Anh con bướm lạ lén chen vào vườn

Mơ tìm hơi ấm người thương
Đêm về thao thức
sông Tương nhớ thăm
Chiều nay áo ướt mưa dầm
Bài thơ anh viết thâm trầm tình sâu
Tặng cô em gái mộng đầu
Mong sao hai đứa
qua cầu sánh duyên
Dạt trôi ước vọng thề nguyện
Lênh đênh thân phận
truân duyên kiếp người.

ĐT MINH GIANG

HOA THỊNH ĐỐN và BỨC TƯỜNG ĐÁ ĐEN

**** Ngọc Hạnh ****

Tuần lễ vừa qua, vợ chồng người cháu gọi bằng cô từ Cali đến Virginia thăm tôi. Đã lâu cô cháu chưa gặp nhau, chỉ liên lạc qua điện thoại hay điện thư mà thôi. Mấy lần hai cháu định đi thăm cô nhưng việc nhà việc sở lẫn lộn mãi. Nhân dịp được nghỉ lễ “Chiến Sĩ Trận Vong” (Memorial Day) hai cháu quyết định ghé Virginia thăm cô và các em họ trên đường đi Luân Đôn dự lễ tốt nghiệp con gái. Từ Cali bay thẳng đến Luân Đôn giá máy bay rẻ hơn từ Washington DC đi Luân Đôn dù đường bay ngắn hơn.

Tháng 5 vẫn còn mùa Xuân, thời tiết mát mẻ, khí hậu Virginia rất đẹp. Trời không lạnh cũng không nóng nực. Mưa Xuân đủ ướt đất cho hoa cỏ xanh tươi mát mắt. Công viên và tư gia sân cỏ xanh mướt, hoa các loại đua nhau nở rộ quyến rũ bướm ong. Cháu cho biết San Jose thời tiết năm nay hơi bất thường, tháng 5 mà có hôm còn lạnh, ra đường phải mặc ấm. Hai cháu chẳng lạ gì vùng Hoa Thịnh Đốn nên chỉ loanh quanh ở nhà với cô và các em cho đến một hôm vào gần cuối tuần, lúc đi Thủ đô Washington DC, hai cháu muốn ghé thăm bức tường đá đen “Đài tưởng Niệm Cựu Chiến Binh Chiến

Tranh Việt Nam” (VietNam Veterans Memorial).



Tôi cũng chưa biết bức tường dù cư ngụ vùng thủ đô gần 40 năm. Đến các đài Tưởng Niệm các chiến sĩ tôi bùi ngùi xót xa cho gia đình họ, cho những góa phụ cô đơn và các con mồ côi thiếu sự chăm sóc của cha thân yêu. Tôi có đọc báo, xem tin tức cách đây mấy mươi năm khi mới khánh thành bức Tường Đá Đen nhưng toàn là hàm thụ chưa thấy tận nơi bao giờ. Bà con bạn bè ở xa về chơi đều được các con cháu đưa đi thăm thủ đô và bức tường ghi tên những chiến binh Hoa Kỳ và người ngoại quốc đã chết hoặc mất tích trong chiến tranh Việt Nam. Lần này tôi cùng đi với các cháu có lẽ vì tôi thấy một số xe mô tô ồn ào chạy trên đường phố nhắc tôi nhớ còn vài ngày

nữa là đến ngày lễ “ Chiến Sĩ Trận Vong “. Các cựu chiến binh năm nào cũng đến thủ đô đến từ các tiểu bang khác để dự lễ, mỗi người một chiếc mô tô, chẳng ai đèo ai .

Chúng tôi đến khu công viên quốc gia Washington DC tìm chỗ đậu xe cũng dễ vì không phải ngày cuối tuần nhưng phải đi bộ khoảng ngắn. Đi vào cuối tuần gay go hơn nhiều, khó tìm chỗ đậu, tốt hơn là đi Metro vừa nhanh vừa khỏi tìm chỗ đậu xe khó khăn. Bức tường Đá Đen nằm trong khu công viên quốc gia, diện tích 8.100 m2, gần khu vườn cây. Nơi đây mát mẻ nhờ cây cao cho bóng mát, dưới đất thảm cỏ xanh mượt êm như nhung, lối đi bằng phẳng phiu. Những băng gỗ đặt rải rác theo lối đi cho khách nghỉ chân. Những người viếng bức tường đủ sắc tộc, Ấn Độ, người da trắng, da đen, da vàng, trẻ em, người lớn, nam, nữ, cụ già, có em bé trong xe nôi cho mẹ đẩy



đi.

Ngày thường không mấy đông nhưng vào cuối tuần hay ngày lễ nơi này rất

đông người thăm viếng. Người già, trẻ, thanh niên thanh nữ, chen chúc trên con đường ngắn. Hôm tôi đến có những vị mặc quân phục đứng tuổi đến viếng bức tường, dò tìm tên người thân trên bảng đá đen. Dưới chân bức tường rải rác một vài cành hoa hay nguyên cả bó hoa tươi.

Mới vào khu vườn đã thấy tượng 3 quân nhân mang súng bằng đồng đứng trên bục gần bức tường. Ba người nhưng khác màu da: 1 da đen, 1 da trắng, và một người quốc tịch khác, người Á Châu? Một số du khách đứng chờ chụp ảnh kỷ niệm với bức tượng, có người chăm chỉ đọc những dòng chữ ghi trên bảng đồng dưới chân tượng. Cách khoảng ngắn cũng trong công viên có tượng mấy phụ nữ cũng bằng đồng, đang đỡ người nam mặc quân phục, một thương binh? Tôi không xem được bảng chú thích nơi chân tượng nên không biết họ là ai. Mọi người chỉ muốn vào xem bức tường Đá Đen. Tuy khu vực này mát mẻ nhờ có bóng cây nhưng nơi bức tường thì nắng, chẳng có bóng cây nào cả.

Từ trước tôi vẫn nghĩ Bức Tường Đá Đen hình vuông dài nhưng không phải quý vì ới, tường hình chữ V, trải dài từ cao đến thấp, không cùng một chiều cao đâu. Chỗ cao nhất 3 mét và chỗ

thấp nhất 20cm, dài 150 m ghép lại bằng 72 tấm đá hoa cương quý màu đen mang về từ Ấn Độ (Bungalore), ghi tên hơn 58.276 người Mỹ và ngoại quốc đã chết hay mất tích trong chiến tranh Việt Nam (tháng 5/2019). Trong số này có 8 phụ nữ phần lớn là y tá, 16 nhà truyền nhà giáo, 1200 người mất tích. Lúc đầu chỉ có 57, 937 người có tên trên bảng đá đen lạnh lẽo mà thôi . Đứng nơi “Bức Tường” quý vị có thể nhìn thấy cây “bút chì” (Washington Monument) đỉnh nhọn và cao ở xa xa. Theo tài liệu công viên Tường Đá Đen xây từ 26/3/82 khánh thành 9/11/82, tốn khoảng 9 triệu mỹ kim. Tác giả bản vẽ là cô Maya Lin, sinh viên kiến trúc đại học Yale lúc cô mới 21 tuổi, người Mỹ gốc Hoa. Tuy gốc người Hoa nhưng cô sinh trưởng ở Ohio, Hoa Kỳ. Bản vẽ cô được chọn trong hơn cả ngàn bản vẽ các kiến trúc sư khác. Bức tường màu đen, tên người khắc vào bức tường màu trắng. Dù hơn 30 năm tường vẫn sạch sẽ không bám bụi bẩn. Được biết mỗi chủ nhật thứ II trong tháng từ tháng 4 đến tháng 10 có nhóm người tình nguyện nam và nữ đến sẵn tay áo nhúng khăn vào nước sà phòng cọ rửa bức tường kỷ niệm. Họ là cựu nam, nữ chiến binh Hoa kỳ trong chiến tranh Việt Nam. Tôi liên tưởng hình ảnh những người mang hoa thắp mộ người thân trong các nghĩa trang. Họ đâu chờ đến đúng ngày kỷ niệm . Việc làm của họ, người

ngoài nhìn vào có vẻ như nhàm chán vô nghĩa, nhưng thực ra được gần bức tường có ghi tên người thân cũng ấm áp, làm nhẹ nỗi đau buồn ít nhiều. Nếu không, đoàn người đi mô tô đầu bô công vượt hàng ngàn dặm đường xa thăm bức tường kỷ niệm mỗi năm.

Tôi chợt nhớ bà hàng xóm cũ. Hai vợ chồng bà có người con trai duy nhất đã tham gia chiến tranh Việt Nam và mất trước khi Mỹ rút quân 2 tuần. Bà kể lại với giọng thản nhiên nhưng tôi biết bà đau lòng khi nhắc lại chuyện cũ. Thật không hiểu được, tuổi trẻ, con một, nhà khá giả lại đi tham dự cuộc chiến ở quốc gia xa lắc xa lơ, thiếu tiện nghi vật chất, để cho cha mẹ lo sợ nhớ thương. Sau này ông bà bán gian nhà đang ở rộng rãi, mua nhà khác nhỏ hơn có 1 một tầng thôi. Lúc bán nhà, bà mời tôi sang nhà bà chơi, bảo thích gì thì lấy và bà nói đùa là” trù cái đàn piano” vì bà là giáo sư dạy đàn. Nhìn hình con trai bà, một thanh niên khôi ngô sớm vĩnh viễn ra đi cho quê hương Việt Nam, buồn ời là buồn. Định mệnh trớ trêu, tre khóc măng. Chồng bệnh, con mất sớm nhưng xem bà có vẻ bình an, có lẽ nhờ ở đức tin mạnh mẽ chẳng. Tôi thấy ông bà đi nhà thờ mỗi Chủ nhật và thường đến thăm bức Tường Đá Đen ở thủ đô dù chẳng phải ngày lễ. Thật ra Bức Tường Đá Đen cách hồ Tidal Basin thơ mộng của thủ đô Washington DC không bao xa, có

thể đi tản bộ trước hay sau khi thăm Bức Tường cũng tiện lắm: gió mát, cảnh trí an lành thanh nhã.

Theo cháu tôi công viên quốc gia thủ đô Hoa Thịnh Đốn, nơi có các đài kỷ niệm đã thu hút người thăm viếng đông nhất nước, 4, 5 triệu du khách mỗi năm... Hai vợ chồng cháu tôi rời Virginia vài ngày trước lễ "Chiến Sĩ Trận Vong" nhưng đã thấy các đoàn mô tô to òn ào chạy trên đường lộ hướng về thủ đô. Tuy nhiên họ chưa vào thành phố chỉ ngụ các khách sạn ở ngoại ô vùng Virginia. Nhìn là biết họ từ xa về, áo da chắn gió, mũ bảo vệ, kính đen thật to... Chiếc xe thì to gấp rưỡi chiếc xe mô tô bình thường, tiếng máy nổ cũng ồn ào hơn các xe mô tô nhỏ.



LỄ CHIẾN SĨ TRẬN VONG:

Theo tôi biết các tiểu bang Hoa kỳ đều có tổ chức lễ "Chiến Sĩ Trận Vong" vào thứ hai tuần lễ cuối cùng của tháng 5 nhưng có lẽ thủ đô Hoa Thịnh Đốn tổ chức trọng thể nhất. Các cuộc diễn hành đẹp mắt, y phục, đi đứng trang

ng nghiêm từ các học sinh đến các đoàn thể, các binh chủng khác nhau... Các đoàn quân nhạc với nhạc khí sáng ngời, y phục thẳng nếp. Các màn múa súng điều luyện vui mắt. Ở nghĩa trang quân đội Arlington Washington DC trước mỗi mộ bia đều có cắm lá cờ Hoa kỳ nhỏ. Có lẽ quý vị cũng đã xem diễn hành trên màn ảnh rồi. Tôi chỉ muốn nói đến sự hiện diện của các Hội Đoàn và Cộng đồng người Việt vùng Maryland, Virginia và Washington DC trong buổi diễn hành. Đồng bào hải ngoại cũng vui thấy đại kỳ và cờ Việt Nam Cộng Hòa phát phới trong buổi lễ, các tà áo dài phụ nữ Việt tha thướt xuất hiện trong đoàn diễn hành long trọng và trang nghiêm ở Washington DC.



ĐOÀN MÔ TÔ ROLLING THUNDER:

Trong 32 năm nay vào ngày lễ "Chiến sĩ Trận Vong" từ các tiểu bang

khác, cả ngàn cựu chiến binh lái mô tô trải qua bao nhiêu ngàn dặm, chịu nắng gió nhọc nhằn về Washington DC. Có tài liệu cho biết năm 2018 khoảng 100.000 người lái xe mô tô về thủ đô dự buổi diễn hành ngày lễ Memorial Day. Tuy đường xa nhưng họ về vừa dự diễn hành vừa thăm tường Kỷ Niệm, tưởng nhớ, vinh danh các cựu chiến binh anh dũng, các đồng đội đã vì lý tưởng cao quý, hy sinh cuộc sống riêng tư an lành tốt đẹp, tham gia chiến tranh Việt Nam, một quốc gia xa xôi khác tiếng nói màu da với người Hoa Kỳ. Một số lớn những người này bỏ mình nơi xa lạ, không ai ruột thịt thân yêu trong giờ phút lâm chung, vĩnh biệt trần gian vì lòng muốn giúp quốc gia đồng minh.



Đoàn xe mô tô phủ bụi đường xa được dân chúng thủ đô nhiệt liệt hoan nghinh, đón chào. Tiếng máy xe ồn ào, ầm ĩ vang dội cả khu phố khi đoàn xe đi qua. Ngày thứ hai 27/ 5/19 họ tập trung và khởi hành từ bãi đậu Pentagon vào buổi trưa, đi qua Memorial Bridge, đại lộ Constitution đến West Potomac

Park. Xe nào cũng có lá cờ Hoa Kỳ mới rực rỡ như một rừng cờ di động. Điểm cuối đoàn xe là Vietnam Veterans Memorial.

Thường đoàn Rolling Thunder đến Washington DC vào cuối tuần, thăm viếng vài nơi thủ đô, chuyện trò với các đoàn thể, người quen... và chính thức dự lễ Chiến sĩ Trận Vong vào ngày thứ hai. Năm 2019 là năm cuối cùng đoàn Rolling Thunder tham dự diễn hành ngày lễ Memorial Day ở Washington DC. Tôi nghĩ họ mệt mỏi do tuổi cao và đường xa vì các cựu chiến binh người trẻ nhất cũng trên 60 tuổi nhưng theo báo chí nguyên nhân họ không tiếp tục tham dự vì lý do tài chính. Tiền thuê bãi đậu xe và mướn người giữ an ninh ở Pentagon cao. Đoàn mô tô Rolling Thunder diễn hành ngày “Chiến Sĩ Trận Vong” mấy chục năm quen lẹ như một “truyền thống”, vắng đoàn xe sẽ có nhiều người tiếc nhớ.

Được biết Rolling Thunder thành lập năm 1987 với số thành viên khiêm tốn, năm kế tiếp 1988 có 2500 người tham dự và từ đó đến nay năm nào họ cũng về thủ đô dự lễ Chiến Sĩ Trận Vong. Từ đây về sau mỗi năm vào tháng 5, dân chúng vùng thủ đô hết còn nghe tiếng máy xe mô tô ồn ào và những cựu chiến binh trên đường phố, hình ảnh quen thuộc với dân chúng.

Nhìn bề ngoài những người này trông bặm trợn, hùng hổ nhưng thật ra tình cảm họ cũng nồng nàn, tha thiết với chiến hữu, đồng đội. Trông cách họ chịu khó vượt bao nghìn dặm đến thăm đài kỷ niệm, nhẹ nhàng dò tìm tên người thân hay đồng đội trên bức tượng đá vô tri lạnh ngắt thì biết.

Đi viếng đài tưởng niệm, tôi xót xa nghĩ đến những người đã nằm xuống cho quê hương tôi, dù họ là người Hoa kỳ hay nước khác. Tôi nhớ nghĩa trang Biên Hòa không người thăm viếng thường xuyên như ngày trước và liên tưởng hậu quả tang thương do chiến tranh. Riêng nước Việt Nam, gần triệu người rời bỏ quê hương, cửa nhà tan nát, gia đình ly tán. Họ vượt biển, một số chìm sâu trong lòng biển cả hay mất xác trong rừng rậm, làm mồi cho thú dữ... Phần lớn những người có tên trên bức tường đen đã có gia đình, có cuộc sống êm đềm với vợ trẻ con thơ hay cha mẹ thân yêu nhưng họ đã chết cho đất nước Việt Nam và con số không nhỏ. **Xin vô cùng tri ân các**

cựu chiến binh chiến tranh Việt Nam, dù họ đã qua đời hay còn khỏe mạnh, lành lặn hay thương tật. Quân nhân, nhất là chiến binh trong thời chiến, theo tôi là những người cực nhất trong các ngành nghề. Họ không quản ngại nắng mưa, vào rừng lên núi, xa gia đình, người thân yêu... Xin ơn trên ban phước lành cho các cựu chiến binh và gia đình họ. Cầu mong họ có đời sống tốt đẹp an vui. Bên ngoài nắng nhẹ, trời trong, đàn chim hót líu lo, nhảy nhót tung tăng và bướm vờn quanh khóm hoa Xuân rực rỡ màu sắc...

Ngày lễ Chiến Sĩ Trận Vong 2019



Ngọc Hạnh



MƯA ĐÊM VÀ DÒNG NHẠC CỦA HUYỀN LINH

**** Phan Anh Dũng ****



Năm 1957 nhạc sĩ Huyền Linh cho xuất bản ca khúc *Mưa Đêm*, lời ca buồn thấm thía qua thể điệu tango mà ông còn cẩn thận ghi chú trong bản nhạc: "tristamente" và "nhạc tâm tình". Ca khúc này trước đó đã được phổ biến rộng rãi và nhiều ca sĩ trình bày trên 2 Đài phát thanh Sài Gòn và Tiếng Nói Quân Đội.

Ông còn được biết đến với các bản nhạc tươi vui thể điệu mambo bolero như *Trăng Về Thôn Dã* - viết cùng với nhạc sĩ Hoài An - hay *Cung Đàn Lữ Thứ* nhẹ nhàng trữ tình qua thể điệu rumba - viết cùng với nhạc sĩ Phó Quốc Thắng...

Ca khúc *Mưa Đêm* được Tâm Hảo hát với hòa âm của nhạc sĩ Đỗ Hải để nhớ về một người nhạc sĩ tài hoa của tân nhạc Việt Nam nhưng ngày nay mấy ai còn nhắc hay biết đến? Ca khúc *Mưa Đêm* của Huyền Linh cũng gợi

nhớ những nhạc phẩm bất hủ như: ♪

[Xóm Đêm](#) (bolero) của Phạm Đình

Chương, ♪ [Kiếp Nghèo](#) (tango) của

Lam Phương, ♪ [Phố Buồn](#) (tango) của Phạm Duy...

Sau khi thực hiện trang này với rất ít tài liệu về nhạc sĩ Huyền Linh thì may mắn thay, tôi được MC Trần Quốc Bảo (California) gợi: * quảng cáo lớp nhạc của Huyền Linh đăng trong báo Kịch Ảnh năm 1969; và * bài của nhạc sĩ Trịnh Hưng (1924-2008) - tác giả của

♪ [Lời Về Xóm Nhỏ](#) - viết về người bạn thân Huyền Linh khi về thăm Sài Gòn khoảng năm 1998. Những chi tiết trong bài đã trả lời vài thắc mắc của tôi về người nhạc sĩ này. Sau đó, Đông Thương - người bạn chuyên sưu tầm tờ nhạc rời - đã gởi cho tôi 2 bản nhạc gốc *Mưa Đêm* và *Ghé Bến Sài Gòn*. Sau bìa bản nhạc *Mưa Đêm* là ảnh rất nghệ sĩ của Huyền Linh thời trung niên. Bản nhạc *Ghé Bến Sài Gòn* xác nhận: Huyền Linh là người viết lời và nhạc là của Văn Phụng. Như tôi đã viết nhiều lần trong các bài biên soạn trên Cỏ Thơm, khi một bản nhạc có tên 2 người, thường thì thánh giả hay người

yêu nhạc chỉ nhớ đến tên 1 người! Nhiều website còn cho rằng: cả 2 phần nhạc và lời của bài Ghé Bến Sài Gòn là của Văn Phụng; hay lời ca là của Hoài

Linh, tác giả bản [🎵 Về Đâu Mái Tóc Người Thương](#))! Qua biên soạn trang này, tôi còn được biết thêm ca khúc *Tan Vỡ tức Lạnh Hương Nguyễn* của nhạc sĩ Đỗ Huyền(1), lời là của Huyền Linh! (2)

Theo địa chỉ ở cuối bài viết của nhạc sĩ Trịnh Hưng, tôi đã nhờ bạn CVT ở Sài Gòn đến tìm ông (tháng 6, 2019) để thăm hỏi nhưng thật buồn vì theo lời hàng xóm, ông từ trần đã lâu khoảng năm 2000, con ông đã bán nhà và không có tin tức gì nữa!

Cầu mong nhạc sĩ Huyền Linh Nguyễn Xuân Cần được siêu thoát. Chân thành cảm ơn ông đã đem đến cho tân nhạc Việt những đóa hoa thật đẹp.

Phan Anh Dũng

(Richmond, Virginia USA / tháng 6, 2019)

(1) Đỗ Huyền là bút danh của nhạc sĩ Đỗ

Lễ, tác giả ca khúc [🎵 Sang Ngang](#)
(2) 3 ca khúc mà thính giả hay lầm với Tan

Vỡ của Đỗ Huyền & Huyền Linh đó là: [🎵](#)

[Tan Vỡ](#) của Đào Duy, [Một Đời Tan Vỡ](#)

của Lam Phương và [🎵 Tan Vỡ](#) của Trịnh Nam Sơn.



Huyền Linh tên thật là **Nguyễn Xuân Cần**, sinh năm 1927 tại Hải Phòng. Con một gia đình kinh doanh trung lưu, cha ông thường xuất ngoại sang Pháp và các nước khác. Tuy nhiên đến năm 11 tuổi mẹ mất, cha ông tục huyền, ông thường xung khắc với mẹ kể nên vài năm sau đã đưa em gái 2 tuổi bỏ nhà ra đi, được nhận làm trợ giáo để nuôi em và học hành.

Năm 16 tuổi, ông được trưởng đoàn cải lương Hiệp Thành cho thổi kèn trompet trong đoàn và hướng dẫn cho về cách sử dụng guitar, trống, mandoline, ngoài ra còn được học hoà âm, sáng tác với Phạm Ngũ. Năm 18 tuổi, ông thành lập đoàn ca kịch Tự Do ở Đà Nẵng. Huyền Linh và Châu Kỳ là hai diễn viên sáng chói của đoàn lúc đó. Cũng trong năm này (1945), ông bắt đầu sáng tác nhạc.

Năm 1954, ông di cư vào miền Nam. Cùng với Phó Quốc Thắng, Phó Quốc Lân, Trịnh Hưng... thành lập ban nhạc Lửa Hồng có giờ biểu diễn hàng tuần trên Đài phát thanh Sài Gòn. Một số ít ca khúc viết trước đây của ông được phổ biến và quần chúng yêu thích như Mưa đêm, Cung đàn lữ thứ (với Phó Quốc Thắng). Tiếp theo, ông cùng nhạc sĩ Hoài An soạn những ca khúc đồng quê, lời ca trữ tình như: Trăng về thôn dã, Hương nhạc tình quê, Tình người lữ thứ... Năm 1957, ông viết nhạc cảnh Tình người ngư

phủ, năm 1962 làm đạo diễn và đóng vai chính với nữ diễn viên Linh Sơn.

Ca khúc

- Ca khúc yêu đời (Hoài An - Huyền Linh)
- Cung đàn lữ thứ (Huyền Linh - Phó Quốc Thắng)
- Đoàn người tự do
- Hồn Lam Sơn (trường ca)
- Hương nhạc tình quê (Hoài An - Huyền Linh)
- Khúc hát đêm trăng
- Mưa đêm
- Qua đền Vạn Kiếp (Huyền Linh - Phó Quốc Thắng)
- Tắm ánh trăng lành (Trịnh Hưng - Huyền Linh)
- Tình người lữ thứ (Hoài An - Huyền Linh)
- Trăng về thôn dã (Hoài An - Huyền Linh)
- Trăng giải bên ngàn (1959)

Viết lời

- Ghé bến Sài Gòn (nhạc: Văn Phụng)
- Tan vỡ tức Lạnh Hương Nguyễn (nhạc: Đỗ Huyền)

Các bộ môn khác

- Nát ngọc tim châu (nhạc kịch)
- Tình người ngư phủ (nhạc cảnh)

(Nguồn:

Tiểu sử Huyền Linh - theo wikipedia)





M U' A Đ Ê M

(NHẠC TÂM TÌNH)

Đã do các cô : Minh-Trang, Mộc-Lan, Châu-Hà, Khánh-Ngọc, Thanh-Huyền, Thanh-Nguyên, Ngọc-Long, Nhật-Băng, Đỗ-Tuấn, cùng các Ban Nhạc : Nguyễn-quý-Lâm, Lữ-Hồng, Thăng-Long, Hạc-Thành, Gió-Bắc đã Trình bày nhiều lần trên 2 đài phát thanh : Cộng-Hòa Việt-Nam, và tiếng nói Quân-Đội.

TANGO (TRISTAMENTE)



DOLCIS~

Mưa đêm hiu hát qua hiên buồn rơi vương vấn tâm tư đây



vội đường về nhà em ướt lối Mưa đêm lác đác qua song đui



hiu gió thốc nghiêng căn nhà siêu có ai về qua xóm nghèo Mira



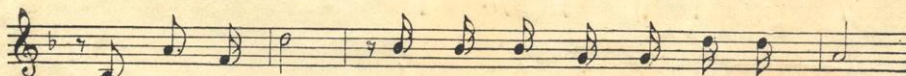
đêm nước nở như cung đàn tơ ngao ngàn kiếp duyên tâm



tơ giòng đời buồn như nước lũ Mưa đêm ray rứt không gian mờ



xanh liếp nát không qua một manh bóng em đứng chân trước mảnh



DOLCE

Về trong phòng giá Đem theo hương nồng sưởi ấm mái tranh



Dịu ngát hương trinh Mái tóc rối ướt dưới đèn hoa xinh

BẢN NHẠC MƯA ĐÊM (PDF) - **Đông Thương** gửi tặng **Cỏ Thơm**

SANS ACCORD ...

Trời loang màu tím Ta dâng nhân loại giòng máu trái tim

POCO A POCO RALL ...

Nhờ phím tơ loan Gửi vào mạch đời tình thương lai láng Mưa

DOLCISSIMO

A TEMPO

đêm phố vắng im trong màn sương lá rũ đôi cây thùy

dương lạnh lùng đàn buông đôi tiếng Mưa đêm có tiếng ai ru trẻ

thơ ngổ tối ngân nga lời mơ thoảng xa vọng nghe lững

lờ Mưa đêm nước mát xuyên qua lều tranh mỗi thắm nét duyên ngày

xanh lửa hồng đùa reo tí tách Mưa đêm tuôn mãi rơi trên thềm

cao như suối êm đưa lời trao lắng nghe tàn canh gió gào .

Tâm Hào hát: ♪ "MƯA ĐÊM" - Nhạc & lời: Huyền Linh - Hòa âm: Đỗ Hải

<https://www.youtube.com/watch?v=SOB7uYssSss>

CHUYỆN TÌNH LÚC 12 GIỜ

**** Trịnh Bình An ****

Bạn ơi, đừng bị cái tựa làm lên ruột nha. Mười hai giờ ở đây là 12 giờ trưa chứ không là 12 giờ khuya đâu.

Đó là giờ ăn trưa, và tôi có tật vừa ăn vừa đọc. Lúc đang ăn thì không thể đọc những thứ "nặng ký" như thời sự, chính trị, văn học, triết học, kỹ thuật, v.v. Lúc đang ăn thì tôi chỉ có thể đọc một thứ: truyện nhảm.

Truyện nhảm ở đây là chuyện..."tâm tình phụ nữ".

Nói nghe cũng tội. Chỉ có người ngoài cuộc mới thấy những chuyện đó là nhảm chứ với người trong cuộc – những người lấy hết can đảm ra để viết thư hỏi ý kiến – thì chắc chắn không thể nhảm nhí. Những điều gần như "sống-chết" ấy làm cho một ngày trôi đi chỉ thấy toàn phiền muộn, in hết câu hát *"Ta lần mò leo mãi, không qua được vách sâu. Ta tìm một tiếng yêu, thấy toàn là sâu đau."*

Tôi luôn luôn chia sẻ tâm tư với những người trong chuyện.

Thôi thì, đủ mọi "sắc màu". Từ chuyện "vườn mới thêm hoa", tới chuyện "quýt tình quýt cả tiền". Từ chuyện "chồng

chăm chút bạn bè còn hơn săn sóc vợ con", tới chuyện "chồng yêu vợ tới mức ghen quá cỡ thợ mộc". Nếu như có người than van "Tại sao tới nay tôi vẫn 'chồng chưa'?", thì lại có người rầu rĩ "Tại sao ông ấy cứ ở lì trong nhà, không chịu đi ra ngoài, để tôi còn... thay ổ khóa cửa!" v.v. và v.v.

Khiến cho lời mở đầu tác phẩm *"Anna Karenina"* của Leo Tolstoy trở nên vô cùng hữu lý: *"Những gia đình hạnh phúc đều giống nhau, nhưng những gia đình bất hạnh thì lại muôn màu muôn vẻ"*.

Phải công nhận một điều, rất nhiều tâm sự hết sức lâm ly tới mức khiến ta ngẩn ngơ, không ngờ trên đời lại có thể xảy ra những chuyện éo le đến thế. Nếu khai triển những tình huống đó ra thành tiểu thuyết sẽ chẳng hề thua các truyện lông bông nước mắt của nữ sĩ Quỳnh Dao.

Sau một thời gian đọc những tâm tình ấy, tôi rút ra được vài điều như sau:

Thứ nhất, ***đa số những người lên tiếng hỏi về "love story" của chính mình đều là phái nữ.***

Cho tới thế kỷ 21 này, nghĩa là sự phân biệt nam nữ đã bớt đi rất nhiều so với trong quá khứ, thì phái nữ vẫn là những con người đau khổ về tình ái hơn hẳn phái nam.

Những cô gái thời đại a-công @ được trang bị bởi smart phone thì không thể rơi vào tình cảnh "*xa xôi ai có thấu tình chẳng ai*" của nàng Kiều khi không cách chi liên lạc được với chàng Kim lúc cần kíp. Thế nhưng, họ vẫn trải qua những lúc sầu thương không kém Thúy Kiều, từ cảnh "*dấm chua lại tội bằng ba lữa nồng*" khi trở thành "người thứ 3" trong mối quan hệ tình ái, cho đến cảnh "*lúc tàn canh, mình lại thương mình xót xa*" khi người đàn ông họ yêu đang từ nồng nàn bỗng quay ra hững hờ, v.v. và v.v.

Điều này không có nghĩa nam phái không bị thất tình!

Tôi có một anh bạn làm chung công ty. Cô bạn gái của anh, - sau hơn 10 năm chung sống – một ngày (đẹp trời) nọ, dưng không... biến mất. Té ra, cô nàng khăn gói đi qua nhà... ông hàng xóm!

Bạn đang cười đó à? Tôi cũng cười nữa - dĩ nhiên chỉ dám cười lén với mấy gã bạn trong nhóm. Còn với "chàng" thì dĩ nhiên tôi phải giữ "bền mệ" nghiêm và buồn. Sau đó trăn mình, cho "chàng" mượn cái lỗ tai để

lắng nghe mọi lời than thở, đúng tinh thần "*That's what friends are for*".

Anh bạn tôi lúc ấy tâm trạng không khác gì người đàn ông trong bài hát "*Yesterday*", cứ thắc mắc hoài "*Why she had to go I don't know, she wouldn't say...*"

Wrong! Chỉ tại vì anh không (thèm) biết thôi chứ tôi biết tổng tại sao "nàng" phải cuốn gói ra đi.

"*It takes two to tango*" cũng giống như ông bà mình nói "*Tại anh tại ả - Tại cả đôi bên*". Phải có hai kẻ "iu" nhau mới có cuộc sống chung, thì in hết, cũng phải có 2 người... "oánh" nhau thì mới dẫn đến chia ly.

Tại sao chị ấy lặng lẽ ra đi?

Tôi biết lý do nhưng không thể nói cho anh bạn tôi hiểu vì anh ta sẽ... chẳng bao giờ hiểu nổi. Vả lại, gương đã vỡ rồi, có hàn gắn cũng mang vết nứt. Vả lại, sau 10 năm chung sống mà dứt tình thì phải là đến mức trầm trọng, chứ không phải chỉ vì một hai việc làm, một hai câu nói, như anh chàng *Yesterday* ngờ ngẩn hỏi câu đơn giản: "*I said something wrong?*"

Anh bạn tôi người Mỹ trắng, cao ráo, không đẹp trai nhưng cũng không xấu xí, lại có công việc ổn định, nhà cửa trả dứt, tiền bỏ rỏ này lại bỏ rỏ kia dám lên

đến cả triệu chứ chẳng chơi, lại không hề rượu chè, cờ bạc, gái gù... thật là một mẫu người đàn ông khó kiếm. Thế nhưng...

Anh ta cho rằng mình có đủ mọi tính tốt thế, mà vẫn bị tình phụ thế, thế thì không tức, không buồn sao được. "Người ấy" ra đi, không chỉ là lấy đi tình yêu, lấy đi sự êm ấm, mà đó còn là lấy đi sự tự tin của một con người! Để cho người ở lại với nỗi đắng cay, và, day dứt mãi với câu hỏi chết người: "*Tôi có điểm gì tệ đến mức em phải chọn người đàn ông khác?*" Nôm na: "*Thằng ấy có gì hay hơn tui mà cô mê nó?*"

Thưa bạn, và đó là *điểm thứ hai* tôi rút ra được qua những câu chuyện tình.

Bề ngoài của những trái tim tan vỡ là mất đi người yêu, nhưng ***bề trong là sự xúc phạm cùng cực đến "cái tôi"***. Từ nào giờ, mình cứ ngỡ nhờ "cái tôi" đó người ấy mới yêu mình. Rồi cũng "cái tôi" đó người ấy lại không yêu mình. Thế là thế nào?

Để rồi từ đó, "khổ chủ" hoang mang cùng cực, tự hỏi "mình đã làm gì nên tội?" hay "mình đã sai ở chỗ nào?"

Không, anh bạn tôi không nói với tôi những câu hỏi đó – tôi chỉ tự chế ra thôi. Nhưng tôi biết rất nhiều phụ nữ có người yêu bỏ đi đã tự trách bản thân

như thế. Họ cứ tự dần vật mình tới mức các chuyên viên tâm lý phải hét to lên: "*Phụ nữ ơi! Đừng tự trách mình nữa. Đừng rầu rĩ nữa. Anh ta đã ra đi rồi. Hãy để mặc anh ta đi. Còn bạn, hãy đứng lên. Hãy đi con đường riêng của bạn*".

Làm được thế thật không dễ, nhưng oái oăm thay, đó là việc *duy nhất* có thể làm được.

Nhưng, "*Chuyện Tình Lúc 12 Giờ*" là những chuyện tình oái oăm, nếu không thì đã chẳng lên báo để tới mắt tôi, mắt bạn.

Có một điều những chuyện tình ấy không thỏa mãn được tôi. Đó là, tôi không biết nguyên nhân nào đã làm thay đổi con người từ lúc này qua lúc khác.

"*Sông có khúc – Người có lúc*". Nhưng tại sao?

Giòng sông chảy chậm hay nhanh là vì tính chất địa lý của khúc sông ấy. Còn con người, thay đổi là do đâu?

Đa số, những người trải lòng thường chỉ đưa ra hiện tình sau cùng chứ không trình bày được diễn tiến. Nhưng, nếu biết được tường tận diễn tiến thì chắc họ đã chuẩn bị cho cái kết tốt hơn rồi.

Điều này không khác gì việc điều hòa dòng sông. Muốn chuyển đổi dòng sông nước chảy siết thành động cơ đòi hỏi rất nhiều công sức cùng với kiến thức. Cũng thế, để tránh nhưng va chạm xung đột và để giữ được hòa thuận bình yên cũng cần nhiều thứ, tình thương chưa đủ, còn phải có sự hiểu biết và thật nhiều, thật nhiều... kiên nhẫn.

Tôi gọi "*Chuyện Tình Lúc 12 Giờ Đêm*" là những giây phút lãng mạn nhất, tình tứ nhất. Còn "*Chuyện Tình Lúc 12 Giờ Trưa*" là những lúc suy nghĩ gay go, nhức đầu nhất. Nhưng, giữa người nam và người nữ, nếu không giải quyết được những chuyện nhức đầu thì sẽ không có những giây phút nồng nàn.

Bạn cũng đừng để hai chữ "nồng nàn" làm lên ruột nha.

Một đoạn văn "chóp" tôi đọc được như sau.

Một cụ bà tâm sự với một cô gái. Bà vừa mỉm cười sung sướng vừa thì thầm vào tai cô: "*Hai vợ chồng tôi đêm nào cùng ân ái với nhau*". Đang khi cô gái trợn mắt, miệng há ra tính hỏi bí quyết phòng the của cặp vợ chồng đã tám bó thì cụ bà nói tiếp: "*Đêm nào chúng tôi cũng nằm cạnh nhau và nắm... tay nhau*".

Và, đó là *điểm thứ ba* tôi rút ra được: ***Hạnh phúc là biết vui với điều gì mình làm tốt nhất.***

Tôi có nhiều điều không vừa ý về bản thân. Ví dụ, giọng đọc của tôi khi làm chương trình phát thanh nghe quá chậm, nếu đọc nhanh hơn lại nghe hấp tấp. Tôi thật sự không vui chút nào. Nhưng biết rằng không vội vã được mà phải cần một thời gian khá dài để "tập đọc" may ra chất giọng rồi sẽ khá hơn chăng. Hiện tại, tôi chỉ có thể tự an ủi rằng, may quá mình không cần dùng cái giọng để kiếm cơm, nếu không chắc... chết đói (haha).

Vậy nên, nếu bạn có những "*Chuyện Tình Lúc 12 Giờ*" làm bạn không vui, thì xin hiểu cho rằng bạn không hề cô đơn. Hãy rà soát lại coi, có những việc gì bạn từng làm *tốt nhất*? Hãy chú tâm vào làm những việc đó. Hãy tạm quên đi những muộn phiền khác để tâm trí bình tĩnh lại.

Trong lúc chờ đợi sự việc khá hơn, tại sao không... đọc những "*Chuyện Tình Lúc 12 Giờ*". Biết đâu, bạn sẽ rút ra thêm nhiều bài học hay ho, thú vị để so chiếu với trường hợp chính bản thân mình. Tin tôi đi, vì chính tôi, đã nhờ những câu chuyện của biết bao người khác mà gỡ rối được cho chính mình.

Hỏi nhỏ, bạn có muốn biết "love story" của tôi không nào?

Không lo, rồi sẽ có lúc tôi sẽ kể bạn nghe CTL12G của tôi. Lúc đó, bảo đảm, bạn sẽ thấy nó... nhằm hết biết luôn (haha). Tới lúc đó, bạn sẽ đồng ý với *điểm thứ tư* này:

Rồi mọi sự cũng sẽ qua đi, đúng như câu danh ngôn: ***"This too, shall pass"***.



TRỊNH BÌNH AN



CHỈ ĐỂ YÊU NGƯỜI

*Bàn tay yêu đợi chờ
Gỗ nhẹ trên khung mơ
Dịu dàng trang kỷ niệm
Mở vào quyển sách thơ*

*Đôi mắt làm cơn mưa
Dĩ vãng màu đón đưa
Bờ vai thương thấm ướt
Còn mãi dòng lệ xưa*

*Xin trở về tuổi mây
Tìm hạt nồng thơ ngây
Địa đàng xưa bước lại
Rơi xuống giọt biển đầy*

*Chiếc bóng yêu bẽnh bồng
Giữa bến đời mệnh mông
Nét hoài thương âu yếm
Khép giữ vào tim lòng*

*Áng mây chiều miên man
Trải xuống đóa nồng nàn
Dịu nhau vào mộng ước
Trên đường nhớ thênh thang*

*Chỉ để mà yêu người
Tình buồn trên nụ cười
Vẫn về tô điểm nhớ
Để được mãi yêu người*

Trương Đình

UK, sương mù già 2019

CHÂN DUNG TIẾN SĨ TRẦN BÍCH SAN NHÀ VĂN HỌC SỬ VIỆT NAM THẾ KỶ 21

**** NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG ****



Trần Bích San tên thật là **Trần Gia Thái** sinh vào giờ Thìn ngày 28 tháng 07 năm 1940 tại Mỹ Lộc, Nam Định cùng sinh quán với Tam Nguyên Vị Xuyên. Gia đình theo đạo Nho, ông thân sinh là thi sĩ Vị Giang Trần Gia Phúc, quận trưởng Bình Lý, Hà Nam (thời Bảo Đại 2 quận Bình Lục và Lý Nhân hợp lại), thân mẫu là bà Lê Thị Soan con gái út của nghị viên Lê Kính. Năm 1946 tản cư về quê ngoại làng Vy Hạ, quận Bình Lục, tỉnh Hà Nam, thụ giáo chữ Nho cụ Tú Nguyễn Danh Đạo làng Vy Thượng. Chính nhờ thời gian 5 năm thuở nhỏ và sau này tự trau dồi

thêm đã giúp Trần Bích San rất nhiều trong lãnh vực khảo cứu về cổ học. Năm 1950 hồi cư về Nam Định theo học trường Bến Ngự. Năm 1952 lên Hà Nội học trường Nguyễn Du (Hàng Vôi), Nguyễn Huệ.

Năm 1954 gia đình di cư vào Sài Gòn, Trần Bích San theo học các trường Trần Lục, Hàn Thuyên, Chu Văn An, đại học Luật Khoa. Năm 1965, tốt nghiệp khóa I Phóng Viên Báo Chí của Việt Tấn Xã. Năm 1968 tốt nghiệp khóa I Tùy Viên Báo Chí, được cử làm Tùy Viên Báo Chí cho Tổng Trưởng Giáo Dục Tăng Kim Đồng. Năm 1969 động viên nhập ngũ khóa 4/69 sỹ quan trừ bị Thủ Đức như các thanh niên thời loạn khác. Ra trường phục vụ tại tiểu đoàn 2, trung đoàn 8, sư đoàn 5BB. Sau khi tốt nghiệp Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt được cử làm Trưởng Ban Báo Chí Sư Đoàn. Năm 1973 biệt phái ngoại ngạch về Tổng Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi giữ chức vụ Trưởng Phòng An Ninh Hành Chánh đến khi Miền Nam sụp đổ. Trong khoảng thời gian từ 1973 giữ mục Phiếm Luận cho nhật báo *Tin Sống*, Sài Gòn.

Tháng tư 1975 di tản ra đảo Guam rồi chuyển về trại tị nạn Fort Chaffee, Arkansas. Được nhà thờ Lutheran bảo lãnh về Hoa Thịnh Đốn, theo học George Washington University, tốt

ng nghiệp Cử Nhân Khoa Học (BSBE). Năm 1979, được nhận vào làm kỹ sư cho Biomedical Engineering Department của Touro Hospital, New Orleans và định cư tại đây cho đến ngày nay. Năm 1990 làm Giám Đốc ngành này. Vì nhu cầu điều hành và quản trị, thi lấy Certified Clinical Engineer (CCE) của Association for the Advancement of Medical Instrumentation (AAMI), tiếp tục học văn tốt nghiệp Cao Học về Quản Trị Y Tế (MHA) năm 1995, và Tiến Sĩ (Ph.D.) hạng tối ưu (Summa Cum Laude).

Năm 1987 Chủ Bút nguyệt san *Lên Đường* và bắt đầu viết nhiều. Từ 1994 đến 2016 chủ nhiệm kiêm chủ bút tuần báo *Sài Gòn Nhỏ New Orleans*. Năm 1996 cộng tác với tạp chí văn học *Cỏ Thơm* ngay từ những số đầu, đảm nhiệm chức vụ Chủ Bút tạp chí này từ năm 2008 cho tới nay. Trần Bích San còn là người đồng sáng lập diễn đàn *Việt Thức* www.vietthuc.org vào năm 2010. Năm 2000 cho ra đời tác phẩm *Văn Khảo*, cuối năm 2018 cho xuất bản pho *Văn Học Việt Nam*, lịch sử văn học Việt Nam lần đầu tiên được biên soạn theo phương pháp thể loại văn học.

Tôi quen Trần Bích San từ khi làm Chủ Nhiệm tạp chí văn học *Cỏ Thơm*, nhưng tôi biết anh từ những năm đầu thập niên 1960 ở Sài Gòn. Ngày đó tôi đã lập gia đình với nhà văn Văn Quang và sống trong cư xá Chu Mạnh Trinh, đường Chi Lăng, Phú Nhuận. Tôi có một người bạn tên Duyên ở gần nhà cùng trong cư xá. Trần Bích San bạn với em trai của Duyên là Đỗ Hùng (năm

1965 làm Bí Thư cho Đại Tá Bác Sĩ Văn Văn Cửa, Đô Trưởng Sài Gòn - Chợ Lớn). Trần Bích San đang học Luật, thường qua chơi với Đỗ Hùng. Tôi đã gặp anh vào một buổi chiều cuối Thu khi đang có tâm sự, qua thăm Duyên cho khuây khỏa. Đó là một thanh niên đáng đáp thư sinh với mái tóc nghệ sĩ bồng bềnh, ngồi chơi guitar trước hiên nhà cùng Đỗ Hùng. Anh đang đàn một bản nhạc classic, bài *Serenata* (Chiều Tà) của Enrico Toselli. Tôi nhận ra người thanh niên đó thỉnh thoảng có mặt trong tiệm sách *Văn Chương Thư Quán* trên đường Võ Di Nguy, Phú Nhuận, nơi tôi thường tới mua sách báo. Thì ra tiệm sách đó là của thân mẫu Trần Bích San. Trước năm 1945 ông thân sinh ra anh có tiệm sách ở phố Gia Long, gần Hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ồi, nói tới Hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội là nói tới một thời nữ sinh 13, 14, đệ thất, đệ lục, mắt sáng với môi tươi, tóc thề vừa chấm ngang vai của Nguyễn Thị Ngọc Dung phóng xe đạp vì vút như chim bay bướm lượn cùng với các cô bạn học quanh hồ đến trường Trưng Vương. Một cuốn phim huyền thoại, thần tiên lại hiện ra trong tôi. Có thể thuở đó Trần Bích San và Ngọc Dung đã ở trong đám học sinh chen chúc nhau trong rạp chiếu bóng Lửa Hồng đồng hạng bên Hồ Gươm, chưa có duyên văn chương văn học.

Nói tới đường Võ Di Nguy, Phú Nhuận, một thời thiếu nữ, thiếu phụ của Nguyễn Thị Ngọc Dung lại trở về như một cuốn phim tiểu thuyết tình cảm buồn vui nhạt nhòa. Trong đó, thấp thoáng hình ảnh người nghệ sĩ

trẻ tuổi Trần Bích San say mê thả hồn vào tiếng đàn không đáy, ngậm ngùi trong tiếng mưa rơi một buổi chiều tàn Thu lạnh buồn, đã để lại trong tâm hồn tôi một hình ảnh thơ mộng khó quên.

Từ khi hợp tác với Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm, Trần Bích San mỗi năm trở về vùng Hoa Thịnh Đốn ít nhất một lần. Anh thường rủ Đỗ Hùng và mời một số bạn khác tham dự ngày họp mặt kỷ niệm sinh nhật Tạp Chí Cổ Thơm. Trước tháng 04, 1975 ngày tôi và Robert rời trụ sở ngoại giao của anh ở Âu Châu về định cư ở Hoa Thịnh Đốn, tôi gặp lại Đỗ Hùng. Tôi tặng anh chàng một chai nước mắm nhĩ lúc đó quý hơn vàng, về sau mỗi lần có dịp gặp nhau món quà quê hương này lại được nhắc đến. Đỗ Hùng thường vui vẻ kể cho tôi nghe những kỷ niệm thời trai trẻ trong cư xá Chu Mạnh Trinh. Có lần Đỗ Hùng cho tôi biết *"hỏi đó Trần Bích San nổi tiếng hào hoa. Chàng mà đổ tình với ai thì đều được người đẹp đó đáp lại. Nếu Ngọc Dung không có Văn Quang thuở ấy thì chắc đã không qua khỏi lưới tình của Trần Bích San..."* Nghe vậy, hỏi sao lòng tôi không xao xuyến? Nếu định mệnh đã an bài thì phải có duyên nợ với nhau, Trần Bích San và Ngọc Dung chỉ có duyên nên cái tình văn chương có giới hạn, nhẹ nhàng mà bền lâu.

Thật không thể ngờ người thanh niên có máu văn nghệ tôi gặp mấy chục năm về trước nay lại trở thành một nhà biên khảo nghiêm túc, một nhà nghiên cứu văn học cẩn trọng. Thực ra, nếu Trần Bích San là "một sách" cũng không có gì lạ. Trong khi còn đang học

Tú Tài anh đã đọc hết tất cả những sách bán trong tiệm của thân mẫu. Anh còn vào Thư Viện Quốc Gia trên đường Gia Long Sài Gòn tiếp tục đọc những sách không có bán ở ngoài. Ra hải ngoại, anh sưu tầm được gần 1500 nhan sách về văn học, lịch sử trong số hơn 3000 quyển đủ loại.

Trần Bích San cộng tác với Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm với chủ trương văn học nghệ thuật từ bước đầu của tạp chí vào năm 1996. Anh viết về những đề tài văn học, tư tưởng, quan niệm, phê bình rất công phu. Viết về một địa linh nhân kiệt nào là anh biên soạn, ghi chú đầy đủ tiểu sử, giai thoại văn chương về nhân vật, địa danh đó, kèm theo hình ảnh, tài liệu giá trị chứng minh. Những bài biên khảo của Trần Bích San là những cảo thơm văn chương nghệ thuật hữu ích cho độc giả muốn tìm hiểu hay ôn lại chi tiết đã đi vào quên lãng.

Người ta thường cho rằng biên khảo khô khan khó đọc, điều đó không đúng hoàn toàn. Trần Bích San viết khác với lối văn thông thường của loại khảo cứu. Với văn phong trong sáng, gọn gàng không rườm rà lan man, anh dùng những danh từ văn học súc tích, thông thái nhưng dễ hiểu, lôi cuốn người đọc. Anh sử dụng phương cách mới để bài viết không những bớt khô khan mà còn trở nên hấp dẫn và lý thú.

Hấp dẫn nhờ những hình ảnh, chứng liệu quý hiếm kèm theo bài viết. Người đọc có thể nhìn thấy các tranh dân gian Đông Hồ, hình những mảnh đá có khắc chữ Việt thời thượng cổ, Truyện Kiều bằng chữ Nôm của nhà Liễu Văn Đường, khung cảnh trường

thi Nho học, lều chõng của thí sinh, Lễ Xướng Danh thi đỗ ngày xưa, v.v.

Lý thú nhờ lời giải thích các câu ca dao, câu đối nổi tiếng, giai thoại về những nhân vật lịch sử, v.v. Phần này cho ta được biết sự tích của “*rét nàng Bân*”, tại sao câu “*đầu cha lấy làm chân con, mười bốn năm tròn hết số thì thôi*” lại chỉ vào việc nhà Tây Sơn ngắn ngủi có 14 năm. Hai vị Tiến Sĩ theo Tây Sơn bị Đặng Trần Thường theo lệnh Gia Long đem ra Văn Miếu nọc đánh mỗi người 100 trượng là ai, vị nào về đến quê thì mất? Sau khi nhà Tây Sơn bị diệt thân phận Ngọc Hân Công Chúa, vợ vua Quang Trung ra sao? Có phải bà bị Gia Long nạp làm phi, hay bà giả làm dân đi buôn trốn về quê ở Quảng Ngãi sau bị bắt đem về Thuận Hóa gia hình “*tam ban triều điển*”? hình ảnh cái chết lãng mạn của Nguyễn Văn Vĩnh trong khi đi tìm vàng bên Lào, Phan Khôi lúc chết bị thương ra sao? chi tiết cuộc thảm sát Phạm Quỳnh ven sông Bồ đêm trăng non 06/09/1945, ai đã ra lệnh giết Chủ Bút Nam Phong? Tự Lực Văn Đoàn có 7 người (thất tinh), 6 người có chữ “*Trong TLVD*” đề dưới tác phẩm là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ, còn người thứ 7 là ai?, v.v.

Các bài nghiên cứu văn học của Trần Bích San đăng trên *Cỏ Thơm*, *Tân Văn* là những thiên khảo cứu rộng mênh mông với đầy đủ dữ kiện văn học, dẫn chứng tài liệu, tham khảo thư tịch Đông Tây kim cổ. Những đề tài phong phú văn học này cho thấy Trần Bích San đam mê đọc sách và miệt mài nghiên cứu về văn học sử. Anh phải có tình yêu văn chương chữ

nghĩa, tình dân tộc mãnh liệt, viết về văn học để phục vụ và bảo tồn văn hóa Việt, bảo tồn tiếng Việt, chữ Việt. Đó là những “cảo thơm” để độc giả yêu văn học lần giở trước đèn.

Tôi rất thích thú và tâm đắc khi đọc ba dòng phê bình văn tùy bút rất ngắn ngủi của Trần Bích San: “*Võ Phiến tử tử, hơi khô. Vũ Bằng lãng mạn chưa đủ. Mai Thảo chải chuốt quá. Tôi thích Nguyễn Tuân và Vũ Khắc Khoan hơn*”.

Trần Bích San hiện đang thai nghén từ hơn 10 năm nay bộ “*Nhà Văn Hiện Đại Việt Nam Hải Ngoại*”, một bộ phê bình văn học được viết theo các phương pháp phân tích hiện đại Tây phương.

Trần Bích San cho biết lý do thúc đẩy anh viết biên khảo văn học trước nhất vì những sai lầm của một số tài liệu ở hải ngoại cũng như các sách ở trong nước viết theo quan điểm Marxist, sau nữa để cung cấp các tài liệu khả tín cho việc giảng huấn những ai cần đến.

Ban Quản Trị Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm rất quý trọng Trần Bích San. Nơi anh người ta thấy những đức tính của một trượng phu, một kẻ sĩ. Anh đã giữ lời hứa đứng chung làm việc, ủng hộ chúng tôi đến cùng. Luôn luôn anh có ý kiến xác đáng, giữ lập trường và tinh thần điều hành Cỏ Thơm vững vàng. Anh nói “*Chùng nào còn đọc giả, người cầm bút còn phải viết. Đó là kỳ vọng, không phải chỉ của riêng tôi, mà là của chung những người làm văn chúng ta*”.

Trần Bích San đã viết bài tựa thâm thúy cho tập truyện ngắn *Một Thoáng*

Mây Bay và có bài phê bình sắc bén tập bút ký *Non Nước Đá Vàng* của Ngọc Dung. Từ hơn 20 năm nay, tôi rất thoải mái làm việc với Trần Bích San và học hỏi được rất nhiều nơi anh.

Với những người chưa quen biết thì Trần Bích San có vẻ thận trọng, xa cách. Khi trò chuyện thân mật cùng văn hữu anh có phong thái cởi mở, giọng cười sảng khoái. Mỗi lần nói chuyện văn chương mà anh là diễn giả trong các lần họp mặt Cỏ Thơm giọng anh rõ ràng, sang sảng. Dáng vẻ bề ngoài Trần Bích San là một nhà tân học, nhưng khi cao hứng ngâm một vài câu thơ bằng lối ả đào anh lại có dáng dấp của một nhà nho thời xưa.

Trần Bích San hào sảng, rộng rãi với ngân quỹ Cỏ Thơm và với nhiều cơ sở văn học khác, anh bỏ tiền in thơ, văn cho một số thân hữu không được dư giả. Mỗi năm anh về Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn tham dự sinh nhật Cỏ Thơm, không phiền ai đưa đón lo chỗ ăn ở. Không những anh ủng hộ mua một hai bàn ăn mời thân hữu, đa số là bạn học cũ và văn thi hữu đứng tuổi, lại còn mời ban quản trị Cỏ Thơm một bữa ăn trưa trước ngày họp mặt.

Là người hào phóng, nổi tiếng hào hoa thời trai trẻ, nhưng anh không muốn bạn hữu gọi anh là công tử. Anh giải thích, công tử là con nhà giàu, chỉ biết ăn chơi, hưởng thụ cho bản thân, ích kỷ, không nghĩ, không làm gì lợi ích cho nhân quần xã hội. Anh cho biết sở

dĩ anh lấy bút hiệu Trần Bích San là vì ngưỡng mộ tinh thần kẻ sĩ "*không sợ, không ham, không hèn*" của Tam Nguyên Vị Xuyên Trần Bích San, thế kỷ 19.

Ban Quản Trị Cỏ Thơm và độc giả yêu văn học chịu ơn Trần Bích San, dù anh chẳng bao giờ nhận ơn của ai. Hơn thế nữa, văn học hải ngoại và quốc nội phải ghi công Trần Bích San, nhà văn học sử Việt Nam của thế kỷ 21, đã gìn giữ văn học cho quê hương dân tộc.

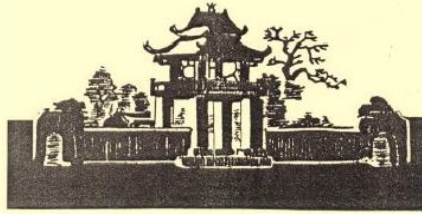
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG



Chủ Nhiệm Tạp Chí và Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm (2000-2017). Tác giả hai tập hồi ký tiểu thuyết **Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội, Sài Gòn Nhớ Mưa**

Thương, tập truyện ngắn **Một Thoáng Mây Bay**, tập thơ **Điểm Trang làm Dáng Cuộc Đời**, bút ký **Non Nước Đá Vàng, Bước Lạ Quê Hương**, tập thơ nhạc Online **Nỗi Nhớ Niềm Thương**, tập thơ Xương Họa Online **Tình Bút Duyên Thơ**.





VĂN HỌC VIỆT NAM

Tác phẩm mới nhất của **Trần Bích San**
nhà xuất bản  Cỏ Thơm

- **Cộng Sản hủy diệt, người Việt Quốc Gia bảo tồn, gìn giữ nền văn hóa nhân bản dân tộc.**

- Tác phẩm bao gồm các yếu tố căn bản của nền Văn Học Việt Nam. Truy tìm tận gốc rễ sự thực các dữ kiện văn học tiềm ẩn chưa phát hiện. Hiệu đính sai lầm, bổ túc thiếu sót trong Văn Học Sử.

- Một quyển sách không thể thiếu trong mỗi gia đình người Việt hải ngoại.

- Công trình biên soạn công phu trong 20 năm. Sửa chữa và bổ túc trong 3 năm. Sách dày 1200 trang, khâu chỉ, bìa cứng, bọc plastic, chữ vàng, hơn 500 hình ảnh, tài liệu quý hiếm.

- **Giá bán \$50. Độc giả ở Hoa Kỳ miễn phí shipping. Tất cả tiền bán sách (vốn & lời) được dùng tặng quỹ yểm trợ Thương Phế Binh VNCH. Tổng số tiền yểm trợ và biên nhận tiền gửi sẽ được công bố trên báo chí. Check hay Money Order trả cho THÁI TRẦN.**

- *Mua sách xin liên lạc:*

Tiến Sĩ Trần Gia Thái, Ph.D.

hoặc **Trần Ngọc Châu**

P.O. Box 740248

New Orleans, LA 70174

(504) 615-5606 - (504) 263-5661

Email: chautran6@aol.com

ĐỌC SÁCH VĂN HỌC VIỆT NAM CỦA TRẦN BÍCH SAN

**** TRƯƠNG ANH THỤY ****

Cầm một cuốn sách biên khảo về bất cứ bộ môn nào trên tay, tôi cũng có thói quen lập tức lật giở Mục Lục ra xem để tìm mục nào có vẻ hấp dẫn nhất, và nhất là mục nào viết về đề tài tôi đang muốn tìm hiểu, học hỏi... với hy vọng tìm được những câu trả lời cho những điều còn chưa thông suốt.

Cuốn biên khảo *Văn Học Việt Nam* (VHVN) dày 1200 trang của tiến sĩ Trần Bích San đang trong tay tôi cũng không ngoại lệ. Tôi vừa mở Mục Lục ra xem đã bị choáng ngợp với một danh sách gồm 31 chương, không kể bài Tựa dài 15 trang ở đầu sách và hai Phụ Lục chiếm 138 trang ở cuối sách:

01. Nguồn Gốc Văn Học Việt Nam/02. Chữ Việt Thượng Cổ/03. Chữ Hán - Chữ Nho/04. Chữ Nôm/05. Chữ Quốc Ngữ/06. Giáo Dục Nho Học/07. Giáo Dục Pháp Thuộc/08. Giáo Dục/Quốc Gia/09. Giáo Dục Cộng Sản/10. Nho Giáo/11. Quan Niệm Quân Tử - Đại Trượng Phu/12. Mẫu Người Kề Sĩ/13. Danh Vị Tam Nguyên/14. Học Vị Phó Bảng/15. Văn Khảo Khái Luận/16. Phương Pháp Biên Soạn Văn Học Sử/17. Sai Lầm, Nghi Vấn Trong Văn Học Sử/18. Trở Ngại Biên Khảo Nho-Nôm/19. TVK Mở Đường Văn Học Chữ Quốc Ngữ/20. Đông Dương - Nam Phong Vai Trò Lịch Sử/21. TLVĐ Tập Đại Thành Chữ Văn Quốc Ngữ/22. Các Nhà Văn Nữ Chữ Việt/23. Trào Lưu

Văn Chương Lãng Mạn/24. Khuynh Hướng Trào Phúng/25. Thơ Văn Yêu Nước/26. Thi Ca Dục Ái/27. Câu Đối/28. Phê Bình Văn Học/29. Truyện Ngắn/30. Phóng Sự - Tùy Bút/31. Ca Dao.

Phụ Lục: - Các Nhà Văn Nữ Chữ Quốc Ngữ/- Mục Lục Tác Giả, Nhân Vật/- Tiểu Sử Tác Giả.

Nhìn qua Mục Lục, độc giả sẽ thấy có nhiều đề tài xem ra rất quen thuộc như đã từng được biên khảo trong nhiều cuốn sách trong tủ sách gia đình nhà mình. Thật vậy, gia đình Việt Nam nào mà không có sách biên khảo văn học của các vị học giả tiền bối như Dương Quảng Hàm với *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, Nghiêm Toản với *Việt Nam Văn Học Sử Trích Yếu*, Phạm Thế Ngũ với *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, Lê Văn Siêu với *Văn Học Sử Việt Nam*, vv...và...vv...

Học giả Dương Quảng Hàm, trong tập *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, (khoảng đầu thập kỷ 40 của thế kỷ trước) ở mục *Biên Tập Đại Ý*, có đoạn viết: “*Nay chúng tôi lấy tài sơ học thiên soạn ra quyển ‘Việt-nam văn học sử-yếu’ này, cũng tự biết là làm một việc quá bạo và chắc rằng tác phẩm của chúng tôi còn nhiều điều thiếu-thốn, phải đợi công cuộc khảo-cứu tra-tầm của các học giả sau này mà bổ-khuyết dần...*”

Học giả Nghiêm Toàn khi viết Việt Nam Văn-Học Sử Trích Yếu, ông “ngần ngừ băn khoăn” trước khi quyết định xuất bản, sau nghe lời khuyến khích của một người bạn, ông viết trong Tựa của mình: *“Viết theo lối phổ thông sơ học mà lại không có tham vọng làm nhà khảo-cứu, giúp đỡ một chút các bạn thất-học có thể vào chơi vườn hoa ‘thơ văn Việt-nam’ tự ngàn xưa để lại... A! Nếu thế đối với chúng tôi không phải là một việc quá sức và táo bạo, nên chúng tôi mới dám soạn quyển sách này.”*

Đương nhiên các bậc tiền bối của chúng ta khiêm tốn, nhưng sự khiêm tốn đó không phải không có lý do dựa trên hoàn cảnh thực tế thời bấy giờ: không có đủ tài liệu tham khảo, không có phương tiện khai quật tìm chứng tích, không có phương tiện khoa học để đánh giá mức độ trung thực... Câu “hậu sinh khả úy” hoàn toàn đúng ở thời đại “hi-tech” (kỹ thuật cao) và sa lộ thông tin chạy như mắc cửi hiện nay. Một học giả hậu sinh như Trần Bích San, nếu làm được một việc hơn tiền bối thì có chi là lạ!

Cùng các đề tài đã được bàn đến ở các sách khác, tác giả Trần Bích San (TBS) còn đi sâu hơn từng mục trong sách VHVN của mình với những phương tiện phong phú hiện đại mà ông biết khai thác. Nói chung, tài liệu phong phú, phương tiện dồi dào cũng lại là con dao hai lưỡi, là cái bẫy sập để một nhà nghiên cứu hăm hở ôm lấy đưa vào tài liệu của mình. Các nhà nghiên cứu do đó phải biết chắt lọc xem cái gì đúng, cái gì sai để thu lượm hay gạt bỏ ngay. Công việc

nghiên cứu đòi hỏi đức tính kiên nhẫn, bộ óc “logic”, không định kiến và, trước tất cả, phải đã có sẵn kiến thức căn bản về bộ môn mình muốn nghiên cứu. Nhìn qua “Tài Liệu Tham Khảo” sau mỗi Chương, chúng ta không khỏi có ấn tượng rằng ông đã đọc từng chồng sách có giá trị, với một rừng thông tin hiện đại về đủ các khoa lịch sử học, văn học, khảo cổ học, ngữ học, di truyền học... để rút ra những điều mà ông cho là khả tín, có độ thuyết phục cao rồi đưa vào những trang sách của mình.

Trong phạm vi bài này chúng tôi chỉ xin đóng vai trò của một độc giả yêu sách, yêu chữ nghĩa, được cầm cuốn sách trên tay không thể bỏ qua những trang, những chương sách với những tựa đề gọi trí tò mò, rồi đưa ra vài nhận định thô sơ, rất chủ quan...Phản nhận định sâu sắc, với những lời bình có tính cách hàn lâm, xin để nhường các biên khảo gia, học giả, thức giả... có thẩm quyền hơn tôi.

Đọc sách là một cái thú rất riêng tư... Đọc chương nào trước, chương nào sau, bỏ chương nào không đọc...hoàn toàn dựa vào nhu cầu cấp thiết muốn hiểu biết của từng người, vì thế tôi xin bắt đầu bằng đọc chương thứ hai, Chữ Việt Thời Thượng Cổ:

Chương 2 - Chữ Việt Thời Thượng Cổ:

Với chương này tác giả vào đầu bằng mấy câu hâm nóng cái thời chúng ta bắt đầu có chữ viết ngày nay mà ta gọi là chữ quốc ngữ. Ông viết: *“Chữ Việt chúng ta sử dụng ngày nay xuất phát từ nhu cầu của các giáo sĩ người*

Âu Châu sang Việt Nam từ cuối thế kỷ thứ 16 truyền đạo Thiên Chúa. Chữ Quốc Ngữ do các mẫu tự La Mã ghép thành (**không phải mẫu tự La Tinh như nhiều người lầm tưởng.**) (Nhấn mạnh của người viết để sẽ nhắc đến sau). Các giáo sĩ có công lớn nhất trong việc sáng chế ra Chữ Quốc Ngữ là các cố Gaspard de Amaral, Antonio de Barbosa người Bồ Đào Nha, linh mục dòng Tên Alexandre de Rhodes người Pháp.

Ông viết tiếp: “**Trước khi có Chữ Quốc Ngữ ta có Chữ Nôm. Muốn viết và đọc chữ Nôm phải tinh thông chữ Nho. Chữ Nôm chỉ xuất hiện một thời gian sau khi chữ Hán theo chân quân xâm lược của người Tàu du nhập vào nước ta. Chữ Nôm có phải là văn tự đầu tiên của Việt Nam hay trước đó, từ thời thượng cổ chúng ta đã có một thứ chữ khác dùng để ghi lại tiếng nói của mình?**” (Nhấn mạnh của người viết.) Đề tài cổ văn tự được các nhà ngữ học, khảo cổ, học giả bàn thảo từ nhiều năm qua.” (Tr. 80.)

Bắt đầu ông trích dẫn những ý kiến của hai học giả tiền bối, Dương Quảng Hàm và Nghiêm Toản, cho thấy hai vị không đưa ra một kết luận nào về sự có thứ chữ viết riêng cho tiếng Việt hay không, nhưng càng về sau các học giả càng tiếp tục tìm hiểu để đưa ra những chứng tích làm hậu thuẫn cho lập luận của mình. Tác giả Trần Bích San chia các quan niệm đó ra làm 2 phe đối nghịch:

KHÔNG CÓ CHỮ VIẾT THỜI THƯỢNG CỔ:

Phe này có học giả Lê Văn Siêu khẳng định rằng chữ Hán là chữ viết đầu tiên du nhập vào Việt Nam. Đời vua Hùng Vương người Hán chưa xâm chiếm Giao Chỉ mà sử lại ghi vua Hùng phong tặng tước hiệu “Áp Lãng Chân Nhân” cho một đạo sĩ tên là La Viện có công với vua trong một trận thủy chiến, và lần khác vua sắc phong cho thần núi xã Đạm Mê là Đồng Cổ Đại Vương khi Thần đã giúp vua thắng giặc... thì đều chỉ là truyền thuyết.

Giáo sư Vũ Thế Ngọc thì cho rằng sự thật là cho đến nay (1987), chưa có một chứng kiện nào cho thấy ta có văn tự trước thời Bắc thuộc. Rồi ông đưa ra một kết luận bỏ ngỏ:

“**Có lẽ chúng kiện còn đang chôn sâu dưới lòng đất hoặc ở ngay trên hàng ngàn trống đồng nhưng vì ta chưa tìm được cách đọc chăng?**” (Nghiên Cứu Chữ Hán và Tiếng Hán Việt, trang 27). VHVN tr. 81.

CÓ CHỮ VIẾT THỜI THƯỢNG CỔ:

Tác giả trích trong *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, nơi trang 31: “**Đa số các nhà biên khảo, học giả, sử gia đều cho rằng trước thời Bắc thuộc, khi chưa tiếp xúc với người Tàu và biết chữ Hán, dân tộc ta đã có một thứ chữ riêng để ghi tả tiếng nói của mình.**” Ông tiếp: “**Dựa theo sách Thông Chí của Trịnh Tiều và sách Cương Mục Tiền Biên của Lý Kim Tường thì đời Đào Đường (2357-2258 TTL) ở phương Nam có họ Việt Thường qua 2 lần sứ dịch sang châu dăng rùa thần. Rùa này có lẽ đã sống đến ngàn năm, mình nó đến hơn 3 thước (96 cm), trên lưng có**

chữ Khoa Đầu ghi chép việc từ khi mới mở mang về sau. Vua Nghiêu sai chép lấy gọi là Quy Lịch. (VHVN tr. 83)

Ông viết tiếp (tôi xin tóm tắt): “Các học giả như Hoàng Đạo Thành (tác giả *Việt Sử Tân Ước Toàn Biên*), Lương Đức Thiệp, Nguyễn Đồng Chi... cho rằng một dân tộc đông đảo và tiến hóa như nước Việt ta không thể không có chữ viết để ghi chép những chuyện hàng ngày trong khi các nước láng giềng như Tàu, Lào, Chàm đều có chữ viết cả. Khi nước Văn Lang (tên nước Việt xưa) bị Tàu xâm lăng rồi đô hộ, họ chủ trương đồng hóa nên cấm không cho phát triển thêm chữ viết của mình và phải học viết chữ Hán thay vào. Chữ viết của ta bị mai một đi, không ai còn dùng đến nó nữa. Tuy nhiên **“người Mường hầu như không bị Hán hoá nên họ còn giữ được chữ viết riêng. Người Mường, người Thổ là di chủng của người Việt thì cũng coi như người Việt có chữ viết từ trước khi bị Tàu chiếm đóng.”** (tr. 82-84). Đây là một câu then chốt để các nhà khảo cổ, nhà biên khảo sau này dựa vào các chữ viết của các dân tộc như dân tộc Tráng (người Nùng, người Tày), và bộ lạc Thủy, di duệ của người Lạc Việt mà suy luận ra chữ viết của người Việt cổ.”

Trong nhóm này có linh mục triết gia Lương Kim Định, một người không xa lạ gì với thế hệ chúng ta trong cũng như ngoài nước (1914-1997) bởi lẽ những tư tưởng ông đưa ra đã gây tranh cãi tưởng như không bao giờ chấm dứt trong giới trí thức và những người quan tâm. Người đã kích cho là

ông theo chủ nghĩa “dân tộc quá khích,” là hoang đường, là thiếu cơ sở khoa học, dễ dãi, lãng mạn... thậm chí có người còn nói ông có mưu đồ chính trị. Người bênh vực thì cho rằng ông là người có công thu thập tinh hoa của Đông-Tây đem về làm giàu thêm cho kho tàng triết học Việt, và ngược lại, cũng làm cho thế giới biết đến nếp sống văn minh, tư duy cao đẹp của dân tộc Việt,...vv...

Tại sao tôi phải hơi dài dòng về triết gia Kim Định vì tất cả những lập luận cho rằng Việt Nam có văn tự trước cả Tàu, và rằng Tàu lấy chữ Việt cổ làm chữ viết của mình đã được ông nêu ra từ rất sớm. Tác giả TBS (ở trang 90) đã trích lời ông như sau:

“... lưu truyền xưa nói rằng chữ ban đầu viết theo lối chân chim hay con quăng. Đó là hình dáng rất hợp cho chữ VĂN ban đầu chỉ nét rần rì trên gỗ, đá, ngọc... Vì thế tôi cho rằng Lạc Việt đã có công đầu trong việc đặt nền tảng cho chữ viết, và để ghi công đầu đó, tổ tiên đã đặt danh hiệu nước là Văn Lang. Đặt danh hiệu đó để nhớ bước đầu nhưng vẫn tiến và đã tới đợt THỦ (thanh), nhưng chưa kịp tiến sang đợt THỦ thì bị nạn xâm lăng, đành bỏ dở việc kiến tạo lại cho người xâm lăng tiếp nối.” (Nguồn Gốc Văn Hóa Việt Nam, trang 122, 123).

Tóm lại, theo tác giả TBS, những năm gần đây các nhà khảo cổ đã khai quật được các dấu tích của chữ Việt cổ trên các đồ đồng Đông Sơn, các lưỡi cày, khí giới, vách đá, xương thú vật, ...vv... Cụ thể mới đây, năm 2011, Hội Nghiên Cứu Văn Hóa Lạc Việt tỉnh

Quảng Tây đã phát hiện nhiều di tích của người Lạc Việt, các ký hiệu trên các mảnh vỡ xềng đá lớn, trên các khối đá có các bản vẽ, chữ cúng tế, các phù hiệu (câu bùa) còn rải rác trên một địa bàn mà ở thời thượng cổ chỉ có người Bách Việt sinh sống, khi chưa có người Hoa Hạ thiên di đến.

Năm 2000, tác giả Trần Bích San cho ra cuốn Văn Khảo do nhà xuất Bản Cỏ Thơm ấn hành, trong đó cũng có chương bàn về *Chữ Việt Cổ*. Ông nói, Hoàng Đạo Thành, tác giả Việt Sử Tân Ước Toàn Biên là người đầu tiên đưa ra giả thuyết nước ta đã có chữ viết từ trước khi người Tàu đem chữ Hán vào nước ta, và các ông Nguyễn Đồng Chi, Lương Đức Thiệp, Phạm Thế Ngũ, Lương Kim Định cùng đồng ý và bổ túc cho nhau về lý thuyết này... vậy mà tác giả TBS vẫn chỉ cho đây là những “*bước đầu*”, rồi đưa ra kết luận: “... *Những khám phá của Nguyễn Khắc Ngữ chỉ là bước đầu. Để tìm ra những quy ước chung và hệ thống hóa thứ chữ tối cổ này, chúng ta còn cần thêm nhiều vết tích nữa.*” (Văn Khảo tr.14)

Gần hai mươi năm sau, trong cuốn Văn Học Việt Nam hôm nay, ông kết luận chắc nịch:

“... *Những chứng tích rõ ràng này cho thấy người Việt đã sáng tạo ra chữ viết từ hơn 4000 năm trước.*” (tr. 100)

Điều gì đã đến với tác giả TBS trong gần 20 năm sau? Độc giả hãy nên mở đọc cuốn sách này để thấy một sự đam mê cùng cực của một nhà biên khảo không chịu ngừng ở một công trình dang dở với một kết luận lấp lửng. Ông bỏ ra thêm gần hai chục năm nữa để tìm cho đến tận cội nguồn của các

giả thuyết từng được các vị tiền bối đưa ra. Độc giả cũng có quyền hỏi, đây (quyển sách này) đã phải là cái “đỉnh điểm” của một cuộc khảo cứu hay chưa? Tôi nghĩ rằng một nhà biên khảo có đam mê, có lương tâm... như ông, sẽ còn tiếp tục theo dõi và đeo đuổi công việc mình làm cho đến hơi thở cuối cùng!

Chương 3- Chữ Hán-Chữ Nho:

Câu dẫn nhập đưa đến chương 3 như sau: “*Những thành đạt về chữ viết của Lạc Việt bị người Tàu chiếm đoạt và tiếp nối, dùng thứ chữ của ta làm nền tảng, rồi phát triển, kiện toàn thành chữ Hán.*” (Tr. 111) khiến tôi, vì tò mò không thể gấp sách lại!

Vào đầu tác giả TBS nói ngay: “*Nước Tàu gồm 6 giống dân Hán, Việt, Mãn, Mông, Tạng, Hồi hợp thành. Riêng giống Hán (giống Hoa Hạ, gốc người nước Sở) mạnh hơn nên đã đồng hoá 5 sắc dân kia và dùng thứ chữ họ chiếm đoạt được của Bách Việt làm quốc tự.*” (Nhấn mạnh của người viết.) (tr. 113).

Chương 3 này chiếm 30 trang sách (từ tr. 113 đến 143), tự nó đã là một bài viết hoàn hảo trình bày cả một tiến trình người Tàu xâm chiếm Bách Việt rồi đến người Tàu chiếm đoạt chữ viết của người Việt.

Ông chia Tiến Trình Bách Việt Bị Xâm Chiếm ra ba giai đoạn: Giai đoạn 1 (1042 TTL - 306 TTL) từ thời nước Sở lập quốc đến lúc thôn tính được nước Ngô Việt; Giai đoạn 2 (306 TTL - 111 TTL) từ khi chiếm được nước Ngô Việt đến lúc chiếm Lĩnh Nam; Giai đoạn

3 (306 TTL - 1253 STL) từ khi chiếm được Lĩnh Nam đến lúc chiếm tây nam Kinh Sở. Trong 3 giai đoạn xâm chiếm này, giai đoạn thứ ba là do cuộc xâm lăng của Mông Cổ xâm chiếm Bách Việt rồi luôn cả Trung Hoa, tình cờ phần đất này của Việt Nam cũng bị gộp chung và biến thành Trung Hoa luôn! Và cũng vô tình người Mông Cổ đã giúp cho người Tàu thực hiện được mộng bành trướng của họ. (tr. 120)

Mục đích của tôi là tìm hiểu tiến trình người Tàu “**dùng thứ chữ họ chiếm đoạt được của Bách Việt làm quốc tự**” như thế nào, cho nên dù cho Chương này có gồm nhiều tựa đề nhỏ khác rất hữu ích như “*Lịch Sử Chữ Hán*”, “*Cách Cấu Tạo Chữ Hán*”, “*Thư Pháp*”, “*Lịch Sử Chữ Hán ở Việt Nam*.” ...vv... được tác giả giải thích chi tiết, mạch lạc và trình bày rất đẹp mắt bằng những bức viết chữ Hán đủ kiểu đại triện, tiểu triện, chữ chân, chữ thảo, chữ lệ..., tôi cũng đành phải lướt qua để giờ nhanh đến phần có tựa đề:

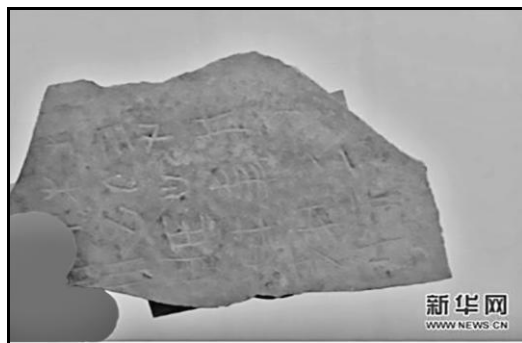
Người Việt Sáng Tạo Ra Chữ Hán:

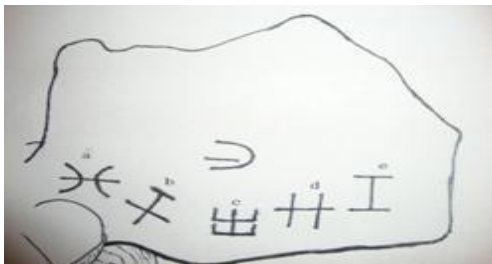
Sau khi tác giả chứng minh rằng chính người Hán khi chiếm được Bách Việt (trừ Lạc Việt) đã thẩm nhuần phần nào văn hoá các tộc Việt, chữ viết của người Việt cũng bị người Tàu sử dụng, biến chế thành chữ Hán của mình, ông kết luận: “*Tất cả các chứng tích tại di chỉ Bán Pha, An Dương, Cẩm Tang chứng minh chữ Lạc Việt xuất hiện vào đầu thời đại “đồ đá mới” và hình thành vào thời kỳ đỉnh cao của “văn hóa xẻng đá lớn” (từ thế kỷ 40 TTL đến thế kỷ 20 TTL). Thứ chữ tối cổ đó còn thô sơ mới đang phát triển và ở trong thời kỳ*

TỰ...” Và: “... Họ sử dụng chữ cổ Việt làm cơ sở căn bản, tiếp tục phát triển tiếp từ giai đoạn TỰ đã có sẵn sang giai đoạn THƯ để hoàn thành chữ viết (tiến trình tạo chữ có ba giai đoạn: Văn 文: đóng vai trò khai mở quan trọng. Khởi thủy chữ dựa trên hình dáng, vẽ ra sự vật bằng các dấu hiệu tượng hình (pictogramme), Tự 字 (thanh âm): tượng hình gọi được tên nên trở thành tượng ý (ideogramme), dần dần thêm âm vào hình thì thành đợt Tự, giai đoạn cuối Thư 書: âm và hình nương nhau để ra nhiều chữ. (Tr. 139)

Để bổ sung và tăng thêm sự thuyết phục cho những nhận định trên của tác giả TBS, tôi xin trích dẫn 3 hình minh họa cùng các chú thích dưới đây để độc giả rộng đường suy luận:

(I) Phiến đá có khắc chữ Lạc Việt ở Bình Quả tỉnh Quảng Tây:





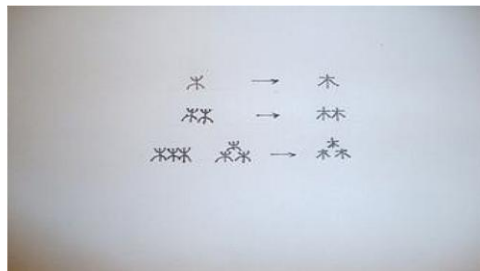
Phiến đá có khắc chữ Lạc Việt ở Quảng Tây. Từ trái qua phải (5 chữ) : 1 = Mộc 木, 2 = Sĩ 土, 3 = Xuất 出, 4 = Chấp 卅, 5 = Công 工) .

(II) Vài chữ khoa đầu và chữ Hán giống nhau như hai anh em sinh đôi:



Chữ khoa đầu (Chữ Việt cổ)	Chữ Hán (Kiểu chữ Lê)	Chữ Hán (Kiểu chữ Chân)
Chữ Nhân	Chữ Nhân	人
Chữ Hoàng	Chữ Hoàng	皇
Chữ Hỏa	Chữ Hỏa	火
Chữ Đế	Chữ Đế	帝
Chữ Vương	Chữ Vương	王

(III) Chữ khoa đầu Chữ Hán



Chữ Mộc 木 (cây)

Chữ Lâm 林 (rừng)

Chữ Sâm 森 (rừng rậm)

Nguồn: «Việt Tộc Có Chữ Viết Không?» Tác giả BS. Nguyễn Thành Độ -Tập san Y Sĩ Canada (không thấy đề ngày, tháng).

Từ bao nhiêu thế kỷ nay nhiều người Việt cứ có mặc cảm rằng từ văn hóa cho đến ngôn ngữ của mình đều là vay mượn của Tàu. Tôi từng được nghe mấy cô cậu “du học sinh” từ Việt Nam qua than thở rằng những người trẻ ở Trung Cộng mà họ có dịp tiếp xúc đều bị nhồi sọ rằng giống người Việt Nam là do giống Trung Hoa mà ra, tổ tiên người Việt là người Trung Hoa... đồng thời bị vặn hỏi tại sao Việt Nam lại chống Trung Quốc? Các cháu rất lúng túng, thiếu chuẩn bị, thiếu kiến thức để đối phó với tình huống này. Thiết nghĩ các thứ “mặc cảm”, “tự tôn” của người Tàu, hay “tự ti” của người Việt đều cần phải dẹp bỏ ngay lập tức. Công cuộc đi tìm dấu tích đích thực của mình là việc tối cần và cấp thiết. Kết quả của các cuộc khai quật tại các di chỉ khảo cổ tại

Việt Nam hiện nay thật đáng khích lệ, đáng được cổ vũ. Tuy nhiên, như thường lệ, phải có sự thận trọng, sự vô tư và lương tâm nghề nghiệp của các nhà khảo cổ thời kết quả mới có giá trị.

Trong một bài đăng trên ViệtTimes (VN) đề ngày 24 tháng 4, 2019, nhà biên khảo Hà Văn Thùy đã dựa vào các kết quả khai quật tìm kiếm di tích chữ viết thượng cổ của người Việt tại nhiều nơi để đưa ra kết luận: “... chúng cứ rõ ràng nhất cho thấy người Lạc Việt trên đất Trung Hoa khoảng 4000 đến 6000 năm trước. Mặt khác, chữ cổ Cẩm Tang chứng minh sự liên tục của chữ Lạc Việt từ Sapa Việt Nam tới nhiều vùng khác nhau trên lục địa Trung Hoa.”

Trong cùng bài, nhà biên khảo Hà Văn Thùy cũng nêu lên “sự lầm lẫn lớn” khi ta dùng “từ Hán Việt” để chỉ chữ Nho ta đang dùng trong tiếng Việt. Ông viết: “Từ phân tích trên chứng tỏ rằng, tiếng Việt không những không vay mượn mà trái lại, còn là gốc gác, là mẹ đẻ của ngôn ngữ Trung Hoa. Cái mà nay người ta quen gọi là ‘từ Hán Việt’ là sự lầm lẫn lớn bởi chưa hiểu cội nguồn sinh học cũng như văn hóa dân tộc, trong đó có quá trình hình thành tiếng nói và chữ viết.”

Ông tiếp: “Nhiều người đã hiểu cơ sự nên kiến nghị **khôi phục việc học chữ Nho**.” (nhấn mạnh của người viết.) Ông cũng thông thêm một câu: “**Đấy là việc không thể không làm.**” Và: “**Trước hết vì giá trị lớn lao của chữ Nho. Tính triết lý sâu xa, ý nghĩa thâm thúy của nó khác với bất cứ chữ viết nào, giúp người học rèn trí thông minh, luyện tư**

duy... Chỉ điều này mới giúp chúng ta tiếp nối với truyền thống, tránh được mối nguy mất gốc như học giả nước ngoài cảnh báo mấy trăm năm trước. Đó là việc cần chủ trương và kế hoạch lớn. Trước mắt, việc có thể làm ngay là, trong chương trình tiếng Việt phổ thông, nên bổ sung một số tiết giảng tiếng Việt cổ, nhằm giải nghĩa những từ thường dùng để học sinh hiểu và sử dụng đúng, đồng thời tập cho họ cách tra Từ điển tiếng Việt.

Chúng tôi xin đề nghị, cần một **cuộc cách mạng** (nhấn mạnh của người viết) loại bỏ thuật ngữ ‘từ Hán Việt’ khỏi ngôn ngữ Việt để thay vào đó tên gọi đúng: tiếng Việt cổ! Đồng thời dùng lại thuật ngữ chữ Nho để gọi văn tự của tổ tiên mà xưa nay vẫn lầm tưởng là chữ nước ngoài.”

Vâng, thật quả là một “cuộc cách mạng” lớn! Không phải là do việc đề nghị bỏ “từ Hán Việt” trong ngôn ngữ Việt, mà do việc ông gọi chữ nho là “văn tự của tổ tiên”, lấy chữ Nho làm chữ “Việt cổ” của mình! Đây có phải là con dao hai lưỡi?

Thiết tưởng công việc khảo cổ là công việc đầy trông gai và bất trắc. Bỏ ngoài chuyện Trung Cộng từng rêu rao rằng chữ Hán là chữ đầu tiên do người Tàu sáng tạo ra, và rằng chữ Giáp Cốt là chữ Hán cổ đại của người Hán đã du nhập vào các nước lân cận tạo thành “Vùng văn hóa chữ Hán”...(nguồn Internet), công việc khảo cổ của chúng ta cũng vẫn còn là con đường dài thăm thẳm...Thiền nghĩ, các bộ môn như lịch sử, khảo cổ, nhân chủng học, văn học, biên khảo... nên phải được độc lập,

không để cho chính quyền, chính sách, chính trị...chi phối, thì mới có thể có được giá trị đích thực của nó.

Chương 4 - Chữ Nôm đã có rất nhiều sách nói đến, nhưng trong Văn Học Việt Nam, tác giả TBS giải thích cách chế tạo chữ nôm rất mạch lạc và khoa học khiến cho một người có chút vốn chữ nho đều có thể hiểu được cái nguyên tắc căn bản trong việc ghép chữ nho thành chữ nôm một cách dễ dàng. Tuy nhiên đọc xong Chương này, thấy được sự phức tạp khó khăn của chữ nôm, chúng ta sẽ càng phải biết ơn các ông cố đạo người Bồ Đào Nha và người Pháp đã sáng tạo ra chữ quốc ngữ cho chúng ta sử dụng ngày hôm nay.

Nhân nhắc đến chữ quốc ngữ, tôi nhận thấy trong sách Văn Học Việt Nam tác giả TBS nói chữ quốc ngữ là do «mẫu tự La Mã» ghép thành, và ông mở ngoặc đơn ở đây với câu : *(không phải mẫu tự La Tinh như nhiều người lầm tưởng.)* (tr.80.) Rồi ông lại nhắc lại ở phần Chú Thích trang 238: «*Hầu hết các học giả của ta đều gọi nhầm là chữ La Tinh.*» Tôi tự hỏi: Nhầm gì mà nhầm suốt từ thế kỷ thứ 16 đến giờ mới có người nói ra?

Có lẽ tác giả TBS dịch chữ «Roman Alphabet» là «mẫu tự La Mã » cho sát nghĩa? Tuy nhiên, người xưa, các học giả, và kể cả các linh mục để ra mẫu chữ này cũng gọi là «mẫu tự La Tinh» (Tự Điển Việt-La Tinh - Dictionarium Anamitico-Latinum), thì phải có lý do gì chứ? Có lẽ tác giả Trần Bích San cũng nên giải thích lý do tại sao ông gọi thứ mẫu tự này là «mẫu tự

La Mã», và tại sao gọi «mẫu tự La Tinh» là sai?

Trở lại chương Chữ Nôm. Chương này cũng được tác giả kèm vào bài viết các bản chữ nôm trích từ Truyện Kiều, truyện Lục Vân Tiên, thủ bút bằng chữ nôm của vua Quang Trung... Có cả bài Văn Tế Cá Sấu viết bằng chữ quốc ngữ, rất tiếc không có bản viết bằng chữ Nôm in chung cho cân xứng với các bản chữ Nôm cùng chương, nhưng có lẽ như tác giả đã ghi ở dưới: «*Bài văn tế đuổi cá sấu bằng chữ Nôm trên do Đoàn Như Khê và Nguyễn Can Mộng đưa ra nói là của Hàn Thuyên và cho biết sao lục lại từ sách của nhà chùa. Tài liệu này thiếu khá tít và không được công nhận vì chữ dùng mới, không phải chữ nôm cổ thời Hàn Thuyên.*» cho nên ông đã thận trọng không in bản chữ nôm vào đây, sợ làm sai lạc văn học sử. (Tr. 172)

Chương từ 6 đến 9 nói về các nền giáo dục (Tr. 281-455):

Ý thức được vai trò tối quan trọng của các nền giáo dục vì nó không chỉ đào tạo kiến thức chung chung hay các chuyên môn mà chính là đào tạo trí dục và đức dục cho con người, tác giả TBS đã dành 160 trang để đề cập 4 nền giáo dục: giáo dục Nho Học, giáo dục Pháp thuộc, giáo dục Quốc Gia, giáo dục Cộng Sản.

«Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài» là luật tự nhiên, cho nên các nền giáo dục ảnh hưởng rất lớn lên con người nếu không muốn nói là có thể thay đổi hẳn con người. Tôi được sinh ra và lớn lên trong vùng Quốc Gia, dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa, được hưởng một nền

giáo dục dựa trên triết lý nhân bản, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, phát triển toàn diện mỗi cá nhân để hướng tới chân, thiện, mỹ... không khỏi ngậm ngùi khi lật đến các trang sách được tác giả vẽ lại cảnh phồn vinh của một thời... với một số lượng nhiều đến độ không thể đếm được các trường ốc, các cơ sở, các trung tâm đào tạo ra biết bao nhiêu tinh hoa của đất nước, của dân tộc... Nay còn đâu!

Cuốn sách Văn Học Việt Nam còn đề cập đến nhiều đề tài cần thiết cho những ai muốn tìm hiểu các vấn đề khác liên quan đến văn học Việt Nam. Có Chương giải thích các cuộc thi Hương, thi Hội, thi Đình và cắt nghĩa các Học vị và Danh vị. Học vị Phó Bảng còn được chiếm cả một Chương riêng biệt.

Cũng có một Chương gọi là «**Sai Làm, Nghi Vấn Trong Văn Học Sử**» đề «giải mã» nghi vấn về các thành viên của Tự Lực Văn Đoàn, (Tr. 625). Vấn đề «thành viên» của Tự Lực Văn Đoàn quả đã gây nhiều bức xúc cho các độc giả mến mộ họ. Người ta thấy danh sách thành viên Tự Lực Văn Đoàn có lúc thêm, lúc bớt, lúc dài, lúc ngắn! Không hiểu tác giả TBS trong phần này đã thỏa mãn sự trông đợi của độc giả chưa? Riêng tôi, vẫn mong được nghe phản hồi của chính hậu duệ của Tự Lực Văn Đoàn.

KẾT

Đọc cuốn sách mà bỏ qua cái TỰA không đọc là một điều thiếu sót và uổng phí vô cùng vì thường thường các tác giả hay gửi gắm tâm tình, quan

điểm, triết lý... của họ trong đó. Nắm bắt được tình ý tác giả hay không lại còn là... «duyên may» của người đọc.

Trường hợp bài TỰA của tác giả TBS, dù ông viết tới 17 trang, theo tôi, tựu trung ông cũng chỉ muốn đề cao cái «sứ mệnh của người cầm bút.» Ông viết: «... *bất kỳ người cầm bút có ý thức nào khi chọn nghiệp văn có lúc phải tự hỏi: viết để làm gì? viết cho ai? Từ nghìn xưa tới ngàn sau chắc chắn những người làm văn học nghệ thuật phải suy tư về nhiệm vụ của mình.*»

Sau đó để hậu thuẫn cho quan điểm của mình, ông dẫn chứng các công việc «tái đạo» của Phạm Quỳnh với Nam Phong Tạp Chí, Huỳnh Thúc Kháng với Tiếng Dân, các nhà văn của Tự Lực Văn Đoàn... Ông cũng trích lời của tiểu thuyết gia Nga Konstantin Paustovsky: «...*Nếu một người cầm bút không làm cho nhãn quan của con người sáng thêm lên, dù chỉ một chút thôi, người cầm bút đó không phải là nhà văn.*» (Tr. 17)

Trong một bài có tựa đề «Viết Để Làm Gì? Tại Sao Viết?» đăng trên tam cá nguyệt san Cỏ Thơm số 80 cách đây không lâu, tôi đưa ra qua điểm của mình: «*Tôi không tự khoác lên mình một sứ mệnh. Tôi cũng sẽ không dám nhận nếu ai đó khoác lên người tôi một sứ mệnh, tôi sợ nếu tôi lách ngòi bút theo một “sứ mệnh” tôi sẽ hết tự do và thành thật. Đứng trước một hoàn cảnh ngang trái, chẳngặng đừng tôi phản ứng theo bản năng tự nhiên, không đắn đo suy nghĩ, không cân đong kết quả, hậu quả... »*

Độc giả chắc cũng dễ dàng nhận thấy rằng tác giả Trần Bích San và tôi

đang đi ngược chiều nhau! Có sao đâu!
Tôi vẫn chúc mừng ông đã làm tròn sứ
mệnh của người làm văn hóa, nghệ,
thuật. Đường nào thì rồi cũng đi được
tới Rome thôi!

Không cuốn sách nào có thể đáp
ứng được hết nhu cầu của độc giả. Tác
giả TBS trong cuốn Văn Học Việt Nam
cũng chỉ dám mong bàn đến một số đề
tài mà ông quan tâm và có tư liệu.

Làm công việc biên khảo, nhất là
biên khảo một bộ môn nào mà phải
dựa vào khảo cổ học, người ta rất khó
mà biết đâu là cuối đường hầm để mà
tìm ra được ánh sáng soi rọi vào vấn
đề. Công việc khai quật tìm kiếm...vẫn
còn đang tiếp diễn, và công việc biên
khảo về những công trình này do đó
vẫn còn phải đeo đuổi dài lâu...Chúng
ta hãy chờ xem!

Trong tình trạng bi đát và khắt
khe nơi quê hương hiện nay: Nước
sắp mất về tay quân xâm lược Bắc
Phương một lần nữa. Lần này thì chiến
thuật xâm lược của họ còn thâm độc
hơn, hậu quả sẽ có sức tàn phá sâu xa
hơn các lần trước bởi vì quân xâm
lược không dùng súng đạn, mà dùng
văn hóa để hòng đồng hóa dân tộc ta.

Vương Dương Minh (1472-1528)
một nhà tư tưởng vĩ đại thời nhà Minh
bên Tàu để lại cho nhân loại một câu
nói bất hủ : *«Làm thầy thuốc mà làm thì
giết một người, làm thầy địa lý làm thì
giết một họ, làm chính trị làm thì giết*

*một nước, làm văn hoá làm thì giết cả
một đời.»*. Người lảng giềng tham lam
và hiểm độc của chúng ta biết rõ hơn ai
hết cái **sức mạnh vô bờ của văn hoá**
cho nên họ đang dùng mọi thủ đoạn để
làm sai lệch lịch sử, làm ô nhiễm văn
hóa, làm vẩn đục ngôn ngữ của chúng
ta... hầu đạt mục đích tối hậu là đồng
hóa chúng ta. Văn học là phần tối quan
trọng và cũng là tiền đồn của văn hóa.

Vì thế cho nên bất cứ nỗ lực nào
nhằm bảo tồn văn học Việt Nam đều là
những việc làm rất đáng được tuyên
dương và trân trọng. Pho Văn Học Việt
Nam của biên khảo gia, học giả tiến sĩ
Trần Bích San sẽ là món quà quý cho
tuổi trẻ Việt Nam, là cảm nang làm
hành trang trên bước đường tranh đấu
giành lại sự trong sáng cho ngôn ngữ
Việt, sự trung thực cho văn tự Việt, và
sự huy hoàng của một nền văn hóa Lạc
Việt do ông cha ta để lại./.



TRƯƠNG ANH THUY

Virginia, mùa Quốc Hận 2019

DUYÊN BÚT TÌNH THƠ

Đã hẹn rằng thôi xin gác bút
Sao đời còn mãi nợ ly tao
Duyên thơ ai buộc dây bền chặt
Vấn nhớ thơ ơi nhớ dạt dào

Còn viết hay thôi đời cũng vậy
Đường này lối nợ nặng mưa phai
Đó đây bao trái sầu nhân thế
Danh vọng tiền tài mãi nặng vai

Hứa rằng còn thở vẫn còn thơ
Em nhắc anh sao vội hững hờ
Đời chỉ còn thơ làm lẽ sống
Buồn vui gì cũng một cơn mơ

Viết đi anh viết tặng cho đời
Đêm đã xuống dần trăng đã vơi
Tình vẫn còn đây tình vẫn đẹp
Dù còn dâu bể chút mưa rơi

Đời vẫn cho lòng thao thức xa
Tình còn được một giấc mơ hoa
Bao năm chữ nghĩa hồn hư thực
Thơ phú trăm năm cũng nhạt nhoà

Còn ở hôm nay mai cũng đi
Vì tha thiết mộng vì đam mê
Thôi thì còn thở thơ còn viết
Hay dở riêng chung một lối về.

Hoa Văn

6/2019

CHÚT TÌNH TRĂNG RƠI

Bỗng dưng nghe lạc dấu đời
Cõi lòng vụn dậm tìm nơi non bồng
Đi về giữa chốn hư không
Tình nào níu giấc mơ hồng chân đi

Câu thơ vương bụi xuân thì
Giữa lòng nhân thế còn gì năm canh
Vườn khuya đoá nở hương quỳnh
Chút văn chương mọn chút tình trăng rơi

Đời không chia ngọt xẻ bùi
Mai sau tay vẫy ngậm ngùi gió đưa
Đường chiều mây tím sương thưa
Tưởng chừng nắng Hạ
như vừa băng khuâng

Tư riêng chiu chặt đôi phần
Suy ra tình cũng phù vân đôi bờ
Thời gian đưa đẩy đợi chờ
Tình xưa còn lại duyên mơ vỗ về

Ngập ngừng chân bước hồn mê
Vai thơ nặng nề ê hề phấn hương
Lời qua hiu hắt đoạn trường
Nỗi đời còn lại vô thường gió bay.

Hoa Văn - 6/2019



PARIS NGÀY TRỞ LẠI

**** Hồng Thủy ****

Có lẽ để đến 10 năm vợ chồng tôi mới trở lại thăm viếng Paris. Quang cảnh nhà người bạn thân của chúng tôi không có gì thay đổi. Những cây hồng trước cửa vẫn rực rỡ với những bông hoa màu sắc thắm tươi. Chỉ có chủ nhân của nó là thay đổi nhiều. Anh Võ Thế Hào, lần trước chúng tôi sang, anh còn rất khỏe, trẻ trung nhanh nhẹn, bây giờ chậm chạp hẳn đi. Tuyết Hồ hiền thê của anh Hào ghé tai tôi nói nhỏ: “lúc này ông ấy lại nghe không rõ lắm nữa, cứ phải nói to ông ấy mới nghe”. Tôi cười trả lời cô bạn thân: “ông nào bây giờ mà chả vậy, hơn tám chục cả rồi, chúng mình ít tuổi hơn mà còn ngễnh ngãng, nói gì các ông ấy!”

Bao giờ chúng tôi sang Pháp chơi, anh chị Hào cũng làm party welcome, mời một số đông bạn bè của chúng tôi đến tham dự cho chúng tôi được gặp. Chị Hào làm những món ăn thật ngon và cầu kỳ để khoản đãi khách. Thức ăn ê hề, rượu thật ngon nhưng không khí không còn rộn ràng như 10 năm về trước vì thiếu một vài người bạn. Có người đã ra người thiên cổ, có người đang nằm nhà thương, có người không còn lái xe đi ra ngoài được nữa. Party ngày trước, cười nói rộn ràng, đàn hát tung bừng. Party năm nay cũng cười,

cũng nói, nhưng vẫn thấy ngay tất cả những đổi thay của thời gian, của tuổi già. Không còn tiếng đàn dương cầm thánh thót của anh Phạm ngọc Dung nữa, anh đã bỏ bạn bè sang một thế giới khác rồi. Không còn tiếng hát thật truyền cảm của anh Võ Thế Hào lên bổng xuống trầm với những lời thơ ướat át của tôi qua nhạc phẩm “Tiếc cho một cuộc tình”, được Nhạc sĩ Văn sơn Trường phổ nhạc mà anh Hào rất thích. Anh ngậm ngùi nói: “sau mấy lần nằm nhà thương anh không còn hát nữa”.



Viên & Thủy và anh chị Võ Thế Hào

Phố xá Paris cũng thay đổi nhiều, hình như có vẻ xô bồ hơn. Du khách vẫn đông nghẹt dù vụ cháy nhà thờ Notre Dame còn nóng hổi. Khu phố đi bộ của Montmartre có những bàn cờ bạc bịp đặt công khai giữa phố giống kiểu bài ba lá ngày xưa ở Việt Nam. Họ

cũng có cò mồi đứng xung quanh giả bộ là khách. Thấy mấy người cò mồi đánh đầu trúng đó, những người khách khù khờ cũng nhào vào đánh và dĩ nhiên là họ đánh đầu thua đó. Mặt mày xanh xám, ngẩn ngơ trông thật tội nghiệp. Chúng tôi sang đứng dịp Tháp Eiffel kỷ niệm 130 năm nên buổi tối Tháp Eiffel chiếu đèn sáng thật rực rỡ, đẹp vô cùng. Đặc biệt tiệm ăn trong khu Montmartre rất rẻ. Một bữa cơm cho 1 người ăn rất ngon và lịch sự. Có súp, salade, món ăn chính, món tráng miệng mà chỉ có 15 euro. Nếu ăn giống như vậy ở Mỹ, chắc chắn bạn phải trả ít nhất là 40 đô la. Điều lạ là họ không cho tip rộng rãi như bên Mỹ. Thậm chí có người còn chẳng cho đồng nào. Chúng tôi vẫn cho tip 20 phần trăm, người bồi mừng rỡ và có vẻ ngạc nhiên lắm.

Nói đến Paris là phải nhắc đến nạn cướp giật và móc túi thần sầu. Ông xã tôi bỏ cái cell phone Apple 10 trong túi áo blouson có cài zipper cẩn thận và ông luôn đề cao cảnh giác. Vậy mà nó móc túi lấy cái cell phone lúc nào ông cũng chẳng hay! Một nữ du khách đang giờ cell phone chụp hình ở khu nhà thờ Notre Dame, một người đàn ông đi lướt qua thật nhanh giờ tay cướp cái cell phone của cô và biến vào đám đông. Cô gái sững sờ ngơ ngác đến không kêu nổi một tiếng nào. Cho đến khi tên cướp mất dạng cô mới bật

khóc! Một người bạn của chúng tôi nhét tiền trong túi áo chemise trước ngực vì để trong ví ở túi quần sau sợ nó móc mất. Khi anh đi lên bậc thang trong khu Metro, một tên từ phía trên đi xuống ngược chiều thò tay vào túi áo anh móc hết tiền trong túi. Anh bạn chúng tôi cũng không vừa, anh tóm lấy tay tên cướp giật tiền của anh lại nhưng chỉ lấy được một ít thôi vì tên cướp nắm tay thật chặt, xô anh ra và chạy biến mất. Mọi người xung quanh bình thản như không có chuyện gì xảy ra!



Paris thay đổi, nhưng tình người thì vẫn nồng ấm, thiết tha. Qua Paris, ngoài anh chị Võ thế Hào là những người bạn thân rất lâu đời, nhà tôi còn được gặp bao nhiêu là bạn học cũ, bạn Hải Quân. Riêng tôi được gặp một số bạn học ở trường Trưng Vương. Tất cả

các bạn dành cho chúng tôi sự tiếp đón thật nồng hậu và tình cảm thân thiết quý hóa vô cùng. Cám ơn Chị Khanh, Bích Thủy, Nguyệt Qui, Anh chị Quế, Chị An đã ưu ái tặng những món quà kỷ niệm. Cám ơn Từ Dung và anh Từ Nguyên, anh chị An, anh chị Dật cho ăn những bữa cơm thật ngon. Tôi cũng được gặp vị Giáo sư Toán của tôi ngày xưa, thầy Phạm Kế Viêm. Rất tiếc hiền thể của thầy là nhà văn Trần thị Diệu Tâm bị đau nên tôi không được gặp.

Cám ơn anh Hào và cô bạn Tuyết Hồ thân yêu đã dành cho chúng tôi một tuần lễ cùng nhau đi chơi ở Portugal và Spain thật thú vị với những kỷ niệm không thể nào quên. Sau đó thêm một tuần lễ ở Paris trong ngôi nhà ấm cúng của anh chị Hào với những bữa cơm thật ngon, những giờ phút hàn huyên tâm sự, những tràng cười không bao giờ dứt. Cám ơn vợ chồng con trai đỡ đầu Võ Thế Anh và Quỳnh Hoa đã đưa đi dạo phố Paris với Café George V, với tiệm ăn thật sang trên tầng cao ngắm Paris về đêm, ngắm Tháp Eiffel tràn ngập ánh đèn huy hoàng rực rỡ.

Rời Paris mà lòng còn lưu luyến. Chúng tôi hẹn sẽ tái ngộ 2 năm nữa, nhưng..."biết ra sao ngày sau"? Hai năm với tuổi già, bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra. Mong rằng chuyến đi Paris vừa qua không phải là lần cuối. Paris ơi, ta sẽ trở lại. Chờ ta nhé.

HỒNG THỦY

THỜI GIAN

*Con nước nào dâng ngập địa cầu
Xem thuyền phiêu lãng giat nơi đâu?
Hồn vương mộng mị xanh bờ mắt
Sương nhuốm tài hoa bạc mái đầu
Tuyết dấu vùi chôn hương nguyệt bạch
Mai còn phảng phất vị thương đau
Một tràng tóc rụng trong xa vắng
Mường tượng trời xanh cũng đổi màu*

MỊCH LA PHONG

Bài Họa :

ĐỌC THƠ MỊCH LA PHONG NHỚ KHUẤT NGUYỄN

*Nước vẫn miên man vỗ mạn cầu
Ơi người Chiến Quốc gửi hồn đâu ?
Tài hoa ở lại dòng thanh sử
Tâm sự vui theo sóng bạc đầu
Một áng ly tao ngời nét đẹp
Bao niềm oan khuất dậy lòng đau
Chiều nay lặng lẽ bên bờ vắng
Hoa lá vườn xưa chợt úa màu*

NGUYỄN KINH BẮC

VỌNG PHU THẠCH Vương Kiến

望夫石

望夫處

江悠悠

化為石

不回頭

山頭日日風和雨

行人歸來石應語

王建

Vọng Phu Thạch

Vọng phu xứ

Giang du du

Hóa vi thạch

Bất hồi đầu

Sơn đầu nhật nhật phong hòa vũ

Hành nhân quy lai thạch ứng ngữ

Vương Kiến (751-835)

Bản dịch của **Trần Quốc Bảo**:

Hòn Vọng Phu

Trơ trơ đứng đó ngóng chồng

Xa xa cuộn cuộn dòng sông vô tình

Nàng thành tượng đá kiên trinh

Dãi dầu năm tháng hy sinh chẳng về

Đầu non mưa gió nào nề

Chàng về, hắt đá hắt hê reo mừng

KHI CUỘC TÌNH LÊN NGÔI

*Khi em đến tìm tôi
Mùa xuân đã qua rồi
Còn một loài hoa nở
Là đóa hoa mặt trời*

*Khi em lên nhìn tôi
Mùa xuân ngủ yên rồi
Em loài hoa đang nở
Mắt long lanh sáng ngời*

*Khi em hỏi lòng tôi
Tình không bước chân rời
Em là hoa muôn thuở
Màu hoa của cuộc đời*

*Khi em quyến vào tôi
Hoa lá giữa lưng đồi
Đang hướng dương nghìn cánh
Nở cho nhau tuyệt vời*

*Khi em đến tìm tôi
Khi em hỏi lòng tôi
Khi em quyến vào tôi
Khi cuộc tình lên ngôi*

Phan Khâm

HOA TI GÔN TRẮNG

**** Cung Thị Lan ****



Trở lại Sông Mao sau ngày Tết thật là buồn và nhớ nhà nên đi bộ về căn nhà tập thể tôi cảm thấy như con đường dài hơn. Đột nhiên khi đến ngã rẽ, thầy Bình trờ xe đạp trước mặt tôi, chìa hai gói bọc bằng giấy báo:

“Đây là hai gói quà Tết anh để dành chờ Lan trở lại để đưa Lan đây. Lan mở gói này ra ăn trước vì thức ăn đã lâu. Còn gói kia thì giữ đến khi nào mở cũng được.”

Dứt lời anh đạp xe thật nhanh không kịp để tôi nói lời nào. Tôi ngờ ngợ nhìn theo dáng anh rồi nhìn hai gói quà. Gói nhỏ hơn thì nặng còn gói mà anh nói lúc nào cũng mở được thì to nhưng nhẹ hơn rất nhiều. Cảm động và háo hức tôi vội bước thật nhanh đến nhà mở cửa rồi đi nhanh lên gác. Vừa cất tập xong tôi nhét gói quà to phòng dưới gầm đầu giường rồi mở gói quà nhỏ ra ngay. Một thanh bánh tét, vài chiếc

bánh thuẫn, và số loại mứt gừng dứa xếp gọn trong bọc nhựa. Tất cả dường như được sắp xếp rất cẩn thận trước khi bọc vào trong giấy báo. Mỉm cười tôi đem bánh tét xuống nhà để chia cùng các chị ở tập thể nhưng giữ những món ngọt để dành ăn từ từ.

Những ngày tiếp theo đó, tôi định gặp thầy Bình cảm ơn nhưng anh có vẻ lẩn tránh. Tôi vì bận với những việc dạy dỗ, giáo án, và sinh hoạt các nhân tôi đã quên hẳn luôn. Đến khi những món mứt bánh của thầy Bình đã hết tôi chợt nhớ món quà mà anh dặn khi nào mở cũng được ra để kiểm thức ăn, ăn tiếp. Kéo gói quà từ gầm giường ra, tôi mỉm cười đắc ý vì tin rằng mình sẽ có những món ăn hết sức đặc biệt và thú vị. Thế nhưng khi mở gói giấy ra tôi ngạc nhiên đến sững sờ vì gọn trong các tấm báo là một chùm hoa tigôn màu trắng rất tươi đẹp.

Tôi nhớ có lần thầy Bình hỏi tôi có biết T.T K.H không và tôi trả lời ngay:

“Biết chứ! Lan thích nhất là bài Hai Sắc Hoa Tigôn. Đại khái là Một mùa thu trước mỗi hoàng hôn. Nhặt cánh hoa rơi chẳng thấy buồn. Nhuộm ánh trắng tà qua mái tóc. Tôi chờ người đến với yêu thương. Phải không?”

Thầy Bình gật đầu:

“Đúng rồi, anh thích đoạn: Người ấy thường hay vuốt tóc tôi, Thờ dài trong lúc thấy tôi vui. Bảo rằng hoa giống như tim vỡ. Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi.”

Tôi mỉm cười, giễu:

“Anh Bình thật lãng mạn! Đến giờ còn nghĩ đến thơ T.T.K.H là quá lãng mạn rồi nhưng cái xứ khô cằn sỏi đá như vậy thì lấy đâu ra hoa Tigôn mà kể đến chuyện Hai Sắc Hoa.”

“Thế mà có ngày nào anh sẽ tìm hoa Tigôn cho Lan xem!”

Tôi đã cười trừ cho qua chuyện bởi những cuộc đối thoại với những đấng mày râu như thế thường là những cuộc bàn luận qua loa ...

Thế nhưng, bây giờ chùm hoa tigôn trắng đang nằm trong hai bàn tay tôi. Nó không đơn giản là bằng chứng của sự cam chắc mà là một sự trao tặng hết sức trân trọng. Một thoáng băng khuâng loang trong ý nghĩ của tôi khiến tôi hồi tưởng lại những cử chỉ ân cần của thầy Bình đối với tôi trong những ngày trước đó. Đột nhiên tôi cảm thấy sợ hãi. Sau khi ra trường Cao Đẳng Sư Phạm Nha Trang, tôi đã tình nguyện đăng ký đi dạy xa. Khi đến thị trấn Sông Mao này tôi nghĩ mình đã chôn hết kỷ niệm của những gì thuộc về trước năm 1975. Bây giờ tôi sống trong cái vỏ của một người khác, một người đã mất cả mọi thứ thuộc về tinh thần và nhất là hai chữ tình yêu. Hai năm trong thị trấn hiền hòa Sông Mao này, tôi đã

vin vào tình thương dành cho những đứa học trò chân chất để quên những đau buồn tiềm ẩn. Có lúc niềm đau xưa tiềm tàng trong những phút nhớ nhà, nhớ thành phố biển, tôi sợ phải nhận những gì thuộc về tình yêu. Ba ngày nay có lẽ thầy Bình chờ phản ứng của tôi nhưng tôi đã không biết món quà mình có và đã hết sức bình thản như đã từng. Vậy thì tôi tiếp tục giả như tôi chưa từng mở món quà này ra hay đã vô tình tặng cho ai mất rồi.

Năm học mới tôi dời về nhà tập thể mới. Tuy gọi là nhà tập thể nhưng căn nhà này không thuộc Nhà Nước mà là căn nhà trống của mẹ chị Hát, giáo viên cùng trường, cho tôi và cô giáo Hoa, người cùng quê Nha Trang với tôi, ở miễn phí. Giữa năm học cô Hoa lấy chồng, thường về khu tập thể của chồng ở trường khác, tôi thường ở nhà một mình.

Năm đó tôi bị nhức chiếc răng cấm nên quyết định đi đến Phan Rí, nơi căn lầu có bảng quảng cáo thật lớn “Sáu Nhỏ Răng Không Đau” để nhờ nha sĩ Sáu nhỏ dùm. Nhỏ răng về tôi bị sốt, chóng mặt và nhức đầu suốt cả tuần. Đau nặng, tôi không thể lên giường mình trên gác mà nằm trên giường cô giáo Hoa đang bỏ trống. Mê man với cơn sốt, tôi nằm lì bì không thể mở mắt ra. Và vì không thể ngồi dậy nên tôi đã để cửa không khóa ngày cũng như

đêm. Mê man ngày này sang ngày khác tôi không ăn uống gì.

Khi những tiếng nói của học trò vắng vắng tôi hé mắt ra thì thấy từng tốp học trò cả nam lẫn nữ đang chăm chú nhìn tôi với những cặp mắt lo âu. Nghiêng nhìn sang chiếc ghế xếp được dung làm chiếc bàn nhỏ cạnh giường tôi chợt chờn thấy tô cháo, ly nước và vài loại trái cây nhưng tôi không thể nào nói hay làm gì được và tôi thiếp đi.

Đang mê man tôi chợt linh tính có ai đang chăm chú nhìn mình nên tôi mở mắt ra và nhận ra đôi mắt lo âu của thầy Bình. Vẫn thói quen tôi nghiêng đầu về phía cạnh giường. Chiếc ghế xếp kê thành bàn nhỏ không còn bên cạnh và thầy Bình đang ngồi sát cạnh giường tôi. Khoảng cách gần sát khiến tôi chau mày. Tôi và thầy chưa từng có khoảng cách gần như thế nên tôi rất ngại. Tôi muốn nói gì đó nhưng miệng tôi khô khốc và tôi lại thiếp đi.

Khi tiếng nói của ông hiệu phó trường dội vang căn phòng, tôi tỉnh giấc, lồm cồm ngồi dậy tìm hiểu nguyên nhân. Ông cho tôi biết phòng giáo dục đến kiểm tra giáo án trường nên ông phải tìm lấy những cuốn giáo án của tôi để trên tại bàn viết ngay tại đầu giường mà tôi đang nằm để nộp cho ban thanh tra. Ông khuyên tôi đi khám bệnh để xin giấy nghỉ thêm vì sức khỏe tôi khá trầm trọng. Lời khuyên của ông không

tác dụng nhưng tin thanh tra khiến tôi lo lắng, tỉnh hẳn.

Hôm sau, tôi vẫn còn sốt nhẹ nhưng có thể ngồi dậy được. Để trị chứng sốt và khô miệng, tôi uống nước rất nhiều. Tuy nhiên, tôi không trị được chứng sốt ượng bương này. Thêm vào đó, tôi ho rất nhiều. Khi khạc đàm, thấy máu lợn cợn bên trong tôi tưởng mình bị lao nên chán nản trở lại giường nằm lì.

Thầy Bình tới thăm, tôi buồn rầu bảo anh:

“Lan ho mà trong đàm có máu rất nhiều chắc bị ho lao rồi. Người ta nói sốt mà ho có máu là bị lao anh đừng đến đây nhiều mà lây lao thì khổ đó!” Nói xong, cơn sốt làm tôi thiếp đi.

Khi tỉnh lại, tôi thấy vài đứa học trò đứng cạnh giường, hỏi han gì đó. Tôi mơ màng trả lời những điều không rõ rồi thiếp đi. Khi tỉnh lại tôi lại thấy thầy Bình nhìn tôi chăm chú. Tôi muốn nói gì nhưng không nói được. Mắt tôi sụp xuống rồi lại thiếp.

Chập chờn lúc nhắm mắt, lúc mở mắt, có lúc tôi thấy học trò, có lúc tôi thấy thầy Bình với khoảng cách thật gần. Bởi đầu nặng như búa bổ và không nói được tôi thường thiếp đi sau khi mở mắt nhìn mông lung trong giây lát. Tuy nhiên, trong tiềm thức, có lẽ cái khoảng cách giữa tôi và thầy Bình quá gần đã làm tôi sợ đến độ khi tỉnh dậy tôi đã trả lời câu hỏi “Lan thấy thế nào? Đã khỏe chút nào chưa?” bằng câu hỏi

“Sao anh Bình đến đây hoài vậy? Học trò hay tới thăm Lan mà Lan nằm như thế này và anh ngồi sát cạnh đây, tội nó dị nghị tưởng tội mình có gì thì làm sao?”

Thầy Bình ôn tồn nói:

“Anh nghe Lan ho có triệu chứng lao nên tìm lá (Tên lá gì quên rồi) nấu nước cho Lan uống. Anh chế nước trong bình rồi, có ly nước đây. Nếu uống hết thì Lan ra đằng sau bếp lấy thêm. Vẫn còn nhiều nước trong soong. Thôi giờ anh về.”

Hôm sau tôi hết sốt, đi đứng bình thường nên đến trạm xá khám bệnh cốt để xin giấy chứng nhận nghỉ bệnh. Y sĩ cho biết tôi không có bị lao nhưng bởi nhỏ rằng máu còn đọng trong cổ nên khi ho, máu vẫn vào đàm. Trùng hợp là tôi có bệnh cúm cùng lúc nên bị sốt, nhức đầu và kiệt sức. Chứng nhận bệnh của trạm xá cho tôi được phép nghỉ thêm nhưng tôi đi làm ngay vì tôi buồn bực về kết quả kiểm tra của phòng giáo dục đối với bộ giáo án của tôi. Họ cho rằng tôi đã nhờ người viết giáo án hộ khi chữ viết của tôi có hai loại hoàn toàn khác nhau: Một ngay ngắn và một fantasy.

Bị đánh giá oan, tôi quá ức nên cần nhằn với ông hiệu phó trường, đồng thời phụ trách chuyên môn của giáo viên cấp hai: “Tại sao thầy không cho họ biết là tôi ở một mình thì tôi nhờ ai viết? Mà ai có thể soạn thảo được giáo án để cho tôi dạy? Thầy biết tôi là

người thế nào, tôi không làm biếng cũng không bao giờ gian dối. Đòi nào tôi mượn công người khác để làm việc cho mình mà sao thầy không nói với họ để họ đánh giá bộ giáo án của tôi như vậy?”

Ông hiệu phó trả lời một cách lạnh lùng: “Tôi chẳng bao giờ thấy cô viết chữ viết xiên xẹo, bay bướm như thế này làm sao tôi nói với họ được.”

Tôi im lặng, nghĩ ông nói đúng quá. Chẳng bao giờ ai thấy hay biết tôi viết loại chữ fantasy này. Vì loại chữ này tôi có thể viết nhanh hơn loại chữ tôi thường nên tôi thường ghi nhanh những điều xảy ra trong tập nhật ký trước khi đi ngủ mà thôi. Những ngày bị chiếc răng đau hành, tôi đã dùng loại chữ fantasy để viết cho nhanh. Cho nên, bây giờ mở cuốn giáo án Lịch Sử Lớp 8, tôi còn thấy rõ hai loại chữ hoàn toàn khác nhau. Rõ là tình ngay lý gian và là chứng cứ rõ ràng để ban kiểm tra đánh giá một cách chần chẫn là tôi bị bệnh nên nhờ người khác viết giáo án hộ. Không biết nói gì hơn, tôi đành im lặng với sự oan ức.

Chưa hết cơn buồn, vừa ra khỏi phòng ban giám hiệu, tôi gặp thầy Bình mời dự đám cưới của thầy. Tôi sửng sốt không hiểu hư thật nhưng cố tạo vẻ bình thản. Giờ chơi, các giáo viên họp trong phòng giáo viên bàn tán chuyện đám cưới của thầy Bình và hẹn nhau đi dự. Tôi cũng xin tháp tùng theo. Lòng phân vân không rõ tình cảm của đàn ông như thế nào? Tôi chợt nhớ nhánh

hoa tigôn trắng năm học vừa qua và nôi thuốc lá chữa bệnh lao mới một tuần trước đó rồi suy nghĩ hoài không hiểu tình cảm của người đàn ông này đối với tôi ra sao? Tình yêu? Tình bạn? hay tình thương hại? Tôi chưa chắc với ý nghĩ: “Đã muốn yên nên mình tìm đến chỗ khỉ ho cò gáy này, thế mà không được yên!”

Chiều hôm đó tôi đi dự đám cưới thầy Bình với các chị giáo viên cấp 1 ở Hòa Thuận. Cô dâu có khuôn mặt đẹp phúc hậu rất xứng với khuôn mặt điển trai nét lai Pháp của thầy Bình. Vì lần đầu tiên được dự đám cưới ở Chợ Lầu cùng với hầu hết các giáo viên cùng trường Hải Ninh, tôi cảm thấy rất vui. Vui nhất là được thưởng thức những món ăn mà từ khi vào Sông Mao dạy cho đến lúc ấy tôi mới được ăn như vậy.

Một tuần sau, tất các giáo viên trong trường Hải Ninh đều phải đến xã học chính trị. Vì họp vào buổi tối những người đại diện trong Ủy Ban Xã phải dùng đèn dầu cho bàn chủ tịch. Tôi đến trễ, thu mình một góc ngoài sân, cạnh chiếc cửa bên hông của phòng họp. Ánh đèn lù mù không rõ ai là ai. Tôi cảm thấy dễ chịu bởi không muốn ai biết mình ngồi ở đâu; thế nhưng, những cơn ho khan làm tôi khốn khổ cố ngăn lại. Chợt một bàn tay chìa ra trước mặt tôi với một gói nhỏ nho nhỏ trong đó. Tiếng nói của thầy Bình vang lên:

“Lan cất thuốc này uống sẽ hết ho ngay!”

Tôi ngạc nhiên, ngần ngừ, không nói gì và cũng không nhận.

Bàn tay đưa sát tôi hơn:

“Lan nhận đi! Vợ anh làm y tá ở trạm xá có nhiều lắm. Đừng ngại!”

Tôi nhận, cất vào túi và im lặng. Như những người đang im lặng ngồi gần, tôi cố gắng lắng nghe những người trong uỷ ban xã đang nói về vấn đề gì.

Chợt thầy Bình nói:

“Có lẽ Lan không biết anh bị mụn hành chân phải mổ, phải không? Khi anh đến trạm xá được Thanh đang làm y tá tận tình chăm sóc cho anh khiến anh nhớ ngày tìm lá chữa bệnh cho Lan. Thay vì cảm động tình anh, Lan hỏi sao anh tới thăm Lan nhiều lần và còn sợ học trò dị nghị nên anh nghĩ rằng Thanh mới là người thực sự thương anh và xứng đáng là vợ của anh. Vì vậy sau khi chữa lành chân, anh xin cưới Thanh ngay.”

Gật đầu nhẹ tôi nói khẽ:

“Anh quyết định thật đúng vì anh sẽ có hạnh phúc với người thương yêu anh như chị Thanh.”

Nói xong tôi im lặng không nói gì thêm giả như lắng nghe lời phát biểu từ trong phòng. Tôi mắc cỡ bởi biết những người ngồi cạnh đang lắng nghe đối thoại của chúng tôi. Tôi đoán mọi người đang quan sát chúng tôi bởi không chuyện gì mà không biết trong trị trấn Sông Mao nhỏ bé này.

Nhưng...có một chuyện mà mọi người không biết là gói hoa Tigôn anh tặng cho tôi. Tôi không biết thầy Bình hái chùm hoa Tigôn này ở đâu khi bốn năm Sông Mao tôi không bao giờ tìm thấy bụi hoa Tigôn nào.

CUNG THỊ LAN

ALEXANDRE DUMAS (1802 – 1870)

Tiểu Thuyết Gia danh tiếng của Nước Pháp

**** Phạm Văn Tuấn ****



Alexandre Dumas tên thật là Dumas Davy de la Pailleterie và còn được gọi là Alexandre Duma “Cha”, là một nhà văn danh tiếng viết tiểu thuyết lịch sử của nước Pháp. Alexandre Dumas là một trong các nhà văn Pháp có các tác phẩm được ưa chuộng nhất trên thế giới. Các tác phẩm của ông đã được phiên dịch sang gần 100 ngôn ngữ khác nhau. Nhiều tiểu thuyết lịch sử của Alexandre Dumas được tác giả viết thành các bài báo xuất bản định kỳ, gồm có các truyện: Bá Tước Monte Cristo (The Count of Monte Cristo), Ba chàng Lính Ngự Lâm (The Three Musketeers), Hai Mươi Năm Sau (Twenty Years Later) và Tử Tước Bragelonne: Mười Năm Sau (The Vicomte of Bragelonne: Ten Years Later).

Từ đầu thế kỷ 20, các tiểu thuyết của Alexandre Dumas đã được dựng thành gần 200 truyện phim. Cuốn tiểu

thuyết cuối cùng của ông có tên là “Người Hiệp Sĩ của Sainte-Hermine (The Knight of Sainte-Hermine) chưa được hoàn thành khi ông qua đời nhưng đã được học giả Claude Schopp viết tiếp và xuất bản vào năm 2005, rồi được phổ biến bằng tiếng Anh vào năm 2008 với tên là Người Kỵ Sĩ Cuối Cùng (The Last Cavalier), cuốn tiểu thuyết này cũng trở nên một cuốn truyện bán chạy nhất (a best seller).

Là nhà văn phong phú về nhiều thể loại, Alexandre Dumas bắt đầu viết các vở kịch và thứ nghệ thuật này ngay từ đầu đã thành công. Ông còn viết nhiều bài báo cho các tạp chí và các sách du lịch. Các tác phẩm của Alexandre Dumas tổng cộng tới 100 ngàn trang. Vào năm 1840, Alexandre Dumas thành lập Rạp Hát Lịch Sử (The Theatre Historique) tại thành phố Paris.

Cha của Alexandre Dumas là vị Tướng Thomas Alexandre Davy de la Pailleterie, đã ra đời tại Saint-Domingue, thời đó là một thuộc địa của nước Pháp và ngày nay là hòn đảo Haiti. Tướng Thomas này là con trai của nhà quý tộc Alexandre Antoine Davy de la Pailleterie người Pháp và bà Maria Cessette Dumas, người đàn bà nô lệ châu Phi. Vào tuổi 14, ông Thomas được cha đưa về nước Pháp, tại nơi này ông được giáo dục tại một Viện Hàn Lâm quân sự rồi gia nhập

quân đội bởi vì đây là một nghề nghiệp danh tiếng.

Nhờ cha thuộc về giới quý tộc nên cậu Alexandre đã được quen thân với ông Hoàng Louis Philippe, Bá Tước của miền Orleans (Duke of Orleans). Về sau, Alexandre Dumas theo nghề nhà văn và đã sớm thành công. Vài thập niên sau này khi ông Hoàng Louis Napoleon Bonaparte được bầu lên làm Vua của nước Pháp vào năm 1851, Alexandre Dumas bị thất sủng nên phải rời nước Pháp và đi sang nước Bỉ, lưu trú trong vài năm rồi sang nước Nga, cũng cư ngụ vài năm tại nước Nga và sau cùng ông sang nước Ý. Vào năm 1861, Alexandre Dumas lập nên tờ báo Độc Lập (L'Indipendente) với chủ trương cổ võ cho sự thống nhất của nước Ý. Năm 1864, Alexandre Dumas trở về thành phố Paris.

Mặc dù đã lập gia đình nhưng theo truyền thống của giới thượng lưu Pháp, Alexandre Dumas đã có rất nhiều người tình, có lẽ có tới 40 cô. Trong thời gian còn sinh sống, ông đã có ít nhất 4 đứa con không chính thức hay con tự nhiên (natural children). Một trong các người con của Alexandre Dumas Cha là Alexandre Dumas “Con”, cũng là một tiểu thuyết gia kiêm nhà viết kịch thành công. Trong số các người tình, Alexandre Dumas Cha vào năm 1866 đã thân thiết với cô Adah Isaacs Menken, một nữ diễn viên người Mỹ nổi tiếng và có tuổi đời bằng nửa số tuổi của Alexandre Dumas.

Nhà viết kịch người Anh tên là Watts Phillips đã quen biết Alexandre Dumas Cha khi ông đã cao tuổi, đã mô tả Alexandre Dumas là “một con người rất

rộng lượng, rất vui vẻ nhưng cũng rất tự mãn. Tiếng nói của ông ta thì như tiếng cối xay gió, khi ông ta đã lên tiếng thì không ngừng nghỉ nhất là khi nói về chính ông ta”.

I/ Cuộc đời của Nhà Văn Alexandre Dumas

Alexandre Dumas Cha, hay Alexandre Davy de la Pailleterie, ra chào đời vào năm 1802 tại Villiers Cotterets trong tỉnh Aisne thuộc miền Picardy của nước Pháp. Alexandre Dumas có 2 người chị tên là Marie Alexandrine (sinh năm 1794) và Louise Alexandrine (sinh 1796, chết 1797). Cha mẹ của Alexandre Dumas là ông Thomas Alexandre Dumas và bà Marie Louise Elizabeth Labouret, con gái của một chủ quán trọ.

Ông Thomas Alexandre ra đời tại một hòn đảo, thuộc địa của nước Pháp, là Saint Domingue, ngày nay là xứ Haiti, là đứa con tự nhiên (a natural son) của Hầu Tước Alexandre Antoine Davy de la Pailleterie, một nhà quý tộc người Pháp và là Tướng Ủy Viên (général commissaire) của ngành Pháo Binh thuộc địa, và bà Marie Cessette Dumas, một người nô lệ có tổ tiên thuộc châu Phi và miền Caribbean. Vào thời gian ông Thomas Alexandre ra đời, cha của ông ta đã bị nghèo đói.

Khi còn niên thiếu, ông Thomas Alexandre được cha đưa về nước Pháp, được giáo dục trong một trường quân sự và theo binh nghiệp khi còn là một thanh niên. Khi tới tuổi trưởng thành, ông Thomas dùng tên của người mẹ là Dumas để làm “họ” sau khi cách ly với người cha. Ông Thomas được

vinh thăng Thiếu Tướng vào tuổi 31, là người châu Phi miền Antilles đầu tiên lên tới bậc cao cấp đó trong Quân Đội Pháp. Ông đã phục vụ xuất sắc trong các cuộc chiến tranh Cách Mạng Pháp và cũng là Tướng Chỉ Huy của Đạo Quân Pyrénées, là người da màu đầu tiên đạt được danh vọng đó. Mặc dù là một vị Tướng của Hoàng Đế Napoléon trong các chiến dịch tại nước Ý và tại xứ Ai Cập, ông Thomas Alexandre đã bị thất sủng vào năm 1800, phải quay trở về nước Pháp. Trên đường biển về nước, con tàu của ông Thomas bị bắt tại Taranto thuộc Vương Quốc Naples, tại nơi này, ông và các người khác bị giữ làm tù binh.

Ông Thomas Alexandre qua đời vì bệnh ung thư vào năm 1806 khi cậu Alexandre Dumas mới được 4 tuổi. Bà vợ góa của ông, bà Marie Louise đã không thể cung cấp nền học vấn đầy đủ cho Alexandre Dumas nhưng cậu Dumas khi đó đã tự đọc rất nhiều sách và tự học tiếng Tây Ban Nha. Mặc dù nghèo, gia đình Dumas này đã thừa hưởng danh tiếng đặc biệt và giai cấp quý tộc của người cha, tất cả những thứ này đã giúp cho các người con tiến bộ trong xã hội.

Vào năm 1822, sau khi chế độ Quân Chủ Pháp được phục hồi, Alexandre Dumas vào tuổi 20, đã trở về thành phố Paris và đã có việc làm tại Lâu Đài Hoàng Gia (Palais Royal), trong văn phòng của Bá Tước miền Orléans là ông Hoàng Louis Philippe.

III/ Nghề viết văn

Trong khi làm việc cho ông Louis Philippe, Alexandre Dumas bắt đầu viết

các bài báo cho vài tạp chí và các vở kịch cho rạp hát. Vào thời gian này, Ông Alexandre cũng dùng họ Dumas là họ của bà ngoại, giống như cách làm của người cha. Vở kịch đầu tiên của Alexandre Dumas có tên là “Vua Henry III và Triều Đình” (Henry III and His Courts) được viết ra vào năm 1829 khi ông mới 27 tuổi và vở kịch này đã được mọi người ca ngợi. Vào năm sau, vở kịch thứ hai tên là Christine cũng thành công nhờ vậy Alexandre Dumas có đủ lợi tức để theo đuổi nghề viết văn toàn thời gian.

Vào năm 1830, Alexandre Dumas đã tham dự vào cuộc cách mạng để lật đổ Vua Charles X, thay thế bằng Bá Tước Orléans, tức là Vua Louis Philippe, là ông chủ cũ của Alexandre Dumas.

Vào giữa thập niên 1830, đời sống tại nước Pháp thì ổn định với các cuộc xáo trộn rời rạc bởi các người Cộng Hòa tức giận và bởi các công nhân thành thị bị nghèo khó đi, họ đang đòi hỏi các thay đổi. Nhưng rồi cuộc sống cũng trở lại bình thường và xứ sở Pháp dần dần được kỹ nghệ hóa. Nền kinh tế được cải thiện cộng với việc chấm dứt kiểm duyệt báo chí khiến cho hoàn cảnh viết văn của Alexandre Dumas được dễ dàng hơn.

Sau khi thành công về vài vở kịch tiếp theo, Alexandre Dumas chuyển sang việc viết tiểu thuyết. Vào năm 1838. Alexandre Dumas viết cuốn tiểu thuyết “Đại Úy Paul” (Le Capitaine Paul), cuốn truyện này được đăng thành nhiều kỳ trên các báo chí.

Từ năm 1839 tới năm 1841, với sự giúp đỡ của nhiều bạn bè, Alexandre

Dumas đã biên soạn bộ sách “Các Tội Ác Nổi Tiếng” (Celebrated Crimes), gồm 8 tập sách, viết về các tội ác và các kẻ phạm tội trong lịch sử của châu Âu. Ông đã đề cập tới các kẻ ác nổi tiếng như Beatrice Cenci, Martin Guerre, Cesare và Lucrazia Borgia, cũng như các kẻ giết người như Karl Ludwig Sand và Antoine Francois Desrues là hai kẻ ác đã bị hành quyết.

Alexandre Dumas đã cộng tác với ông thầy dạy đấu kiếm tên là Augustin Grisier để viết ra cuốn tiểu thuyết “Thầy Dạy Kiếm” (The Fencing Master) vào năm 1840. Cuốn truyện này mô tả ông Grisier đã chứng kiến các biến cố của cuộc Nổi Dậy Tháng Chạp (The Decembrist Revolt) tại nước Nga. Sau đó, cuốn tiểu thuyết này bị cấm đọc tại nước Nga bởi Sa Hoàng Nicholas I và ông Alexandre Dumas bị cấm vào nước Nga cho tới khi Sa Hoàng qua đời. Alexandre Dumas đã đề cập một cách rất kính trọng tới ông Grisier trong các hồi ký, trong 2 tác phẩm “Bá Tước Monte Cristo” (The Count of Monte Cristo) và “Các Người Anh Em Đảo Corse” (The Corsican Brothers).

Alexandre Dumas đã phụ thuộc vào rất nhiều người cộng tác và giúp đỡ trong số này có ông Auguste Maquet được nhiều người biết tới nhất. Phải tới gần cuối thế kỷ 20 thì vai trò của ông Maquet mới được nhiều người hiểu rõ. Ông Maquet là người đã phác họa nội dung của cuốn truyện “Bá Tước Monte Cristo” (The Count of Monte Cristo) và đã đóng góp rất nhiều cho cuốn “Ba Chàng Lính Ngự Lâm” (The Three Musketeers) cũng như cho nhiều tiểu thuyết khác của Alexandre Dumas.

Phương pháp làm việc của hai người này là ông Maquet đề nghị các cốt truyện (plots) và viết sơ sài rồi Alexandre Dumas thêm vào các chi tiết, các đối thoại và các kết luận sau cùng. Ông Maquet đã kiện Alexandre Dumas ra tòa để được chấp nhận phần tác giả và đòi hỏi trả công sức cao hơn, ông ta đã thành công về tiền bạc nhưng không được phần tác giả.

Các cuốn tiểu thuyết của Alexandre Dumas đã được phổ biến rất rộng rãi khiến cho chẳng bao lâu, các tác phẩm này đã được dịch sang tiếng Anh và các ngôn ngữ khác. Nhờ tài viết văn, Alexandre Dumas đã kiếm ra được rất nhiều tiền bạc nhưng ông thường bị vỡ nợ bởi vì ông Dumas đã chi tiêu quá rộng rãi về đàn bà và do cuộc sống sa hoa. Các học giả đã tìm thấy rằng ông có tới 40 cô nhân tình.

Vào năm 1846, Alexandre Dumas đã cho xây dựng bên ngoài thành phố Paris, tại Le Port-Marly tòa lâu đài Monte Cristo rộng lớn với tòa nhà lớn phụ thêm, dành cho việc viết văn. Tại tòa nhà này, thường có các người quen, các người lạ đến ăn ở lâu ngày, họ đã lợi dụng tấm lòng hào phóng của ông Dumas. Hai năm sau, do các khó khăn tài chính, Alexandre Dumas đã phải bán đi toàn bộ tài sản.

Alexandre Dumas đã viết văn theo nhiều thể loại và đã xuất bản tới 100 ngàn trang sách in trong lúc sinh thời. Ông cũng dùng các kinh nghiệm khi đi xa để viết ra các sách du lịch.

Sau một cuộc nổi loạn, Vua Louis Philippe bị truất phế và ông Louis Napoléon Bonaparte được bầu làm Vua của nước Pháp. Vì bị ông Louis

Bonaparte không ưa thích, Alexandre Dumas phải bỏ chạy sang Brussels, nước Bỉ, vào năm 1859, một phần cũng để trốn chạy khỏi các chủ nợ. Vào năm 1859, Alexandre Dumas chạy sang nước Nga, đây là quốc gia mà tiếng Pháp là ngôn ngữ thứ hai của giới trí thức, cho nên các tác phẩm của Alexandre Dumas được rất nhiều người quý trọng. Alexandre Dumas sinh sống tại nước Nga trong 2 năm.

Vào tháng 3 năm 1861, Vương Quốc Ý Đại Lợi được thống nhất với vị Vua là Victor Emmanuel II. Alexandre Dumas đã tới nước Ý vào thời gian này, tham dự vào phong trào thống nhất quốc gia, lập nên tờ báo “Độc Lập” (Indipendente) rồi khi trở về Paris, ông đã cho xuất bản các sách du lịch nói về nước Nga, nước Ý.

Mặc dù quá khứ quý tộc của gia đình và sự thành công cá nhân, Alexandre Dumas vẫn bị một số người kỳ thị bởi vì tổ tiên của ông có hôn nhân với người da đen. Vào năm 1848, Alexandre Dumas đã viết ra cuốn tiểu thuyết George, trong đó có đề cập tới chủng tộc và các ảnh hưởng của chế độ thuộc địa.

Có một người đã xúc phạm ông Alexandre Dumas vì gốc tổ tiên từ châu Phi nên ông Dumas đã trả lời: “Cha của tôi là một người lai đen, ông nội tôi là một tên mọi đen (a negro), ông cụ nội của tôi là một con khỉ. Vâng, thưa ông, gia đình tôi bắt đầu (là con khỉ), đây cũng là nơi mà gia đình của ông đang là” (My father was a mulatto, my grandfather was a Negro, and my great-grandfather a monkey. You see, Sir, my family starts where yours ends).

III/ Đời sống riêng tư và sự nghiệp

Vào ngày 01 tháng 2 năm 1840, Alexandre Dumas cưới cô Ida Ferrier (tên con gái là Marguerite Joséphine Ferrand) (1811-1859) nhưng ông Dumas vẫn có tình ái lãng nhãng với hàng chục phụ nữ khác và có ít nhất 4 người con với các phụ nữ này:

a) Alexandre Dumas Con (1824-1895), con trai với bà Marie Laure Catherine Labay (1794-1868), một người thợ may. Alexandre Dumas Con sau này cũng trở nên một tiểu thuyết gia và một nhà viết kịch nổi tiếng.

b) Marie Alexandrine Dumas (1831-1878), con gái với bà Belle Krelsamer (1803-1875).

c) Micaella Clélie Josepha Elizabeth Cordier (sinh năm 1860), con gái với bà Emélie Cordier.

d) Henry Bauer, con trai với người đàn bà tên là Bauer.

Vào năm 1866, Alexandre Dumas có liên hệ tình ái với Cô Adah Isaacs Menken, một nữ diễn viên người Mỹ, đã từng thành công tại các thành phố London và Paris.

Theo học giả Claude Schopp, Alexandre Dumas có 40 người tình và ít nhất 3 đứa con hoang (natural children).

Alexandre Dumas qua đời vào năm 1870, được chôn cất tại nơi sinh là Villier Cotterets trong tỉnh Aisne. Ngày qua đời của ông đã bị lu mờ vì trận

Chiến Tranh Pháp Phổ (the Franco-Pussian war).

Vào năm 1970, một tram xe điện ngầm trong thành phố Paris được đặt tên là Tram Alexandre Dumas Paris Métro, để tưởng nhớ Nhà Văn vĩ đại này. Bên ngoài thành phố Paris, Lâu Đài Monte Cristo đã được sửa chữa lại và trở thành một Viện Bảo Tàng, mở ra cho dân chúng tới thăm viếng.

Vào năm 2002, nhân ngày kỷ niệm 200 năm Ngày Sinh của Nhà Văn Alexandre Dumas, Tổng Thống Pháp Jacques Chirac đã tổ chức một buổi lễ long trọng để vinh danh Nhà Văn Dumas, hũ tro của nhà văn này được đặt trong Điện Panthéon của nước Pháp, là nơi chôn cất của các Danh Nhân của nước Pháp. Lễ Đưa Rước được truyền hình, một quan tài mới phủ vải nhung màu xanh, chở trên xe ngựa, hộ tống là 4 Vệ Binh Cộng Hòa mặc y phục của 4 Chàng Lính Ngự Lâm, tất cả đoàn Lễ Đưa Rước đã đi qua thành phố Paris để tới Điện Panthéon. Alexandre Dumas được an táng lại bên cạnh các Đại Văn Hào như Victor Hugo và Emile Zola.

Tổng Thống Jacques Chirac đã nói rằng nước Pháp đã sản sinh ra được rất nhiều nhà văn có tài nhưng không có ai đã có các tác phẩm được đa số độc giả như Văn Hào Alexandre Dumas, bởi vì các tiểu thuyết của ông đã được dịch sang gần 100 ngôn ngữ và được chuyển thành hơn 200 bộ phim ảnh.

Vào tháng 6 năm 2005, cuốn tiểu thuyết cuối cùng của Alexandre Dumas có tên là “Chàng Hiệp Sĩ của Sainte Hermine” (The Knight of Sainte Hermine)

được phổ biến tại nước Pháp trong đó có kể lại về Trận Thủy Chiến Trafalgar (The Battle of Trafalgar). Nhà văn Dumas đã tạo nên một nhân vật giả tưởng là người đã giết chết Lord Nelson, người Anh. Thực ra, Lord Nelson đã bị bắn và tử thương vì một tên bắn sê trong trận thủy chiến này.

Cuốn truyện kể trên đã được ông Dumas viết ra và chưa hoàn thành trước khi tác giả qua đời và được đăng báo theo nhiều kỳ vào năm 1869. Một học giả chuyên nghiên cứu về Nhà Văn Alexandre Dumas là ông Claude Schopp đã viết tiếp 2 chương cuối cùng, căn cứ vào sự ghi chép của tác giả Dumas, để tạo nên một trong các tác phẩm bán chạy nhất (a best seller) với ấn bản đầu tiên là 60,000 cuốn, do nhà xuất bản Phebus (Editions Phebus).

Vào năm 2006, tác phẩm này được dịch sang tiếng Anh với tên là “The Last Cavalier” (Người Kỵ Sĩ Cuối Cùng) và tác phẩm này cũng được chuyển dịch sang nhiều ngôn ngữ khác.

IV/ Các Tác Phẩm phiêu lưu lịch sử chính của Alexandre Dumas

Alexandre Dumas đã viết ra rất nhiều truyện hay và các biên niên sử (historical chronicles), kể lại về các cuộc mạo hiểm.

- Le Capitaine Paul, 1838 (Captain Paul = Đại Úy Paul), tiểu thuyết đầu tiên được phổ biến bằng các bài viết định kỳ.
- Acté of Corinth, hay là The Convert of St. Paul, a tale of Greece and Rome (1839), một tiểu thuyết về

- thành phố Rome, bạo chúa Nero và thời kỳ Thiên Chúa Giáo ban đầu.
- Le Capitaine Pamphile (Captain Pamphile = Đại Úy Pamphile, 1839).
 - Le Maître d'armes (The Fencing Master = Thầy Dạy Kiếm, 1840).
 - Chateau d'Eppstein (Castle Eppstein = Lâu Đài Eppstein, 1843).
 - Georges (1843): nhân vật chính trong tiểu thuyết này là một người lai, một ám chỉ về tổ tiên gốc châu Phi của chính ông Dumas.
 - Le Chevalier d'Harmental (The Conspirators = Hiệp Sĩ Harmental, 1843), cuốn truyện này về sau được Paul Ferrier chuyển thành một vở kịch Opera.
 - Une fille du regent (The Regent's Daughter = một người con gái của Quan Nhiếp Chính, 1845), cuốn truyện nối tiếp cuốn kể trên.
 - Louis XIV et son siècle (Louis 14 and His Century = Vua Louis 14 và thế kỷ của nhà vua, 1844).
 - Histoire d'un casse noisette (The Nutcracker = Lịch Sử của cái tách hạt dẻ, 1844), bản sửa chữa từ câu chuyện của Hoffmann: Chuyện cái tách hạt dẻ và Vua Chuột (The Nutcracker and the Mouse King), sau này Nhạc Sĩ Pyotr Ilyich Tchaikovsky đã viết thành bản vũ kịch Ba Lê The Nutcracker.
 - Les Freres Corses (The Corsican Brothers = Các Anh Em Đảo Corse, 1844).
 - Le Comte de Monte Cristo (The Count of Monte Cristo = Bá Tước Monte Cristo, 1844-46).
 - La Guerre des Femmes (The Women's War = Chiến Tranh của Phụ Nữ, 1845).
 - La Tulipe noire (The Black Tulip = Hoa Tulip Đen, 1850).
 - Olympe de Cleves, 1851-52.
 - Isaac Laquedem (1852-53, chưa xong).
 - Les Mohicans de Paris (The Mohicans of Paris = Các người Mohicans của thành phố Paris, 1854).
 - Le Meneur de loup (The Wolf Leader = Người Chăn Chó Sói, 1857), đây là một trong các tác phẩm đầu tiên viết về người biến thành chó sói.
 - Les loups de Machecoul (The Last Vendee = The She Wolves of Machecoul = Các con chó sói của Machecoul, 1859), đây là một truyện tình cảm, không phải về người biến thành chó sói.
 - La Santafelice, 1864.
 - Le Prince des voleurs (The Prince of Thieves = Ông Hoàng Tử của các Kẻ Cắp), ấn hành năm 1872 sau khi tác giả qua đời, kể về Robin Hood.
 - The D'Artagnan Romances = Các Truyện Tình Cảm của D'Artagnan, kể bên dưới:
 - Les Trois Mousquetaires (The Three Musketeers = Ba chàng Lính Ngự Lâm, 1844).
 - Vingt ans après (Twenty Years After = 20 Năm sau, 1845).

- Le Vicomte de Bragelonne (The Vicomte de Bragelonne = Bá Tước de Bragelonne), đôi khi còn được gọi là “Dix ans plus tard = Ten Years Later = Mười Năm Sau, 1847). Khi được chuyển dịch sang tiếng Anh, tác phẩm này thường được in thành 3 phần: * The Vicomte de Bragelonne, * Louise de la Valliere, và * The Man in the Iron Mask = Người Đeo Mặt Nạ Sắt, phần thứ ba này nổi tiếng nhất.
- La Reine Margot = Nữ Hoàng Margot, 1845, cũng được xuất bản với tên là Marguerite de Valois.
- La Dame de Monsoreau = Bà Monsoreau, 1846.
- Les Quatre-cinq (The Forty Five Guardsmen = 45 Chàng Canh Gác, 1847).
- Les Deux Diane (The Two Dianas = Hai Bà Dianas, 1846). Đây là cuốn tiểu thuyết về ông Gabriel, Bá Tước Montgomery, là người đã làm tử thương Vua Henry II.
- Le Collier de la Reine (The Queen's Necklace = Chuỗi hạt đeo cổ của Nữ Hoàng, 1849-50).
- Le Chevalier de La Maison Rouge (The Knight of the Red House = Chàng Hiệp Sĩ của Căn Nhà Đỏ, 1845).
- Les Compagnons de Jehu (The Companions of Jehu = Các Người Đồng Hành của Jehu, 1857).

- Les Blans et Les Bleus (The White and the Blues = Các Màu Trắng và Xanh, 1867).

- Le Chevalier de Sainte Hermine (The Knight of Sainte Hermine = Chàng Hiệp Sĩ của Miền Sainte Hermine, 1869).

Và còn rất nhiều tác phẩm phiêu lưu lịch sử khác.

Ngoài ra còn có các tác phẩm kịch, các sách du lịch, các sách không hư cấu...

Vào năm 1971, nhà Sử Học Alain Decaux đã thành lập “Hội Bạn Hữu của Alexandre Dumas” (La Societe des Amis d’Alexandre Dumas = The Society of Friends of Alexandre Dumas). Mục đích của Hội này là để duy trì Lâu Đài Monte Cristo (Le Chateau de Monte Cristo) và đây cũng là địa điểm của Hội này.

Các mục tiêu khác của Hội kể trên là tập hợp các người hâm mộ Nhà Văn Alexandre Dumas, xúc tiến các hoạt động văn hóa tại Lâu Đài Monte Cristo và thu thập các bản thảo, các tài liệu về Nhà Văn Alexandre Dumas. Hội Trưởng của Hội này là Học Giả Claude Schopp./.

Phạm Văn Tuấn

LUNG LINH ...

Chiều nắng hạ trong lành
Đất trời tươi thắm một màu xanh
Lá reo mừng, nhẩy múa
Chim chuyền cành hót ca
Gió nhẹ nhàng, êm ái
Không gian ngan ngát hương hoa
Có sao lòng ta như có điều chi buồn bã
Nghe lòng trào dâng một nỗi niềm vời
vời... miên man...

Ngàn xưa mây trắng lang thang,
lang thang
Về nơi xa vời... ôi xa vời...
Trời còn chưa vào tháng mười
Mà nghe đâu đây
những chiếc lá vàng rơi...
rơi...
Bồi hồi nỗi nhớ nơi xa xôi
Mơ hồ tiếng gọi trong vực sâu tiềm thức

Một thuở xưa nào, xưa rất xưa
Khi nàng trắng hầy còn chưa...
chưa biết sầu
Lung linh ngàn sao giữa vòm trời đêm
thăm thẳm
Tiếng đàn ai dịu dặt,
Khúc tơ lòng trôi dạt
theo làn sương khói
chốn mênh mông...

Qua bao nhiêu cõi giới bẽnh bồng
bao nhiêu mộng kiếp nơi trần thế
Vẫn còn ghi dấu
nơi sâu thẳm trong hồn ta:
Một đôi mắt long lanh
chan chứa những thâm tình...
Một tiếng cười trong veo
Ngọt ngào như dòng suối mát,
Dịu dàng như ánh bình minh

Hương thơm ngào ngạt hoa quỳnh
Hồn ta phiêu lạc
giữa bồng bẽnh...
men say...

vương-thanh



Tranh: Nguyễn Sơn Germany

MÁ TÔI

**** Vưu Văn Tâm ****

Chuyến bay dài mười mấy tiếng đồng hồ đáp xuống phi trường Frankfurt. Tôi uể oải kéo lê từng bước cái va-ly cồng kềnh rời khỏi sân bay. Tôi đã về lại cái quê hương thứ hai như định mệnh đã an bài từ mấy chục năm về trước. Nhìn lối đi sạch sẽ đến từng ngọn cỏ xanh tươi được cắt tỉa đẹp mắt ven đường, lòng tôi sao bỗng nghe lạ lùng quá đỗi!

Mới sáng hôm qua, hai má con tôi còn ngồi với nhau ăn buổi điểm tâm mà! Buổi sớm mai ở Sài-Gòn nắng gay gắt đến ghê người. Xế chiều, cậu em bạn đến đón tôi để đưa ra phi trường Tân Sơn Nhất như đã hẹn. Má tôi cúi mặt và lưng thững đi vào bếp. Đôi vai của má hơi run run. Má tôi đang rưng rưng. Tôi bước theo và xoa nhẹ nhẹ lên tấm lưng gầy còm của má và an ủi:

- Có đi rồi mới có về, con hông đi bữa nay thì lần sau đâu có về được!

Tôi không nghe tiếng trả lời của má. Phút giây đó, không gian như chùng lại! Chắc chỉ có nhà soạn kịch mới nói ra được cái tiếng lòng lặng thầm đó, mà người trần mắt thịt như mình khó mà bày tỏ được. Mười mấy ngày về thăm

má trôi nhanh như cơn gió thoảng. Thời gian dường như thu ngắn lại để dài thêm niềm thương nỗi nhớ. Má tôi đã yếu nhiều lắm rồi, bước đi chập chờn như ngã như xiêu, chỉ còn được cái trí nhớ vô cùng minh mẫn.

Lần đó, hai má con tôi vô cùng sung sướng và hạnh phúc vì được về quê ngoại và viếng thăm mồ má ông bà. Đường xá dù xa xôi mà cứ tưởng chừng như trong gang tấc. Suốt quãng đường đi, má tôi kể đủ thứ chuyện mà chuyện nào cũng xưa lơ xưa lắc như là trong cổ tích, như thuở mẹ về với cha. Người già thường như vậy, họ thường lấy cái dĩ vãng để xoa dịu cái già nua cũng như bù đắp cho cái sự sống hữu hạn này.

Đây là chợ Bạc-Liêu với tiệm trà đông khách của ông ngoại tôi, kia là Cầu Quay mỗi ngày hai lượt đến trường. Tuổi thơ của má tôi gắn liền với tiệm trà, với ngôi chợ, với con sông Mỹ-Thanh hiền hòa, êm ả chảy xuôi. Rồi đến một ngày má tôi cũng phải từ giã ông ngoại để lên Sài-Gòn lập nghiệp. Và mấy chục năm sau đó, cũng giống như ngày xưa của má, má cũng tiễn tôi đi xa. Phút chia tay bịn rịn ở góc đường Nguyễn Tri Phương, trước tiệm bánh

bao ông Cả Cẩn. Chiếc xe lam hướng về xa cảng miền Tây lẫn bánh đã khá xa, má tôi vẫn đứng yên nơi đó, tay quẹt nước mắt và tay kia vẫy vẫy chào. Tôi xa nhà, và từ biệt ba má để đi tìm sự sống trong cái chết.

Tôi cũng có linh cảm lần về thăm má năm đó là lần gặp gỡ sau cùng. Xe lăn bánh nhẹ nhàng rời xứ sở Bạc-Liêu, má tôi còn quay lại dõi theo bóng hoàng hôn mờ nhạt. Khi xe gần đến Sài-Gòn, tôi thấy những dòng lệ tuôn chảy trên đôi gò má nhăn nheo, héo hắt. Tôi vẫn giữ cái không khí lặng yên, không hỏi han, không thắc mắc, ít ra để cho má mình được sống trọn vẹn với ký ức, với những kỷ niệm ngày xưa. Mười tháng sau, má tôi qua đời. Má tôi ra đi thật nhanh và không một lời nhắn nhủ.

Những kỷ niệm ấu thơ cứ chập chờn trong ký ức, mới ngày nào má dắt tay tôi đến trường để vào lớp mẫu giáo. Má bước chân đi tôi lại khóc òa, cô Huệ dỗ dành cách nào tôi cũng không chịu nín. Trong màn nước mắt dàn dụa, tôi thưa với cô:

- Cô ơi, em muốn về với má ! Nửa thế kỷ đã đi qua mà sao như mới hôm nào, như ngày ba má tôi còn tại thế. Lần đi xa nào, má tôi cũng dặn dò trong phút giây bịn rịn:
- Cuộc đời này vốn phù du và hữu hạn, con ráng sống cho nên người tử tế.

Trong chuyện tình cảm, đôi khi đã không cùng nhau nhìn về một hướng, thì vòng tay ôm cũng hờ hững buông lơi. Dù thành công hay thất bại trong cuộc đời, má tôi vẫn đồng hành để dìu con mình đi tiếp đoạn đường trước mặt. Một lần thất vọng hay thất bại của con cái, ba má đau đến mười lần hơn. Vòng tay của má vẫn ấm nồng như những ngày ấu thơ và lời ru êm ái năm xưa là hành trang cho con vững bước trên đường đời. Má ơi, xin má hãy an lòng, ngày từng ngày con của má sẽ cố gắng theo lời má dạy, sẽ tập tành làm người tử tế.

Vưu Văn Tâm Germany

23.04.2019

QUÊ HƯƠNG NGÀY HÈ

Trưa hè, ru ngủ giọng ầu ơi

Nhịp vỗng đong đưa, phượng rợp trời

Nương vắng ve ngâm khúc não nuột

Đồng hoang sáo vọng điệu chơi vơi

Mưa rào bắt chợt không tìm lại

Nắng nóng dằng dai chẳng chịu rời

Đội gió nổi lên em trả quạt

Sao còn do dự bạn tình ơi!

Lý Hiền

MÂY VẼN CÒN BAY

(Thập thủ liên kiêu)

**** Hạ Thái Trần Quốc Phiệt ****

(Cảm tác thiên lục bát trường thi "Đầu Non Mây Trắng" của nữ sĩ Huệ Thu, đề tường nhớ cổ Tr/ Tá Dù Nguyễn Bình Thuận, K14/ VBQGVN)

1-

Mây vẫn đầu non lặng lẽ trôi
Lồng trong cảnh vật nổi u hoài
Bên triền quốc giục lời thương cảm
Góc biển triều dâng ngọn ngậm ngùi
Đá dựng cheo leo mờ bóng nắng
Đồng xa chẳng chịt xám chân trời
Người đi chưa viết trang di cảo
Để lại viên mi ướt suốt đời!

2-

Đời gọi trai hùng sớm dấn thân
Dụng tài năng chuyển biến cầm cân
Tung trời võ cánh sẵn lòng giặc
Đoạt đất giữ thành bảo vệ dân
Đối mặt gian nguy không nản chí
Lâm cơn khốn khó vẫn bình chân
Cây cao gió cả đâu hề hấn
Thất thế thua bè lũ tiểu nhân!

3-

Nhân nghĩa sắt son vững đá vàng
Ngờ đâu bão tố sớm đùn sang
Chí cao mộng lớn đành tan vỡ
Tình thâm duyên mớ chịu bể bàng
Xếp cánh chim bằng thời lặn độn
Xót đời hoa mộng thưở gian nan
Thôi rồi gầy gảnh tình phu phụ
Ước hẹn, câu thề ... lạnh giá băng !

4-

Băng kín hồn xuân trắng một màu
Người ơi! hương cũ biết tìm đâu
Vân thơ lục bát nghe da diết
Tấm ảnh cổ nhân luống ghen ngào
Bước dặt chân êm thương gót dạo
Vòng choàng hơi ấm nhớ tay trao
Bao nhiêu hoài bảo chừng đang dở
Đành bỏ lại đời nợ vút cao!

5-

Cao tí xa xôi cuối nẻo trời
Tây phương cõi đến có rong chơi?
Nở nào không giữ lời thư ngõ
Đành đoạn dành cho nước mắt rơi
Tưới đầm rã rời buồn thiếu phụ
Uống say khắc khoải lịm bờ môi
Giấy hoa nhòe nhoẹt thơ tình viết
Đau dậy lòng đau, dở khóc cười...!

6-

Cười ra nước mắt ngất nghèo thay
Lặn lội tìm nhau méo mó mây
Ngoảnh mặt nhìn lên than với gió
Xoay chiều ngó lại khóc cùng mây
Lên đồi đón nắng hong chưa xốt
Xuống núi gom hoa ngậm đắng cay
Thoắt đến thoắt đi sầu tiếp nỗi
Nào ai hiểu thấu nỗi niềm đây...!

7-

Đây còn giữ kín đỉnh tình chung
Dấu nổi tang thương mãi chất chồng
Vượt suối băng ngàn không nản chí
Lên ghềnh xuống thác quyết thành
công
Mất mỗi gót mòn đi đến tận ...
Lòng chai chí quyết phải qua cùng...
Đa tạ hồn thiêng liêng mộng báo
Cõi âm linh hiển rõ ràng không? ...!

8-

Không được bên nhau mãi sóng đôi
Hòa cùng khúc hát mến thương đời
Từ khi mưa trú vào hiên quán
Là lúc mây chan tỏa đỉnh đồi
Nếu ví kiếm gì cho đối vị
Bằng so tìm cái được cùng ngôi
Nửa đường gãy gánh sao đành đoạn
Oan nghiệt! hỡi ơi !... tội quá trời ...!

9-

Trời hỡi! sơn hà nạn chiến chinh!
Trách ai khơi sự việc đao binh
Đem lời hoa mỹ ra lừa dối
Mượn lớp nhân từ bịp hải kinh
Đáp tiếng hồn thiêng thể sát cánh
Nhớ lời trung nghĩa quyết dâng mình
Những trang tuần kiệt anh hùng ấy
Chết dưới cờ vàng thật hiển vinh!

10-

Vinh hạnh chào nhau đứng thẳng người
Thay dòng nước mắt tiễn người thôi
Văn chương tôi viết tâm hùng chí
Lịch sử anh ghi chí rạng ngời
Cất bút đôi dòng dâng cõi thánh
Đốt hương một nén vái phương trời
Hẹn nhau hẹn đến mùa tương ngộ
Vẫn một chiến hào anh với tôi./-

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt



SÀNG MƯA

(tặng Thành Tôn)

Tôi ngồi vẽ dưới hiên mưa
đèn trong xóm còn lưà thừa đốt vàng

chưa trưa mà đã mù tăm
rừng giăng xám. phủ màu bầm lá xanh

tôi ngồi vẽ nhìn ra sân
đóa hồng đỏ. đốt lửa nào xa xưa

núi non buồn mấy cho vừa
nhớ con bò ngủ còn nhai cỏ thừa

một bầy kết oang trong mưa
và tôi đứng lặng. nhìn mây núi về

mây trên Dran trắng nã nề
ập vô cửa sổ khi về mở ra

tôi ngồi vẽ ngoài garage
sáng mưa nhớ thuở mưa nào núi non ...

Virginia, Aug 12, 2014

ĐÌNH CƯỜNG

Chuyện vui

ĐỘNG ĐẤT Ở VIRGINIA

(kỷ niệm ngày 23 tháng 8 năm 2011)

**** PHẠM THÀNH CHÂU ****

Tôi xin kể một chuyện vui, cách nay khá lâu. Chuyện thật, nhưng chỉ thật một nửa. Vụ động đất ở Virginia vào trưa ngày 23 tháng 8 năm 2011 (5.8 độ Richter) là có thật, còn hai nhân vật trong truyện làm gì với nhau trong nhà đóng cửa thì làm sao biết được? Tôi chỉ nghe nhân vật “nam” kể lại mà viết ra đây để quý vị đọc cho vui thôi.

Chuyện như thế này. Có một anh chàng, tên Dũng, khoảng hơn bốn mươi tuổi, độc thân, có việc làm ổn định, cư ngụ tại tiểu bang California, miền tây Hoa Kỳ. Anh ta độc thân vì bị vợ bỏ hay bỏ vợ gì đó, không ai hiểu. Anh chàng Dũng là người khỏe mạnh, cao ráo, đẹp trai nên quen biết với nhiều bà, nhiều cô. Nhiều đến độ quý bà chạm mặt nhau là háy, nguyệt, xô xiên đôi khi chửi nhau vì ghen tuông. Về sau, vì bị các bà tìm đến làm phiền nhiều quá và sợ có hại cho sức khỏe nên anh ta đổi số điện thoại, đổi địa chỉ, tự coi như mất tích. Nhưng không gặp các bà thì lại buồn, thế nên anh ta thường gọi đến bạn bè để chuyện trò. Trong số bạn đó, có một bà chủ tiệm làm móng tay (nail) ở tiểu bang

Virginia. Vì là hàng xóm khi còn ở bên Việt Nam, thân nhau từ nhỏ nên họ không bỏ được cách xưng hô “mi, tao” thuở trước. Một lần anh ta gọi bà bạn “Mi kiểm giùm tao một cô độc thân để tao trò chuyện, lúc đó tao sẽ không gọi quấy rầy mi nữa” Bà bạn hỏi “Mi ưng đưa ra rằng (như thế nào)? Già trẻ, xấu, đẹp, lớn bé, thấp hay cao?” “Tao cần người để nói chuyện tào lao thôi. Chẳng cần gặp mặt, miễn sao có giọng nói thanh tao và cách chuyện trò dễ nghe, nhất là tao có lỗ miệng nói bậy thì đương sự không giận là được” “Tiệm làm móng tay của tao, khách Việt tập nập, để tao lựa cho mi một cô ngon lành, ăn nói dịu dàng, khôn ngoan”.

Nhân vật nữ được giới thiệu tên Liên Hoa, gốc Bắc kỳ “ri cư” chín nút (di cư năm 1954), theo lời bà chủ tiệm nail (người bạn chung của anh chàng Dũng và cô Liên Hoa) thì cô Hoa này lại sợ đàn ông. Cô đã có chồng nhưng đã li dị vì ông chồng về Việt Nam cưới một con bé đáng tuổi con mình đem qua Mỹ, thế nên “nhận định” về đàn ông, cô nói “Đàn ông giả dối và phản trắc”. Khi cô bạn muốn giới thiệu chàng Dũng để

làm quen, cô Liên Hoa ra điều kiện là chỉ gặp nhau trên điện thoại mà thôi. Nếu cô không thấy thích, không muốn chuyện trò thì không được gọi phá rầy cô nữa. Thế là họ được cho số điện thoại để quen nhau. Cả hai đồng ý chỉ gọi vào buổi tối, khi lên giường, chuẩn bị đi ngủ. Hai người ở cách nhau ba múi giờ nên anh chàng Dũng (ở Cali.) phải gọi cô Liên Hoa lúc bảy giờ tối, tức là mười giờ tối ở Virginia. Lúc đầu, trò chuyện linh tinh, tưởng chỉ thời gian ngắn là chán, nhưng dần dà, hai người, ngày càng thích nhau, tối nào cũng cười nói với nhau trên điện thoại đến khuya. Cô Liên Hoa là người Bắc Kỳ chính cống Hà Nội, giọng nói dịu dàng, thánh thót, nghe hoài không chán. Xin được vài giòng về giọng nói “Hà Nội năm tư”. Năm 1954, theo hiệp định Geneve, miền Bắc Việt Nam thuộc về Việt Minh, miền Nam, từ vĩ tuyến 17 thuộc chính quyền Quốc Gia. Lúc đó hàng triệu người miền Bắc di cư vào Nam để tránh họa Cộng Sản. Dân Hà Nội vào Nam gần hết, chỉ còn một số ít, có tài sản, cơ sở kinh doanh, sản xuất còn nấn ná ở lại Hà Nội, vì tiếc của, lại nghe tuyên truyền của Việt Minh quá hay nên họ ở lại để “góp một bàn tay xây dựng đất nước”. Không ngờ, khi Việt Minh vào tiếp thu Hà Nội, liền mở chiến dịch đánh tư bản bóc lột, tịch thu tài sản của những người còn ở lại, tổng cổ họ lên “kinh tế mới”, là vùng núi

rừng Tây Bắc, với hai bàn tay trắng, ở chung với các dân tộc thiểu số Mường, Mán, Tày, Nùng... Dân thành thị, làm gì biết phát rầy trồng trọt, chăn nuôi. Họ sống lầy lắt giữa núi rừng thâm u, khắc nghiệt... để rồi biến mất dần. Như vậy Hà Nội không còn người Hà Nội nữa. Những người kháng chiến của Việt Minh vào chiếm ngụ Hà Nội. Họ nói “giọng bây giờ”. Đa số nói ngọng và sai chính tả. Có người nói nhanh như lú lười, như sợ người khác cướp lời. Giọng nói tiêu biểu nhất là trên đài phát thanh. Nghe the thé, chanh chua và sắt máu, vì họ là người Cộng Sản được giáo dục để căm thù và đấu tranh để tiêu diệt bất cứ kẻ nào không theo họ. Cách đối thoại cũng khác. Ngoài xã hội, họ thích chửi thề, nói tục. Báo chí trong nước thường đăng những bài phóng sự về “Cháo chửi, bún mắm”, bảo đó là “văn hóa ẩm thực” của người Hà Nội hiện nay.

Nhờ chạy vào Nam nên những người “Bắc Kỳ chín nút” này mới giữ được giọng Hà Nội, phong cách Hà Nội, và truyền lại cho các thế hệ sau. Cô Liên Hoa nói giọng Bắc “pha” Nam kỳ, lại sống trong miền Nam trù phú, sung túc nên cách nói, cách suy nghĩ, cư xử thẳng thắn y như người miền Nam, một là một, hai là hai. Chàng Dũng mê giọng cô Liên Hoa là đương nhiên. Còn cô Liên Hoa thích chàng

Dũng vì anh ta hay kể chuyện vui và chọc ghẹo cô mà theo cô là rất “dễ thương”. Cả hai tuyệt đối không hề thắc mắc về dĩ vãng hay về dung nhan của nhau. Họ không muốn gặp nhau. Họ giống như thánh giả nghe đài phát thanh vậy thôi. Thông thường buổi tối, chàng Dũng gọi “A lô, ngủ chưa?”. Bên kia trả lời “Em chờ anh gọi để nghe anh kể chuyện vui đây!”. Vậy là anh chàng đem chuyện ngoài đường, trong sở làm, đôi khi đọc trong báo có tin tức gì vui cũng đem ra kể cho cô nàng nghe, để được cô nàng “Thế hả?”, rồi đưa ra nhận xét với giọng thủ thỉ, ngọt ngào. Nếu chuyện chỉ có thế thì không đáng làm mất thì giờ quý bạn. Vì bạn cũng từng có bạn gái phương xa kiêu đó nhưng chỉ chuyện trò trên điện thoại ít lâu thì chấm dứt vì chán. Nhưng phần tiếp sau đây mới đáng theo dõi. Một hôm chàng Dũng báo cho cô Liên Hoa biết là sẽ nghỉ phép mười ngày, qua Virginia thăm bạn bè. Cô nàng hỏi “Ngày nào anh đến Virginia?”. “Anh mua vé rồi. Ngày 15 tháng 8 (năm 2011) này sẽ đến phi trường Dulles”. Im lặng một lúc rồi cô nói “Ngày đó em sẽ đi Florida với bạn trai cho đến khi nào anh quay về California thì em mới về lại nhà ở Virginia”. “Em đừng bận tâm. Có đến Virginia anh cũng không tìm cách gặp em đâu. Nhưng sao em nói không thích đàn ông mà bây giờ lại có bạn

trai?”. Cô Liên Hoa cười trong điện thoại “Em đi chơi với bạn trai nhưng mỗi người một phòng riêng. Em đi Florida để tránh gặp anh. Anh có giận em không?”. “Mình đâu phải bực bội gì mà giận hờn như trẻ con. Chúc em đi chơi vui vẻ”. “Em sẽ nhờ chị bạn giới thiệu cho anh một cô để anh đỡ cô đơn trong thời gian ở Virginia. Tiệm móng tay của chị ấy, thợ độc thân, vui tính nhiều lắm”. “Đó cũng là ý kiến hay. Bạn bè của anh bên tiểu bang Virginia cũng nhiều, nhưng toàn là bạn trai, anh cần một cô bạn hướng dẫn, nếu cô ta có thì giờ”. “Cô chủ tiệm nail sẽ giới thiệu cho anh một cô thợ để đưa anh đi chơi buổi sáng, vì cô ta làm việc buổi chiều. Mỗi tối, nhớ gọi em, kể cho em nghe anh đi chơi như thế nào. Gọi em lúc mười giờ tối như thường lệ nghe anh”. “Bạn trai bên cạnh em, khi anh gọi, có trở ngại gì không? Anh sợ bị hiểu lầm thì hai người mất vui”. “Em đã nói với anh, mỗi người một phòng riêng. Anh đừng lo cho em, cũng đừng buồn vì em không gặp anh”.

Nhưng tại sao cô Liên Hoa lại tránh mặt chàng Dũng? Xin bạn kiên nhẫn, đọc tiếp sẽ rõ.

“A lô! Liên Hoa. Em ngủ chưa?”. “Chưa! Em chờ anh gọi đây. Anh qua Virginia chưa?”. “Qua rồi. Xuống máy

bay lúc bảy giờ tối”. “Sáng nay có gì vui không?”. “Có mới gọi em chứ. Nhưng em đi Florida có vui không?”. “Vui lắm. Tắm biển, ăn cá tươi, đến nhà bạn bè ăn trái cây... Anh kể cho em nghe đi! Sáng nay có gì vui? Anh gặp bạn bè chưa?”. “Chưa. Nhưng anh làm quen được với một cô công chúa Nga La Tư”. Cô Liên Hoa kêu lên “Ồi giờ ời! Công chúa Nga La Tư đâu có sẵn mà anh quen được nhanh thế? Anh quen cô ta trong trường hợp nào?”. “Đằng sau khách sạn anh ở có một công viên. Sáng nay anh dậy sớm, ra công viên đi dạo thì gặp cô ta đang ngồi cô đơn trên ghế đá. Anh đến chuyện trò. Được biết cô ta thuộc dòng dõi chính thống Nga hoàng, xếp vào hàng công chúa. Trước cách mạng Nga 1917, gia đình cô đã qua Pháp rồi, nhưng phải đổi tên họ để Liên Xô không tìm đến mà ám hại. Năm nay, cô và gia đình qua Mỹ nghỉ hè”. “Anh tả dung nhan cô ta cho em nghe với”. “Cô ta đẹp mê hồn. Mắt đen long lanh, miệng cười tươi như hoa, thân hình gọn gàng, tròn lẳn, hấp dẫn”. “Rồi sao nữa?”. “Anh mời cô ta đi ăn phở. Cô ta khen ngon, ăn hết tô luôn, chứng tỏ thức ăn Việt Nam ngon thật chứ không khen lấy lòng”. “Chúc mừng anh gặp được người đẹp. Nhưng chuyện anh kể cho em nghe, đúng được bao nhiêu phần trăm? Cô công chúa Nga La Tư của anh tên gì?”. “Chúng mình là bạn bè. Anh xạo với em làm gì. Cô ta

tên Ê-va-nô-víc Lana”. Cô Liên Hoa cười vang trong điện thoại “Thôi đi ông ời! Xạo vừa thôi. Người Nga mà biết tiếng Việt! Cái cô Lana nỏ vớ gì đó của anh chính là cô Lam Kiều, bạn em. Cô chủ tiệm nail nhờ cô Lam Kiều đến đón anh đi ăn uống, chuyện trò cho anh đỡ buồn. Đúng không? Hai người còn hẹn nhau sáng mai đi ăn bún bò Huế”. Chàng Dũng hơi “quê”, cười giả lả “Anh đâu có ngờ cô Lam Kiều là bạn em nên anh xạo với em cho vui”. “Nhân xét, cảm tưởng của anh về cô Lam Kiều, bạn em như thế nào? Quan trọng là anh không được hỏi cô ta bất cứ điều gì về em”. “Em ‘yên chí lớn’, anh sẽ không nói, không hỏi gì về em. Em mãi mãi là người vô hình. Lúc nãy anh đã tả cô ta cho em nghe rồi. Nghĩa là rất đẹp, hấp dẫn, thấy phát thèm. Có một khuyết điểm là cô nói giọng rất khó nghe, như giả giọng. Khi thì nói giọng Quảng, khi thì giọng Huế, khi thì pha giọng Nam Kỳ lục tỉnh. Anh phải cố gắng lắm mới hiểu được”.

Hơn một tuần ở Virginia, nếu chàng Dũng không gặp bạn bè thì cô Lam Kiều đưa xe đến đón đi ăn uống, viếng cảnh đẹp trong vùng. Họ đi thăm thủ đô Washington DC, đi theo với đoàn du ngoạn New York, sáng đi chiều về hoặc đi biển, vào rừng, đến các tiểu bang lân cận, viếng danh lam, thắng cảnh. Cô Liên Hoa tò mò “Đi chơi chung với

nhau, tối đến anh chị có ngủ chung không?”. “Mỗi người một phòng riêng”. “Anh có gõ cửa phòng cô ta không?” “Có gõ cửa, nhưng cô ta không mở cửa”. “Vậy là cô ta biết âm mưu của anh rồi”. “Anh không biết cô ta nghĩ gì, nhưng sáng hôm qua cô ta có mời anh đến nhà”. “Ồi chà chà! Hai anh chị có làm điều gì “phi pháp” không? Kể cho em nghe với!”. “Anh cũng hi vọng xảy ra chuyện “gì đó” như em nghĩ. Nhưng khi vào nhà, anh sà xuống xa lông, ngồi gần thì cô ngồi hơi xít ra một chút. Coi bộ cô ta đề phòng cẩn mật vì thấy đôi mắt anh không được lương thiện lắm”. “Anh nhà quê thấy mờ. Chả lẽ cô ta ngồi yên. Bất cứ người đàn bà nào cũng làm như vậy. Đã mời anh đến nhà, mà nhà lại vắng người, tất phải có “thiện chí” trong đó. Anh cũng không còn trẻ con mà không hiểu cô ta, Chán anh quá!”. “Anh cũng chán cô ta rồi. Lúc nào cũng giữ kẽ. Anh sắp về lại Cali. rồi. Nhưng cô ta có hẹn sáng mai cô đến đón đi điểm tâm và về nhà cô ta uống trà”. “Lần này, anh nhớ đừng có uống trà suông với cô ta rồi than chán. Nữ nhi mà anh. Có muốn cũng không nói. Anh phải cố mà hiểu chứ!”. “Em xúi anh thì em chịu trách nhiệm nghe. Rủ cô ta chống cự rồi đuổi anh ra khỏi nhà thì mất mặt nam nhi. Hay là em gọi cô ta dặn trước rằng. Anh có làm gì thì đừng phản đối!”. “Giời đất ơi! Chuyện

của hai người mà bắt em xía vô. Anh phải chủ động chứ! Mờ đến miệng mèo mà mèo nằm yên liếm mép. Nhưng trong lúc chuyện trò, cô ta có nói gì đặc biệt với anh không?”. “Cô ta có nói nhỏ với anh câu gì đó, nhưng giọng nói rất khó nghe, anh đoán không ra nhưng cũng không hỏi lại. Cô ta coi bộ giận anh, xụ mặt lại”. “Anh không nghe rõ, nhưng em biết. Cô ta nói ‘Sao anh hiền quá vậy?’ Đúng không?”. Chàng Dũng kêu lên “Trời đất! Sao em thông minh quá vậy? Bây giờ nhớ lại. Đúng là câu nói đó. Em lại giả giọng y hệt giọng của cô ta. Em tài thật?”. “Cô Lam Kiều là bạn em, giọng nói đó có gì khó nghe đâu. Chuyện gì cô ta cũng kể cho em nghe cả. Chán anh thật! Thôi. Em buồn ngủ lắm rồi. Chúc anh ngày mai thành công. Bye anh!”.

Sáng ngày 23 tháng 8 năm 2011, cô Lam Kiều đón chàng Dũng đi ăn điểm tâm rồi đưa về nhà cô ta ngồi uống trà, chuyện trò. Nhà cô Lam Kiều là một căn liền vách (townhouse) trong một xóm của người trung lưu, giống hệt những căn nhà cùng dãy. Dãy này với hai dãy khác tạo thành ba cạnh của một khu đất vuông, giữa là chỗ đậu xe. Bên kia đường cũng là những dãy nhà giống hệt, ẩn nấp sau hàng cây cao trồng dọc lề đường để cản bớt tiếng xe cộ ồn ào.

Tôi phải để ngày tháng vào để bạn muốn biết chuyện gì xảy ra khi cô Lam Kiều mời chàng Dũng đến nhà, thì cứ gọi chàng Dũng bắt kể chi tiết cho mà nghe. Hôm đó là ngày cuối ở Virginia, (tối đó, chàng Dũng sẽ lên máy bay về lại California). Coi bộ anh chàng không hăng hái lắm mặc dù cô Lam Kiều thỉnh thoảng nhìn chàng ta với đôi mắt long lanh, cảm tình lai láng. Vì trước giờ, anh chàng thường được phái nữ chiêu chuộng, khuyến khích trước nên chàng ta quen thói, chờ người đẹp gợi ý nhưng chỉ thấy cô Lam Kiều cười mím mím mà không chịu nói câu “Sao anh hiền quá vậy?!” để anh ta theo lời xúi bẩy của cô Liên Hoa mà nhào qua bên kia bàn. Chuyện trò linh tinh như thế theo kiểu “tình trong như đã mặt ngoài còn e” được chừng nửa giờ thì chàng Dũng quyết định đứng lên. Cô Lam Kiều cũng đứng lên, lắc đầu với tiếng thở dài đầy thất vọng. Cô không thấy hứng thú khi phải đưa anh chàng thiếu thông minh này về khách sạn. Trong lúc hai anh chị “dùng dằng nửa ở nửa về” thì bỗng nhiên mặt đất rung chuyển một cách khủng khiếp. Ngoài đường, nghe rầm rầm như có hàng trăm chiếc xe tăng cùng mở hết tốc độ xông lên phía trước, sắp sửa nhả đạn vào đối phương. Cả ngôi nhà rung lên bần bật, các cánh cửa kêu lách cách, loảng

xoảng như có hàng trăm cánh tay nắm lấy cửa mà lắc một cách điên cuồng. Cô Lam Kiều thất kinh hồn vía, không biết chuyện gì xảy ra. Cô kêu lên, giọng Bắc Kỳ “Ồi giời ôi! Giời sập. Giời sập!” Chàng Dũng kêu lên “Động đất. Nằm xuống ngay. Nằm sát vào chân ghế xa lông”. A! Hóa ra cô Lam Kiều chính là cô Liên Hoa, là cô mà tối nào cũng nói chuyện “sa đà” trên điện thoại với chàng Dũng. Cô Liên Hoa chẳng đi Florida với bạn trai nào cả. Cô đến đón chàng Dũng nhưng không nói giọng Bắc Kỳ mà giả giọng Nam Kỳ, xưng tên Lam Kiều để đánh lừa chàng ta. Ban ngày đưa nhau đi chơi, tối đến chuyện trò với chàng ta trên điện thoại. Bất ngờ trận động đất khiến cô quên giả giọng. Tiểu bang Virginia chưa hề có động đất mạnh nên cô Liên Hoa hoảng sợ. Chàng Dũng ở tiểu bang California, thường có động đất nên biết phải làm gì. Sau khi nghe cô nàng trở lại giọng Bắc Kỳ, chàng ta hiểu ngay, nhất là khi thấy cô Liên Hoa chúi đầu vào chân ghế, nằm co rúm người, vùi mặt xuống thảm thì chàng ta nhanh trí kêu lên, giọng “nghĩa hiệp” như trong truyện Tàu “Coi chừng sập nhà. Để anh nằm trên người em, che cho em. Rủi sập nhà thì anh hi sinh để em được an toàn”. Nói xong chàng ta phốc qua bàn, nằm đè lên cô Liên Hoa, ôm cô cứng

ngắt “Đừng sợ. Có anh che chở thì nhà có sập, em cũng không sao cả!”. Trận động đất chỉ xảy ra trong một phút, nhưng chàng Dũng vẫn tiếp tục “che chở” cho cô Liên Hoa. Cô Liên Hoa thì thầm “Hết động đất chưa anh?”. “Chưa đâu. Còn dư chấn”. “Dư chấn là sao anh?”. “Là động đất vài lần tiếp theo”. “Bao lâu nữa thì dư chấn xảy ra anh?” “Khoảng nửa giờ. Dư chấn thường mạnh hơn động đất. Nhà này có thể sập”. Cả người cô Liên Hoa bắt đầu rung lên một cơn chấn động nhẹ vì hồi hộp. Cô nói trong hơi thở đứt quãng “Có chết không anh?”. “Chết chứ. Nhưng em yên tâm. Có anh nằm trên em, che chở cho em. Sợ gì!”. Cô đề nghị một cách miễn cưỡng “Mình có nên chạy ra khỏi nhà không anh?”. “Em cứ nằm yên. Nhiều khi chạy chưa ra khỏi nhà thì nhà đã sập rồi. Ở Cali. nhiều người bị như vậy lắm”. Cô đã hết sợ, không còn co rúm người nữa nhưng vẫn thì thào “Em sợ quá!”. Giọng chàng Dũng, cũng rất hồi hộp “Có anh thì chẳng có gì phải sợ cả. Nhưng... em nên nằm im”. “Dạ. Vâng ạ!... Ối! Đừng làm em sợ!”. “Nằm im. Đừng nói to, ông ‘thần Động Đất’ nghe, ổng tới làm sập nhà, hai đứa mình chết hết”. “Dạ, vâng ạ! Nhưng em run quá!”. “Anh cũng run như em ...”. “Trước giờ em có nghe ai nói ông thần Động Đất là

gì đâu? Ối! Đừng anh!”. “Đó là ông Thổ Địa, trên núi thì có thần núi gọi là Sơn Thần”. “Bây giờ em sợ anh còn hơn sợ ông Thổ Địa của anh nữa!”. “Sợ anh thì phải nằm im. Giỏi anh thương!”. Cả hai yên lặng, một lúc thì cô Liên Hoa bỗng kêu lên nho nhỏ “Ối! Chết em, anh ơi!...”

Kể đến đoạn “nguy hiểm”, gay cấn, hấp dẫn đến độ hai tai tôi cứ vênh ngược lên thì anh chàng Dũng không chịu kể tiếp. Tôi rất hồi hộp, sợ nhà sập thì nguy cho cả hai, nhưng nhà không sập mà họ vẫn ở trong nhà thì nguy cho cô Liên Hoa. Anh chàng Dũng này ầu tả lắm! Theo anh ta kể. Nhiều cô, bà mới gặp lần đầu mà đã “chết ngắt” với anh ta rồi... Vừa tò mò vừa sốt ruột, tôi hỏi “Rồi sao nữa? Kể tiếp cho nghe với!” Tôi năn nỉ bao nhiêu anh ta cũng lắc đầu. Tôi mua chuộc “Một tô phở với ly cà phê?”. Anh ta cười cười “Biết rồi còn hỏi!”. Tôi tức quá mới nói “Chính hai ông bà làm mất đất cả tiểu bang Virginia rung chuyển chứ động đất gì cả nữa tiếng đồng hồ mà chưa dứt?”.

PHẠM THÀNH CHÂU



Thính Vũ
Nguyễn Trãi - Ước Trai (1)

聽雨

寂寞幽齋裏
終宵聽雨聲
蕭騷驚客枕
點滴數殘更
隔竹敲窗密
和鐘入夢清
吟餘渾不寐
斷續到天明

阮廌。抑齋

Thính Vũ

Tịch tịch u trai lý,
Chung tiêu thính vũ thanh.
Tiêu tao kinh khách chấm,
Điểm trích sổ tàn canh.
Cách trúc xao song mật,
Hòa chung nhập mộng thanh.
Ngâm dư hồn bất寐,
Đoạn tục đáo thiên minh !
Nguyễn Trãi - Ước Trai

Bản dịch của **Trần Quốc Bảo**:

Nghe Mưa

Không khí phòng vẫn rất tĩnh êm
Tiếng mưa tí tách rải ngoài thềm
Gió lùa xào xạc, ngay bên gối
Giọt rớt nhặt khoan, suốt cả đêm,
Song trúc rạt rào, nghe nặng hạt
Chuông chùa trầm vọng, mộng êm đềm
Trầm tư thao thức hoài, không ngủ
Rả rích, tới khi trời sáng thêm.

(1) Nguyễn Trãi 阮廌 (1380-1442), hiệu là Ước Trai 抑齋, là con ông Bảng nhãn Nguyễn Phi Khanh, ông đồ Tiến sĩ năm 1400. Thuở ấy nước Nam bị Tàu đô hộ, Ông Phi Khanh bị quân nhà Minh bắt đem về Kim Lăng giết. Nguyễn Trãi đi theo cha khóc lóc, đến cửa Nam Quan, ông Phi Khanh bảo con rằng: “Con hãy trở về mà lo trả thù cho cha, rửa nhục cho Nước, chứ đi theo cha khóc lóc thì ích gì!” Ông bèn trở lại và từ đó, ngày đêm lo việc phục thù. Kịp khi Bình Định Vương Lê Lợi khởi nghĩa ở đất Lam Sơn, lúc về đánh quân Minh ở Lỗi Giang, thì ông Nguyễn Trãi, vào yết kiến, dâng bài “Kế Sách Bình Ngô”. Vua xem, lấy làm hay, dùng ông làm Tham mưu. Sau 10 năm kháng Minh, được toàn thắng. Lê Lợi lên ngôi tức là vua Lê Thái Tổ, trị vì được 6 năm thì băng hà. Ông Nguyễn Trãi, sau khi làm trọn lời cha dặn, liền từ quan, lui về trí sĩ tại Lệ Chi Viên. Kế vì vua Lê Lợi, là Lê Thái Tông (1423-1442), khi nối ngôi, hoàng tử mới 11 tuổi (1434), lớn lên kém đức vua cha, ham mê sắc dục. Tháng 7 năm Nhâm Tuất (1442) Thái Tông ngự hành đến Lệ Chi Viên thăm cựu thần Nguyễn Trãi, thấy nàng hầu của ông, là Thị Lộ có nhan sắc, bèn bắt theo hầu. Đi đến huyện Gia Bình thì vua bị đột tử. Triều đình đổ tội giết vua cho Nguyễn Thị Lộ. Bắt ông Nguyễn Trãi làm tội và tru di cả 3 họ. Nguyễn Trãi ngoài tài kinh bang tế thế, ông còn là một nhà văn hoá lớn, có công đóng góp quý báu vào sự phát triển của văn học và tư tưởng Việt Nam. Bình Ngô Đại Cáo và Ước Trai Thi Tập (105 bài thơ chữ Hán) là những tác phẩm bất hủ của Nguyễn Trãi còn lưu truyền hậu thế.

VÀI CẢM NGHĨ VỀ THI PHẨM “NGÀY VỘI” của Lê Mỹ Hoàn



Bộ mặt thật của cái chế độ cộng sản thường tự nhận là “độc lập, tự do, hạnh phúc”, thường khoe khoang với chiêu bài “giải phóng”, nay hiển lộ nguyên hình gây tang tóc khổn khổ cho người dân nước Việt cả hai miền Nam Bắc:

*“Anh đi giải phóng cứu quê hương
Mà hóa thành ra kiếp đoạn trường
Giải phóng gì dân lành uất nghẹn
Xác xơ nghèo đến nổi tang thương”*
(Các anh giải phóng)

Là người dân Việt ai cũng đón đau cõi lòng khi thấy cửa mất nhà tan, quê hương rơi vào cảnh điêu tàn. Ai cũng hầu như nhỏ lệ khóc cho “ngày mất nước”, “khóc cho nền Cộng hòa đã mất” cùng hình ảnh người chiến sĩ bại vong buông súng trở về:

*Anh thần thò mắt nhìn vô tận
Và anh thì thào anh đã mất tất cả rồi...
...Những giọt nước mắt của các anh
chảy qua tim chúng tôi
qua tim mọi người, cho Quê Hương,
cho một Nền Cộng Hòa đã mất.”*
(Anh trở về)

Đâu ngờ rằng hết chiến tranh thời quê hương lại thêm tang thương, lòng người chỉ thấm đượm thêm sầu thảm: *“Quê hương tan nát lòng đau
Cổ lai chinh chiến nỗi sầu em mang”*
(Tàu đêm)
SỐ 85

Cái chủ thuyết ngoại lai “Mác-Lê” đã như những lưỡi gươm đao gây “đổ máu” cho người dân, phá nát nếp sống đạo đức gia đình và khuôn mẫu sinh hoạt xã hội ổn cố:

*“Lưỡi Mác, lưỡi Lê đều sắc bén
Nên giờ con cháu phải điêu linh”*
(Còn đâu hương khói từ đường)

Người dân trong cảnh khổ đau tột cùng không còn chọn lựa nào ngoài mong muốn được thoát cảnh đọa đày trên chính quê hương mình nên liều mạng ra khơi tìm sự sống:

*“Nước non ngàn dặm ra đi
Quê hương đâu nổi biệt ly thuở giờ”*
(Ngàn dặm ra đi)

Bao chuyến ra khơi đầy gian nguy sóng gió, trong bão tố đại dương, biết bao người đã phải bỏ mạng trên biển

cả / thà rủi ro bị chôn thây dưới muôn
trùng sóng còn hơn phải sống một cuộc
đời nô lệ vất vưởng trong chế độ cộng
sản phi nhân:

*...Tay ai đất mẹ đang quần quai
Để đáy trùng dương trắng mộ người.”*
(Một chuyện hải hành)

*“Năm châu còn rung động lương tâm
Thảm cảnh thuyền nhân lạc giữa giòng
Cộng sản trớ trêu lòng nhân loại
Khiến bao người liêu chết biển đông”*
(Bên bờ đại dương)

Với những kẻ may mắn dù vượt
thoát được gông cùm trong nước thời
mối căm thù cộng sản kể từ ngày mất
nước tháng Tư năm 75 vẫn muôn đời
khó phai nhạt:

*“Quê hương mấy cuộc bể dâu
Trong ta một nỗi u sầu chưa tan
Thời gian lặng lẽ lướt nhanh
Làm thêm héo nụ cười xanh thuở nào
Ôi con nằng hạn lao đao
Hồn ta nứt nẻ ngày vào tháng Tư.”*
(Nắng hạn tháng Tư)

*“Đêm nay giấc ngủ không về
Những ngày tháng cũ rử rề đến hoài
...Bóng ngày tháng cũ âm vang
Đêm về hư ảnh vương mang nỗi buồn”*
(Ngày tháng cũ)

Tình quê hương luôn trĩu dậy, biết bao
hình ảnh thân thương, biết bao địa
danh trên quý một thời xa xưa và kỷ
niệm ấu thơ mộng mơ vẫn luôn in sâu
trong tâm khảm:

*“Có phải em về thăm phố xưa
Anh nghe trăng gọi giữa vườn khuya
Sài Gòn phố nhỏ nên thơ quá
Em nhớ hương đêm ngập lối về”*
(Em về phố xưa)

*“Hàng lá me xưa đã mất rồi
Mất lối đi vào trong tuổi mộng
Mất đường lối cũ đến trường xưa”*
(Sài Gòn lá me ơi)

Đôi khi chỉ là hình ảnh một con phố
cổ, một giòng nước sông xưa thân
quen, một mảnh vườn nơi miền cao
nào đó:

*“Len lối khung trời cũ
Ta và phố hoang vu
Tâm sự ngày ly biệt
Se cỗi lòng âm u”*
(Lòng ta phố cổ)

*“Giã từ giòng sông Cửu
Ra đi lòng nặng trĩu...”*
(Giã từ giòng sông Cửu)

*“Những chùm cà phê trĩu nặng trong
sương mềm
Đong đưa hoan ca trên miền gió núi...
...Hoa cà phê trắng
Trong nắng hồn nhiên môi nụ em cười”*
(Nhớ về Ban Mê Thuột)

Thi sĩ Lamartine nói:”Le spectacle
est dans les yeux” (Cảnh ngoài cũng
chỉ do đôi mắt người). Người buồn
cảnh có vui đâu bao giờ. Mùa Xuân nơi
đất lạ luôn “phai sắc”. Có lẽ chỉ có hình
ảnh mùa Xuân năm nào nơi đất mẹ
thuở xa xưa mới mang lại niềm vui
trong lòng kẻ xa xứ:

*“Lưu lạc xứ người Xuân sắc rụng
Đổi rời non nước Hạ buồn rơi”
(Xuân phai)*

*“Ngập ngừng chân bước cuối năm
Tiếc mùa Xuân cũ âm thầm trôi qua...
...Chợt nghe gió lạnh miền man
Giật mình đứng giữa
hoang mang xứ người
(Tiếc Xuân)*

Lòng chan chứa tình tự dân tộc,
trong niềm nhớ về quê hương, đất
nước, nhớ về đồng bào ruột thịt tất
nhiên trái tim kẻ xa xứ khó mà quên
hình ảnh người mẹ hiền:

*“Từ khi con khóc chào đời
Giòng thơm sữa mẹ trên môi ngọt ngào
Dỗ dành con đói nôn nao
Trên nôi tay mẹ đi vào giấc say”
(Giòng thơm sữa mẹ)*

*“Xót xa thương dáng mẹ hiền
Mùi hương chòm kết
còn mềm trong tay”
(Hạt trấu bụi đời)*

Mong có ngày được quay trở về quê
cũ quây bên mẹ hiền trong gia đình với
tình mẫu tử thiêng liêng dạt dào từ ái:

*“Hôm nay về quê mẹ:
Năm tháng dài lê thê
Lâng lâng hồn cổ xứ
Mẹ ơi con sắp về...
...Đường làng vẫn quen ghé
Đường như không thay đổi
Chân dập dờn bước tới
Lòng chan chứa tình quê”
(Về quê mẹ)*
Số 85

Đôi khi ước nguyện bất thành. Bóng
dáng mẹ lại chẳng còn vì cuộc sống vô
thường đã khiến bao người mất mẹ:

*“Bông hồng trắng lệ ai cài áo
Mẹ đâu còn ở cõi thế gian
Vu lan báo hiếu lòng con tưởng
Mẹ như còn bên cạnh yêu thương...
(Màu hoa lòng mẹ)*

Đôi khi cả hương khói từ đường
theo truyền thống cũng không còn cơ
hội cho kẻ tha hương được thực thi ý
mình:

*“Bơ vơ lạc lõng cuối chân trời
Nhìn về đất mẹ thật xa xôi
Nghĩa trang giờ có người qua lại
Xin thấp giùm tôi những ngậm ngùi”
(Còn đâu hương khói từ đường)*

Tuy đau khổ với thân phận tha
hương của mình nhưng không vì vậy
mà cõi lòng cùng tình cảm của kẻ xa
xứ bị hủy tiêu hoàn toàn. Thấp thoáng
hình ảnh mối tình xưa thơ mộng nào đó
vẫn còn phảng phất trong con tim chân
chính:

*“Lòng tôi thương nhớ mối tình thơ
Chợt hững hờ nhưng vẫn mộng mơ
Bâng khuâng như chòm hoa vừa nở
Quay mặt làm ngơ lòng vẫn chờ...
... Vàng son một thuở bao lưu luyến
Xao xuyến tình thơ tuổi học trò”
(Mối tình thơ)*

*“Ngày xưa áo trắng rộn niềm vui
Bút nghiên trôi êm ả một thời
Đã bao nhiêu năm rồi viễn xứ
Áo phong trần lấm phủ bờ vai”
(Áo em là mây trắng)*

Đôi khi tâm hồn vẫn trĩu dậy đầy nét hào hoa nên bao cảnh trí thơ mộng lãng mạn của đất trời vẫn được ghi nhận với con mắt nghệ sĩ bằng những vần thơ mượt mà:

*“Khom lưng chất ngất tiêu điều
Âm tay lá mục điều hiu thảng ngày
Vội lên hứng gió ngàn cây
Sương đầu rơi ướt mặt đầy trên môi...
...Ngây ngây mấy nỗi điều tàn
Từ trong âm vực trời ngàn cung tơ
Dạt dào lối nhỏ như mơ
Bóng ngày xanh mãi
ngắn ngơ trong hồn”*
(Lục bát tiêu điều)

*“Cây rủ thướt tha đồn sóng nhạc
Trắng hữu tình ngã bóng nghiêng vai
Thấp thoáng bóng mây che rèm núi
Ven bờ chạm nhẹ bước chân nai”*
(Trăng rừng)

Niềm tin tôn giáo thành kính với các nhu cầu về giác ngộ chân tâm, với khái niệm luân hồi v.v... vẫn luôn khởi sắc:

*“Áo nâu bóng nhỏ âm thầm
Đạo tràng lần hạt đưa tâm xa đời”*
(Hồn chuông bỏ ngõ)
*“...Trầm hương thoảng thoảng đến
Một thoáng lời kinh điển
Rớt bên thềm giác ngộ...”*
(Giác ngộ)

*“Kiếp nhân sinh nào ta được gặp nhau
Có một sân ga, giòng đời vạn nẻo”*
(Chuyến tàu)

Cảm nhận vạn vật nở thắm vào mùa xuân rồi tàn phai với năm tháng theo

quy luật vô thường, “sinh, trụ hoại, diệt”:

*“Thế rồi Xuân mau tàn
Hạ chinh chiến tràn lan
Thu khóc nhiều nước mắt
Đông quên ươm nụ lòng”*
(Hồng đào)

*“Cô miên một giấc miên man
Ngàn thu chưa tỉnh ngủt ngàn thu sau
Luân hồi đợi đến kiếp nao
Vào ra một kiếp biết bao muôn phiên
Thôi đành một giấc cô miên”*
(Cô miên)

Nhưng dù sao chẳng nữa cũng không thể quên ghi nhận lại lòng thành kính tri ân của toàn thể nhân dân với các vị Tướng và các chiến sĩ địa đầu đã từng hết lòng bảo vệ dân lành trước. Chẳng thể “lấy thành bại luận anh hùng”:

*“Lời thề giữ nước bao chiến sĩ
Dưới gươm quyết dựng ngọn cờ cao
Dù cho giòng máu không ngừng chảy
Ngàn năm còn mãi tiếng anh hào”*
(Tuyển địa đầu)

Và cuối cùng là lòng mong ước một ngày nào đó toàn thể người dân nước Việt cả hai miền Nam Bắc đều đồng tâm đoàn kết trĩu dậy phá tan cảnh gông cùm cộng sản và sống chung dưới một màu cờ nền vàng ba sọc đỏ yêu dấu trong một đất nước “độc lập, tự do và hạnh phúc” thực sự:

*“Bao giờ Sài Gòn mang tên cũ
Thành phố xưa vẫn đứng mỉm cười”*

*Không có sao vàng rơi vũng máu
Làm cho nhầy nhựa bước chân đi”
(Bổng về)*

*“Năm châu chung bóng cờ vàng
Tung ba sọc đỏ kết đoàn cùng nhau
(Chung một màu cờ)*

*

Điểm qua một số vần thơ được trích dẫn trên đây độc giả thấy ngay là Lê Mỹ Hoàn đã muốn dùng ngôn ngữ, âm điệu để diễn tả tâm tư, tình cảm riêng của cá nhân mình đồng thời đưa người đọc hòa theo nhịp tim của tác giả, lúc thì chua xót trong cảnh biệt ly, lúc gọi ra niềm nhung nhớ xa xăm về đất nước, về gia đình, lúc lộ vẻ tang thương thiếu nảo, lúc thì tràn đầy yêu đương, rồi đến lúc tột đỉnh với điệu thơ hào hùng như muốn gửi gắm trong đây lời nguyện cầu cho một nước Việt thoát ách cộng sản bạo tàn.

Xuân Diệu, thay cho lời mở đầu thi phẩm “Gửi hương cho gió,” đã từng đưa ra cái ý tưởng rằng thi sĩ đôi khi chỉ là: *“con chim đến từ núi lạ. Ngựa cổ hát chơi...”*

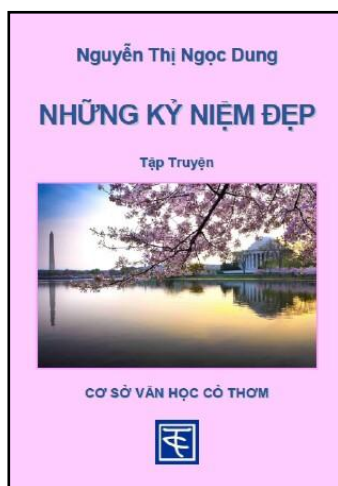
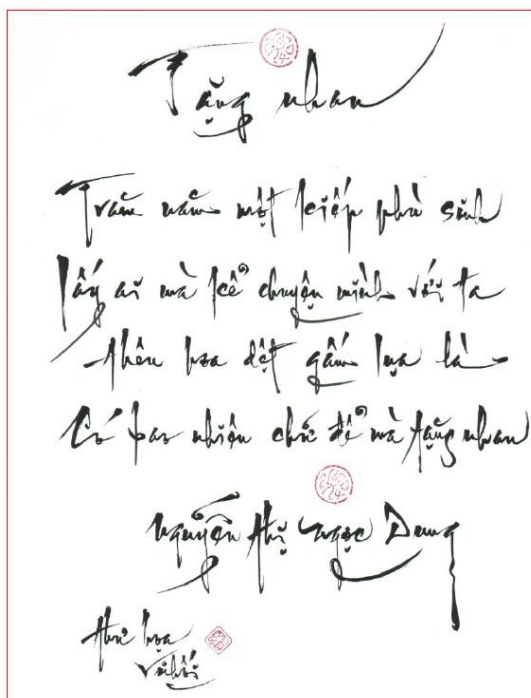
Điều này tuyệt nhiên không đúng với Lê Mỹ Hoàn vì tác giả từng thổ lộ là đã *“thốt lên những vần thơ đầu tay tự trái tim mình”*. Quả thật nhà thơ đã không cất giọng để hát chơi bên tiếng khóc tang tóc của dân tộc, đã không dùng bút mực để viết chơi với tình hình thương đau của đất nước, với cuộc

sống khốn khổ nhục nhằn của người dân Việt sau tháng Tư năm 75. Lê Mỹ Hoàn đã thật sự nghẹn ngào trong ngôn từ và thổn thức trong niềm thương nỗi nhớ để trào dâng ra thành những vần điệu mượt mà của thi ca, gom góp lại thành một tuyển tập hơn trăm bài thơ đủ thể loại lấy tên là: thi phẩm *“Ngày Vội”*, coi tác phẩm này *“như phần đất lấp mau, như giọt nước mắt vội vàng khóc cho người vừa nằm xuống và cho quê hương tan nát”* đồng thời coi đây là một kỷ niệm trong kiếp sống vui buồn chốn tha hương với các thân nhân và bằng hữu khắp bốn phương của mình.

Vườn hoa văn học nghệ thuật hải ngoại lại có dịp mở rộng cửa để chào đón thêm một cụm hoa mới vừa bừng nở với đầy hương sắc của một nhà thơ nữ!



Tâm Minh Ngô Tằng Giao
(Virginia, 3-Nov-2018)



“...Những đoạn văn trong tập truyện này đã được đăng trong Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm từ nhiều năm nay. Tất cả với hình thức tự truyện, ký sự, thư chủ nhiệm, những bài tường thuật các buổi họp mặt, ra mắt sách, các bài giới thiệu sách, giới thiệu tác giả, tường niệm các tác giả thân hữu quá cố, các chuyến du lịch đáng ghi nhớ của gia đình Cỏ Thơm. Nguyễn Thị Ngọc Dung muốn gom góp lại những kỷ niệm với các văn thi gia, độc giả thân quen gần xa trong thời gian 17 năm đã điều hành Tạp Chí Văn Học Cỏ Thơm và Cơ Sở Cỏ Thơm trước đây...”

Mời xem tập truyện online “NHỮNG KỶ NIỆM ĐẸP” của Nguyễn Thị Ngọc Dung ở Tủ Sách trong website Cỏ Thơm sau đây:

http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1208&Itemid=55

Bụng Con Bọ Chết là Giường Cưới Đôi Ta Tình Yêu, Đạo Giáo Và Lý Luận **John Donne: Nhà thơ Anh thế kỷ 17**

**** Phạm Trọng Lệ ****

Giới thiệu:

Chắc hẳn trong số quý vị độc giả “nghiện” xem cinema cuối tuần ở rạp Rex đường Bonard Lê Lợi Saigon trước 1975, hẳn còn nhớ cuốn phim For Whom The Bell Tolls, tên tiếng Pháp là Pour Qui Sonne Le Glas, tích truyện lấy từ cuốn tiểu thuyết For Whom The Bell Tolls (Chuông Chiêu Hồn Ai) của văn hào Mỹ Ernest Hemingway, người được giải thưởng Nobel văn chương sau này. Nhưng ít ai biết tựa cuốn tiểu thuyết ấy mượn từ một câu trong bài giảng đạo của John Donne, thi sĩ Anh thuộc trường phái Metaphysical Poets từ thế kỷ 17. Ông cũng là một nhà giảng đạo có tài, tác giả nhiều bài tình thi. Hãy xem cách đây hơn 400 năm, chàng trai hào hoa đã thuyết phục trái tim người đẹp thuộc một gia đình quý tộc trong hai bài thơ tình dưới đây.

Vài hàng về John Donne:

Thi sĩ và giáo sĩ Anh John Donne sống trong thời Shakespeare, (kém Shakespeare 8 tuổi), thường được các hợp tuyển anthologies xếp vào thi phái tạm dịch là “trường phái thơ Siêu Hình” (Metaphysical Poets) ở thế kỷ 17 trong văn chương Anh. Danh từ “Metaphysical Poets” vốn do nhà phê

bình và soạn từ điển Dr. Samuel Johnson – thời đó là một nhà phê bình uyên bác và có uy tín nhưng những lời phê bình của ông có tính cách giáo điều (dogmatic) - chính ông đã gán cho một số thi sĩ như John Donne, George Herbert, Andrew Marvell, Richard Crashaw và Henry Vaughan từ ngữ “siêu hình.” Tên đặt ngụ ý chế nhạo bởi một nhà phê bình có hạng khiến thơ của nhóm thi sĩ kể trên –mà người tiêu biểu là Donne-- bị bỏ quên trong hai thế kỷ 18 và 19. Sau này, năm 1921, thi sĩ T.S. Eliot đã phân tích ngộ nhận của thế kỷ trước - rằng thơ họ thiếu tự nhiên (unnaturalness) - bằng cách nêu ra tính cách vô đoán trong nhận định của Dr. Johnson.

Những đặc tính trong thơ của những nhà thơ này: dùng ẩn dụ độc đáo, có tính sáng tạo (originality), và tả tất cả những kinh nghiệm, kể cả tình dục. Đặc tính trong thơ họ là tránh những lời thơ ủy mị, lãng mạn nhẹ nhàng của thế kỷ 16, mà có nhà phê bình gọi là “genteel romanticism, ornate prettiness,” hay dùng lý luận, trí thức, trong nhiều ẩn dụ thông minh (witticism). T.S. Eliot kết luận là thơ của Donne rất gần với những nhà thơ mới của thế kỷ 20 như Robert Browning, William Butler Yeats, T.S. Eliot.

John Donne dùng những ẩn dụ khá lạ. Thí dụ như trong bài thơ *The Flea* (Con bọ chét), thi sĩ ví bụng con bọ là chiếc giường cưới của đôi tình nhân mà cha mẹ hay đạo giáo ngăn cấm phạm “tiền dâm hậu thú.” Trong một bài khác, tả tình yêu lý tưởng “*A Valediction: Forbidding Mourning*,” Donne đã ví linh hồn hai kẻ yêu nhau nhưng phải xa cách như hai nhánh của một cái com- pa của người phác họa đồ án. Nàng như một nhánh com-pa, đứng yên ở giữa, chàng thì quay quanh thành vòng tròn. Đây là một cách ví von, một lối dùng ẩn dụ phức tạp gọi là “conceit,” một lối so sánh uyên bác, phân tích *những điểm tương đồng giữa hai hình ảnh bình thường khác nhau.*

(T.S. Eliot, “*The Metaphysical Poets*,” in *Selected Prose of T.S. Eliot*. Frank Kermode, ed., Harcourt, Brace & Company, 1930, 1975, pp 59-67. Xem thêm: “Conceit” trong Alex Preminger, et al., eds. *The New Princeton Encyclopedia of Poetry and Poetics*. Princeton, N.J.: Princeton University Press, 1993, p. 231-232.)

Theo những nhà thơ “*Metaphysical poets*,” trước khi thơ bắt đầu tả được những cảm tình chân thật của con người, nhà thơ phải tập cho thơ có tính “bạo” (cruel), *sinewy* (mạnh mẽ, gân guốc), *knotted* (gò ghề, rắc rối) và “thô” (roughness), bằng những lời thơ táo bạo (daring) để gây ngạc nhiên cho người đọc, và dùng chữ có tính thông tục (colloquial), diễn tả tình ý nồng nàn (passionate). “*The Seventeenth Century*,” *The Norton Anthology of*

English Literature, Revised, M.H. Abrams, et al (New York W.W. Norton, 1962, p. 873 (tóm tắt ý chính).



Thi sĩ Anh John Donne thế kỷ 16



Bà Anne More, vợ của thi sĩ John Donne
- lấy ông lúc bà 16 tuổi

John Donne sinh ở London năm 1571. Cha làm nghề bán đồ vật dụng trong nhà (ironmonger, hardware). Mẹ ông là con gái nhà viết kịch nổi tiếng John Heywood và có họ với đại thần Sir Thomas More. John Donne học ở hai đại học danh tiếng: vào học Oxford năm 11 tuổi, và sau 3 năm học ở đó, ông lên học ở Cambridge trong 3 năm nữa, nhưng không được nhận bằng tốt

ngiệp vì thời đó để được cấp bằng, sinh viên tốt nghiệp phải tuyên thệ nhận giáo hội Anh Anglican Church mà thủ lãnh là vua Anh nhưng John Donne lúc đó theo Thiên chúa giáo La Mã (Roman Catholicism). Thời đó ở Anh, đa số dân Anh theo giáo hội Anh Anglican. Năm 20 tuổi, ông vào học luật tại trường luật Thavies Inn rồi năm sau 1592 ông được nhận vào hội luật gia Lincoln's Inn of Court (là một trong bốn hội Luật gia có quyền kết nạp người vào hội, như một luật sư đoàn, trong đó thành viên đều là luật sư, chánh án và lục sự - ba hội kia là Middle Temple, Inner Temple, và Gray's Inn.)

Sau khi ông chịu lễ phong giáo sĩ năm 1615, ông được vua phong chức giáo sĩ hoàng gia Royal Chaplain, và nhận bằng tiến sĩ thần học Doctor of Divinity. (Nguồn: John Donne English Poet. Britannica.com).

Năm ông ngoài 20 tuổi, John Donne có ước vọng trong tương lai trở thành luật sư hay nhập ngành ngoại giao. Năm 24 tuổi, ông tham gia vào một cuộc hải hành chống Spain. Năm sau ông tham gia vào một cuộc thám hiểm quần đảo Azores ở Portugal. Cuối thập niên 1590s ông thừa hưởng hương hỏa của cha để lại, sống sung túc và làm bạn với nhiều người tài, nhưng cũng tiêu tiền vào trà đình, tửu quán, hí viện và du lịch. Ông viết những bài thơ khêu gợi dục tình (erotic), báng bổ (profane) cùng những bài thơ tình tình khiết (platonic) và những bản khoả về đạo giáo trong thời gian này. Hai tập thơ là "Satires" và "Songs and Sonnets" được

phần lớn những nhà yêu thơ đón nhận với cảm mến.

Lúc này, Donne 25 tuổi. Ông làm bí thư trưởng (chief secretary) cho Sir Thomas Egerton, lúc đó làm chức Lord Keeper of the Great Seal of England (quan Chưởng Ấn Hoàng Gia Anh Quốc.) Ông giữ chức vụ bí thư trong nhiều năm. Tương lai có chiều thăng tiến, Ông lại được bầu làm Member of Parliament trong Nghị Viện Anh năm 1601. Khi Ông 30 tuổi, Ông bí mật lấy cháu gái của Quan Chưởng Ấn Egerton là nàng Anne More lúc đó mới 16 tuổi. Cha nàng là George More, một vị quan lớn, cực lực phải đối cuộc hôn nhân, và để trừng phạt, truất tiền hồi môn của nàng. Vị đại quan bảo trợ Ông, Quan Chưởng Ấn, cũng sa thải ông. Hai hai vợ chồng phải sống trong cảnh cùng quần trong 8 năm trước khi cha nàng đổi ý và cấp dưỡng nàng bằng tiền hồi môn.

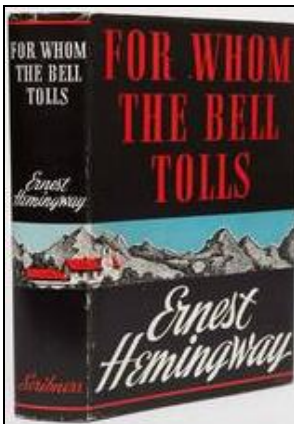
Sau bài viết The Pseudo-Martyr (kẻ tử đạo giả tạo), ông bỏ Thiên Chúa giáo, và đề nghị những đồng đạo Catholics ủng hộ vua James I. Vua Anh hài lòng về bài viết của ông và ông được bổ nhiệm làm Royal Chaplain (Giáo sĩ Hoàng Gia); từ đó những bài thơ và bài giảng dùng ẩn dụ tôn giáo khiến ông nổi danh là một nhà giảng đạo tài ba. Ông để lại nhiều bài giảng đạo (sermons), một phần quan trọng trong văn nghiệp của ông.

Năm 1617, bà Anne chết khi lâm bồn. Hai vợ chồng chung sống với nhau được 16 năm và trong thời gian này, bà sinh 12 người con, mà trong số đó, năm người con qua đời trước ông.

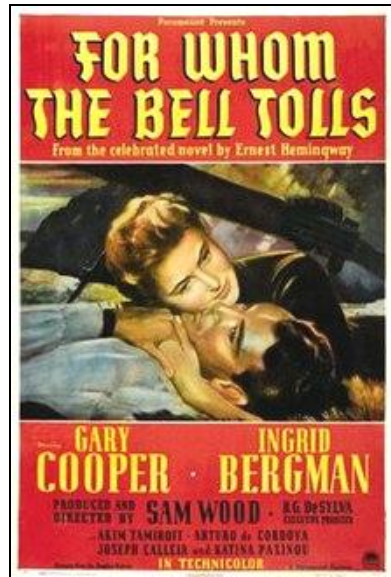
Tính ra trong phần lớn thời gian 16 năm chung sống, bà lo bận mang thai, sinh con và nuôi con. Sau khi bà chết, Ông dồn thời gian viết về tôn giáo.

Không ai sống đơn độc như một hòn đảo “No Man Is An Island” và cuốn tiểu thuyết của Hemingway

Trong thời gian bị bệnh, John Donne viết nhiều bài giảng, nhất là sau khi được vua James I, năm 1621, bổ nhiệm ông trong chức vụ giáo sĩ trưởng hoàng gia (Royal Chaplain) và sau đó Giáo sĩ trưởng tu viện nhà thờ nổi tiếng St Paul’s Cathedral ở London. Ông viết 161 bài giảng đạo, mà trong số đó có một bài thiền định bằng văn xuôi tựa là Meditation XVII – Devotions upon Emergent Occasions (bài Thiền định số 17- Lời cầu nguyện vào những dịp nổi bật, sau này có tựa dễ nhận là “No man is an island.”



Bìa ấn bản đầu tiên cuốn tiểu thuyết của Hemingway's first edition of *For Whom the Bell Tolls* (1940), price \$2.75.



Poster của phim “For Whom the Bell Tolls” (1943)



Poster của phim bằng tiếng Pháp “Pour Qui Sonne Le Glas”

Cuốn tiểu thuyết này xuất bản lần đầu năm 1940, tả chuyện Robert

Jordan (do Gary Cooper đóng), một giảng viên tiếng Spanish trẻ tuổi lý tưởng người Mỹ trong lũ đoàn quốc tế tình nguyện tham gia trận nội chiến Tây Ban Nha, giúp lực lượng du kích chống lại nhà độc tài Franco. Jordan được giao cho một toán du kích cộng hòa trong cuộc Nội chiến. Chuyên viên đặt mìn, Jordan có nhiệm vụ phá hủy một cây cầu trong cuộc tấn công vào tỉnh Segovia. Trong phim, chàng yêu một cô gái bản xứ tên là Maria (Ingrid Bergman đóng). Trong cuộc tình lý tưởng với Maria, Jordan bắt đầu ý thức về nhiệm vụ được giao phó và ý thức chính trị của mình trong cuộc chiến tranh mà chàng tình nguyện tham gia.

Như đã nói, tên cuốn tiểu thuyết *For Whom the Bell Tolls* (Chuông Chiêu Hồn Ai) lấy từ bài giảng tựa là *Devotions Upon Emergent Occasions, Meditation XVII. Lời Cầu nguyện về những Dịp Nổi Bật*, số XVII. (Chính tả thời Shakespeare hơi khác chính tả thời nay, và để trong dấu ngoặc đơn. Spellings are from Shakespeare's time with some modern alterations). Nguyên văn:

"No man is an *Iland* (*island*), intire in it selfe (*entire in itself*); every man is a peece (*piece*) of the *Continent*, a part of the *maine* (*main*); if a Clod bee washed away by the Sea, Europe is the lesse (*smaller*), as well as if a *Promontorie* were, as well as if a *Mannor* (*manor*) of thy *friends* or of *thine owne* were; any mans *death* diminishes me, because I am involved in *Mankinde* (*mankind*); And therefore never send to know for

whom the *bell* tolls; it tolls for *thee*." (1623)

(Nguồn: Charles M. Coffin, ed. The Complete Poetry and Selected Prose of JOHN DONNE (New York: The Modern Library, published by Random House, 1952, p. 441).

=> Đoạn văn trên in lại ở trang bên trái trang 1 cuốn tiểu thuyết của Hemingway. The above lines from John Donne's sermon are printed opposite of page 1 of Hemingway's novel published by Charles Scribner's Sons in 1940.

"Không ai sống đơn độc một mình như một hòn đảo trôi nổi.

Mỗi người là một phần của đại lục chính. Nếu một tảng đất bị nước biển cuốn đi thì lục địa Âu châu cũng nhỏ bớt. Một mũi đất hay thái ấp của một người bạn hay của chính người cũng thế. Mỗi cái chết của một người làm một phần trong tôi chết đi. Vì tôi là là một phần của toàn thể nhân loại. Vì vậy, khi nghe tiếng chuông đổ chiêu hồn một người chết, đừng cho người đi hỏi ai chết. Chuông chiêu hồn người đó."

Vài bài thơ tiêu biểu của John Donne

Nhờ bài điểm sách viết năm 1921 của T.S. Eliot, thế kỷ 20 bắt đầu hiểu và hâm mộ những kỹ thuật, cách dùng ẩn dụ phân tích tỉ mỉ trong những bài thơ tình của Donne.

Những bài thơ nổi tiếng của Donne có "Death, Be not Proud" (Thần Chết, Đừng Kiêu); "Go and Catch a Falling Star" (Hãy Chụp Bắt Ngôi Sao Bắn); "The Flea" (Con Bọ Chết); và bài

“Sweetest Love, I Do Not Go” (Người Yêu hỡi, Ta Chẳng Xa Em Đâu). Bài thơ dưới đây, lời đẹp như một bản nhạc. Bài thơ này ông viết trước khi đi Paris, lúc bà đang có thai người con thứ 8, và không muốn ông đi xa. Để an ủi bà, ông làm bài thơ này. Nhà phê bình Untermeyer nhận xét đây là một trong những bài thơ tình “đơn giản và dịu dàng nhất” của Donne. (“simplest and tenderest”) (Louis Untermeyer, comp. 1942. Simon and Schuster. A Treasury of Great Poems. New York: Galahad Books, 1993, p. 357).

=>(Nghe tài tử kiêm kịch sĩ Richard Burton đọc bài “Sweetest Love, I do not go”) qua link sau đây:

[https://www.youtube.com/watch?v=iOWyL826_1E&Feature=youtu.be]

Song: Sweetest Love, I Do not Go

Sweetest love, I do not go,
For weariness of thee,
Nor in hope the world can show
A fitter love for me;
But since that I
Must die at last, 'its best,
To use myself in jest
Thus by feigned death to die;

Yesternight the sun went hence,
And yet to here today,
He hath no desire nor sense,
Nor half so short a way:
Then fear not me,
But believe that I shall make
Speedier journeys, since I take
More wings and spurs than he.

O how feeble a man's power,
Than if good fortune fall
Cannot add another hour,
Nor a lost hour recall!
But come bad chance,
And we join to't our strength,
And we teach it art and length,
Itself o'er us to advance.

When thou sigh'st, thou sigh'st not
wind, [*wind* phát âm /ai/ để hợp vần]
But sigh'st my soul away,
When thou weep'st, unkindly kind,
My life's blood doth decay.
It cannot be
That thou lov'st me, as thou say'st,
If in thine my life thou waste,
That art the best of me.

Let not thine divining heart
Forethink me any ill,
Destiny may take thy part,
And may thy fears fulfill;
But think that we
Are but turn'd aside to sleep;
They who one another keep
Alive, ne'er parted be.

John Donne
(1571-1631)

Dịch Xuôi

Người yêu hỡi, ta chẳng rời xa em đâu.

Hỡi người yêu thầm thiết, ta chẳng đi
Vì chán em đâu,
Cũng không hy vọng thế gian có thể
giải bày
Một mối tình khăng khít hơn tình ta

Nhưng rồi cuối cùng
Ta cũng phải chết, thì thà
Ta đùa với mình
Giả đồ như mình đã chết để thấy chết
ra sao.

Đêm qua mặt trời lặn mất
Mà hôm nay lại hiện ra,
Mặt trời chẳng có ham muốn hay cảm
giác,
Mà cũng chẳng biết đường nào ngăn
nhất (như người)
Vậy xin em đừng e sợ vì ta
Nhưng xin em tin rằng ta sẽ ra hoàn tất
cuộc du hành rất nhanh
Vì ta sẽ mang theo nhiều cánh và cựa
sắt hơn mặt trời.

Ôi sức người thật mỏng manh
Rằng nếu có may mắn
Cũng không thể thêm được một giờ
Hay nín lại một giờ đã qua!
Nhưng ví dù cho có rủi ro
Thì chúng mình hiệp-sức cho nhau
Chỉ cho sức người mảnh khảnh
để vận rủi sẽ qua chúng ta.

Khi em thở dài, em không thở như hơi
gió
Nhưng em thổi hồn ta bay đi
Khi em khóc, tiếng khóc thương mến
đớn đau
Thì máu trong mạch sống của ta sẽ suy
nhược
Rằng nếu em yêu ta như em nói
Nếu trong đời em, em lãng phí đời ta
Thì đó là thời gian đẹp nhất của đời ta

Vậy đừng để con tim thánh thiện của
em
Nghĩ xấu về ta
SỐ 85

Vì số phận sẽ định đời em
Như em đã lo sợ
Nhưng xin em hãy nghĩ rằng sớm
muộn rồi chúng ta
Cũng sẽ an giấc ngàn thu;
Những kẻ nào biết làm cho nhau sống
nồng nàn
Thì chẳng bao giờ phải xa đời nhau.

(PTL phỏng dịch, 1996)

“Bụng Con Bọ Chết Là Giường Cười Đời Ta”

The Flea

*(Bài thơ sau đây giữ nguyên cách viết
tiếng Anh thế kỷ 17 để độc giả so sánh,
nhưng có tiếng Anh thời nay để trong
ngoặc đơn).*

Marke but this flea, and marke in this,
(mark)
How little that which thou deny'st me is;
(deniest)
It suck'd me first, and now sucks thee,
And in this flea, our two bloods mingled
bee;* (be)
Thou know'st that this cannot be said
A sinne, nor shame, nor losse of
maidenhead, (sin/loss)
Yet this enjoys before it wooe,
(enjoys/woo)
And pamper'd swells with one blood
made of two,
And this, alas, is more than we would
doe. (do)

Oh stay, three lives in one flea spare,

Where wee almost, nay more than
maryed, are. (we/married)

This flea is you and I, and this

Our marriage bed, and marriage temple
is; (marriage)

Though parents grudge, and you, w'are
met, (we are)

And cloysterd in these living walls of
Jet, (cloistered/jet)

Though use make you apt to kill mee,
(use=habit/me)

Let not to that, selfe-murder added
bee, (self-murder)

And sacrilege, three sinnes in killing
three. (sins)

Cruel and sodaine, hast thou since
(sudden)

Purpled thy naile, in blood of
innocence? (nail)

Wherein could this flea guilty bee,

Except in that drop which it suckt from
thee? (sucked)

Yet thou triumph'st, and saist that thou
(say'st)

Find'st not thy selfe, nor mee, the
weaker now; (me/self)

'Tis true, then learne how false,
feares bee; (learn/fears/be)

Just so much honor, when thou
yeeld'st to me, (yield'st)

Will wast, as this flea's death tooke,
life from thee. (waste/took)

John Donne
(1572-1631)

[Source: Charles M. Coffin, ed. The
Complete Poetry & Selected Prose of
John Donne. The Modern Library,

published by Random House, 1952, p.
32]

***thí dụ** example of "conceit"

Dịch Xuôi

Con Bọ Chết

Em hãy nhìn kỹ con bọ này, nhìn cho
kỹ,

Điều em từ chối không ban cho ta nhỏ
biết bao

Con bọ hút máu ta trước, rồi bây giờ
hút máu em,

Và trong mình nó có hai giòng máu hòa
với nhau;

Em biết rằng điều này không thể nói ra

Vì đó là một tội, là điều ô nhục, hay
điều mất trinh tiết,

Vậy mà nó được hưởng mà chẳng phải
tán tỉnh,

Rồi người nó mọng lên căng đầy hai
thứ máu

Và điều này, than ôi, là điều mà hai ta
muốn làm mà chưa được,

Ồi xin em tha cho ba nguồn sống trong
mình một con bọ,

Nơi mà hai ta hầu như, phải nói là
còn hơn là vợ chồng rồi

Con bọ này là em và ta, và nó là

Chiếc giường cưới và ngôi đền tân hôn
của đôi ta;

Tuy cha mẹ ta không bằng lòng, và em,
cùng ta đã gặp nhau,

Và ẩn trong những bức tường sống
đầy tia máu,

Tuy rằng thói quen (thích giết bọ chết)
sẽ làm em thích giết ta

Nhưng xin em đừng làm vậy, vì giết ta
em cũng giết mình nữa,

Và phạm tội, ba tội khi giết ba mạng.
Sao em tàn ác và đột ngột, có phải
móng tay em đỏ lên vì máu vô tội?
Mà con bọ mang tội gì,
Ngoài tội hút giọt máu em?
Vậy mà em trắng, và nói là em
Không cảm thấy em hay ta bây giờ yếu
đi:
Điều này đúng vậy; vậy em hãy hiểu
rằng lòng lo sợ sai lầm biết bao
Biết bao danh dự của em cho ta, khi
em chịu chiều ta
Sẽ phí đi, vì cái chết của con bọ này đã
hút đi mạch sống của em.

(PTL phỏng dịch, 1996)

Chú thích: Theo tiểu sử, khi Donne làm
Bí thư cho Lord Egerton, ông bí mật
cưới cháu gái 16 tuổi của vị đại thần.
Đây có phải là nguy biện sống sượng
của chàng trai si tình để chiếm trái tim
người đẹp? Hay đây là cách “tán”
người đẹp bằng những hình ảnh phức
tạp, nhưng bộc trực thẳng thắn? Như
Untermeyer đã nhận xét, hình ảnh lãng
mạn của “chiếc ghế dài love seat trong
vườn đầy hoa hồng” của thời
Shakespeare đã biến thành “bụng con
bọ chết mọc lên đen kít” (p. 363, sđd).
Ta hãy nghe vài lời phê bình lúc đó: Ấn
dụ lạ nhưng không gây thích thú
(amazement rather than pleasure),
gượng gạo (far-fetched), quái dị và
ghê tởm (monstrous), trò cười sống
sượng (brusque mockery).

Tóm tắt

Sau khi bị nhà soạn từ điển Samuel
Johnson (1709-1784), nhà văn nổi
tiếng thế kỷ 18, trong một bài bình luận
số 85

về thi sĩ Crowley, dùng từ ngữ
“metaphysical poets” để mỉa mai một
nhóm thi sĩ mà tiêu biểu là John Donne,
trong thế kỷ 18 và 19, cộng thêm ảnh
hưởng của quan niệm luân lý của thời
nữ hoàng Victoria, thi sĩ Donne và các
thi sĩ như Herrick, Marvel, và Crashaw
bị lãng quên.

Cho đến thế kỷ 20, tầm quan trọng của
nhóm thi sĩ bị nhạt nhòa và bỏ quên
“Metaphysical Poets” - trong đó có
Donne - mới được hồi phục nhờ GS.
Herbert J.C. Grierson (tác giả cuốn
Metaphysical Lyrics & Poems of the
17th Century (1921)). Và nhờ thi sĩ
được giải Nobel văn chương T.S. Eliot
trong bài điểm sách nhan đề “The
Metaphysical Poets” đăng trong *Times
Literary Supplement*, 20 October 1921,
in lại trong Frank Kermode, ed.
Selected Prose of T.S. Eliot. New York:
Farrar, Straus and Giroux, pp. 59-67.

=>[Có thể tìm trên Google bài essay
của Eliot dưới dạng PDF qua link dưới
đây:
www.uwyo.edu/numimage/eliot_metaphysical_poets.html]

Trong bài luận văn quan trọng này,
Eliot đã vạch ra sai lầm của nhà soạn
từ điển Samuel Johnson khi gán cho
một số thi sĩ thế kỷ 17 danh từ
“Metaphysical Poets,” tuy thơ họ không
có gì là “siêu hình” theo định nghĩa của
triết học, mà họ chỉ có óc phân tích,
dùng ẩn dụ phức tạp, tài tình
(ingenious) khéo léo, hóm hỉnh, dí dỏm,
đôi khi thiếu tự nhiên, khó hiểu, vì một
lỗi dùng một ẩn dụ metaphor gọi

“conceit.” Thí dụ đã dẫn: so sánh linh hồn hai kẻ yêu nhau mà không được gần nhau như hai nhánh của một cái com-pa. Nàng là điểm trung tâm, chàng quay quanh.

[Trong thơ đời Đường, cuối bài thơ Trường Hận Ca của Bạch Cư Dị cũng dùng một ẩn dụ nói rộng khi nói linh hồn hai kẻ yêu nhau (vua Đường và nàng Dương Quý Phi) như “chim liền cánh, cây liền cành” (Tại thiên nguyên tác tử dực điều/Tại địa nguyên vi liên lý chi) (Nguyên nghĩa: Ở trên trời nguyên làm chim liền cánh / Ở dưới đất nguyên làm cây liền cành) (*Xin kết nguyện chim trời liền cánh / Xin làm cây cành nhánh liền nhau* -Tản Đà)]

Trong bài thơ tạm biệt khi xa nhau, viết an ủi vợ trước khi ông sang lục địa Âu châu, Donne chọn một ẩn dụ, và lý luận phức tạp của một “conceit” một cách khéo léo. Nhân vật nam phải xa người yêu nói với nàng rằng giây phút tạm biệt của họ không phải là lúc để than khóc tiếc thương:

(Trích)

If they be two, they are two so
As stiff twin compasses are two;
Thy soul, the fixed foot, makes no show
To move, but doth, if th’other do.

And it in the center sit,
Yet the other far doth roam,
It leans, and hearkens after it,
And grows erect, as it comes home.

(Trong bài “A Valediction: Forbidding Mourning”)

(Một lời từ biệt: cảm than khóc)

Linh hồn của em là nhánh vững ở trung tâm và linh hồn ta là nhánh kia của cái com-pa chuyển vòng quanh em. Linh hồn vững chắc của em ở trung tâm khiến cho vòng tròn, mà nhánh kia do ta tạo nên, trở thành hoàn hảo và ta chấm dứt ở điểm ta bắt đầu. (Thy firmness makes my circle just/ and makes me end where I begun).

1. Chú thích thêm:

Trong cuốn The Top 500 Poems, William Harmon, ed. (New York: Columbia University Press, 1992), giáo sư Harmon của Đại Học North Carolina đăng 20 bài thơ của Donne, và để so sánh, 29 bài của Shakespeare, 11 bài của John Keats, 10 bài của Robert Frost, 6 bài của T.S. Eliot, 14 bài của Emily Dickinson... Bài “The Tiger” của Blake số 1, “to Autumn” của Keats số 3, “Stopping by Wood on a Snowy Evening” của Frost số 6, “To the Virgins, to Make Most of Her Time,” của Herrick số 10; “To his Coy Mistress của Marvell, số 11,” “Death, Be Not Proud,” của Donne, số 13; “Better My Heart, Three-Person’d God,” của Donne, số 33; “The Good Morow” của Donne, số 40; “A Valediction: Forbidding Mourning,” của Donne, số 105; “The Flea,” của Donne số 157...

- Cuốn Americans’ Favorite Poems do Library of Congress Poet Laureate Robert Pinsky nhận sắc năm 2000, chọn hai bài “the Flea” và “A Valediction: Forbidding Mourning.”

- Phần lớn những tuyển tập thơ tình nhan đề Best love poems, đều có ít nhất vài bài thơ của John Donne.

2. Chi tiết cá nhân liên hệ đến bài thơ:

Người viết bài này lần đầu tiên được nghe giảng bài thơ của John Donne, nếu không nhầm, là năm học 1960-1961 khi đang là sinh viên năm thứ nhất trường Đại Học Sư Phạm Saigon, và vị giáo sư hôm đó là vị giáo sư người Pháp tên là Roger Chazal, ancien élève de l'Ecole Normale Supérieure. Sinh viên lên bục đọc bài song "Sweetest Love, I do not Go" buổi đó là chị Phạm Thị May, người mà sau khi tốt nghiệp, được học bổng sang East West Center ở Hawaii lấy bằng MA về TOEFL. Khi về nước, chị dạy Anh văn tại Hội Việt Mỹ. Chị có giọng phát âm rõ và chuẩn nên người nghe dễ nhớ và có ấn tượng tốt.

Sau này, trong khi đi dạy, nếu đề bài học là một bài thơ tình, tỉ như mấy bài love poems của John Donne, thường ở lớp ESL cấp cao, (nhưng ở Mỹ thì học sinh trung học lớp English AP đã học rồi) thì thấy sinh viên nam nữ lắng nghe và người dạy cũng cảm thấy hứng khởi. Giây phút thầy trò cùng đồng cảm và thưởng thức những vần thơ hay, là một phần thưởng nhỏ và hiếm cho người chọn môn sinh ngữ và văn chương.

3. **Nguồn tài liệu cho sinh viên ban cử nhân và cao học.** Resources on Donne: (Tìm trong Google) Sinh viên đại học ban văn chương, đặc biệt văn chương Anh hay văn chương so sánh SỐ 85

(comparative literatures), muốn tìm đề tài nghiên cứu có thể thấy một nguồn tài liệu có nhiều tiểu luận masters, luận án tiến sĩ, những bài tiểu luận khảo cứu trình độ cử nhân hay năm chót chương trình cử nhân (senior research papers) ở link dưới đây, trong đó có một số ở **dạng pdf**, đỡ tốn công phải tìm trong thư viện lớn hay phải mua ở kho lưu trữ Masters theses và PhD dissertations UMI ở Michigan. Tuy nhiên, sinh viên liên lạc với tác giả để xin phép. Author of this website claims copyright. A treasure trove for John Donne scholars.

=> Anniina Jokinen, "Essays and Articles on John Donne," (1996-2007:

www.luminarium.org/sevenlit/donne/donnessays.htm

- contact author: www.luminarium.org



Viết xong 02/01/1996 tại Virginia;
bổ chính 07/04/2019

PHẠM TRỌNG LÊ

The violet



Down in a green and shady bed,
A modest violet grew,
Its stalk was bent, it hung its head,
As if to hide from view.

And yet it was a lovely flower,
Its colours bright and fair;
It might have graced a rosy bower,
Instead of hiding there,

Yet there it was content to bloom,
In modest tints arrayed;
And there diffused its sweet perfume,
Within the silent shade.

Then let me to the valley go,
This pretty flower to see;
That I may also learn to grow
In sweet humility.

Jane Taylor

Cây hoa tím

*Dưới luống cỏ xanh với bóng râm
Mọc cây hoa tím vẻ khiêm nhường
Thân nhẹ uốn cong, và lả ngọn
Như tránh tầm nhìn khách thập phương*

*Dù cho hoa đẹp dễ lạ thường
Màu thời tươi sáng vẻ dễ thương
Có thể tô vòm cây thắm sắc
Vậy mà lại ẩn khuất bên đường.*

*Tuy nhiên hoa chỉ muốn nở ra
Với sắc màu sẵn vẻ mượt mà
Và hương ngan ngát luôn thơm tỏa
Trong bóng tàn cây lặng cánh hoa.*

*Thôi để tôi ra thung lũng thăm
Tìm ngắm bông hoa tím đẹp này;
Tôi mong học hỏi khi khôn lớn
Nếp sống khiêm cung tuyệt vời thay.*

Tâm Minh Ngô Tằng Giao
(chuyển ngữ)

YÊU ĐẾN CHẾT, THÌ THÔI

**** TT Thái An ****

Cả xóm ở gần phố chợ Nam Định lần lượt kéo đến nhà ông bà Thơm để tiễn chân và cũng để chúc mừng việc ông bà sẽ lên Hà Nội ngày mai để đáp phi cơ đi Mỹ đoàn tụ với đứa con trai duy nhất của ông bà. Ai cũng khen ông bà có phước quá, có mỗi một đứa con trai mà bố công đề. Đúng là quý tử!

Ông bà Thơm có cả thể tám đứa con, nhưng mấy đứa kia là thị mệ, chỉ có Thâu là con trai. Khi vừa có hai đứa con gái đầu, chị cán bộ đến phát cho cái giấy khen “Gia đình gương mẫu” và đề nghị kế hoạch gia đình, không nên đẻ quá hai đứa. Cán bộ khuyên thì khuyên, vợ chồng ông Thơm cứ đẻ năm một, tổng cộng tám đứa. Cán bộ chẳng còn đem giấy khen đến nữa.

Dù biết là chỉ được cấp sổ gạo cho hai đứa con, sáu đứa sau không có sổ gạo, ông bà Thơm vẫn muốn có nhiều con. Họ xoay ra làm trăm nghề. Ông làm thợ phụ, thợ mộc, thợ sửa xe đạp. Bà cấy thuê, gặt mướn, bán rau, bán khoai. Mấy đứa con gái vừa lên bảy hay tám tuổi đều được bố mẹ phát cho một cái ấm nước, sáng sáng xách ấm đi bán nước trà, nước nụ với ở ngoài chợ, ngoài phố. Chúng nó chỉ được ông bà cho học hết lớp ba hay lớp năm tiểu học mà thôi. Riêng thằng con trai

thì được cho học hết lớp chín, nghĩa là hết cấp hai.

Bà Thơm cô độc từ thời thơ ấu vì cô mẹ từ năm lên bốn. Cha bà cưới vợ khác, người kế mẫu sinh thêm được hai đứa con gái thì cha bà chết; năm đó bà vừa lên tám tuổi. Bà vẫn phải ở với kế mẫu và trông hai đứa em cho dì ghẻ đi làm thuê làm mướn nuôi ba miệng ăn. Vì thế, cả đời không có cơ hội cấp sách đến trường nên bà Thơm chịu phận mù chữ. Người kế mẫu chẳng bao giờ có một lời ngọt ngào tình cảm với con chồng. Ngược lại, hờ ra lá quất tháo, chửi rủa; thỉnh thoảng còn đánh bà một trận nên thân. Khi bà được mười tuổi, bà dì ghẻ đã bắt bà ngày ngày đội thúng rau đi bán rao hết phố này sang phố nọ để đem tiền về cho bà. Bà Thơm biết thân mình cô cút nên nín chịu, nuốt bao nhiêu tủi nhục vào lòng.

Cho đến khi ông Thơm tình cờ đến nhà bạn học ở cùng làng với bà, năm đó bà vừa mười sáu tuổi. Đó là năm 1960. Trông thấy bà đang giặt quần áo bên sông, ông Thơm ngẩn ngơ trước vẻ đẹp mộc mạc của bà nên nhờ bạn giới thiệu. Ông Thơm đề nghị cưới bà, bà nhận lời ngay vì đó là cơ hội để bà thoát ly bà dì ghẻ. Bà nhớ ơn ông Thơm biết bao nhiêu và xem ông như

vị anh hùng cứu bà khỏi cảnh di ghê con chồng. Bà đem lòng yêu thương chồng hết mực và nói với ông Thơm rằng bà muốn có nhiều con cho vui cửa vui nhà vì bà mồ côi cả cha lẫn mẹ từ nhỏ nên cảm thấy cô độc quá. Ông Thơm cũng nghĩ như bà, có nhiều con cho gia đình luôn ấm cúng.

May cho bà Thơm, chồng bà hiền lành nên chẳng bao giờ quát tháo bắt nạt bà. Bà cảm thấy mình có phước, có phần tốt trong hôn nhân. Có lẽ ông Trời bù đắp cho bà những năm cô cút, bất hạnh cũ. Lấy chồng dù hoàn cảnh kinh tế vẫn nghèo, nhưng bà chịu cực từ bé đã quen, bây giờ vẫn chịu cực như thế, vẫn nghèo như thế, nhưng bà có chồng làm điểm tựa tinh thần nên bà thấy hạnh phúc và đời sống có ý nghĩa hơn khi cả hai cùng chăm lo cho nhau và cho đàn con tám đứa.

Thằng Thâu, quý tử của ông bà theo người quen ra Hải Phòng làm công. Vào lúc có phong trào vượt biển sang Hồng Kong, nó có bạn cho theo vượt biên nên đến được trại tị nạn Hồng Kong năm 1984. Từ Hồng Kong, nó qua được vòng phỏng vấn của phái đoàn Mỹ nên được cho đi Mỹ tị nạn chính trị. Sau 5 năm, nó cố gắng học bài nên đậu được quốc tịch Mỹ. Bốn năm sau đó ông bà Thơm được nó bảo lãnh sang Mỹ đoàn tụ.

Khi được vào công dân Mỹ, Thâu xin đổi hoàn toàn từ tên cho đến họ. Ngày xưa là Bùi Văn Thâu thì nay là Richard

Buck. Nó bảo là không muốn ai biết đến cái gốc Việt Nam của nó. Vì theo nó, nước Việt Nam của đảng cộng sản và bác Hồ chẳng có gì cho nó hãnh diện. Ai hỏi nó người nước nào, nó luôn trả lời là người Thái lan. Cái mớ kiến thức được nhà trường ở Bắc Việt nhồi cho về một nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và dưới sự lãnh đạo của bác và đảng cộng sản chẳng có gì đáng khoe với người Mỹ ở đây, còn phải dẫu đi là khác. Đã thế, nước Việt Nam mà nó thấy từ bé đến lớn chỉ là một nước nghèo nàn, lạc hậu, thiếu vệ sinh, đi đâu cũng ruồi bu đầy bàn ăn, nhà vệ sinh công cộng không có. Có đi xe hàng từ tỉnh này sang tỉnh khác, xe chỉ ngừng dọc đường cho khách xuống xe đi xả ở bờ ở bụi, làm gì có nhà vệ sinh sạch sẽ như ở bên Mỹ. Nếu ghé vào hàng quán dọc đường thì cầu xí cũng dơ bẩn. Quần áo thì cả hai năm chỉ may được một bộ là sang lắm rồi đấy. Có tiền sắm đôi dép mới là may rồi, làm gì dám mơ đến đôi giày. Ăn cơm mỗi ngày chỉ có rau. Cả tháng được mua một lần thịt chỉ có mấy miếng thịt mỡ trắng phê. Thịt nạc bọn cán bộ chia nhau hết cả rồi. Nghèo thấy mà xấu hổ, mà thấy sợ! Chưa hết, đi đâu trông thấy công an hay cán bộ là thấy bất an bất ổn; mình chẳng làm gì sai cũng vẫn thấy sợ.

Vì thế, hấn quyết tâm dứt khoát với quá khứ, vứt cả cái tên Việt Nam ra khỏi cuộc đời hấn. Cái mũi tẹt được

hắn tốn tiền sửa cho cao lên, trông cho giống người nước ngoài, nước nào cũng được miễn không phải là người Việt Nam.

Cũng vì hắn có quá nhiều mặc cảm tự ti về cái gốc xuất thân của hắn nên những người Việt gốc miền Nam rất khó chịu khi nghe hắn bảo: “Việt Nam thì có gì để hãnh diện?” Thế nào người bạn miền Nam kia cũng kê vào miệng hắn một câu: “Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa của anh không có gì hãnh diện là đúng rồi. Nhưng nước Việt Nam Cộng Hòa của tôi rất đáng hãnh diện vì đã bảo tồn và phát huy nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Anh nghe nhạc Vàng của miền Nam trước 1975 anh không mê à? Anh đọc tiểu thuyết của miền Nam anh không thích à? Anh mặc quần áo của người trong Nam bán ở chợ trời sau 1975 anh không sung sướng à? Anh ăn tô phở bán trong Nam anh không thấy đã à?”. Thâu nghe thế hết đường cãi vì thằng bạn này nói đúng. Như thế cái nước làm cho nó xấu hổ và mang đầy mặc cảm tự ti là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa của bác Hồ và đảng cộng sản Việt Nam.

Sau gần một ngày bay, đổi hai bận phi cơ, cuối cùng ông bà Thơm cũng đặt chân lên nước Mỹ. Cả hai lóng ngóng theo đoàn hành khách xếp hàng vào sở di trú ở phi trường, chẳng biết nói tiếng Anh thì có người thông dịch. Khi ra được đến chỗ lấy hành lý thì đã

một đừ. Ra đến ngoài gặp được thằng con trai. Cả hai ông bà mừng quá, bót căng thẳng vì không biết tiếng Anh nên chẳng hỏi thăm được ai.

Thâu dắt bố mẹ ra xe. Vừa lên xe, ông bà Thơm hỏi ngay:

-Xe ai thế? Con biết lái xe cơ à?

Thâu nhăn nhó giải thích:

-Ở bên này ai cũng phải có xe mới đi làm được ạ. Xe của con đây.

Ông bà Thơm nhìn nhau cảm động. Mới có chín năm mà thằng con ông bà tiến bộ nhanh quá. Ngày xưa ở Nam Định nó còn chưa có cái xe gắn máy nữa cơ. Mỗi khi có ai mua được cái xe Honda cũ đem ở trong Nam ra là cả phố trầm trồ; thằng Thâu cứ ngẩn ngơ nói: “Biết đến đời nào mình mới có được cái xe như thế!”

Thâu chở bố mẹ về nhà. Nó chỉ có khả năng thuê một cái basement có hai phòng. Nó ở một phòng, phòng kia cho bố mẹ. Thế mà ông bà Thơm cũng thấy khàng trang quá vì so với cái nhà lụp xụp của ông bà ở Nam Định thì nó văn minh hơn nhiều. Từ cái bếp gas có lò nướng đến cái tủ lạnh to tướng và cái máy giặt to đùng trông lạ mắt. Nhìn thôi đã thấy ngộp, chưa dám hỏi thằng Thâu cách xử dụng.

Đến nửa đêm hai vợ chồng vẫn chưa ngủ được vì ngược giờ với Việt Nam 12 tiếng nên cứ thao thức chuyện trò với nhau. Bỗng dưng thằng Thâu mở

cửa phòng thức dậy quát to tiếng với ông bà:

- Hai ông bà chưa chịu im miệng để tôi được ngủ mai còn đi làm nữa chứ.

Hai ông bà còn ngờ ngác trước thái độ tức giận thái quá của thằng con, nó đã mở cửa ra vườn, đem hai cái va li của ông bà ném ra ngoài. Sau đó quát to:

- Ra mau, hai ông bà cút ra mau không tôi gọi chủ nhà đuổi ra đường đấy.

Hai vợ chồng hốt hoảng nhìn nhau. Chỉ vì mình nói chuyện với nhau mà nó nổi tam bành lên như thế à? Bà vội vàng nói:

- Thôi cho bố mẹ xin lỗi. Bố mẹ không dám nói chuyện nữa, con cứ đi ngủ lại đi.

Nhưng thằng Thâu không chịu bỏ qua. Nó thật sự đuổi bố mẹ ra đường. Nó trừng mắt chỉ tay ra cửa:

- Đi mau, cút mau!

Hai ông bà nhìn nhau và bà bắt đầu khóc với nó:

- Con ơi! Bố mẹ mới đến đây chưa biết đường xá gì cả, đi đâu bây giờ?

- Đi đâu mặc kệ. Đi mau.

Vừa nói nó vừa nắm lấy tay mẹ kéo ra cửa. Cha nó phải đi theo mẹ nó ra ngoài. Nó còn lôi mẹ nó lên xe, cha nó phải lên theo. Nó lái xe ra gần khu có trung tâm buôn bán và mở cửa bắt cha mẹ nó xuống. Nó dẫn mặt bố mẹ nó:

- Ông bà mà quay trở lại, tôi sẽ gọi lính bắt. Nghe chưa!

Nói xong nó vội vã lái xe đi để mặc cho mẹ nó khóc lóc van xin. Ông Thơm

chưa hoàn hồn đứng thừ ra. Một lúc sau, ông quay lại nhìn bà. Bà chỉ biết gục vào ông mà khóc. Bà nói:

- Biết thế này tôi với ông khỏi thêm qua đây. Bây giờ ở đâu hở ông?

Ông Thơm nói bằng quơ:

- Thì phải đứng ngoài đường chờ sáng rồi tính.

Tôi phải kiếm chỗ ngồi, đứng hoài mỏi chân quá. Trời rét thế này, tôi không mặc đủ ấm ông ơi. Ông mở cái va li ra kiếm thêm áo ấm khoác cho vợ. Ông nói:

- Không ngờ bên này mới tháng 11 mà đã rét thế này. Áo ấm bên mình chẳng thấm vào đâu cả bà ơi. Bà phải mặc nhiều lớp áo mới ấm được.

Nói xong ông đưa thêm áo cho bà. Phần ông cũng lôi ra thêm hai cái áo để chồng vào.

Sau hai giờ ngồi co ro ngoài đường. Bỗng có xe cảnh sát đi ngang trông thấy hai ông bà bèn ngừng lại. Ông cảnh sát xuống xe chào ông bà và nói một tràng, ông bà không hiểu ắt giáp gì. Chỉ biết lôi giấy tờ trong người ra cho ông xem. Ông thấy hai người này vừa xuống phi trường có mấy tiếng đồng hồ nên cho lên xe đưa về một shelter gần nhất.

Đến shelter, hai ông bà được ông cảnh sát đưa đến văn phòng nói gì đó. Họ cho ông bà vào ngủ nhờ qua đêm.

Sáng hôm sau có một bà Việt Nam đến tự giới thiệu là nhân viên xã hội,

tên Ngân. Bà Ngân hỏi thăm gia cảnh ông bà Thơm rồi nói rằng:

- Tôi giúp ông bà ra bộ xã hội xin giấy xã hội. Nhưng phải về ngang nhà con trai ông bà xem có cậu ấy ở nhà không. Vì ông bà cần phải có địa chỉ liên lạc nên tạm thời dùng địa chỉ cậu này.

Thế là nhờ cái địa chỉ trên bao thư, bà Ngân chở ông bà Thơm đến nhà thằng Thâu. Nó không có nhà. Bà Ngân chở ông bà Thơm ra bộ xã hội để làm thẻ xã hội. Sau đó đưa ông bà qua giới thiệu với nhân viên giúp kiếm việc làm. May quá, họ đang có việc lau chùi dọn dẹp ở trạm nghỉ trên xa lộ. Thế là hai ông bà được bà Ngân đưa đi phỏng vấn. Thứ Hai tuần sau bắt đầu làm. Bà Ngân lại đưa ông bà Thơm về nhà thằng con để nói chuyện với nó. Nó không có nhà. Bà Ngân nói chuyện với chủ nhà cho ông bà Thơm ở tạm cho đến khi có thể thuê chỗ khác. Bà cũng viết lời nhắn tin cho Thâu nhờ đưa rước ông bà Thơm đi làm lúc đầu cho đến khi ông Thơm có bằng lái và mua xe đi làm.

Thế là mọi việc đầu vào đó. Ông bà Thơm làm việc tận tụy, siêng năng. Hễ ai gọi vào xin nghỉ vì bệnh bất ngờ, xếp chỉ cần gọi cho ông bà Thơm là đến ngay dù là xuân hạ thu đông, ngày hay đêm. Công việc lau chùi dọn dẹp nhà vệ sinh, quét rác, đổ rác xem ra quá dễ dàng và nhẹ nhàng so với những việc ông bà đã làm qua ở Việt Nam. Lương

của hai ông bà cộng lại thì cũng bằng lương kỹ sư. Hai vợ chồng lại cảm thấy hạnh phúc hơn bao giờ vì ngày ngày vẫn đi làm chung, cực mấy cũng vẫn thấy vui.

Lúc này thằng con mới nói với bố mẹ nó rằng:

- Lúc con đuổi bố mẹ ra khỏi nhà là có ý cho nhà nước lo cho bố mẹ. Vì nếu còn ở với con thì không xin được trợ cấp của chánh phủ. Nhưng may mà bà Ngân dắt bố mẹ đi xin việc, làm được cho chánh phủ thì quá tốt. Lương cao và có đủ mọi thứ: bảo hiểm sức khỏe, răng, mắt, được nghỉ thường niên và nghỉ bệnh. Lại có tiền hưu trí nữa.

Ông bà Thơm nghe thế lại thán phục thằng con mình khôn ngoan tuyệt vời.

Sau khi đi làm được ba tháng, ông Thơm thi bằng luật bằng tiếng Việt được đậu. Đến tháng thứ tư ông đưa tiền cho người ta dạy lái xe, và đậu xong bằng lái. Thế là ông Thơm mua được chiếc xe cũ không đến nổi tệ quá. Ông bà đọc báo Việt Nam và thuê được một phòng dưới basement của một gia đình Việt Nam gần chỗ làm.

Vợ chồng ông Thơm ký ca ký cốp, ngoài tiền phòng \$300 mỗi tháng, tiền chợ dè xẻn và tiền xăng cố định. Ở Mỹ tiền chợ quá rẻ so với tiền lương hàng tháng của hai ông bà; thịt gà thịt lợn là hai thứ ở Việt Nam ông bà chẳng được ăn hằng ngày nhưng ở đây quá rẻ, ăn nhiều cũng ngán. Sau hơn mười năm

làm việc ông bà để dành được khoảng hơn hai trăm ngàn đô. Nghĩ đến hai đứa con gái nhỏ nhất vẫn chưa lấy chồng vì chờ ông bà bảo lãnh. Nhưng không hiểu sao ông bà lại nhờ thằng Thâu kiếm bạn qua Việt Nam cưới hai cô này. Thằng Thâu kiếm được hai ông Mỹ tuổi sồn sồn ngoài bốn mươi. Ông bà phải đưa cho mỗi thằng rẻ hồ 20 ngàn đô để cưới con gái ông bà; lấy thật cũng được mà giả cũng được. Cái thằng ngoài 45 có một đời vợ và hai thằng con trai tuổi 16, 17 thì lại đòi cưới con gái út của ông bà vừa mới 23. Thằng 40 thì chịu lấy cô kế út tuổi gần 25.

Thế là hai cô con gái theo chồng qua Mỹ. Tội nghiệp cô út, tên Tươi, xinh hơn chị thì lại lấy chồng già hơn. Thằng chồng già này cũng rất cáo già. Vợ vừa qua Mỹ một tuần nó bắt phải đi học nghề nail ngay tức khắc. Thế là hai chị em rủ nhau đi học nail, tiền học của bố mẹ cho, hai thằng chồng chỉ biết lấy tiền vào chứ không chi tiền ra.

Hai chị em chưa học qua tiếng Anh bao giờ nên phải nhờ người thông dịch khi đi thi bằng nail, nên bố mẹ lại chi tiền. Nhưng cũng lấy được bằng nail để đi làm. Lúc đầu Tươi chưa biết lái xe, Sam phải đưa rước vợ đi làm. Tươi vừa đi làm về đến nhà Sam nói ngay:

-Đưa tiền đây tôi đi gửi nhà băng.

Tươi còn lớ ngớ chẳng biết phong tục bên này thế nào nên cũng phải đưa nhưng trong bụng ức lắm. Vì tiền của

hắn mình đâu có được rờ đến, sao mình lại phải nộp tiền cho hắn? Hôm sau đi làm xong, trước khi ra về, Tươi dấu bớt tiền trong đáy giày để hắn có xét ví, xét túi quần áo cũng chẳng thấy. Vào tiệm nail, Tươi kể cho các bạn nghe, mọi người nhón nháo lên chửi thằng Sam đào mỏ. Rồi bày cho Tươi ra ngân hàng mở trương mục đem tiền vào đó mà cất riêng. Chỉ để trong ví chút đỉnh, Sam có hỏi thì bảo có thể thôi.

Ấy thế mà thằng Sam cũng đoán ra, hắn hỏi:

- You cất tiền ở nhà băng chứ gì?

Tươi thật thà gật đầu, nói bập bẹ:

- Tiền của tôi, tôi cất riêng.

Sam chẳng làm gì được nữa. Nhưng mỗi ngày Tươi đi làm về, hắn bắt phải nấu cơm cho ba cha con hắn và lau chùi hai cái toilet và hai cái phòng của hai thằng con trai hắn. Ba cha con hắn phè ra ngồi chờ Tươi dọn cơm. Ăn xong, lại ngồi phè ra cho Tươi lau chùi rửa chén đĩa.

Mấy người làm chung trong tiệm nail lại xúi Tươi bỏ thằng Sam. Tươi bảo nó giữ thẻ xanh của Tươi, làm sao bỏ được? Ai cũng bảo chừng nào mày có tiền thì đưa luật sư xin ly dị.

Đến Tết ta, Sam hỏi Tươi:

- Tôi thấy phong tục Việt Nam khi đến Tết thì cha mẹ phải cho con tiền lì xì. Sao cha mẹ you không cho you và tôi tiền?

Tươi nghe mà muốn nôn vào mặt hẳn.
Tươi trả lời:

- Khi con còn nhỏ thì bố mẹ cho tiền mừng tuổi. Khi con lớn thì phải cho lại bố mẹ tiền mừng tuổi. You có tiền cho bố mẹ tôi không?

Hai cô con gái qua mới được hai năm thì bà Thơm ngã bệnh. Hôm đó đang lau chùi ở chỗ làm, bà thấy đau thắt bụng, mồ hôi vã ra vì quá đau. Bà ngã quỵ xuống. Ông Thơm thấy thế chạy lại đỡ vợ rồi gọi xe cấp cứu.

Ở nhà thương cả ngày, bác sỹ cho hay bà bị ung thư ruột thời kỳ cuối. Có lẽ sống thêm được vài tháng. Đi làm cho Trạm Nghỉ, là công nhân viên của tiểu bang, được bảo hiểm sức khỏe đầy đủ mà bà ham kiếm tiền quá, tiếc rẻ không dám xin nghỉ hai ngày để đi đi soi ruột khi vừa qua 50 tuổi.

Bây giờ ngã bệnh, bà chẳng còn làm được gì. Ông vẫn đi làm, ngày nào trước khi đi ông lo cơm nước sẵn cho bà, để khi bà đói thì dậy ăn. Nhưng bà nào có ăn được vì bụng luôn đau âm ỉ, tức bụng, đầy hơi thế nào ấy.

Khi thấy mình càng ngày càng yếu, bà bàn với ông:

- Tôi chẳng sống được bao lâu nữa, tôi muốn về Việt Nam ở với mấy đứa bên đó được ngày nào hay ngày ấy. Khi chết thì chôn ở đất làng không tốn tiền. Hơn nữa con cháu có thể đến thăm mộ lúc nào cũng được. Ông cũng sắp được về hưu rồi, ông cũng nên về bên

đó dưỡng hưu, có tiền hưu bên này gửi cho ông mỗi tháng, lại có mấy đứa bên đó lo cho ông đỡ buồn.

Ông thấy bà nói cũng phải nên xin phép nghỉ một tháng đưa vợ về Việt Nam. Sau một tháng ông trở lại Mỹ đi làm tiếp. Hai tháng sau bà mất tại quê ở Nam Định, ông và các con lại về Việt Nam lo đám tang cho bà.

Chôn vợ xong ông trở lại Mỹ để đi làm. Lái xe đi làm mỗi ngày, không còn vợ ngồi bên cạnh ông buồn lắm. Ông đem bức ảnh phóng to của vợ đặt lên chiếc ghế mà bà ngồi mỗi ngày và buộc dây cho không ngã xuống. Ông xem như thế là bà vẫn còn ngồi cạnh ông; thỉnh thoảng ông quay sang nói chuyện với bức ảnh mà tin rằng bà còn ngồi đó nghe ông nói. Ông thấy nhớ vợ quá, bà là người yêu đầu tiên và duy nhất của ông, cũng là người vợ đem hạnh phúc đến cho ông. Cả đời, hai vợ chồng chưa hề gây gổ với nhau, lúc nào cũng khăng khít như hình với bóng. Chia ngọt sẻ bùi qua bao nhiêu giống tổ. Bảo sao ông không buồn khổ, không chới với vì thiếu vắng bà?

Một năm sau ông xin nghỉ hưu. Theo như ý bà, ông về Việt Nam ở hẳn. Ông đem tiền về cất nhà cho ba cô con gái đã có chồng con. Ông muốn ở với đứa nào tùy ý. Cô nào cũng mời ông về ở chung vì mỗi tháng ông có lương hưu cả ngàn đô la, nếu chỉ có ăn uống, may mặc thì tiêu xài làm sao cho hết.

Nhưng rồi cuộc thấy ông vẫn buồn áo nã, chúng bàn với nhau cưới vợ cho ông. Chúng nhờ người mối mai cho cha chúng nó. Chúng nó bảo rằng bố già rồi, một lúc nào đó sẽ cần người đến săn sóc. Chi bằng kiếm vợ cho bố để cô này thay chúng con săn sóc bố. Thế là một công hai việc, vừa là vợ vừa là người làm dịch vụ săn sóc người già tại gia.

Bà mai thấy có tiền thì sốt sắng môi giới. Nhà gái nghèo quá, vì chỉ có hai mẹ con, mẹ góa con cô. Bà mai đề nghị với các con ông Thơm là làm mai cho bà mẹ tốt hơn, vì bà mẹ mới ngoài 40, vẫn kém ông Thơm gần hai mươi tuổi cơ đấy.

Nhưng khi các con ông Thơm kể cho ông nghe, ông chọn ngay cô con gái vì muốn gái còn tân.

Thế nên bà mai lại phải dỗ ngon dỗ ngọt cô con gái, nào là ông già trên sáu mươi, nhưng mà có tiền, tha hồ mà sung sướng tẩm thân, giúp được mẹ nghèo nên cô Thùy cam lòng ưng thuận. Thùy bé hơn ông Thơm 40 tuổi. Ông hân hoan đón nhận người vợ mới. Thế là ông xây thêm một căn nhà trệt ba phòng rộng rãi để cưới vợ về ở. Ông không muốn đem vợ nhí, tuổi còn bé hơn con gái ông về ở chung với con gái và con rể, mất tự do của ông. Và nhất là nếu thằng rể có ý ám ố với vợ ông thì sao?

Ông Thơm thầm tính ngày trước mình gả hai cô con gái cho hai thằng lớn hơn

chúng trên hai mươi tuổi vậy mà vẫn ở với nhau cho đến bây giờ; thì hy vọng cái cô Thùy này cũng sẽ ở với mình cho đến khi mình đi chầu tổ.

Mọi người biết chuyện ai cũng bủi môi trách ông Thơm rằng ông ác với cô Thùy quá, sao không cưới mẹ cô Thùy còn xứng đôi hơn là cưới cô con gái. Vì thấy người ta nghèo nên bắt chẹt mà!

Họ cũng cười ông Thơm chỉ nhớ vợ vì thói quen có vợ kề cận mỗi ngày trong nhiều năm. Vừa mất vợ thì hụt hẫng, đau khổ. Nhưng hễ có người khác trẻ và đẹp hơn thì chẳng còn nhớ vợ cũ nữa đâu.

Đành rằng góa vợ thì cũng nên đi bước nữa cho đỡ cô đơn, trống trải. Nhưng lấy đứa con gái nhỏ tuổi hơn con mình chỉ vì nó nghèo phải sống bám vào mình thì quá ác. Cô vợ nhí chẳng khác nào đồ chơi của ông chồng già. Cô không được chồng xem là một con người có nhân phẩm; cô bị xem như một thứ nô lệ của thời đại mới. Cô đi với ông ra đường có lẽ cúi gằm mặt xuống đất, dõ dám nhìn ai. Nhất là ông già Thơm chẳng mấy gì đẹp lão, ông lùn thấp và mặt mày quê mùa khó tả làm sao.

Con người sanh ra và lớn lên trong xã hội chủ nghĩa lúc nào cũng bị quyền lực ám ảnh. Ông Thơm có thể chấp nhận cho con gái đi lấy chồng già và bị đối xử như nô lệ, miễn đạt tới mục tiêu đi Mỹ thì thôi. Còn ông, suốt đời khúm

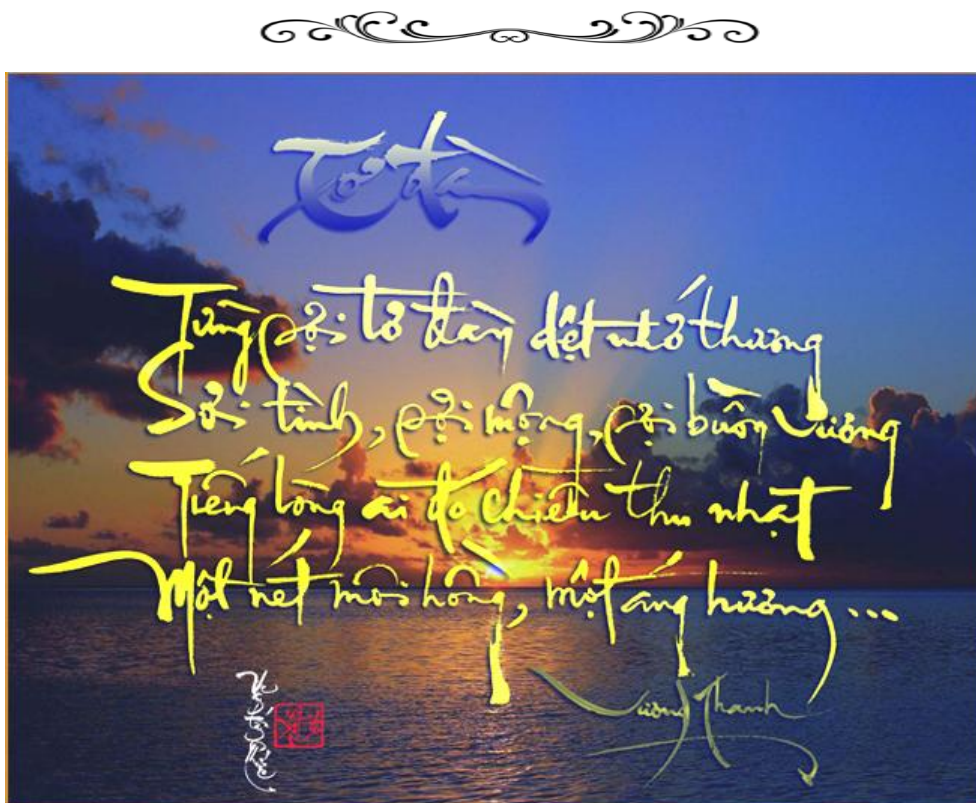
núm thừa gửi cán bộ làng, cán bộ xã, ông sợ chúng nó đồng thời cũng ao ước được quyền lực như chúng nó. Cho nên bây giờ có chút tiền, và đồng tiền giúp ông có chút quyền lực để cho làng xã biết ông có khả năng mua cô vợ nhí, có khác gì chủ nhân và “nô lệ” không chứ?

Nhưng ông cảm ơn nước Mỹ hết lòng hết dạ đã cho vợ chồng ông công ăn

việc làm ổn định để ông có số tiền lớn về quê dưỡng hưu và làm chủ một cô vợ nhỏ hơn con gái mình. Sáng nào khi thức dậy, nhìn quanh không thấy ai, ông cũng hô to: “Đế quốc Mỹ muôn năm!”

TT-Thái An

5/10/2019



CỘNG HÒA RWANDA

XÉT XỬ TỘI “DIỆT CHỦNG”

**** TP NGUYỄN VĂN THÀNH 23 ****

Mất 49 người thân trong gia đình bị Đức Quốc Xã đưa vào lò hỏa thiêu, luật gia Ba Lan Raphael Lemki đã sáng tạo ra từ “Diệt Chủng” vào năm 1944 vì ông hy vọng rằng khi nói tới chữ đó ai nấy đều phải rùng mình ghê sợ. Mọi người sẽ cảm thấy có trách nhiệm ngăn ngừa, trừng phạt, và ngay cả phải sử dụng mọi biện pháp cần thiết để ngăn chặn cuộc giết người hàng loạt. Những từ như “tàn bạo hay man rợ” chưa diễn tả được sự tàn sát quy mô xảy ra trong thế kỷ 20 đẫm máu nhất trong lịch sử do tội phạm “diệt chủng” gây ra.



Vào năm 1948, chịu ảnh hưởng tư tưởng của nhà luật học Raphael Lemki, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đồng thuận thông qua lần đầu tiên Hiệp Ước về nhân quyền lấy tiêu đề Công Ước Diệt Chủng, 1948 (The Genocide Convention, 1948) để các quốc gia hội viên ký kết và phê chuẩn. Mãi 40 năm sau, Hoa Kỳ mới phê chuẩn Công Ước

này. Trên nửa Thế kỷ đã trôi qua, sau khi Công Ước có hiệu lực, ta vẫn thấy xảy ra nhiều vụ diệt chủng gây chấn động lương tâm nhân loại, trong cuộc chiến tranh lạnh cũng như sau sự sụp đổ của khối cộng sản Liên Xô. Xin đơn cử 3 vụ diệt chủng sau được thực hiện theo hệ thống như đã xảy ra tại Cam Bốt (1975-1979), Liên Bang Nam Tư cũ, Yugoslavia (1991 trở về sau này), và Rwanda (1994).

Trong bài viết này, chúng tôi xin trình bày vụ diệt chủng 100 ngày diễn ra từ 06.04.1994 đến tháng 07.1994 tại Cộng Hòa Rwanda, miền Đông Trung Phi, đã giết chết trên một triệu người và 117.000 bị cáo can tội “diệt chủng” đang bị giam giữ trong các nhà tù chật ních tại nước bé nhỏ Rwanda. Do đó, ta thấy xuất hiện hai hệ thống pháp lý đều nhằm giải quyết nhanh chóng số phận hàng vạn can phạm, cùng tham gia vào vụ xét xử: Tòa Án Hình Sự Quốc Tế ở Rwanda và Tòa Án phong tục Gacaca của Cộng Hòa Rwanda.

Sự kiện trên rất quan trọng đưa tới nguyên tắc nhìn nhận Tòa Án Quốc Gia, nơi xảy ra vụ diệt chủng, sẽ đóng vai trò then chốt trong việc xét xử tội phạm đó, còn Tòa Án Hình Sự Quốc Tế chỉ giữ vai trò bổ sung mà thôi. Nguyên tắc này đã được đưa vào Quy Chế Rome của Tòa Án Hình Sự Quốc Tế thường trực mới được thành lập bắt đầu có hiệu lực từ 01.07.2002 trở đi.

Như vậy, việc khởi tố trước Tòa Án mới không phải là chuyện đơn giản (1).

VÀI HÀNG VỀ ĐẤT NƯỚC RWANDA

Địa Lý và Bối Cảnh Chính Trị

Cộng Hòa Rwanda nằm ở Đông Trung Phi, giáp ranh các nước Uganda, Tanzania, Burundi, Lake Kivu và Congo. Diện tích 10.169 dặm vuông/ 26.388 cây số vuông với dân số 8 triệu. Sau cuộc diệt chủng qui mô xảy trong năm 1994, dân số giảm xuống còn 6.727.000 (kiểm tra năm 1996). Tiếng Rwanda và Pháp được 15 triệu người Rwanda, Burundi và Congo sử dụng như ngôn ngữ chính.

Có 3 sắc dân Hutu, Tutsi và Twa thuộc thành phần chính của dân tộc Rwanda. Sắc dân Hutu chiếm đa số, sắc dân Tutsi thuộc thiểu số, còn Twa gồm nhiều bộ lạc nhỏ. Tuy thuộc thành phần thiểu số, sắc dân Tutsi rất giàu có nhờ thành công trong việc đào đất tìm kiếm kim cương, chất coltan (nguyên liệu chế biến điện thoại di động), khai thác lâm sản, ngà voi tại Rwanda và đặc biệt tại nước láng giềng Cộng Hòa Congo. Một số rất đông dân Tutsi lưu vong sinh sống tại Uganda và Burundi (một phần lãnh thổ của Rwanda, nơi có nhiều dân Tutsi cư ngụ, bị sát nhập vào Burundi dưới thời thuộc địa). Hai nước láng giềng này nhiệt tình ủng hộ sắc dân Tutsi trở về nước ngăn chặn cuộc diệt chủng do dân Hutu chủ xướng.

Khi cuộc diệt chủng ờ vào thời điểm khốc liệt nhất, dân Tutsi lưu vong tại Uganda thành lập một đạo quân do Đại



Tướng Paul Kagame chỉ huy xâm nhập Rwanda để cứu đồng bào của họ đang bị dân Hutu tàn sát hàng loạt hết sức dã man. Đạo quân cứu tinh đó đã chặn đứng cuộc diệt chủng, đánh tan quân đội của chính quyền Habyrimana và đẩy tàn quân Hutu vào lãnh thổ Cộng Hòa Dân Chủ Congo. Đám tàn quân đó ước tính 30.000 người được sự che chở và giúp đỡ của Congo đang lăm le trở về lật đổ chính quyền Kagame và có thể tái diễn cuộc diệt chủng. Trong khi đó, những quốc gia ký kết Công Ước Diệt Chủng, 1949, đều bàng quan trước cuộc diệt chủng đại quy mô mà đáng lẽ phải có trách nhiệm “ngăn ngừa và trừng phạt” như quy định trong Công Ước. Cũng chẳng có lực lượng giữ gìn an ninh và hòa bình nào tới can thiệp mặc dù trên 10 tổ chức tranh đấu bảo vệ nhân quyền tại địa phương đã báo động và kêu gọi cộng đồng quốc tế can thiệp trước khi xảy ra cuộc diệt chủng nói trên.

Từ ngàn xưa, dân Hutu đa số và dân thiểu số Tutsi có mối hận thù sắc tộc thường diễn ra cuộc chém giết đẫm máu. Khi chiếm được Rwanda làm thuộc địa, người Bỉ dùng chính sách chia để trị nên rất ưu đãi sắc dân Hutu.

Do đó, chia rẽ và hận thù lâu đời lại được khơi sâu thêm giữa hai sắc dân. Được chính quyền thuộc địa ban phát cho chút ít quyền hành trong tay, dân Hutu ngược đãi, khinh rẻ và còn tàn sát người Tutsi. Họ gọi người Tutsi là Inyenzi (cockroaches) những con gián đáng bị giết và cần phải diệt trừ.

Rwanda được độc lập từ năm 1962 và trở thành Cộng Hòa Rwanda. Quyền hành được chia sẻ giữa hai sắc dân Hutu và Tutsi. Nhiều Đạo Luật đã được ban hành nhằm san bằng mọi sự bất bình đẳng và cấm mọi sự kỳ thị chủng tộc nhưng vẫn chưa thể gột rửa được mối hận thù sắc tộc khắc sâu vào đầu óc của hai sắc dân. Những khẩu hiệu như “chúng ta đều là công dân Rwanda” không có tác dụng bao nhiêu.

Theo Tổng Trưởng Tư Pháp Rwanda, Jean de Dieu Mucyo, không có sự chung sống thân hữu giữa hai sắc dân Hutu và Tutsi, và cuộc diệt chủng quy mô đã được chuẩn bị từ nhiều năm trước ngày 06.04.1994 được thể giới gọi là “cuộc diệt chủng 100 ngày” (2).

Nguyên nhân dẫn tới vụ diệt chủng

Vào 10 giờ sáng ngày 06.04.1994, nhà độc tài Hutu, Juvenal Habyarimana, đang bay trên thủ đô Kigali, Rwanda, thì bất thần bị một hỏa tiễn bắn rơi chiếc phi cơ ở phía Nam Kigali. Tổng Thống Habyarimana tử nạn, và cho đến nay, cũng chưa rõ những kẻ tấn công đó là ai. Vụ giết nhà độc tài Hutu vẫn còn nhiều bí ẩn. Nhưng làn sóng công phần của những người quá khích và cuồng tín ủng hộ Tổng Thống Habyarimana cùng sắc dân Hutu nổi lên thật đột ngột trên khắp

đất nước Rwanda. Họ quy tội cho sắc dân Tutsi đã từng phạm sát hại Tổng Thống của họ, và cuộc chém giết dân Tutsi bắt đầu ngay sau cái chết của nhà độc tài Hutu.

Cả một chính quyền do đa số dân Hutu lãnh đạo đã sử dụng phương tiện truyền thông, đặc biệt các đài phát thanh, kích động dân Hutu nổi lên tàn sát dân Tutsi cùng những người Hutu ôn hòa không cộng tác vào cuộc chém giết tàn bạo đó. Bị kích động và bị lôi cuốn vào sự cuồng loạn của đám đông, dân Hutu trở nên như những con thú dữ. Họ săn đuổi diệt người Tutsi, bắt kẻ trẻ già lớn bé, với đủ thứ vũ khí như súng đạn, tên cung tẩm thuốc độc, mã tấu và gậy gộc. Có những vụ đốt nhà, cướp bóc tài sản, hãm hiếp phụ nữ. Hiếp dâm được coi như sự trả thù và trừng phạt. Không được bảo vệ, người dân Tutsi vô tội chạy trốn vào ẩn trú trong các trường học, khách sạn, bệnh viện, cơ sở nhân đạo, và các giáo đường cũng đều bị giết sạch.

Xin đơn cử một thành phố Butare nằm gần biên giới nước Brurundi, nổi tiếng hiền hòa, nơi có nhiều cuộc hôn nhân hỗn hợp giữa hai sắc dân Hutu và Tutsi. Với dân số 140.000 người, sắc dân Tutsi chiếm 75% dân số. Cuộc kiểm tra cho thấy, sau cuộc diệt chủng chấm dứt, trên một trăm ngàn dân thành phố bị tiêu diệt

Thảm cảnh trên xảy ra ở khắp mọi nơi có người Tutsi cư ngụ, từ thôn xóm hẻo lánh đến làng mạc, quận hạt tới tỉnh thành ở khắp đất nước Rwanda. Cuộc diệt chủng 100 ngày đã sát hại 800.000 người. Với dân số 8 triệu, có thể so sánh chỉ trong một ngày thôi, số

nạn nhân bị giết hơn 2 lần số tử vong trong cuộc tấn công không tặc ngày 11.09.2001 vào Trung tâm Thương Mại Quốc Tế ở Nữu Ước. Hay theo tỉ lệ dân số Rwanda đối với Hoa Kỳ, mỗi một ngày có 23 vạn người Mỹ bị giết và 23 triệu người bị diệt trong 3 tháng.

Thực ra, số nạn nhân còn nhiều hơn 800.000 người. Theo cuộc kiểm tra mới nhất của chính quyền Rwanda và được sự xác nhận của Đại Sứ Rwanda tại Liên Hiệp Quốc, Richard Sezibera, số người bị giết trong khoảng một trăm ngày lên tới 1.074.017 người tức mỗi ngày gần 10.000 bị tàn sát. Ngoài ra, Đại Sứ Sezibera cũng như cựu Trưởng Phòng Công Tố Tòa Án Hình Sự Quốc Tế riêng cho Rwanda đều nhận xét tổng cộng có 117.000 bị cáo can tội “diệt chủng” và các tội phạm nghiêm trọng khác đang bị giam giữ. Con số can phạm quá lớn lao, không một Tòa Án nào có thể xét xử cho hết được. Theo Thẩm Phán Golstone, nếu ta có đưa hết tất cả các bị can ra xét xử cho tới nơi tới chốn thì cũng phải mất ít nhất một trăm năm.

Vì lý do trên, Đại Tướng Paul Kagame, người hùng trong cuộc chiến chống diệt chủng, được bầu giữ chức Tổng Thống Rwanda, đã quyết định đưa tất cả hàng vạn bị cáo ra Tòa xét xử về tội diệt chủng cùng nhiều tội phạm nghiêm trọng khác theo 2 hệ thống pháp lý khác nhau. Một mặt, Tổng Thống Kagame yêu cầu Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc cho thành lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế riêng cho Rwanda, và mặt khác, ban hành Đạo Luật cho ra đời Tòa Án Phong Tục với tên Gacaca đóng vai trò chính yếu giải

quyết số bị can lớn lao đó đang bị giam giữ tại các nhà tù khắp nước Rwanda.

HAI HỆ THỐNG PHÁP LÝ

Tòa án hình sự quốc tế riêng cho Rwanda.

Thể theo lời yêu cầu của chính quyền Rwanda, Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc đã cho ra đời Tòa Án Hình Sự Quốc Tế riêng cho Rwanda vào ngày 08.11.1994 do Nghị Quyết 955 (1994) được toàn thể Hội Đồng chấp thuận trong phiên họp thứ 3453.

Theo quy chế của Tòa nói trên, Tòa có thẩm quyền xét xử những kẻ vi phạm trầm trọng luật nhân đạo quốc tế trong lãnh thổ Rwanda và những công dân Rwanda phạm tội đó tại các quốc gia láng giềng từ 01.01.1994 đến 31.12.1994, về các tội phạm sau:

- Diệt chủng
- Những tội phạm chống nhân loại
- Vi phạm Công Ước Geneva ngày 12.08.1949 quy định về luật chiến tranh (Điều 3)

Được thiết lập vào cuối năm 1994, Tòa Hình Quốc Tế Rwanda bắt đầu hoạt động vào năm 1997. Sở dĩ có sự chậm trễ, vì một mặt phải đặt ra quy tắc thủ tục và bằng chứng, và mặt khác cuộc diệt chủng đã giết chết gần hết nhân viên và thẩm phán phục vụ trong ngành tư pháp Rwanda. Sau cuộc diệt chủng, cả nước Rwanda chỉ còn 40 thẩm phán sống sót kể cả Tổng Thống. Theo lời kêu gọi của các tổ chức phi chính phủ, 90 quốc gia trên thế giới hưởng ứng tham gia vào Chương Trình Outreach (Outreach Program) gửi các

chuyên gia thượng thặng tới giúp đỡ tài chánh, thông tin, tổ chức, huấn luyện và quản trị cả Tòa Hình Quốc Tế lẫn ngành Tư Pháp Rwanda bị sụp đổ trong cuộc diệt chủng.

Xét xử

Tòa Hình Quốc Tế Rwanda đặt trụ sở tại thành phố Arusha, Cộng Hòa Thống Nhất Tanzania, Phi Châu. Cho đến nay, có 75 can phạm bị truy tố được coi như những “con cá lớn” và 66 kẻ phạm tội đang bị tổng giam tại nhà tù Arusha. Tòa dự trù đưa khoảng 120 tới 150 kẻ tình nghi can tội “diệt chủng” ra xét xử. Như vậy, Tòa đã quá bận rộn rồi. Đa số bị cáo thuộc loại đầu não trong vụ “diệt chủng 100 ngày” tại Rwanda, gồm những nhân vật trọng yếu trong nội các của cố Tổng Thống Juvenal Habyarimana. Họ đã chạy trốn ra nước ngoài ẩn trú như tại Phi Châu, Âu Châu và Bắc Mỹ Châu. Tham gia vào vụ diệt chủng này, còn có nhiều thành phần khác trong xã hội Rwanda tỷ như nhà báo, luật gia, nhạc sĩ, sinh viên, giáo sư, thương gia, bác sĩ, tu sĩ cũng bị đưa ra Tòa Hình Quốc Tế Rwanda,

Một số can phạm đầu sỏ bị dẫn độ từ nước ngoài về nhà tù Arusha, trong đó có Thủ Tướng Chính Phủ Rwanda, 11 Tổng Trưởng, nhiều nhân vật chính trị và Tướng lãnh trong quân đội Rwanda. Thủ Tướng Rwanda, Kambanda, Jean bị dẫn độ từ Kenya về nhà lao Arusha ngày 15.05.1998, lãnh án tù chung thân về tội “diệt chủng và những tội phạm chống nhân loại”. Đơn xin kháng án bị bác ngày 19.10.2000. Bị can đang thụ án tại nhà tù Arusha,

cùng với 4 nhân vật cao cấp khác đã bị kết án chung thân. Tòa Hình Quốc Tế Rwanda không áp dụng án tử hình. Các Tổng Bộ Trưởng, Thứ Trưởng, phụ tá và các tướng tá cùng nhiều giới chức quan trọng khác sẽ có quyết định của Tòa Hình Quốc Tế trong nay mai. Tóm lại, các sự kiện trên cho ta thấy chỉ có Tòa Hình Quốc Tế Rwanda mới có khả năng và uy quyền, lại được sự hỗ trợ của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, để yêu cầu hữu hiệu việc dẫn độ các can phạm chạy trốn khắp nơi trên thế giới. Tuy nhiên, Tòa này vẫn gặp trở ngại vì Cộng Hòa Dân Chủ Congo từ chối việc dẫn độ. Chẳng những vậy, quốc gia này còn giúp đỡ không chịu tước vũ khí của đám tàn quân Hutu ước 30.000, trong đó có nhiều bị cáo đầu sỏ nằm trong danh sách dẫn độ. Chính đạo quân lưu vong đó đã lăm le trở về giành lại chính quyền và có thể đưa tới vụ diệt chủng khủng khiếp khác. Vì lý do đó, đã xảy ra cuộc chiến dai dẳng giữa Rwanda và Congo, bắt đầu từ vụ “diệt chủng 100 ngày” cho đến nay, kéo thêm 7 nước nhảy vào Congo tham chiến đã giết chết hơn 3 triệu người, nhiều nhất chết đói và bệnh hoạn. Cuộc xung đột vũ trang đó được mệnh danh “Đại Chiến tại Phi Châu” (3).

Tòa Gacaca

Tên Gacaca gợi lại cho ta nhớ tới vào thời rất xa xưa, một giải đất rộng và bằng phẳng, có cây cao bóng mát. Tại đó, theo phong tục cổ xưa Rwanda, các trưởng lão khả kính và chính trực sống ở địa phương, ngồi dưới bóng

cây cao, xét xử những vụ kiện về tài sản, và đặc biệt về tội trộm gia súc.

Để giải quyết gần 12 vạn bị cáo can tội “diệt chủng” nhốt trong nhà giam chật hẹp suốt 7 năm chưa được hỏi cung, Tổng Thống Paul Kagame giao trọng trách cho Chương Lý Tòa Thượng Thẩm Nyanza, Jean Marie Mbarushimana, soạn thảo Luật Gacaca. Vào ngày 21.01.2001, nhân danh Tổng Thống Kagame, Chương Lý Mbarushimana phổ biến rộng rãi khắp nước Rwanda, lời mở đầu của Luật Gacaca. Bắt đầu từ đó, Gacaca đã là đề tài hàng đầu được bàn cãi sôi nổi trong mọi gia đình cũng như ngoài xã hội. Ngoại trừ một thiểu số còn hoài nghi, nhưng đại đa số dân chúng Rwanda đều tin tưởng Tòa Gacaca sẽ tìm một lối thoát để vừa trừng phạt kẻ phạm tội, vừa nhằm hòa giải hai sắc dân Hutu-Tutsi đi vào cuộc chung sống hữu nghị.

Luật Gacaca được ban hành vào tháng 10 năm 2001. Theo tinh thần Đạo Luật này, tất cả mọi công dân Rwanda đều có nghĩa vụ phải tham gia vào cuộc bầu cử chọn lựa 26 vạn phụ thẩm và thẩm phán. Ngoài ra, Đạo Luật còn minh định “trách nhiệm ra khai trước Tòa Gacaca là một bổn phận đạo lý, không một ai được đứng ra ngoài dù đưa ra bất cứ lý do gì”.

Chính quyền đã động viên 90% dân số và thành công trong cuộc bầu 260.000 công dân thanh liêm vào chức vụ xét xử tại Tòa Gacaca. Tòa án mới được thành lập theo tiêu chuẩn quốc tế được chừng nào hay chừng ấy, và đặt dưới sự kiểm soát của Tòa Tối Cao Rwanda. Tuy nhiên, thủ tục thi hành án

tù khá linh động như cho phạm nhân được miễn thụ hình một phần bản án khi bị can trở về phục vụ cộng đồng địa phương.

Tổ chức

Tòa Gacaca được thiết lập trên khắp nước Rwanda, theo hệ thống hành chánh ở mọi cấp, như Tòa thôn xã, cộng đồng, khu phố, quận hạt tới thành thị. Mỗi Tòa địa phương đều có 19 thẩm phán với sự phụ tá khoảng 400 nhân viên phụ trách điều tra, tìm bằng chứng để đưa ra xét xử theo 4 loại dưới đây:

Loại thứ nhất: Những kẻ tổ chức, kích động cuộc diệt chủng cũng như kẻ hiếp dâm, không được hưởng sự khoan hồng của Luật Gacaca. Rwanda vẫn áp dụng án tử hình.

Loại thứ hai: Những kẻ giết người nhưng không phải là người lãnh đạo cuộc tàn sát. Ước tính có $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số bị can nằm trong loại này.

Loại thứ ba: Gây thương tích cho nạn nhân.

Loại thứ tư: Xâm phạm tài sản.

Các Tòa Gacaca tổ chức theo hệ cấp ở trên đều có sự kiểm soát của Tòa Án Tỉnh, Tòa Thượng Thẩm và Tòa Tối Cao.

Can phạm thuộc loại một được xếp vào loại thủ phạm nguy hiểm nhất đã tham dự vào sự tàn sát tập thể hoặc hiếp dâm có tổ chức theo hệ thống từ trên đưa xuống. Hiếp dâm không còn là một thường tội, đã được Tòa Hình Quốc Tế Rwanda coi như tội phạm chống nhân loại. Chưa có thể ước tính số phụ nữ bị hãm hiếp và bị giết vì cuộc điều tra còn đang tiến hành.

Riêng tại Bosnia (trong Liên Bang Nam Tư cũ) ước tính có khoảng 50.000 phụ nữ bị cưỡng hiếp và 30.000 có thai, cho ra đời hàng ngàn trẻ em trong thảm cảnh đó.

Các bị cáo thuộc loại 2, 3 và 4 đều được sự khoan hồng rộng rãi nếu như thú nhận tội lỗi trước và trong phiên xử. Tỷ như can phạm thuộc loại 2 có thể bị kết án tối đa 25 năm tù, nhưng nếu thành thật thú nhận, có thể được giảm án xuống còn 12 hay 7 năm. Còn các bị cáo thuộc loại 3 và 4, hầu hết đều được phóng thích để trở về làm công tác trong cộng đồng. Hiện có 5.000 cảnh sát viên đang giữ gìn trật tự tại các phiên Tòa Gacaca. Cả ngàn bị cáo được phóng thích trở về địa phương, hòa nhập vào cuộc sống bình thường trong xã hội Rwanda (4).

Kết luận

Theo quan điểm của Kingsley Chiedu Moghulu, phát ngôn viên và cố vấn pháp lý của Liên Hiệp Quốc tại Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Rwanda, câu hỏi căn bản được đặt ra là tại sao Tòa Quốc Tế đó thành lập? Và nếu không cho ra đời Tòa Án này thì liệu Tòa Án Quốc Gia Rwanda có thể đưa các giới chức cao cấp can tội vi phạm luật nhân đạo quốc tế tại quốc gia Rwanda ra tòa được không?

Trả lời câu hỏi sau hiển nhiên là không. Bởi vì ngành tư pháp Rwanda đã hoàn toàn sụp đổ sau cuộc diệt chủng 100 ngày. Mặc dầu có thiện chí chính trị không bao che công dân Rwanda phạm tội hình sự quốc tế, nhưng chính quyền Rwanda thiếu chuyên gia và phương tiện nên đã xin

Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc thiết lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế riêng cho Cộng Hòa này để xét xử 117.000 bị cáo can tội diệt chủng đang bị giam giữ tại các nhà tù Rwanda.

Căn cứ vào thủ tục hình sự quốc tế hiện hành bị chỉ trích quá chậm chạp, có lẽ ta phải chờ tới thế kỷ 22 mới mong thấy tòa hoàn tất nhiệm vụ xét xử tại Rwanda. Đối đầu phải giải quyết khó khăn vừa đề cập và với tinh thần tiên phong tìm lối thoát, Tòa Hình Sự Quốc Tế Rwanda đã đề ra và áp dụng những tiền lệ và nguyên tắc lừng danh sau:

-Tiền lệ thứ nhất

Tòa Hình Quốc Tế Rwanda là Tòa đầu tiên kết tội nhà lãnh đạo chính quyền Rwanda (Thủ Tướng Jean Kimbanda) tù chung thân và điều tra trên 10 Tổng Bộ Trưởng, Chủ Tịch Quốc Hội cùng Tướng Tư Lệnh Quân Đội để đem họ ra xét xử trước công lý.

Như vậy, Tòa trên được thành lập không phải để xét xử tất cả các can phạm mà Tòa này chỉ xét xử những bị cáo chớp bu thường được gọi “những con cá lớn nhất” mà thôi. Số bị can còn lại thuộc thẩm quyền Tòa Án quốc gia Rwanda.

-Tiền lệ thứ hai

Tòa Hình Quốc Tế Rwanda cũng là Tòa đầu tiên coi tội “hiếp dâm”, trong một số trường hợp, nằm một phần trong tội diệt chủng, và lần đầu tiên kết án cá nhân vi phạm đó về “tội chống nhân loại”.

Tiền lệ trên đã được đưa vào quy chế Rome về Tòa Án Hình Sự Quốc Tế thường trực mới được thiết lập có hiệu lực cưỡng hành kể từ ngày 01.07.2002 (Điều 7, khoản “g” qui định về tội hiếp

dâm). Tòa nào ưu tiên xét xử tội ác chiến tranh?

Như chúng tôi đã trình bày lời mở đầu trong mục kết luận, câu hỏi căn bản nêu ra để giải quyết là Tòa Án hình quốc tế hay Tòa Án quốc gia ưu tiên xét xử “tội ác chiến tranh”. Câu trả lời nằm trong sự khai sinh ra Tòa Gacaca.

Sau khi cuộc diệt chủng chấm dứt được sáu năm, ta thấy ngành tư pháp Rwanda được phục hồi đã lãnh trách nhiệm quan trọng giải quyết đại đa số các bị cáo vi phạm “tội ác chiến tranh”. Tội này được giải thích theo khuynh hướng hiện nay, không theo sự định nghĩa chặt chẽ của kỹ thuật pháp lý thời xưa, bao gồm một chùm tội phạm sau: diệt chủng, chống nhân loại và vi phạm Công Ước Geneva ngày 12.08.1949. Sự giải thích vừa đề cập phù hợp với quy chế Tòa Hình Quốc Tế Rwanda đã dùng tội danh chung “vi phạm trầm trọng luật nhân đạo quốc tế” (5).

Các sự kiện trên đã xác nhận định chế hình sự quốc gia sẽ ưu tiên mở cuộc điều tra và thủ tục truy tố kẻ gây ra “tội ác chiến tranh” thuộc thẩm quyền quản hạt của quốc gia đó. Ý niệm trên dựa vào sự bổ sung (complementary) đã được các nhà soạn thảo luật hình sự quốc tế đưa vào Quy Chế Rome về việc thành lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế thường trực mới ra đời. Theo điều 1 và 17 Quy Chế Rome, Tòa Án Hình Sự Quốc Tế mới sẽ can thiệp mở cuộc điều tra và thủ tục truy tố chỉ khi nào các chức quyền quốc gia, nơi xảy ra vụ phạm pháp nằm trong quyền tài phán, đã bao che các kẻ phạm tội hoặc không thể phát động

quyền truy tố vì ngành tư pháp yếu kém hay bị sụp đổ như tại Rwanda.

Một trong hai lý do trên coi như duyên cớ thúc đẩy Biện Lý Tòa Án Hình Sự Quốc Tế thường trực phát động công tố quyền để đưa bị cáo được bao che ra ánh sáng của công lý về 4 tội phạm nghiêm trọng nhất trên thế giới được quy định trong Quy Chế (6).

Nhiệm vụ lịch sử

Sự ra đời Tòa Gacaca đã vấp phải sự phản đối ở trong nước cũng như ngoài nước. Chỉ trích thì dễ. Nhưng không có đầu óc siêu việt nào đưa ra được một tư tưởng hay sáng kiến khả thi cả. Ngoại trừ cựu Trưởng Phòng Công Tố Tòa Hình Quốc Tế Nam Tư cũ và Rwanda, đưa ra đề nghị lập “Ủy Ban Sự Thật và Hòa Giải” như Nam Phi đã áp dụng với hàng trăm ngàn bị cáo can tội “phân biệt chủng tộc”. Nếu bị can thú nhận tội lỗi sẽ được ân xá. Rwanda đã bác bỏ đề nghị này. Rwanda đã tự cứu mình khỏi nạn diệt chủng, không thể trông cậy vào ngoại bang. Nay người dân Rwanda lại càng tin tưởng hơn nữa, công lý của đất nước mình phải do chính người Rwanda quyết định chứ không thể trông mong vào ai cả.

Thiết nghĩ không có nhân vật nào đủ thẩm quyền hơn Đại Sứ Rwanda tại Liên Hiệp Quốc, Richard Sezibera, đã hãnh diện tuyên bố như sau, tại diễn đàn Liên Hiệp Quốc cũng như khắp nơi

trên thế giới: “Con đường duy nhất đem công lý cho Rwanda: Tòa Gacaca.” Đối với Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Rwanda, các nhà sử học đang viết về những bản án của Tòa này với lời tạm kết như sau: “Những tiền lệ nổi tiếng của Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Rwanda đã làm phong phú luật hình sự quốc tế và được nhiều quốc gia trên thế giới đã đưa vào luật quốc nội.”

Hiện nay Tòa trên đang cần những trái tim và trí tuệ hỗ trợ để hoàn tất nhiệm vụ lịch sử, trong những năm tháng tới, tại nước bé nhỏ, bất hạnh Rwanda chưa được sự quan tâm đúng mức của giới truyền thông và báo chí trên thế giới.

NGUYỄN VĂN THÀNH 23

Chú thích:

(1) Justice on a Hill-Genocide Trials in Rwanda by George Packer-Dissent Spring 2002

(2) Raising the Cost of Genocide by Samantha Power-Dissent Spring 2002

(3) Africa’s Great War-The Economist July 6th-12th 2002

(4) Genocide Trials in Rwanda by George Packer

(5) The term “war crimes” on this context and as used here after in this article is intended to cover all the crimes within the tribunal’s subject matter jurisdiction, not simply war crimes in the narrow technical sense of the term. The crimes are referred to as “serious breaches of international humanitarian law” in the tribunal Statute and include grave breaches of Geneva Convention of 1949, crimes against humanity, violations of the law and customs of war, and genocide-The Fletcher Forum of World Affairs Summer/Fall 2002. Vol. 26:2

(6) Under the ICC Statute, the ICC authorities can commence a prosecution only where the domestic authorities cannot or will not prosecute a crime within their jurisdiction and a number of other conditions are met. See S. Williams, in O. Triffterer, ed, “Article 17: Issues of Admissibility.” Commentary on the Rome Statute of the International Criminal Court.



MIỀN TRẦM HƯƠNG

Cây Đào sớm nay ra hoa,
Bỗng dựng lại nhớ
quê nhà... rưng rưng,
Câu Thơ mấy chữ ngập ngừng
Đọc đi, đọc lại băng khuâng gió chiều.

Trời chiều nắng nhạt hắt hiu,
Có điều gì nhớ, có điều gì quên!
Chiều qua, ngồi lặng, bên thềm
Cái Tâm bỏ ngõ, cái Quên bắt ngờ!

Sáng nay, tỉnh giấc ngẩn ngơ,
Giọt sương nào đọng trên tờ Hoa Tiên
Lặng lòng, nghe tiếng Kinh Hiền
Đêm rằm trăng tỏ,
Hoa Nghiêm sáng ngời.

Đọc Kinh không tỉnh, ngủ ngời,
Trong mơ lại thấy tươi ngời, Búp Sen.
Vào Thơ, lại nhớ Mẹ Hiền
Kinh Chiều êm ả
một miền Trầm Hương ...

TUỆ NGÀ

Thành Phố Hoa Hồng
Portland, Oregon



ĐÀ LẠT

(tặng HND)

Pensée tím nụ đón sương
Em đi cứ ngỡ thoáng hương phai rồi
Lời thề nguyên âm bờ môi
Dòng đời biển biệt, ngàn khơi lên đầy

Chiều xưa cũng ở đời này
Cùng người yếu đuối, cỏ cây đồng tình
Chiều vàng thừa thớt gió linh
Ru hờ theo nắng bóng hình.. dần xa..

Người đi lá rũ cành hoa
Đời xưa còn đó. Xót xa về nguồn
Cam Ly nước đổ hiu buồn
Mimosa tha thiết, ước nguyện tìm đâu..

Mây mờ, Đà Lạt u sầu
Trời buồn nhỏ lệ. Đường xưa em về
Môi em ngà ngọc để mê
Đời Cù quên lối, sầu tê ngậm ngùi..

Hương duyên đành nở buông xuôi
Câu thơ năm cũ, ngọt bùi còn đây
Vòng tay thủy tạ còn đầy
Đá buồn. Còn biết phân bày cùng ai?..

Hoa bất tử* cũng tàn phai
Người em yêu dấu, dấu dài gởi chẵn
Ân tình chôn chặt trăm năm
Mắt xưa còn đọng.. xa xăm.. hương
nồng...

*hoa immortel

BÙI THANH TIÊN

(Đà Lạt, tháng 12-89)

CÙNG MỘT KIẾP NGƯỜI

** Diễm Châu (Cát Đơn Sa) **

Thằng Mễ ngồi lõ mắt, nuốt nước miếng ừng ực vào trong cổ họng nhìn mẹ con bà Hoàng Hoa đang ngồi ở ghế xích đu đối diện trước “nhà” nó, dưới tàn cây King Palm đầy bóng mát của buổi chiều mùa hạ. Bà mẹ đang chăm sóc cho thằng con trai của bà cỡ tuổi nó, vỗ về con một cách nhẫn nại:

- Ăn đi Cu Tim của mẹ, ngon lắm...

Nhưng thằng bé này đã lớn mà còn làm nũng mẹ ghê gớm! Nó nở lòng nào đẩy tay mẹ nó ra, và lắc đầu ngậy ngậy:

- Không, không ăn...

Rồi nó lại còn hất tung cả đồ ăn, khiến cái đĩa trên tay bà Hoa rớt xuống đất. Mấy miếng thịt ướp thơm phức và mớ khoai tây chiên ngon lành thế... mà thằng này lại chê! Gương mặt của bà Hoa thoáng chút ngớ ngàng!

Phải như đĩa thức ăn này vào tay nó, thì không bao giờ nó làm cái giọng điệu ỏng eo thế cả, mà sẽ cắn đầu ăn thật ngon cho mẹ vui lòng! Nhưng mẹ nó giờ này đang còn làm việc ở trong một motel phòng giặt nóng bức, cho đến mười hai giờ đêm mới về đến nhà! Hàng ngày trước khi đi học, mẹ nó vẫn thường dặn:

- Con đi học về lấy bánh mì lát mẹ đã gói trong bao giấy, quán mấy lớp báo

cột chung với chai mứt đậu phộng mà ăn nghe con...

- Sao phải gói trong bao giấy hả mẹ?

Nó hỏi mẹ với sự thắc mắc, mẹ nó đáp:

- Bởi vì phải giấu những đôi mắt quỷ quyết của mấy con chuột trong ấy con ạ. Tội nó mà thấy đồ ăn là sẽ cắn phá tan tành ngay, rồi thì mẹ con ta đói vì không còn gì để ăn!

- Sao ở đây nhiều chuột thế hở mẹ?

- Tại mình chỉ ở tạm bợ trong ngôi nhà cũ bỏ hoang sắp bị phá hủy này... là để chờ hai tuần nữa mẹ lãnh lương, sẽ đi mượn chỗ nào khác giá rẻ rẻ...

Rồi bà mẹ ôm thằng Mễ, an ủi:

- Con ráng chịu đựng nhé, dù sao con cũng còn đi học, phải học giỏi thì mai sau mới có tiền, thoát ra khỏi cảnh nghèo được con ạ.

Thằng Mễ ôm mẹ nó, mới mười tuổi thì làm gì để giúp mẹ bây giờ! Thật ra tên nó không phải là Mễ, nhưng vì bà Hoa thấy nó người Mễ nên đặt tên luôn, trong lúc thằng con của bà học cùng lớp thì không ưa thằng này chút nào!

Bà Hoa là một người tuy hơi hợp, nông nổi, nói đâu quên đó... nhưng bà có đức tính dễ chịu và lòng thương người. Hễ ai kêu đóng góp cứu trợ là thế nào bà cũng tiếp tay, dù sao cũng là “của ít lòng nhiều”. Thế nên khi thấy

những hoàn cảnh khổ trước mắt thì bà không đành bỏ qua. Bà là một người tốt.

Một tuần nay thấy thằng Mễ cô độc một mình, đi học về ngồi ở góc nhà phía trước, ngôi nhà cũ sắp bị phá bỏ để xây những căn nhà mới, bà muốn kêu nó qua chơi với con mình, nhưng thằng Tim nhất định không chịu. Nó còn hăm dọa:

- Mẹ mà cho thằng đó vào nhà là con không chơi với mẹ nữa!
- Sao vậy, nó nghèo mình phải tội nghiệp nó chứ con!
- Con không thích nó... Cái đồ hôi thúi!
- Sao lại khinh khi người ta như thế, tội chết! Mà mẹ vẫn thấy mẹ nó phơi quần áo hàng ngày bên kia mà...
- Nhìn dơ dáy... Nó học chung lớp với con sao không biết! Mấy thằng bạn con không ưa nó!
- Bộ nó làm cái gì sao mà không ưa?
- Cô giáo hỏi cái gì nó cũng giơ tay trả lời, làm như học giỏi lắm... Nó tính dành hạng nhất của con đó mẹ... nhìn quần áo của nó là đủ ghê rồi!

Bà Hoa nhú mày:

- Sao mà ghê?
- Quần áo cũ xì, giày rách... dơ bẩn!
- Con đó, còn nhỏ mà đã có tính khinh người không tốt đâu... nhà nó nghèo thì mang áo quần cũ, giày rách, nhưng học giỏi là tốt rồi, con học giỏi mẹ cũng mừng vậy... Chừng nào nó

làm biếng mới là đáng trách... Mình phải thương người chứ con!

- Không, con không ưa. Mẹ đừng nhắc đến thằng đó nữa!

Bực mình thằng con, nhưng bà Hoa cũng ráng nhịn cho yên nhà. Nó đã được cưng chiều từ nhỏ đến giờ thì tính ích kỷ là phải, có biết thương ai! Và lại bà cũng cưng nó như vàng như ngọc vì nó học hành giỏi giang, đâu có muốn làm cho nó ghét mình!

Tối hôm đó bà thủ thủ với ông chuyện thằng Mễ và con trai, tưởng ông sẽ đứng về phía mình nói điều chân lý, khuyên dạy con, ai ngờ ông phán:

- Em để ý thằng nhóc kia làm gì cho con mình giận! Con ai người nấy lo... Từ nay con nó ở nhà thì đừng bao giờ nhắc đến thằng Mễ nữa.

Sở dĩ bà đem bàn chuyện thằng Mễ với ông, là vì bà muốn giúp cho nhà nó chút đỉnh tiền để sinh sống. Vấn đề tiền bạc từ ngày lấy ông đến nay, dù lớn nhỏ bà cũng thường hay nói cho ông biết, không giấu chuyện gì! Nếu ông đồng thuận mà giúp cho nó mỗi tháng khoảng một trăm, thì chắc má con nó phải mừng ghê lắm.

Nếu ông không ưng, thì bà cũng sẽ lấy áo quần cũ của thằng Tim chê không mặc, đem cho thằng Mễ! Bà chỉ sợ thằng Tim mà biết bà lấy đồ của nó, dù là đồ cũ, đồ bỏ... đem cho thằng kia thì chắc chắn nó không chịu để yên!

Những ngày sau đó, dù e ngại thằng con sẽ gây khó dễ cho mình và cho cả thằng Mễ, bà Hoa cũng vẫn ngồi soạn lại những bộ đồ khi nó đã đi học không có nhà, những thứ mà con bà chê không mặc, cất gọn gàng trong một cái thùng chưa đem cho “Goodwill”, lấy ra những thứ tốt nhất đem qua cho thằng Mễ.

Bà ra ngoài ngồi đợi nó trước cửa trên chiếc xích đu, bà không sợ con trai bắt gặp bởi như thường lệ, thằng Tim đi học về ghé thằng bạn thân trước khi về nhà lúc năm giờ, thằng nhỏ hay ở chơi nhà bạn vài tiếng. Nó nói rằng hai đứa làm bài vở chung và chơi computer trước khi về ăn cơm.

Thằng Mễ thì cứ đúng ba giờ là nó có mặt ở nhà! Thấy thằng nhỏ vừa bước tới, bà Hoa xách cái túi quần áo và một bao đựng hai ổ bánh mì thịt đi theo. Bà nhìn căn nhà trống trước trống sau, bên trong nóng hầm hập mà tội nghiệp...

- Ở đây có chỗ cắm điện không? bác cho mày mượn cái quạt máy nhỏ.
- Dạ không...
- Rồi ngủ có nóng không?
- Ở phía sau có căn gác gió cũng mát, con leo lên đó ngủ.
- Còn mẹ mày thì sao?
- Dạ, bà cũng nằm ở đó vì trên cao, mát hơn ở đây...
- Cũng may nơi đây buổi tối hơi lành lạnh...

Bà Hoa nhìn cái thùng cũ nơi góc phòng kế bên cửa sổ, đây là nơi hai mẹ con nó ăn uống, học hành. Có mấy cây nến ở đó.

- Để bác nói nhà đằng sau cho thông sợi dây điện qua đây cho hai mẹ con xài. Bác sẽ trả tiền điện cho họ.

Rồi bà đưa cho thằng Mễ thức ăn và túi quần áo. Bà nói:

- Đây, bác cho mày mấy bộ quần áo và hai khúc bánh mì. Để bác qua nhà người quen xin họ cắm điện, rồi về nhà kiếm sợi dây điện dài nối cho xài, bên nhà bác không nối qua đây được vì phải băng qua đường, xe cộ chạy qua lại bất tiện.

- Cám ơn bác.

Thằng Mễ ôm túi quần áo thích thú. Nó lấy ngay ổ bánh mì ra đưa lên miệng cạp ngấu nghiến. Nhìn khuôn mặt nó vui tươi, bà Hoa thích lắm. Ít ra bà đang làm điều tốt, giúp cho kẻ nghèo.

Trong lúc thằng nhóc ngồi ăn, bà đi vòng vòng nhìn... Căn nhà hư hại nhiều chỗ thủng trên mái, ánh nắng chiếu xen qua thủng xuống nền nhà, nhưng cũng có chỗ mái chưa bị hư, hơn nữa có vài phòng bao quanh nên mẹ con nó ở đây cũng kín đáo. Cầu tiêu thì còn xài được nhưng không có nước, bà thấy dễ xõ nước đầy trong đó...

- Này, cháu lấy nước ở đâu vậy?
- Dạ, mẹ cháu xin ở vườn bác Smith đằng sau.
- Bác ấy có lấy tiền không?

- Không ạ, nhưng cháu tưới cây cho bác hai ngày một lần.

Thì ra bà Smith cũng đã giúp cho nó xài nước, nếu xin cắm thêm dây điện, nhiều khi bà ấy cũng không lấy tiền. Bà Smith ở một mình vì hai đứa con của bà đã đi làm xa, chồng thì mới qua đời khoảng một năm trước đây.

Bà Hoa về nhà lấy sợi giây điện rồi đi ra phía sau vườn xem xét. Từ ổ cắm điện ở vườn sau nhà bà Smith kéo qua đây, chắc chắn phải cần thêm một sợi nữa mới vô tới trong nhà. Sợi giây điện của bà Hoa khá dài nhưng vẫn không đủ. Ông chồng bà hay dùng nó để kéo ra sau vườn cắm máy khoan, máy cưa gì đó...

Để gặp bà Smith nói chuyện trước, rồi bà sẽ đi mua thêm một sợi giây nữa. Bà Hoa lại trở về nhà mình, mở tủ lạnh lấy ra cái bánh kem plan mới làm nhỏ nhỏ xinh xinh, bưng qua cho nhà bà Smith. Chỉ sau vài phút chào xã giao thăm hỏi, thì công việc tiến triển thuận lợi, không những bà Smith cho cắm điện “free”, mà còn chỉ chỗ cho bà Hoa vào ga-ra nhà bà tìm thêm sợi giây điện trong đó, khỏi phải đi mua.

Trước khi về nhà mình, bà Hoa cần thận dặn dò thằng Mễ:

- Nhớ nói mẹ mày đừng có qua kiếm tao buổi tối nhé, cần gì thì gặp buổi sáng cũng được, khi chồng và con tao đã ra khỏi nhà.

Thằng nhỏ gật đầu lia tở ra hiểu biết. Tối hôm đó bà Hoa vui vẻ khác mọi ngày, làm cho ông chồng ít nhiều thắc mắc... Giấc ngủ ngon lành cho bà Hoa cảm thấy thật thoải mái. Bà khoan khoái thức dậy, rửa mặt đánh răng xong, lo vào bếp làm thức ăn sáng cho cha con nhà nó. Khi ông chồng đi làm và chở theo thằng con đến trường rồi, bà mới ra phía đằng trước xem má thằng Mễ có muốn gặp mình nói gì chẳng, nhưng bà không trông thấy bóng ai cả. Bà Hoa hơi buồn vì nghĩ rằng thế nào bà má thằng Mễ cũng phải gặp mình để nói đôi lời cảm ơn!

Hay là bà má Mễ chưa thức dậy? Không thể nào vì bà biết má Mễ tuy nghèo, nhưng rất lo lắng cho thằng con của bà. Sáng nào thằng Mễ cũng được má nó đưa đi một đoạn đường gần tới trường bà mới quay về. Thằng Mễ nói má nó muốn đi bộ cho sức khỏe tốt.

Bà Hoa từng nói ông chồng mình có chở con tới trường thì cho thằng Mễ đi cùng, nhưng thằng Tim nhất định phản đối! Đành chịu chứ biết làm sao.

Bà Hoa đang tính quay vào nhà thì bất ngờ thấy bà Mễ từ xa đang đi đến, tay xách cái bóp cũ đáng đi thất thần. Chắc bà mới đưa con tới trường rồi về đây. Bà thông thả ngồi xuống cái ghế xích đu chờ đợi.

Bà Mễ đi tới gần nhìn bà Hoa, gật đầu chào:

- Chào bà, tui muốn cảm ơn bà đã giúp cho nhà tui có điện và cho con tui nhiều quần áo tốt, con tui rất thích.
- Không có gì... chuyện nhỏ mà... tui thấy bà cũng cần có một cái bếp điện để đun nước hay nấu đồ ăn, nên tui mang qua để sẵn ở chỗ thùng các-tông, bà có thấy không?
- Dạ có, xin cảm ơn bà rất nhiều... thú thực là nhiều khi muốn hâm chén súp nóng cho con mà phải ăn lạnh, vì không có gì để nấu!
- Lần sau có gì cần về bếp núc, bà cứ qua tôi trong buổi sáng, tôi sẵn lòng. À để tui tìm thêm một cái nồi nhỏ nữa, lát mang qua cho bà nhé, để có cái mà nấu.

Rồi bà Hoa nhấn mạnh thêm:

- Bà nhớ là trong buổi sáng chồng con tui không có nhà, bà cần gì cứ gọi. Nhưng buổi chiều tối thì đừng, vì tui không muốn cho họ biết!
- Dạ, tui không qua đâu... tui cũng dặn cháu đừng có làm phiền bà... với lại chắc tui sắp phải rời khỏi nơi này rồi!
- Sao vậy?

Thấy bà Mễ ngần ngừ, bà Hoa thân mật:

- Bà cứ nói cho tui nghe, có gì tui còn tính giúp cho bà...

Bà Mễ im lặng một lúc rồi cho biết bà đã mất việc một tuần nay! Cũng chỉ vì bà bỏ chỗ làm chạy ra ngoài, cho kịp cái hẹn của Sở An Sinh Xã Hội xin giúp đỡ. Nhưng đến chỗ hẹn bà cũng không

được giúp gì thoả đáng... vì không có địa chỉ chắc chắn. Khi trở về nơi làm việc thì bị đuổi với lý do bỏ đi không xin phép lần thứ ba!

- Thế bà đang làm nghề gì?

- Tui làm bồi phòng cho khách sạn!

Hoàn cảnh của bà Mễ thật tội nghiệp... Nhưng bà Hoa đâu thể tự tiện ra tay giúp hai mẹ con bà ta bằng cách cho qua nhà mình ở! Bà không thể tự quyết việc này và dù sao bà Mễ cũng là một người lạ, làm sao dám đưa vào ở trong nhà... Rồi còn chồng con của bà nữa chi! Thật là rắc rối quá!

- Rồi bây giờ bà tính sao?

- Tui không biết... Họ bảo tui nếu không thể nuôi con nôi, thì giao thẳng bé cho sở Xã Hội, họ tìm một nhà cha mẹ nuôi tử tế lo cho.

- Trời, làm sao cho con mình như thế được!

- Nhưng tui không có tiền! Tui đang suy nghĩ không biết tính sao... Thương con quá!

- Thằng nhỏ dễ thương lắm, tui cũng thích nó...

- Tui suy nghĩ mãi, và cũng muốn cho con mình để nó có nơi đàng hoàng êm ấm mà nương tựa... nhưng tui chưa thể rời nó được bà ơi!

Bà Hoa cũng ghen ngào trong lòng! Ở đời có nhiều cảnh khổ thật... Bà cũng là người sống nương tựa vào chồng thì đâu thể quyết những chuyện khác để giúp ai khác!

Nói chuyện với bà Mễ xong bà Hoa cảm thấy thật băng khuâng, trong người cảm thấy khó chịu. Bà mang trạng thái đó không lâu thì ba giờ chiều, lúc bà đang ngồi đợi thằng Mễ đi học về để cho nó hộp cơm rang... thì bất ngờ thấy một chiếc xe trời tới, rồi thằng con bà từ trên xe nhảy xuống với nét mặt cau có. Thì ra ba của thằng bạn chở thằng nó về thẳng nhà chứ không ở lại nhà bạn như mọi khi...

Gặp mẹ, nó gầm gừ ngay:

- Mẹ... sao mẹ lấy quần áo của con cho thằng Mễ mặc?

Bà Hoa ngớ mặt ra, không hiểu sao nó biết? Đang thắc mắc thì thằng Tim tiếp:

- Mẹ tưởng mẹ lấy đồ của con, con không biết sao... sáng nay thằng Mễ mặc đồ của con vào lớp, con chửi nó một trận!

Nghe con nói, bà Hoa thấy tức nó kinh khủng. Bà la lên:

- Trời đất! Sao lại làm vậy? Đồ con không mặc định cho "Goodwill" thì mẹ cho nó có gì là sai? Nó cũng là người nghèo vậy!

- Nhưng con đã nói là không muốn nó đụng tới cái gì của con cả...

- Sống như vậy là quá ích kỷ. Mẹ hỏi con chứ nếu mẹ đem quần áo cho mấy tiệm đồ cũ, rồi mẹ nó mua lại cho nó bạn thì sao?

- Con không cần biết, nếu nó bạn đồ của con là con đánh nó!

Nói xong thằng bé vùng vằng bỏ vào phòng. Bà Hoa tức điên lên, bà chạy qua nhà thằng Mễ đưa cho mẹ nó hộp cơm chiên đủ cho hai mẹ con ăn... rồi chạy về nhà tìm thằng con mình dạy dỗ... Nhưng khi bà vừa về đến nhà thì thấy thằng bé ùng ùng đi ra, bà vội cản nó lại.

- Con định đi đâu?

- Con không ở đây nữa, con tới ở với bạn.

- Tại sao?

- Vì mẹ không thương con mà chỉ binh thằng Mễ thôi!

Câu nói của nó làm bà Hoa động lòng. Mẹ nào lại không thương con cơ chứ! Bà nuốt cục tức ôm nó vào lòng, dỗ dành:

- Con phải biết là mẹ chỉ có mình con, nếu không thương con thì thương ai?

- Vậy sao mẹ cứ lo cho thằng Mễ hoài?

- Mẹ có lo hoài đâu... Nhà nó nghèo không có cả chỗ ở, cả đến mấy con chuột cũng dành đồ ăn của bọn họ... thấy tội nghiệp nên lâu lâu mẹ mới cho nó chút đồ ăn và quần áo, mẹ làm vậy là để cho con có được cuộc đời tốt đẹp về sau...

- Con chuột nào?

- Nơi họ ở có nhiều chuột lắm, mấy con chuột cắn phá đồ ăn và tất cả mọi thứ ở đó... má thằng Mễ phải gói đồ ăn trong bao giấy rồi cất vào hộp cho chuột khỏi thấy... vậy mà tội nó có tha cho mẹ con họ đâu!

- Chuột gì mà dữ vậy mẹ! Sao không bắt nó?
- Họ có biết làm đâu... chuột sống lâu hung dữ lắm. Con thấy tội nghiệp họ không? Buổi tối họ không có điện phải thấp nến mà xài, chỉ có thằng Mễ ở đó một mình vì mẹ nó đi làm về rất khuya...

Bà Hoa vận dụng trí óc, moi móc những gì hay ho để nói cho thằng con bà hiểu mà bớt ghét thằng Mễ. Sau cùng chợt bà nghĩ ra một cách. Bà cười:

- À, thằng Mễ nói với mẹ là mấy đứa trong lớp khen con đẹp trai, thông minh... nhiều đứa thích được chơi với con lắm, đúng không?

- Nó nói vậy thật à?

Thằng Mễ chỉ nói với bà Hoa là “thằng Tim giỏi lại đẹp trai”, còn mấy điều kia do bà tự thêm thắt, khiến cho thằng Tim cảm thấy thoải mái tự ái... Nó cũng còn con nít, cứ tưởng thằng Mễ ghét nó sẽ nói xấu sau lưng, ai dè đâu nó lại tôn vinh mình!

Con nít dễ tin, thế là thằng Tim đã bớt ghét thằng Mễ. Nó nói với mẹ:

- Hôm nay vô trường con đã đánh nó một trận vì dám mặc quần áo của con...
- Trời đất ơi, sao con lại làm thế! Rồi sao?
- Thì nó hứa là từ nay sẽ không dám vậy nữa, sẽ trả lại hết cho con... nhưng khi nào nó về con sẽ qua nhà nó mẹ à!

- Cái gì, qua gây sự tiếp sao? áo quần là mẹ cho nó cơ mà! Con làm vậy là sai rồi, xấu hổ mẹ đó!

- Không, con qua để giúp nó bắt chuột! Cặp mắt bà Hoa rạng rỡ trong sự ngạc nhiên:

- Thiệt hả con... tốt quá... mình thương nó thì trời sẽ thương mình con ạ.
- Con không thương nó mà vì ghét mấy con chuột... giờ con ra sau tìm cái hộp đựng bẫy chuột, mẹ lấy sẵn cho con vài miếng “cheese”. Nếu con không bắt, sợ sau này tội nó chạy qua nhà mình!

Thế là chiều đó Tim qua bên kia. Hai thằng làm hoà với nhau, chúng cùng đặt bẫy chuột. Thằng Mễ nghe lời thằng Tim răm rắp, hơn hờ ra mặt vì thấy thằng Tim giúp mình.

Bà Hoa cũng vui mừng không kém, bà có ngờ đâu là con bà vẫn hoàn toàn không thích thằng Mễ. Nhưng miễn là nó không phản đối, thì cũng dễ dàng hơn cho bà Hoa trong việc giúp hai mẹ con Mễ rất nhiều.

Hai đứa trẻ lui cui làm việc với nhau, sau đó để cho con chuột dễ dàng ra tìm miếng ăn ở cái bẫy, Tim rủ Mễ qua nhà mình làm “homework” rồi ăn tối luôn.

Ở trong bếp, bà Hoa đang nấu món spaghetti cho chồng con. Ông chồng bà cũng thích món này. Bà vừa làm vừa nghĩ thầm: “Thì ra dụ con nít biết thương yêu nhau đâu có khó, chỉ cần rỉ tai với thằng khó chịu là đứa kia thần

tượng, cảm phục nó, thế là thoả mãn ngay”...

Tối hôm đó ông Hoa ngạc nhiên khi thấy có thêm thằng Mễ ngồi lù lù ở bàn ăn. Ông đưa mắt nhìn thằng Tim, thì thấy con mình đang chỉ cách cho thằng kia bỏ thêm chesse và ớt vào ăn sẽ ngon hơn.

- Hai đứa chơi với nhau rồi à?

Ông hỏi con bằng tiếng Việt, thằng Tim trả lời:

- Dạ không, con chỉ cho nó cách bắt chuột và giúp nó làm bầy... Nó cảm ơn lia lịa!

- Vậy tốt.

Thằng Mễ không hiểu gì cũng gật gật cái đầu. Bà Hoa góp lời:

- Để ăn cơm xong, mẹ tìm cái mừng hời xưa mẹ mang theo cho nhà nó mượn. Ngủ ở đó nhà không có vách chắc muỗi mòng cũng nhiều, cho nó an toàn.

- Chút nữa con sẽ qua đó chỉ cho nó cách giảng mừng.

- Sao con biết được? Con có ngủ mừng bao giờ đâu?

- Có chứ, mẹ quên mau quá... hồi năm ngoái mình về thăm bà ngoại ở Việt Nam có ngủ mừng mà? Mẹ chỉ cho con chứ ai.

- Ờ há... vậy mà mẹ quên. Nếu có con giúp thì mẹ khoẻ lắm. Cảm ơn con nhá... Con trai yêu nhất của mẹ cái gì cũng biết...

Nghe thấy mẹ nói cu Tim hài lòng, làm như mình là một người hùng không bằng.

Cơm nước xong, hai đứa ngồi chơi game một lát, thằng Tim lại phải chỉ cho thằng Mễ cách thức chơi. Thằng này mẹ nó nghèo nên nó đâu có máy móc gì để chơi thường xuyên, chỉ coi TV hay là chơi chút game ở thư viện nhà trường là tốt lắm rồi.

Thấy vậy bố nó gật gù:

- Tim biết không, có một bà mẹ người Mỹ Đen nghèo khổ, nhưng bà đã nuôi dạy năm đứa con của mình thành tài, tội nó không được chơi game hay đụng đến computer sau giờ học... vậy mà giờ đứa nào cũng giỏi giang, ra trường làm chức vụ lớn, rất biết ơn mẹ chúng nó... Vậy cho nên bố thấy ít chơi game lại là tốt.

Thằng Tim có vẻ hơi bất mãn khi ba nó nói câu đó. Khi ấy, nó đã định cho thằng Mễ một cái game cũ, nhưng giờ nó lại ngần ngừ, nó thấy bố mẹ nó sao hay khen thằng Mễ mà không khi nào khen nó cả, chỉ nói nịnh nó thôi! Tim đứng lên kêu thằng Mễ đi về bên kia, thì bà Hoa kéo thằng con lại:

- Khoan đã, chỉ cho mẹ vào chơi Facebook đi con...

- Mẹ hỏi bố đi, con không biết!

Nói xong hai thằng dọt lẹ. Thằng Mễ ôm cái mừng bà Hoa cho mượn chạy theo thằng Tim. Bà Hoa cũng đứng lên tìm đôi dép để qua bên đó coi giúp. Bất

bóng điện lên, hai thằng hết hồn khi thấy mấy con chuột bị kẹp chết trong bẫy... Mẹ thằng Mễ chắc lại đi kiếm việc làm...

- Thành công rồi! Tớ đã nói chuột nó thích ăn “cheese” lắm...

Bà Hoa vào đến khi hai đứa ngồi gỡ mấy con chuột chết đem dục thùng rác, rồi tiếp tục làm mấy cái bẫy khác. Sau đó bà bắt chúng rửa tay rồi móc mùng.

- Mày ngủ trong này không sợ muỗi độc chích. Treo như vậy nè, bốn góc mùng có bốn sợi giây, cột vào cây đinh treo cho thẳng lên cả bốn phía, thế là chui vào ngủ.

Lúc ấy bên ngoài nghe tiếng xe dừng lại, rồi có hai người đàn ông tiến vào, nói với thằng Mễ:

- Mẹ cháu bảo bác đến đây đón cháu đi...

Thằng Mễ ngơ ngác nhìn quanh như tìm mẹ, miệng méo xệch đi, trong lúc đó mẹ con bà Hoa vô tình thấy bóng của mẹ nó trốn ở một góc khuất nhìn ra, bà ta đang chảy nước mắt ròng ròng...

Mặc cho thằng Mễ trì kéo nói muốn đợi mẹ nó về, nhưng hai người Mỹ vẫn lôi nó ra ngoài, với những lời ôn tồn giải thích... Khi chiếc xe đã chạy đi, nhìn lại chỗ trốn của bà Mễ, thì bà Hoa không còn thấy bóng bà ta nữa!

Hai mẹ con bà Hoa trở về nhà lòng hụt hẫng... Kể lại cho chồng nghe về chuyện mẹ con thằng Mễ, ông Hoa nói:

- Không phải ở Mỹ mà sướng đâu...

Tin tức nói cho biết mỗi ngày có hơn 20 ngàn đứa trẻ ở lậu, bị chết đói... trên toàn thế giới! Hoàn cảnh thật đáng thương...

Càng buồn hơn khi bà nghe thằng Tim thốt lên câu:

- Tội nghiệp thằng Mễ!

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)



TƠ TÌNH VƯƠNG VẤN

*Khi tình đã lìa xa
Mênh mang tràn bóng tối
Nhặt nhòa dấu yêu xa
Rồi sầu thương bối rối*

*Đường xưa dù quên lối
Chốn cũ vẫn đợi chờ
Tơ tình vương trăm mối
Huyền mộng chót vu vơ*

*Lời xưa nương cánh gió
Lang thang cuối chân trời
Còn chập chờn đâu đó
Để xót xa cuộc đời*

*Tình hờ ta lỡ nhận
mây lãng đãng về ngàn
Để mộng ước phù vân
Để đau đớn vô vàn.*

QUỲNH ANH

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:



BIÊN KHẢO GIA NGUYỄN VĂN NHIỆM

Sinh ngày 25-01-1943 tại Long Điền, tỉnh Phước Tuy (Bà Rịa)
Qua đời ngày 4-7-2019 tại Spaichingen, Cộng hòa liên bang Đức

Hưởng thọ: 77 tuổi

Cựu học sinh Trường Tiểu Học Bà Rịa (1951-1956), Trường Trung Học Châu Văn Tiếp - Bà Rịa (1956-1963), Cựu sinh viên Đại Học Khoa Học Sài Gòn (1963-1967), Cựu giáo sư Trung Học Đệ Nhị Cấp Bán Công Huỳnh Tịnh Của - Bà Rịa (1967-1969), Cựu sinh viên Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức (Khóa 3/69), Cựu Sĩ Quan Quân Lực VNCH (1969-1975).
Đã trải qua các trại tù Cộng Sản: Xuân Lộc, Long Bình, Văn Chân, Yên Bái, Tân Kỳ (1975-1981)

Tác phẩm đã xuất bản:
Đường vào Triết học Việt Nam (2008)
Ca Dao - Con đường văn hóa Việt (2013)

*Nguyện cầu hương linh Ông NGUYỄN VĂN NHIỆM
sớm được tiêu điều nơi miền cực lạc.
Xin thành kính phân ưu cùng bà quả phụ Nguyễn Thị Tư
và toàn thể tang quyến*

Ban Điều Hành Cơ Sở Có Thơm và một số văn thi hữu:
Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Đỗ Trảng Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung,
Trương Anh Thụy, Phong Thu, Vũ Nam, Nguyễn Quý Đại, Đỗ Bình ...

Kiếp Mộng Đời

(Xin gởi lời chia buồn cùng thân quyến gia đình anh Nhiệm.
Mong chúc anh Nhiệm mãi là những phúc hạnh an bình
nơi miền sáng Tịnh Độ)

*chiều tiễn vợi dưới cơn mưa mờ gió
nhìn thấy đời trên hai chữ Đến Đi
một kiếp người như cánh hoa trước ngõ
hạt rơi nhòa tiếc nuối để mà chi*

*ước mơ xưa xin một lần hẹn cuối
vòng tay yêu để mở cửa chia phôi
lời giã biệt giữa biển đời trơ trụi
rồi ngày mai dấu mặt khóc lẻ loi*

*kỷ niệm đầy như dòng sông mơ ảo
đưa sóng buồn về lại đất quê hương
ngày chia tay, nắng mưa còn trên áo
chợt trở về cùng bụi cát vấn vương*

*dĩ vãng sâu đã là điều xa vợi
tình cho nhau vẫn muôn thuở bình bồng
gió trên vai thổi hoài cơn đau nhớ
thoáng dật dờ chợt Có để mà Không*

*sông biển vui vỗ vào bờ mệt mỏi
yêu muộn màng cũng là bến u mê
ráng rữ sạch những gì đang buộc trói
cho thánh thang đường mộng trước nẻo về*

*bóng hàng cây nhìn theo ngày nở vợi
lá hoa xinh cũng rơi xuống dịu dàng
rồi chợt tỉnh dưới nắng chiều hư dối
bước đi qua thánh thót mảnh địa đàng*



Trường Đình

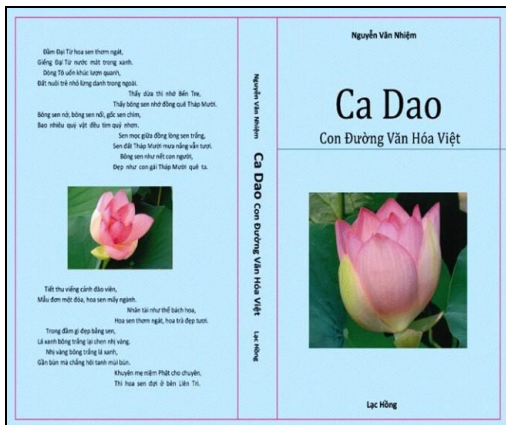
UK, sương mù già 2019

SỬ MỆNH VIỆT QUA CA DAO

Trích từ “Ca Dao, Con Đường Văn Hóa Việt”

(Đã đăng trong tạp chí Cỏ Thơm số 60 - tháng 9 năm 2012)

**** Nguyễn Văn Nhiệm ****



Do chính sách đồng hóa khắc nghiệt trong thời gian dài trên ngàn năm Bắc thuộc của đế quốc phong kiến Tàu, văn hóa Việt truyền thống phải tìm cách ẩn mình qua những hình thức truyền khẩu như ca dao, truyện cổ, huyền thoại ngắn gọn với nhiều hình ảnh biểu tượng, ẩn dụ. Trong khi đó, giới hủ Nho chịu ảnh hưởng lâu đời văn hóa nô dịch, coi khinh ca dao dân tộc qua câu: “*Nôm na mách qué*”. Đến như Vua Tự Đức mà còn không thừa nhận giá trị của huyền thoại và đã phê bình huyền thoại là “*ma trâu thần rắn*” thì nói chi đến thời văn minh vật chất, duy lý, duy vật về sau. Những người theo quan điểm duy kiến phủ nhận giá trị của huyền sử, còn những người theo quan điểm triết học duy lý Tây học thì chuộng lý luận phân minh, những bản văn mạch lạc, **SỐ 85**

chứ không chịu để ý đến những tư tưởng uyên nguyên cô đọng bằng nguyên ngôn của ca dao, hay sơ nguyên tượng của truyện cổ, huyền thoại. Chưa khai quật được kho tàng văn hóa truyền thống Việt thì vận mệnh đất nước bấp bênh, dễ bị lôi cuốn, bị đồng hóa, không bao giờ xác định được sử mệnh của dân tộc.

Ở đây, trên “*Con đường văn hóa Việt*”, lịch sử và sử mệnh được trình bày qua ca dao, là tiếng nói của dân gian phản ánh những tư tưởng uyên nguyên từ tiềm thức cộng đồng của dân tộc, cho thấy sử mệnh đã có từ lâu rồi. Những sự kiện được ca dao nêu lên thường có ẩn tượng sâu sắc vì nó là nguồn cảm hứng thật sự của những thi sĩ bình dân. Ngay những truyện tích, truyện cổ, thường người ta cho rằng rời rạc, ầy vầy mà có những truyện rất sâu sắc, ví dụ truyện “*Con cóc là cậu ông Trời*”:

Xưa, có năm Trời làm hạn hán đã lâu, mọi loài không có nước nhao nhao muốn làm loạn. Có con cóc tức giận quyết lên tận Trời hỏi cho ra lẽ. Cùng đi có ong vẽ, gà, cọp.

Lên đến cửa nhà Trời, cóc liền nhảy vào trước. Cóc thấy Trời đang ngồi đánh tổ tôm với mấy ông Tiên, cóc phùng mang trợn mắt, nhảy ngay vào giữa đĩa nọc ngồi chồm hổm. Trời thấy vậy, giận lắm, thét lên, ra lệnh cho lính ra đánh cóc. Cóc ra hiệu cho ong vẽ bay vào

chích. Lính đau bỏ chạy tán loạn. Rồi Thần Sấm, Thần Sét được lệnh, bèn gầm thét thị uy. Gà liền nhảy vào mổ, Sấm, Sét cũng bỏ chạy. Trời càng tức giận, truyền cho Thần Thiên Cầu xông vào sửa chữa lung tung. Cọp liền nhảy vào vùng móng vuốt, Thần Thiên Cầu chạy trốn chết. Tới đây, Trời đành chịu phép, xuống nước nhỏ nhẹ và thỏa mãn yêu sách của cóc. Trời bèn gọi Thần Vũ Sứ lo việc làm mưa cho kịp thời. Trời cam kết làm đúng, bọn cóc mới chịu về. Quả thật ngày hôm ấy và mấy ngày sau đó, trời mưa đều đặn.

Trời mê đánh tổ tôm bỏ phế chăm sóc việc trần gian là trái Đạo, vì đã làm mất mối giao hòa Trời-Đất tự căn cơ. Truyện tuy đơn giản, nhưng lại là cái đơn giản chứa sơ nguyên tượng Trời-Đất cho nên vượt thời gian. Cóc là hình ảnh người dân, Trời là hình ảnh triều đình, nhà cầm quyền. “*Con cóc là cậu ông Trời*”, nghĩa là cóc quý hơn Trời, dân quý hơn vua, hơn nhà cầm quyền. “*Con cóc là cậu nhà Nho*”, cóc đã quý hơn Trời thì đương nhiên quý hơn nhà Nho, nghĩa là dân quý hơn quan, cho nên mới có câu: “*Quan nhất thời, dân vạn đại*”.

Trời quả thật không bằng cóc vì không tự giác làm tròn chức năng của mình. Giả sử cóc cứ ngồi trong hang, thấp cổ bé miệng không kêu thấu đến Trời thì chỉ chết khô. Hoặc giả cóc đi một mình đến cửa Trời thì cũng bị bọn lính nhà Trời xua đuổi, Thiên Lôi đập dẹp lép như con tép, rồi còn bị Thiên Cầu xé xác. Nói là Thiên Cầu cho ra phong cách nhà Trời chứ theo nhận xét của cóc thì chúng chỉ

là loài chó có khác gì ở trần gian, chỉ chờ chực lệnh Trời rồi cắn bậy sửa chữa, gặm cạp thứ thiệt rừng Châu Pha thì riu riu cụp đuôi. Cóc khôn ngoan, biết giá trị của sự hợp quần gây sức mạnh, biết rõ cái thế, cái thời cơ, nên Trời cũng phải chịu thua. Cóc tuy nhỏ, mà thật không nhỏ chút nào, cóc đã buộc Trời phải làm đúng sứ mệnh của mình là *Thiên mệnh*, như vậy, cóc đã vạch ra được *Sứ mệnh* cho mình và đồng loại rồi chứ còn gì nữa.

“*Con cháu Rồng Tiên*” đã trở thành biểu tượng cao quý về nguồn gốc, dòng giống của dân tộc. Biểu tượng đó đã nói lên cái nguyên lý uyên nguyên của Đạo Việt là nguyên lý Âm Dương lưỡng hợp thái hòa. Rồi cái *bọc Trăm trứng*, biểu tượng cho nhóm *Bách Việt*, đã ghi ấn dấu trong ngôn ngữ mà cho mãi tới bây giờ khắp mọi miền đất nước ai cũng biết là chữ *đồng bào*, để chỉ những con người cùng một bọc mà ra. Đây là chữ rất thường dùng đối với các chính khách trong những lời kêu gọi: “*Hỡi quốc dân đồng bào!*”

Nòi Rồng, giống Tiên tương sinh, tương khắc, cho nên có sum họp thì cũng có lúc phân ly. Nhưng ngay liền sau đó lại vang lên lời kêu gọi tha thiết từ tình nghĩa thâm sâu: “*Dù cho lên núi, xuống nước, nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau...*” và để rồi “*gặp nhau nơi Tương Dã*” (Truyện Hồng Bàng Thị). Chữ *Tương* (Tương Dã) là nét đặc trưng của Triết lý lưỡng hợp thái hòa.

Truyện bánh dày bánh chưng đưa đến câu phương ngôn: “*Mẹ tròn con vuông*” đã đi vào huyền sử. Vuông tròn là

hình tượng biểu thị Đất Trời, nguyên lý Âm Dương lưỡng hợp. Lang Liêu đã thấu hiểu Đạo Việt, có khả năng mang lý tưởng vào cuộc sống hiện thực, thể hiện Đạo Trung Hiếu, đem lại cảnh Thái Hòa cho muôn dân. Cho nên trong cuộc thi gia chánh thời Hùng để chọn người kế nghiệp, Lang Liêu xứng đáng được truyền ngôi. Chọn người kế nghiệp như vậy là truyền Hiền theo đường lối nhân trị rất lý tưởng.

Đến đời Hùng Vương 18, Sơn Tinh, Thủy Tinh xung khắc cực độ, nguyên lý lưỡng hợp thái hòa không còn được trân trọng nữa, khiến triều Hùng đến sụp đổ hoàn toàn.

Dưới triều Thục Phán An Dương Vương, do âm mưu chính trị bất chánh của Triệu Đà, Trọng Thủy đánh tráo lấy nữ thần gây ra thảm cảnh: My Châu bị cha chém, Trọng Thủy nhảy xuống giếng tự tử. Âm dương chia cách từ đây. Tình yêu hóa thành căm hờn:

*“Căm hờn giếng ngọc tràn đầy,
Máu pha thành lũy, ngàn cây bóng tà.”*

Tương truyền rằng máu của My Châu chảy xuống nước, những con trai ăn vào hóa thành ngọc. Đem ngọc ấy đến rửa với nước giếng, nơi Trọng thủy trầm mình thì sắc ngọc trở nên rực rỡ.

Từ đó trở về sau, nước Việt Nam còn trải qua nhiều lần phân chia: mười hai sứ quân, Nam Bắc triều, Trịnh Nguyễn phân tranh. Thời kỳ này kéo dài khiến dân tình thật là khốn khổ, đất nước kiệt quệ, cho nên ca dao kêu gọi:

*“Khôn ngoan đối đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.”*

Tệ hại hơn nữa, những kẻ vì quyền lợi cá nhân hay dòng tộc, bè đảng cam tâm rước ngoại nhân về dày xéo Tổ quốc như Trần Di Ái, Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống ... để tiếng xấu muôn đời. Về điều này, tục ngữ có câu:

“Rước voi dầy mả Tổ “

“Cổng rắn cắn gà nhà “

Ca dao cũng chỉ cho thấy cái nguyên nhân phản quốc trên là do căn bệnh lú lẫn, bả danh lợi:

*“Thương ai chân giả không phân,
Mà đem danh lợi cách ngăn đồng bào.”*

Lấy nữ thần được đặc chế từ móng rùa thần, là biểu tượng tinh hoa văn hóa Việt, Đạo lưỡng hợp thái hòa. Từ khi lấy nữ thần bị tráo, văn hóa ngoại lại nô dịch tràn ngập, giếng ngọc bỏ hoang cho rêu phủ, cho nên vận nước long đong, hết nạn ngoại xâm đến nội chiến, hết nội chiến lại đến ngoại xâm. Đạo đã hỏng, đất nước như con tàu thiếu la bàn, người ta đã quên hết lời dạy của Tổ tiên là: *“Gặp nhau nơi Tương Giã “*. Gặp gỡ làm sao được khi đã quên mất chữ *Tương*, cứ một chiều mà đi. Ca dao là tiếng nói từ tiềm thức cộng đồng thâm sâu của dân tộc, tiết lộ chân lý uyên nguyên, mà ít ai chịu để ý:

*“Phượng hoàng chắt cánh đuổi đi,
Bắt con bìm bịp đem về mà nuôi.”*

Hết Tàu rồi lại đến Tây, thời nào cũng đều rước cái văn hóa một chiều bên ngoài vào, chỉ loanh quanh ở vòng ngoài *đầy mâu thuẫn*, mà thiếu *chiều sâu tâm linh thông hội*, cho nên chỉ chạy theo danh lợi, bỏ đường Trung nghĩa:

*“Góm thay thời buổi Tây Tàu,
Bỏ đường trung nghĩa, ham cầu lợi danh.”*

Dĩ nhiên đây cũng là chủ trương văn hóa nô dịch của đế quốc nhằm tiêu diệt ý thức độc lập dân tộc, tạo ra tầng lớp nô lệ dễ dễ thống trị và đồng hóa.

Nho giáo cho đến thời vua Tự Đức mà thực chất là Hán Nho đã cạn kiệt sức sống, vì chỉ chuộng hình thức, thiếu chiều sâu tâm linh, mất hẳn tính lưỡng hợp thái hòa truyền thống Đạo Việt. Hai câu chót trong bài thơ “*Thú nhàn*” của Cao Bá Quát, một nhà Nho bất đắc chí thời này đã nói lên tình cảnh đó:

*“ Quân bắt kiến Hoàng Hà chi thủy,
Thiên thượng lai, bôn lưu đảo hải bất phục hồi*.*

Làm chi cho mệt một đời.”

(Anh không thấy nước sông Hoàng Hà, từ trời rơi xuống, chảy tuôn ra biển không quay trở lại)

Tác giả phát biểu một hiện tượng thuộc vật lý không đúng với sự thật, rồi lại đi đến kết luận tiêu cực, chán đời. Tại sao? Xin thưa là ở chỗ *không quay trở lại*, nghĩa là chỉ biết có một chiều. Đánh rằng:

*“ Thời giờ thấm thoát thoi đưa,
Nó đi đi mãi không chờ đợi ai.”*

Nhưng đặc tính của thế giới hiện tượng là cứ đi rồi lại quay trở lại tuần hoàn theo nghĩa tương đối, chứ không theo đường thẳng.

Trong khi giới Nho sĩ (ngoại trừ rất hiếm những bậc đại Nho) khư khư ôm cứng giáo điều “*Nam nữ thụ thụ bất thân*” thì người bình dân có thái độ như thế nào? Hãy nghe cuộc đối đáp sau đây của đôi nam nữ:

*“Tiếng anh ăn học cợt trào,
Chị dâu té giếng anh nắm chỗ nào kéo lên?”*

1- *Nắm đầu thì sợ tội trời,
Nắm ngang khúc giữa sợ lời thế gian.
Giếng sâu anh phải thông thang,
Kéo chị dâu lên đừng kéo chết oan linh hồn.”*

2- *Nắm đầu thì khổ
Nắm cổ lại không nên
Nắm chân tay thì lỗi niềm huynh đệ
Vậy anh cứ ‘bớ làng’ là hơn.”*

Đến khi Pháp đặt nền móng đô hộ thì nền văn minh cơ khí, vật chất tràn vào Việt Nam, lại có cuộc đối đáp phản ảnh khuynh hướng nghiêng về ích dụng vật chất:

*“ Thấy anh hay chữ, em hỏi thử đôi lời,
Thằng Tây nó giăng dây thép giữa trời
làm chi?*

*- Tây giăng dây thép giữa trời,
Chờ anh có việc trao lời em hay.”*

*“ Thằng Tây ngồi nghĩ cũng tài,
Sinh ra đèn máy thấp hoài năm canh.
Thằng Tây ngồi nghĩ cũng sành,
Sinh ra tàu điện chạy quanh phố phường.
‘La ga’ thì ở Thụy Chương,
Dây đồng cột sắt tìm đường kéo lên.
Bồi bếp cho chí bồi bàn,
Chạy tiền ký cược đi làm sơ-vơ.
Xưa nay có thể bao giờ,
Có cái tàu điện đứng chờ ngã ba.
Đàn ông cho chí đàn bà,
Hễ tàu vừa đến lấy đà nhảy lên.
Ba xu ghé ghế rẽ tiền,
Năm xu ngồi ghế đệm bông.
Hỏi mình có sướng hay không hờ mình?”*

Cơ khí thì sanh ra cơ tâm, nền văn minh vật chất của Tây phương xem ra hấp dẫn, nhưng xét về văn hóa thì triết học duy lý nhị nguyên chọn một bỏ một, rồi duy vật cũng không ra ngoài luận lý hình thức này, cho nên càng thiếu phần tâm linh, là yếu tố giúp con người thăng tiến theo hướng *thành Nhân*. Cho nên con người lâm vào cảnh *vong thân* trầm trọng:
“Bỏ đường trung nghĩa, ham cầu lợi danh”

Lịch sử Việt Nam là lịch sử đấu tranh toàn diện, đấu tranh với thiên nhiên, đấu tranh chống giặc ngoại xâm, đấu tranh cho tự do, độc lập về chính trị cũng như văn hóa, thứ văn hóa có *minh triết “vuông tròn”* làm định hướng cân đối. *Vuông* xây dựng đời sống vật chất, nay được tăng cường bằng khoa học kỹ thuật, trong khi vẫn duy trì và phát huy truyền thống tâm linh (*tròn*), cho nên *cơ khí hóa* công nghiệp để phục vụ nhân sinh *mà không sợ bị cơ tâm hóa*.

Nếu thừa nhận tính “*bất phục hồi*” như Cao Bá Quát thì đương nhiên phủ nhận tính tuần hoàn của Cổ Loa pháp xoắn ốc của Đạo Việt, Triết Việt. Nguyên lý tuần hoàn theo Cổ Loa pháp không lặp lại y nguyên một cách máy móc như theo chu kỳ ở mặt phẳng, nhưng ở đây thuộc lãnh vực không gian, nên nó bao hàm ý nghĩa lưỡng tính: vừa hằng, vừa chuyển. Hằng là vì những sự kiện với những đặc tính tương tự hình như tái diễn, nhưng lại trong một thời không khác, nghĩa là có chuyển. Chính vì vậy, người ta mới có thể học hỏi lịch sử, noi gương tốt, tránh điều xấu, rút kinh nghiệm và điều chỉnh hướng tiến. Như vậy những sự kiện lịch sử dù

SỐ 85

quan trọng như thế nào đi nữa, cũng chỉ được xem là một trong những cột mốc chỉ đường, chứ chưa phải là cái cùng đích, cho nên đừng để bị cột chặt vào đó (Cổ Loa pháp với đường biểu diễn hình sin sẽ được trình bày ở phần Việt lý chương cuối)

Những gương anh hùng dân tộc chống ngoại xâm, cứu dân, cứu nước, muôn đời được ghi ơn:

“Vững vàng tháp cổ ai xây?

Bên kia Thú Thiện, bên này Dương Long.

Nước sông trong dòng dâu bể,

Tiếng anh hùng tạc để nghìn thu.

Xa xa con én liệng mù,

Tầm long hồi chốn vân du đợi ngày.”

(Tháp Chàm, Thú Thiện, Dương Long ở Bình Khê, nơi có cuộc khởi nghĩa của Tây Sơn và về sau là khu kháng chiến của Mai Xuân Thưởng chống Pháp.)

Anh hùng không phải chỉ có nam nhi, mà cả nữ nhi cũng có mặt, nhiều khi còn đi tiên phong nữa như gương Hai Bà Trưng và Bà Triệu. Trong dân gian có châm ngôn: “*Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh*”

Và ca dao đã ca tụng phụ nữ như sau:

“Phấn son tô điểm sơn hà,

Làm cho rõ mặt đàn bà nước Nam.”

Câu nói lịch sử bất hủ của Bà Triệu là một trong những ngọn đuốc soi sáng và hâm nóng dòng sử mệnh muôn đời, là tấm gương cho hậu thế: “*Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tròng kình ở biển Đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối, chứ không thèm bắt chước người đời cúi đầu còng lưng làm tì thiếp cho người ta.*” (Việt Sử Tân Biên- Phạm Văn Sơn)

Ngược lại, cũng có những kẻ theo chân đế quốc, rước giặc về giày xéo quê hương, sát hại đồng bào để tiếng xấu mãi mãi về sau. Những hành vi nhơ nhuốc đó, ca dao ghi là:

“ *Cống rắn cắn gà nhà* “

“ *Rước voi giày má tổ* “

Thế hệ trẻ *học lịch sử với ý thức sử mệnh* trước hết là noi gương anh hùng, liệt nữ, duy trì và phát huy Tính Việt, sau đó là tránh và ngăn ngừa mầm mống phản dân, hại nước.

Người ta thường hay nói: “ *Lịch sử luôn luôn tái diễn* “, cho nên mọi công dân phải học hỏi lịch sử để rút kinh nghiệm mà đấu tranh, hành động sao cho sử mệnh không trở thành định mệnh nghiệt ngã. Nạn ngoại xâm là quốc nạn, hết Tàu đến Tây, hết Tây lại đến Tàu. Trong những giai đoạn không may này của dòng sử mệnh, thường xảy ra những “ *chuyện lạ đời* ”.

“ *Chuyện đâu có chuyện lạ đời,
Quân đi theo giặc bắt người lành ngay.
Nghìn năm nhớ mãi nhục này,
Theo Tây được thả, đánh Tây bị tù.* ”

Đó là thiếu số ham bã lợi danh theo giặc, còn đại đa số giữ lòng trung nghĩa, chính trực, không nao núng, ngã lòng:

“ *Chớ dung kẻ gian, chớ oan người ngay,
Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.* ”

“ *Chẳng lo đuổi hổ săn hươu
Rồng còn uốn khúc ở ao đợi thi
Kinh nghệ vui thú kinh nghệ,
Tép tôm thì lại vui bề tép tôm.
Xem loài bán hổ buôn hùm,
Thấy mỗi như trĩ bởi tham mắc dò...* ”

Đất nước có địa hình “ *rồng uốn khúc* “ là đất nước có nhiều anh hùng, liệt nữ, cho nên có thuyết “ *Địa linh nhân kiệt* “ từ thời Định Không, La Bảo để củng cố, nêu cao hào khí cho dân tộc thì liền bị Cao Biền ra tay trấn yểm. Thật ra, đó chỉ là mặt trận chiến tranh tâm lý nhằm đè bẹp ý chí quật cường và ý thức tự chủ của dân ta để dọn đường cho tham vọng xâm lược lâu dài của đế quốc, gây ra bao nỗi thống khổ, chia ly:

“ *Cao Biền ơi hỡi Cao Biền,
Biền cao chi lắm cho phiền lòng ta
Bức tường giăng cách ly xa,
Chàng Nam thiếp Bắc kêu la thấu trời.* ”

Tương truyền rằng Cao Biền theo lệnh vua Đường sang nước Nam (865) tìm phá các thế đất có long mạch. Biền cỡi diều vẽ bằng bút phù phép bay đi khắp nơi để thực hiện mưu gian. Dân chúng oán hận. Do gấp rút, âm binh do Biền làm phù phép sai khiến còn non nớt, nên mọi mưu gian không thành. Do đấy mà có ca dao như sau:

“ *Lò rò như cua bò đất cát
Lầy bẫy như Cao Biền dẫy non.* ”

Lại cũng có ca dao:

“ *Bước chân lên đèo Cả
Thấy mã ông Cao Biền
Có đôi chim hạc
đang chuyển nhành mai.* ”

Mã ở đây là mã giả, chứ thật ra Cao Biền khi thất bại, đã chạy về Tàu. Cho nên đất ở đèo Cả vẫn là đất lành, mà đã là đất lành thì chim hạc: “ *Có đôi chim hạc đang chuyển nhành mai.* ” (Chim hạc là vật biểu

của dòng giống Lạc Hồng, hoa mai là tiêu biểu cho người quân tử)

Nỗ lực của Cao Biền không có tác dụng, khí thiêng của nước Nam vẫn còn ghi nhận mãi về sau:

“ Ngó vô Linh Đồng mây mờ

Nhớ Mai nguyên soái dựng cờ đánh Tây

Sông Côn khi cạn khi đầy

Khí thiêng đất nước nơi này còn ghi.”

(Sông Côn chảy ra cửa Thị Nại ở Bình Định. Mai nguyên soái: Mai Xuân Thưởng khởi nghĩa chống Pháp)

Song song với công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, dân Việt còn phải vất vả chống thiên tai. Câu chuyện huyền thoại “ *Sơn Tinh, Thủy Tinh* “ cho thấy sự đấu tranh ấy rất cam go, dai dẳng:

“Ông tha mà bà chẳng tha

Đánh nhau một trận hăm ba tháng mười.”

(Ở Việt Nam vào khoảng 23 tháng mười hàng năm thường có bão lụt lớn)

Tục ngữ có nói: “ *Cái khó bó cái khôn* “ cho nên người Việt đã từ lâu biết thuật trị thủy: đê điều, dẫn thủy nhập điền, tưới tiêu.

Việc đê điều:

“ Cây cao chẳng quản gió lay

Đê cao chẳng quản nước sông tràn vào.”

“ Con chim xanh đậu nhánh đu đủ

Nhắc dân làng nhiệm vụ hộ đê

Quản chi công việc nặng nề

Cốt sao bảo vệ được đê vững vàng

Hộ đê có tổng có làng

Hộ đê đâu phải một làng mà thôi

Dù mưa dù nắng mặc trời

Làng trên xóm dưới người người quyết tâm

SỐ 85

Khó khăn cũng phải dần thân

Lo xong bổn phận công dân mỗi người.”

Việc tưới tiêu:

“ Trồng trâu thì phải khai mương

Làm trai hai vợ phải thương cho đồng.”

“ Thương em anh cũng muốn thương

Nước thì muốn chảy nhưng mương chẳng đào

Em về lo liệu thế nào

Để cho nước chảy lọt vào trong mương.”

“ Bí lên ba lá

Trách ba với má chưa chịu thả giàn

Tức mình bò dọc bò ngang

Trách hồng nhan vô duyên bạc phận

Duyên nợ ở gần sao chẳngặng xứng đôi.”

Thuật trị thủy, tưới tiêu là phần áp dụng của nguyên lý quân bình của Đạo thái hòa. Những cái lý lẽ ấy lại thường thấy trong ca dao pha lẫn với tình tự trai gái. Thuật trị thủy không phải chỉ có việc be bờ không thôi, mà còn gồm cả việc khai thông nữa, nếu không thì hãy coi chừng hiện tượng: “ *Tức nước vỡ bờ* ” như bài ca dao trên:

“Trách ba với má chưa chịu thả giàn

Tức mình bò dọc bò ngang “

Trong tình trạng “*ngăn sông cấm chợ* ” bất minh của vua quan, muốn nổi mối lương duyên thì phải bắc cầu thôi:

“ Anh về xẻ gỗ cho dày

Bắc cầu sông cái cho thầy mẹ sang

Thầy mẹ sang em cũng theo sang

Đò dọc quan cấm đò ngang không chèo.”

Nền Minh triết của Đạo Việt xây dựng trên *nguyên lý lưỡng hợp thái hòa Tiên-Rồng*, cho nên ngay từ buổi đầu của huyền sử, dù phải chia ly vì tương khắc, kẻ lên miền núi, người xuống vùng biển, nhưng lại có lời khuyên rằng nhớ gặp nhau nơi *Tương Dã*. Có đi thì phải có về mới là Đạo (luật tán-tụ)

Đi ra có cái lợi của việc đi ra, cho nên trong dân gian từ lâu đã có châm ngôn: *“Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.”* Nhưng đừng quá say mê cảnh đẹp quyến rũ của các loại kỳ hoa dị thảo mà quên lối về thì sẽ mất vợ như gương Đế Lai trong huyền sử. Cuộc ra đi của Nguyễn Hoàng là cuộc phân ly đau thương, nhưng lại mở ra thông lộ mới cho dòng sử mệnh tiến mạnh về hướng Nam với công cuộc khai phá những vùng đất mới đầy gian khổ, nguy hiểm. Đây là những vùng đất xa lạ không có người hoặc rất ít người ở, được mệnh danh là vùng “*ma thiêng nước độc*”, cho nên gia đình nào có người mạo hiểm đi khai phá, người thân cũng lo lắng:

“Hai tay bụm gạo vô nùng

Đồng Cam nước độc anh đừng ở lâu.”

Đồng Cam thuộc Phú Yên và Bình Thuận thời đó chính là vùng rừng sâu, nước độc, lại có rất nhiều muỗi gây ra bệnh sốt rét rừng chết người. Vì chưa có thuốc trừ sốt rét hữu hiệu, chưa có ý thức khoa học, cho nên người ta cho rằng nguyên nhân cái chết là do ma thiêng ở rừng gây ra. Ngoài ra trong rừng còn có cọp dữ nữa: *“Cọp Khánh Hòa, ma Bình Thuận.”* Đó chỉ mới là bước đầu trên con đường khai phá, càng đi sâu xuống phía Nam, còn có đĩa, cá sấu nữa cũng rất đáng ngại:

*“U Minh, Rạch Giá, Thị Quá, Sơn Trường
Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp đua.”*

“Chèo ghe sợ sấu cắn chân

Xuống bưng sợ đĩa, lên rừng sợ ma.”

Tuy nguy hiểm như vậy, nhưng công cuộc khai phá lại rất hứa hẹn cho tương lai ấm no, hạnh phúc, cho nên vẫn có hàng hàng lớp lớp người dân thân, mà ca dao còn ghi lại dấu tích ở nhân vật gọi là “*Ông Lữ*”:

“Cắm thương Ông Lữ dãi dầu,

Cái ve, cái bút, cái bầu sau lưng.”

“Chiều chiều Ông Lữ đi cày,

Trâu lồi gãy ách, khoan tay ngồi bờ.”

“Chiều chiều Ông Lữ đi câu,

Bà Lữ tát nước, con dâu đi mò.”

“Chiều chiều Ông Lữ đi câu,

Sấu ăn Ông Lữ chúi đầu xuống sông.”

“Chiều chiều Ông Lữ đi câu

Sấu ăn Ông Lữ biết đâu mà tìm.

Tìm vàng tìm bạc dễ tìm,

Tìm cha tìm mẹ khó tìm em ơi!”

Ra đi làm cuộc phiêu lưu là tán ra vòng ngoài để phong phú hóa bằng thân hóa sáng tạo (có thể tìm được vàng bạc), nhưng cũng đừng quên quay về nguồn tâm linh nội tại là trung tâm qui chiếu, là Tổ tiên, là quê hương nhất quán (Tìm cha tìm mẹ). Có nền tảng văn hóa dân tộc vững chắc thì khi giao lưu với những nền văn hóa lạ mới có ý nghĩa tích cực, mới có khả năng tiếp thu cái hay, loại trừ cái dở, nếu không sẽ có kết quả ngược lại.

Sử mệnh là vấn đề có liên quan đến quan niệm thời gian, con người và Tính mệnh, cho nên ngoài hình ảnh “ Con đường “ như ở “ Con đường văn hóa “, còn có thể lấy hình ảnh dòng sông để biểu tượng cho sử mệnh luôn luôn trôi chảy, biến động. Nhưng dòng sông thuộc nhiên giới, là cái đã an bài, mọi sự lưu chuyển theo dòng sông như vậy mà thiếu phần ý chí của con người thì hầu như có ý nghĩa định mệnh. Ca dao đưa ra hình ảnh con thuyền đi ngược xuôi trên dòng sông đó và còn có tác động tích cực của con người nữa, nào là “ chèo chống “, “đứng mũi, chịu sào “, “ lên thác, xuống ghềnh “. Con thuyền không những chỉ đi trên sông, mà còn qua hồ, biển nữa và hướng về một bến bờ:

“ Lênh đênh đã quá lênh đênh,
Chiếc thuyền đại hải dàng dênh giữa trời.”

“ Thuyền sao không chọn bến bờ,
Như khách thương hồ khi đến khi đi.”

“ Sông hồ một dải con con,
Gặp cơn sóng gió chớ non tay chèo.
Yêu nhau sinh tử cũng liều,
Thương nhau lận suốt, qua đèo có nhau.”

“Chớ thấy sóng cả mà lo,
Sóng cả mặc sóng chèo cho có chùng.
Làm người phải biết đắn đo,
Phải cân nặng nhẹ, phải dò nông sâu.”

“Chẳng giậm thì thuyền chẳng đi,
Giậm ra ván nát thuyền thì long đanh.
Đôi ta lên thác xuống ghềnh,
Em ra đứng mũi để anh chịu sào.

Sông Bờ, sông Mã, sông Thao,
Ba ngọn sông ấy đổ vào sông Gâm.”

“ Biển Thị Nại ùn ùn sóng giạt,
Đá Phương Mai khẳng khằng lòng trung.
Nước non là nước non chung,
Rửa thù non nước ta cùng phải lo.
Thuyền nhỏ gió to,
Anh đừng e ngại,
Anh chèo, em lái,
Cuối bãi đầu ghềnh,
Quản gì sóng gió lênh đênh,
Ngọn rau tấc đất miễn đền ơn nhau.”

“ Trên trời có sao Tua Rua,
Ở dưới hạ giới đang mùa chiến tranh.
Máu rơi thịt nát tan tành,
Máu trên đồng ruộng, mái tranh, bến đò.
Em thương dân tộc xin hò,
Hò rằng dân Việt phải lo giữ gìn.
Lạy Trời cho máu về tim,
Máu đừng chảy nữa
trên miền quê hương.”

Máu tỏa ra khắp châu thân để nuôi sống cơ thể, nhưng đừng để “ máu rơi thịt nát tan tành “, mà hãy giữ gìn “ cho máu về tim “ mới đúng là Đạo Việt hợp đủ ngoại nội, vừa thành công mà cũng thành nhân: chẳng những thành công ở lãnh vực xã hội, mà còn hướng dẫn con người càng ngày càng trở nên người hơn nữa, nghĩa là “ tận kỳ tính “, là đạt Tính thể con người.

Sau đây là vài điều phụ chú, bổ túc cho đề mục sử mệnh:

1- Nếu một dân tộc không có nền tảng văn hóa vững chắc thì sử mệnh của dân

tộc đó thật bấp bênh, không thể nào biết được nơi đâu sẽ là bến bờ, mà hoàn toàn bị cuốn hút theo chiều gió. Trường hợp Việt Nam sau trên một ngàn năm bị Tàu đô hộ mà vẫn giữ được bản sắc riêng của mình, vậy là phải nhờ có một nền tảng nào đó. Theo giáo sư Kim Định trong Việt Lý Tổ Nguyên thì Việt Nho gốc văn hóa nông nghiệp của Viêm Việt có tính triết lý Vương Đạo khác với Hán Nho về sau có pha trộn tính Đế Đạo. Cho nên thời Bắc thuộc, người Việt chống đế quốc Tàu quyết liệt về chính trị hơn là văn hóa. Họ chỉ chống phần văn hóa nô dịch xa lạ, còn phần tinh hoa của Nho giáo thì lại quen thuộc với Việt Nho tích lũy nơi tiềm thức.

Trong thời kỳ Tam giáo đồng nguyên, thời kỳ nước Đại Việt hoàn toàn tự chủ, sự tổng hợp ba nguồn tư tưởng lớn, mà thực ra chỉ là sự tổng hợp giữa Phật giáo (nguyên thủy) và Nho Việt, bởi vì Nho và Lão thật ra cũng cùng một gốc văn hóa nông nghiệp của Viêm Việt, Bách Việt, Lạc Việt cả. Trong sự tổng hợp này, một bên là Phật giáo với biểu tượng vòng tròn tâm linh (con rắn quấn tròn), một bên là Đạo Việt với biểu tượng vuông tròn (bánh chưng bánh dày) dung hợp cả vật chất lẫn tinh thần, đời và đạo. Kết quả của sự tổng hợp này đương nhiên giữ nguyên biểu tượng vuông tròn của truyền thống văn hóa dân tộc, nhưng phần tròn tâm linh được vun bồi thêm. Kết quả cụ thể là sự ra đời của Thiền phái Thảo Đường đời vua Lý Thánh Tông và Thiền phái Trúc Lâm đời vua Trần Nhân Tông. Sự khác biệt giữa hai Thiền phái ở chỗ Thiền phái Thảo Đường chủ yếu giành cho giới vua quan, còn Thiền phái Trúc Lâm thì chẳng những giành cho vua quan, mà

còn cho cả dân chúng nữa, trong phạm vi rộng lớn hơn. Như vậy là trong thời Tam giáo đồng nguyên, nước Đại Việt đã chủ trương và thực hiện phương châm: “*Nửa tu chân chính, nửa tề quốc gia*”.

2- Thử tìm hiểu ý nghĩa của sự đại đoàn kết qua hình ảnh con thuyền, biểu tượng cho sự mệnh: Chúng ta hãy hình dung có một chiếc thuyền đang lâm nguy, nghiêng hẳn về một bên, mọi người lại đổ xô về phía đó gọi là đoàn kết thì thuyền bị lật úp ngay, mà thật ra phải phân tán về phía đối diện để lấy lại quân bình. Tuy nhiên, sau khi thoát nguy, mà làm tưởng đây là nơi đáng qui tụ sự đoàn kết, lại cứ dồn tất cả về phía này thì cũng sẽ bị lâm nguy như phía bên kia. Như vậy sự đại đoàn kết chỉ có thể có được thực sự với những thế lực có quan điểm quân bình, chứ không với quan điểm cực đoan.

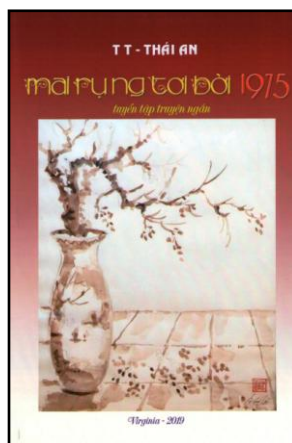
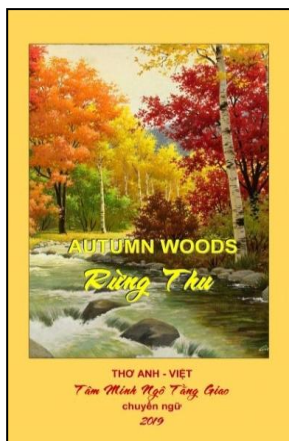
Thiền Sư Vạn Hạnh nói: “*Không lấy chỗ trụ để trụ, không nương vào chỗ không trụ để trụ.*”

“Không nương vào chỗ không trụ để trụ” thì đã quá rõ, đó là những phía cực đoan. Còn “Không lấy chỗ trụ để trụ” thì sao? Chỗ đáng trụ là chỗ Trung, tuy nhiên thế giới hiện tượng luôn luôn biến động, cho nên có mâu thuẫn, và khi mâu thuẫn phân hóa cực độ, mà vẫn cứ chấp cứng vào chỗ Trung đó, không biết quyền biến, vận dụng đối lập thì còn lâu mới có thể tái lập quân bình.

Tinh hoa Triết Việt là ở nguyên lý lưỡng hợp thái hòa, hướng về thế quân bình chứ không chủ trương nguyên lý đồng nhất, triệt tam.

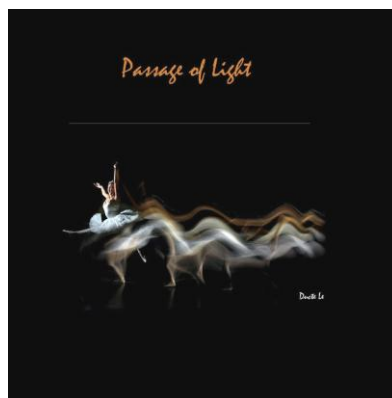
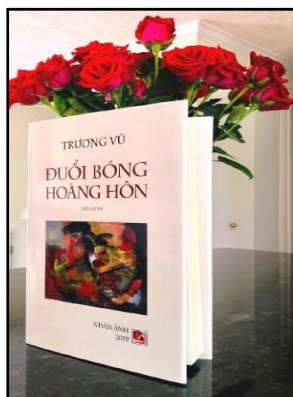
NGUYỄN VĂN NIỆM

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI



AUTUMN WOODS - RỪNG THU: 50 bài thơ chuyển ngữ Anh Việt của **Ngô Tăng Giao**
LIÊN LẠC: giaongo@msn.com; Ấn phí: \$ 20 (kể cả bưu phí)

MAI RỤNG TƠI BỜ 1975: Tuyển tập truyện ngắn của **T T- Thái An**
LIÊN LẠC: jadethai03@yahoo.com; Ấn phí: \$ 15 (kể cả bưu phí)



ĐUỔI BÓNG HOÀNG HÔN: Tập tiểu luận của **Trương Vũ**
LIÊN LẠC: sonhtruong2002@gmail.com

PASSAGE OF LIGHT: Tập ảnh nghệ thuật của **Lê Đức Tế, Trần Q. Hùng, Vũ Công Hiến**
LIÊN LẠC: leducte@gmail.com

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO

(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #): tới số (To issue #):

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM 4 SỐ BÁO CỎ THƠM, kể luôn cước phí media mail

PRICE OF 4 ISSUES, including media mail cost

Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

Trên Tạp Chí Cỏ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00

1 trang trong: US \$60.00

Trang trong bìa trước: US \$100.00

Trang trong bìa sau: US \$100.00

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về:

(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

9020 CARDIFF RD

RICHMOND, VIRGINIA 23236

USA

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO
LÀ ẮN NHÂN YẾM TRỢ TẠM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỎ THƠM.**



Bìa trước: Bình Hoa / Bìa sau: Ngày Ấy
Tranh sơn dầu của Họa sĩ THANH TRÍ Sacramento

